

*Chú giải Kinh Pháp Cú*  
(DHAMMAPADA-AṬṬHAKATHĀ)  
QUYỂN 4

**199** thiếu chú thích hình  
**296** thiếu câu Pàli

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO  
SAMMĀSAMBUDDHASSA**



**THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ ĐỨC THẾ TÔN,  
BẠC ỨNG CÚNG, ĐĂNG CHÁNH BIẾN TRI**

**THERAVĀDA**  
**PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY**  
**Bhadantācāriya BUDDHAGHOSA**

**Chú giải**

***Kinh Pháp Cú***

***Dhammapada-aṭṭhakathā***

***Quyển 4***

***Dịch giả***

**Trưởng lão PHÁP MINH**

- Kính dâng đến: Thầy Tô
- Kính Tri Ân đến: Các Bậc Ân Sư
- Kính dâng đến: Cha Mẹ
- Kính Tri Ân đến: Các Thiện Nam, Tín Nữ



*Với phần phước Thiện Pháp Thí thanh cao này.  
Xin nguyện làm nhân cho con đường đi đến*

***Giác Ngộ Giải Thoát.***



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

PL. 2556 \* DL. 2012



## XIII. PHẨM THẾ GIAN

### LOKA VAGGA



- 8 bài kệ: *Pháp cú 167-174*

- 7 tích truyện



### XIII. 1- VỊ TỖ KHƯU TRỂ

(*Hīnaṃ dhammāntī*)

#### KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 167)

**“Hīnaṃ dhammaṃ na seveyya,  
Pamādena na saṃvase;  
Micchādītṭhiṃ na seveyya,  
Na siyā lokavaḍḍhano.”**

**“Chớ theo pháp hạ liệt.  
Chớ sống mặc, buông lung;  
Chớ tin theo tà kiến,  
Chớ tăng trưởng tục trần.”**

(Ngài HT Minh Châu)

Kệ ngôn này Đức Bổn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, nhân đề cập đến vị Tỳ Khưu trẻ.

Tương truyền rằng? Có vị Trưởng Lão cùng với vị Tỳ Khưu trẻ thường đến nhà của Đại tín nữ Visākhā để thọ thực từ sáng sớm.

Nàng Visākhā hằng cúng dường cháo đến 500 vị Tỳ Khưu, khi Trưởng lão cùng với vị Tỳ Khưu trẻ dùng cháo xong, Ngài để vị ấy ở lại, còn mình thì đến nhà một gia chủ khác.

Bây giờ, cháu nội của bà Visākhā là người phục vụ chư Tăng, dâng nước lên chư Tăng. Cô cháu gái ấy đang lọc nước để dâng đến vị Tỳ Khưu trẻ, thấy gương mặt mình trong nước nên mỉm cười, vị Tỳ Khưu trẻ thấy nàng mỉm cười, ngỡ nàng ta mỉm cười mình, vị ấy cũng mỉm cười đáp trả. Thấy thế, nàng ta nói rằng:

- Người dứt đầu hay cười.

Cho rằng nàng miệt thị mình, vị Tỳ Khưu trẻ tức giận mắng nàng:

- Người cũng là kẻ dứt đầu, ngay đến cha mẹ người cũng là kẻ dứt đầu.

Cô ấy than khóc, đi mách với Bà Visākhā, nàng Visākhā hỏi rằng:

- Này con, việc chi mà khiến con sầu não như thế?

- Thưa nội! Vị Tỳ Khưu ấy đã mắng con.

Nàng thuật lại câu chuyện cho bà Visākhā nghe. Bà Visākhā đi đến bạch với vị Tỳ Khưu ấy rằng:

- Xin Ngài chớ nên giận, câu nói ấy chẳng phải là câu nói xúc phạm đến Ngài đâu. Vì rằng: Ngài là người có râu tóc đã cạo bỏ, có móng tay móng chân dứt, có y phục khác với y phục thế tục, Ngài là người cắt đứt đời sống tại gia rồi, sống giữa hội chúng đi khất thực để nuôi mạng.

- Thật vậy, này cận sự nữ, cô là người biết tôi là người có râu tóc cạo bỏ...nhưng cháu của cô đâu hiểu điều

đó, cô ấy đã mắng tôi là “*người đứt đầu*”, như thế có nên chắng?

Bà Visākhā không thể giảng hòa giữa cháu nội mình với vị Tỳ Khuu trẻ ấy. Khi ấy, vị Trưởng Lão trở lại, nghe câu chuyện cãi lậy như thế, hỏi rằng: “*này cận sự nữ, việc gì thế?*”

Được nghe lại mọi chuyện, vị Trưởng Lão bảo vị Tỳ Khuu trẻ rằng:

- Này Hiền giả! Ông hãy nhẫn nại đi, nữ nhân này không có mắng ông đâu, vì ông là người đã cạo bỏ râu tóc...nên nàng gọi ông là người đứt đầu thôi. Ông nên hiểu như thế đi.

- Đúng vậy, bạch Ngài! Nhưng Ngài hãy rầy la cô ấy đi, sao Ngài lại la rầy tôi. Nàng ấy nói tôi là kẻ đứt đầu như thế có nên chắng?

Thế là, câu chuyện hòa giải cũng không thành. Kế đến, Bậc Đạo Sư ngự đến tư gia của bà Visākhā, Ngài phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ Khuu! Việc gì thế?

Bà Visākhā bạch lại câu chuyện ấy. Bậc Đạo Sư quán thấy duyên lành Thánh Quả của vị Tỳ Khuu trẻ. Ngài suy nghĩ “*Ta nên chuẩn y cho y, khiến y bình tâm lại là việc tốt nhất*”. Suy nghĩ như thế Ngài phán dạy rằng:

- Này Visākhā! Cháu của người nói đệ tử của Như Lai là người đứt đầu, như thế có xứng đáng chắng? Tuy là nói với ý nghĩa cạo bỏ râu tóc...nhưng cũng chắng nên nói như thế.

Nghe vậy, vị Tỳ Khuu trẻ đứng dậy, chấp tay đánh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Ngài thông suốt mọi vấn đề, còn vị Trưởng Lão Tể Độ Sư của con cùng nàng Visākhā lại không thông suốt.

Đức Thế Tôn biết tâm vị Tỳ Khuu trẻ đã dịu lại rồi, cuộc tranh chấp trong tâm của vị ấy không còn, Ngài lại phán dạy rằng:

- Này Tỳ Khuu! Sự cười hường về dục lạc là pháp hạ liệt. Hơn nữa thọ dụng pháp hạ liệt và sống với sự dễ duôi là điều không nên vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Hīnaṃ dhammaṃ na seveyya,  
Pamādena na saṃvase;  
Micchādiṭṭhiṃ na seveyya,  
Na siyā lokavaḍḍhano.*”

“*Chớ theo pháp hạ liệt.  
Chớ sống mặc, buông lung;  
Chớ tin theo tà kiến,  
Chớ tăng trưởng tục trần.*”

(Ngài HT Minh Châu)

Không nên phục dịch mục tiêu bản tiện. Không nên sống buông lung phóng dật. Không nên ôm ấp tà kiến. Không nên nâng đỡ thế gian.



### CHÚ GIẢI:

***Hīnaṃ dhammaṃ***: Nghĩa là Pháp hạ liệt, tức là ngũ dục. Thật vậy ngũ dục ấy, dù là chúng sanh hạ liệt như trâu, bò, lạc đà... cũng thọ dụng. Ngũ dục hằng đưa chúng

sanh rơi vào khổ cảnh như địa ngục... Vì vậy ngũ dục gọi là pháp hạ liệt.

**Pamādena:** Nghĩa là không nên sống với sự dễ dãi, có tướng là thất niệm.

**Na saṃvase:** Tức là không nên ôm ấp tri kiến sai lầm.

**Lokavaḍḍhano:** Nghĩa là người nào hành như vậy, người ấy gọi là người ô nhiễm ở đời. Do đó (không) nên là người ô nhiễm ở đời, do không hành như vậy.

Dứt kệ ngôn, vị Tỳ Khưu trẻ chứng đạt Dự Lưu Quả.



### Dịch Giả Cầu Đề

*Đứt đầu, đứt tóc, khác nhau xa,  
Tín nữ nhập chung để giăng hòa,  
Sư trẻ còn hăng, đầu chịu kém,  
Thời may Phật đến, mở oan gia.  
Phật dạy: Đã là bậc tỷ kheo,  
Ngũ trần dục lạc chớ đua theo,  
Cười vui thấp thỏi, đừng mê mãi  
Ta kiến nhiều khi rất hiểm nghèo.*

DỨT TÍCH VỊ TỖ KHƯU TRẺ





**167. Đừng khởi tà kiến điên đảo, đừng sống buông lung phóng dật và đừng theo đuổi tìm kiếm những lạc thú thế gian hạ liệt.**

## **ĐỨC VUA SUDDHODANA** *(Uttitthe nappamajjeyyāti)*

### **KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 168-169)**

- 168.** “Uttitthe nappamajjeyya,  
Dhammaṃ sucaritaṃ care;  
Dhammacārī sukhaṃ seti,  
Asmiṃ loke paramhi ca.”  
*“Nỗ lực, chớ phóng dật!  
Hãy sống theo chánh hạnh;  
Người chánh hạnh hưởng lạc,  
Cả đời này, đời sau.”*
- 169.** “Dhammaṃ care sucaritaṃ,  
Na naṃ duccharitaṃ care;  
Dhammacārī sukhaṃ seti,  
Asmiṃ loke paramhi ca.”  
*“Hãy khéo sống chánh hạnh,  
Chớ sống theo tà hạnh!  
Người chánh hạnh hưởng lạc,  
Cả đời này, đời sau.”*

*(Ngài HT Minh Châu)*

Kệ Pháp Cú này Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự về thành Kapilavatthu, trú trong Tịnh xá Nigrodha, đề cập về Đức Vua Suddhodana.

Tương truyền rằng: Sau khi thành đạo, chứng đạt

quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Bậc Đạo Sư ngự về kinh thành Kapilavatthu lần đầu để tế độ quyến thuộc, gia quyến đã tiếp đãi Ngài trọng hậu, cúng dường đến Đức Phật và chư Thánh Tăng Tịnh xá Nigrodha.

Trong buổi tiếp đón ấy, Ngài thị hiện thần thông, đi kinh hành trên hư không và thuyết pháp thoại để diệt lòng ngã mạn thái quá của dòng Sakya. Các thân quyến của Ngài ngay cả Đức Vua Suddhodana cũng đánh lễ Ngài. Một trận mưa màu đỏ rơi xuống trong buổi trùng phùng ấy, người nào muốn ướt thì ướt, ai không muốn thì sẽ không có giọt mưa nào chạm vào mình.

Thế rồi, gia tộc Sakya bàn luận về điều kỳ diệu của trận mưa ấy, Bậc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Chẳng phải chỉ trong kiếp này đây, này các Tỳ Khưu! Trong quá khứ mưa cũng rơi xuống khi gia tộc Như Lai được đoàn viên rồi.

Đại Đức Sāriputta và Đại Đức Moggallāna thỉnh cầu Đức Thế Tôn thuyết giảng Bốn sự, Ngài thuyết giảng Bốn Sanh Vessantara. Thân quyến của Ngài, sau khi nghe xong Pháp thoại, hoan hỷ ra về không một ai nghĩ đến việc thỉnh Ngài cùng chư Tăng thọ thực vào ngày mai. Ngay cả Đức Vua Suddhodana cũng không nghĩ đến, vì Đức Vua nghĩ rằng:

- Còn của ta còn phải đến đâu ngoài Hoàng Cung nữa chứ. Thân tộc của Ngài cũng cùng chung một ý nghĩ ấy, nên ra về. Đức Vua về đến Hoàng Cung, cho người sắp đặt vật thực thượng vị như cháo cơm... để dâng đến Đức Thế Tôn cùng hai muôn Tăng chúng, sửa soạn nơi ngồi cho Tăng chúng nơi Hoàng Cung.

Vào buổi sáng hôm ấy, Đức Thế Tôn vận mặc y phục, tay cầm y bát, đi vào thành Kapilavatthu khát thực, theo

sau Ngài là hai muôn Tăng chúng. Đức Thế Tôn dùng Phật Tuệ quán xét rằng: Chư Phật quá khứ khi về đến thân tộc, có đi khát thực ngay nhà thân tộc hay chẳng? Hay là đi khát thực theo tuần tự? Ngài thấy rằng: Chư Phật quá khứ khát thực theo tuần tự thứ lớp.

Thế là, Đức Thế Tôn ngự đến căn nhà đầu tiên. Dân thành náo động hẳn lên với tin rằng: Thái Tử Siddhattha đi ăn xin. Các Cung nữ được tin này liền trình lên Hoàng Hậu Yasodharā là mẹ của Thái Tử Rāhula, nàng Yasodharā nghe tin sét đánh ấy vội báo lại cho Vua Suddhodana biết. Đức Vua hối hả chạy ra cổng Hoàng Cung, đến đánh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Con ơi! Vì sao con lại làm cho cha mất mặt như thế. Con đi khát thực như vậy đã làm tổn hại đến cha vô cùng, con không nên làm như thế. Con hãy ngự trên kiệu vàng đi tuần du Hoàng thành mới thích hơn. Này Thái Tử con! Vì sao con làm cha mất mặt như thế?

- Này Đại Vương! Như Lai không có làm Ngài mất mặt đâu, Như Lai đang hành theo phận sự của giòng dõi mình.

- Này con, sự đi khát thực sống là dòng dõi của Sát Đế Lý sao?

- Này Đại Vương! Việc làm ấy không thuộc về dòng Vua như Ngài, nhưng lại thuộc về giòng dõi của Như Lai. Giòng dõi Như Lai là dòng Phật. Chư Phật quá khứ hằng nuôi mạng bằng cách đi khát thực.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

168. “Uttiṭṭhe nappamajjeyya,  
Dhammaṃ sucariṭaṃ care;  
Dhammacārī sukhaṃ seti,



Asmiṃ loke paramhi ca.”

“*Nỗ lực, chớ phóng dật!*

*Hãy sống theo chánh hạnh;*

*Người chánh hạnh hưởng lạc,*

*Cả đời này, đời sau.”*

169. “Dhammaṃ care sucaritaṃ,

Na naṃ duccharitaṃ care;

Dhammacārī sukhaṃ seti,

Asmiṃ loke paramhi ca.”

“*Hãy khéo sống chánh hạnh,*

*Chớ sống theo tà hạnh!*

*Người chánh hạnh hưởng lạc,*

*Cả đời này, đời sau.”*

(Ngài HT Minh Châu)

168. Không nên dễ dãi phóng dật khi đứng (trì bình trước cửa người ta). Hãy trang nghiêm hành chánh hạnh (ấy). Người hành chánh hạnh ấy trang nghiêm sẽ được an vui ở thế gian này và trong thế gian sắp tới.

169. Hãy trang nghiêm hành chánh hạnh ấy. Không dễ dãi phóng dật. Người hành chánh hạnh ấy trang nghiêm sẽ sống an vui, ở thế gian này và trong thế gian sắp đến.



### CHÚ GIẢI:

**Uttiṭṭhe:** Nghĩa là với miếng cơm mà mình đứng nhận trước cửa nhà người khác.

**Nappamajjeyya:** Nghĩa là khi vị Tỳ Khuu bỏ phong tục của hạnh khát thực, lại đi tìm cầu vật thực thượng vị, gọi là người có sự dễ dãi trong vật thực mà mình đứng nhận. Nhưng nếu đi khát thực theo tuần tự thứ lớp thì gọi là không có sự dễ dãi. Hành như thế được gọi là không dễ dãi với vật thực mà mình đón nhận.

**Dhammaṃ:** Nghĩa là khi bỏ sự tìm kiếm bất chánh rồi, đi khát thực tuần tự, gọi là thực hành Pháp, tức là sự khát thực nuôi mạng là chánh hạnh.

**Sukhaṃ seti:** Chỉ sự thuyết giảng rằng khi thực hành khát thực Pháp, được gọi là thường thực hành Pháp trong bốn oai nghi, sẽ được an lạc trong đời này lẫn đời sau.

**Na naṃ duccharitaṃ:** Nghĩa là khi đi đến nơi phi chánh đạo như nơi lầu xanh... gọi là hành pháp (khất thực) tà hạnh. Chớ nên hành như thế, hãy thực hạnh chánh hạnh, không hành tà pháp.

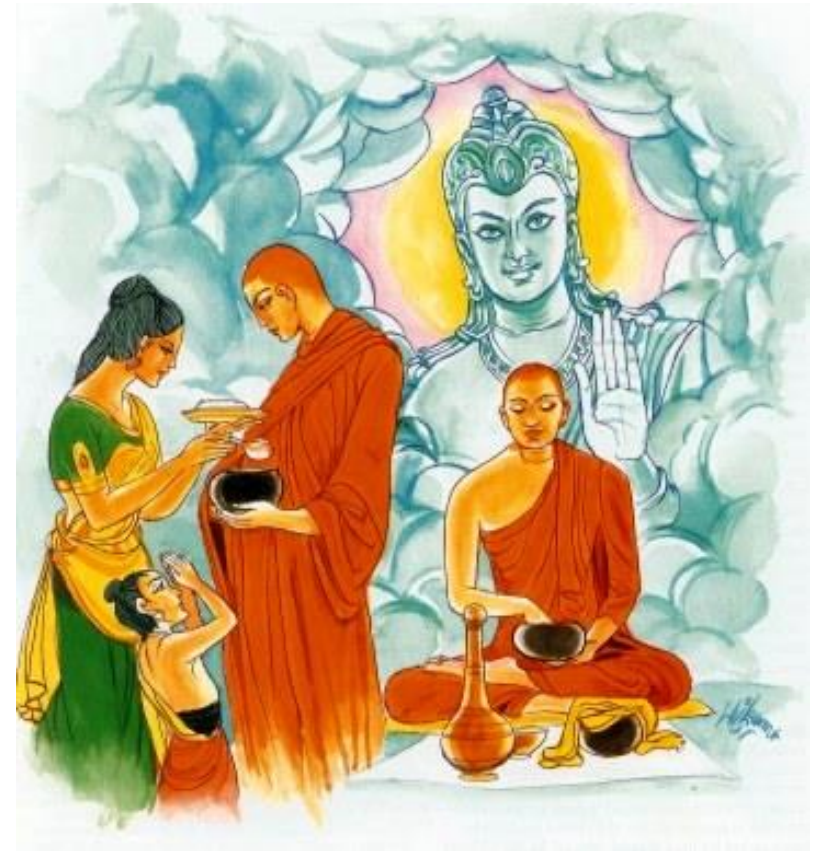
Dứt kệ ngôn, Đức Vua Suddhodana chứng Quả Dự Lưu.



### Dịch Giả Căn Đề

*Đức Phật trị bình phía ngoại thành  
 Theo gương chư Phật vẫn thường hành,  
 Phụ vương ngài thấy không hoan hỷ,  
 Bồi chấp: Ta giòng Vua chúa sanh.  
 Phá chấp theo tà kiến thế gian,  
 Độ vua đức quả Tu đà hoàn,  
 Phật bèn giảng thuyết hai bài kệ  
 Khen pháp trị bình, chánh hạnh toàn.*

DỨT TÍCH ĐỨC VUA SUDDHODANA



**168- Nỗ lực tinh cần sống theo chánh pháp để đạt hoàn thiện. Cuộc sống như vậy đem hạnh phúc đời này và đời sau.**



**169. Hãy sống theo chánh pháp đến mức hoàn thiện, chớ phóng dật buông lung. nếp sống đạo hạnh bảo đảm hạnh phúc đời đời.**

## CHƯ TỶ KHƯU TU THIÊN QUÁN (*Yathā bubbulakam passeti*)

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 170)**

“Yathā pubbulakam, passe, *“Hãy nhìn như bọt nước,*  
Yathā passe marīcikam; *Hãy nhìn như cảnh huyền!*  
Evam lokam avekkhantam, *Quán nhìn đời như vậy,*  
Maccurājā na passati.” *Thần chết không bắt gặp.”*

(Ngài HT Minh Châu)

Kệ Pháp Cú này Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến 500 vị Tỷ Khưu tu quán.

Tương truyền rằng: Có 500 vị Tỷ Khưu học để mục nghiệp xứ nơi Đức Thế Tôn được thành thạo phương cách hành để chứng đạt A La Hán. Chư Tỷ Khưu ấy đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ra đi tìm trú xứ thanh vắng hành Sa môn Pháp. Trải qua thời gian dài, các vị ấy chẳng chứng đạt được chi, bàn luận cùng nhau rằng:

- Chúng ta hãy trở về học để mục nghiệp xứ khác.

Cả 500 vị Tỷ Khưu cùng nhau trở lại thành Sāvattihī, đến Tịnh xá Jetavana để yết kiến Bạc Đạo Sư. Trên đường về, chư Tỷ Khưu bị một trận mưa lớn, cùng nhau vào ẩn trú trong hang động, nhìn ra ngoài trời thấy những bong bóng nước nổi rồi tan, trước đó chư vị còn trông thấy những ảo ảnh, nay lại thấy bọt nước hiển hiện. Cả 500 vị lấy đề mục này mà quán niệm rằng: “*Thân này cũng giống như bọt nước kia, bởi vì có trạng thái sanh diệt nhanh chóng như thế*”.

Bậc Đạo Sư ngồi nơi Hương Thất, với tâm mình Ngài biết rõ sự suy tư của chư Tỳ Khưu ấy, Ngài phóng hào quang từ Hương Thất đến các vị ấy, như hiện ra trước mắt, thuyết lên kệ ngôn rằng:

170. Như ta nhìn bọt nước. Như ta nhìn ảo ảnh. Nếu người kia nhìn thế gian này như vậy Từ Thân không còn thấy người ấy nữa.

“Yathā pubbulaṅkaṃ, passe,  
Yathā passe marīcikaṃ;  
Evaṃ lokaṃ avekkhantaṃ,  
Maccurājā na passati.”

“Hãy nhìn như bọt nước,  
Hãy nhìn như cảnh huyễn!  
Quán nhìn đời như vậy,  
Thần chết không bắt gặp.”

(Ngài HT Minh Châu)



### **CHÚ GIẢI:**

Marīcikaṃ: tức ảo ảnh. Thật vậy, ảo ảnh hiện lên từ xa có thể có hình dáng như căn nhà... là vật không có hình thể, là vật rỗng không (thường xuất hiện) đối với người đến gần. Vì thế, có lời giải rằng: Từ thân không thể thấy được người hằng quán xét ở đời như uẩn... Ví như người nhìn bọt nước, bởi do ý nghĩa sanh rồi diệt (và) vì như người nhìn thấy ảo ảnh, do nó là pháp tự nhiên rỗng không như vậy.

Dứt kệ ngôn, cả 500 vị Tỳ Khưu chứng đạt A La Hán Quả tại chính nơi mình đứng.



### **Dịch Giả Cầu Đề**

*Vào rừng hành chưởng đắc vô sanh  
Tặng lễ quay về hỏi Phật rành.  
Trưa nắng theo đường nhìn ảo ảnh,  
Đến chùa, mưa đổ, quán phù sanh.  
Phóng quang, Phật dạy: Bọt trôi sông  
Xét với thân này thể cũng đồng,  
Chợt bể, lâu sò, toàn ảo mộng,  
Từ thân, bậc trí, quán như không.*

**DỨT TÍCH CHƯ TỖ KHƯU TU THIÊN QUÁN**







**170. Với tri kiến chân chánh về cuộc sống, ta vượt khỏi nhà vuốt Tử Thần.**

## HOÀNG TỬ ABHAYA (*Etha passath'imaö lokanti*)

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 171)**

**“Etha passathimaṃ lokam,      “Hãy đến nhìn đời này,  
Cittam rājarathūpamaṃ;      Như xe Vua lộng lẫy,  
Yattha bālā visīdanti,      Người ngu mới tham đắm,  
Natthi saṅgo vijānataṃ.”      Kẻ trí nào đắm say.”**

(Ngài HT Minh Châu)

Kệ Pháp Cú này Ngài thuyết ra khi ngự tại Valuvana, gần thành Rājagaha, đề cập đến Hoàng Tử Abhaya.

Tương truyền rằng: Hoàng Tử Abhaya vâng lệnh Phụ vương ra biên cương dẹp loạn, Ngài chiến thắng được giặc, ca khúc khải hoàn hồi triều ca. Đức Vua Bimbisāra vô cùng đẹp dạ, ban thưởng cho chàng được trị ngôi trong 7 ngày, ngoài ra còn ban cho Vương Tử một nàng mỹ nữ tuyệt sắc, với tài vũ điêu luyện.

Hoàng Tử Abhaya thọ hưởng Vương Vị trọn bảy ngày, không hề rời Cung Vị mà ra ngoài. Đến ngày thứ tám, chàng mới ra sông tắm, khi đi chàng mang theo cô vũ nữ xinh đẹp ấy. Tắm xong, Hoàng Tử cùng với tùy tùng và nàng vũ nữ đến vườn Thượng Uyển ngoạn cảnh và nghỉ tại nơi đó. Nàng vũ nữ đang biểu diễn nghệ thuật múa hát của mình cho Vương Tử ngự lãm, chẳng may một ngọn độc phong xâm nhập vào thân nàng, khiến nàng mệnh chung trong nháy mắt, cũng giống như nàng vũ nữ của Đại Thần Santati, ngọn độc phong bén như lưỡi dao nhỏ, cắt đứt trái tim của nàng. Hoàng Tử Abhaya vô cùng sầu não, tiếc

thương nàng vũ nữ với vẻ đẹp diễm lệ của nàng. Lòng Vương Tử áo não, chàng suy nghĩ rằng:

- Ngoài Bậc Đạo Sư ra, không ai có thể làm cho ta hết sầu khổ được.

Chàng đi vào Tịnh xá Veluvana, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi ngồi vào nơi phải lễ. Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Nay Vương Tử! Vì sao ngươi lại sầu não như thế?

- Bạch Thế Tôn! Con sầu não bởi tiếc thương nàng vũ nữ diễm lệ đã chết đi.

- Nay Vương Tử! Nước mắt mà ngươi khóc cho nàng ấy khi nàng chết đi. Nếu gom lại còn nhiều hơn cả nước trong bốn đại dương. Nhưng nào ngươi có thấu được đâu.

Nghe như vậy, Hoàng Tử dụi bớt cơn sầu não, biết được tâm chàng với sầu khổ, Đức Thế Tôn phán dạy tiếp rằng:

- Nay Hoàng Tử! Ngươi chớ nên sầu khổ nữa, vì đó là nơi sa đọa của ngu nhân.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

171. Đến đây, hãy nhìn thế gian này, như chiếc Long xa trang hoàng lộng lẫy. Kẻ cuồng dại lặn hụp trong thế gian ấy, nhưng người thiện trí thì không luyến ái.

“Etha passathimaṃ lokam,  
Cittam rājarathūpamaṃ;  
Yattha bālā visīdanti,  
Natthi saṅgo vijānataṃ.”

“Hãy đến nhìn đời này,  
Như xe Vua lộng lẫy,

*Ngươi ngu mới tham đắm,  
Kẻ trí nào đắm say”*

*(Ngài HT Minh Châu)*



### CHÚ GIẢI:

**Etha passatha:** Nghĩa là Đức Thế Tôn chỉ vị Hoàng Tử Abhaya.

**Imaṃ lokam:** Nghĩa là xác thân tức là uẩn thế gian.

**Cittam:** Nghĩa là trang điểm lộng lẫy với vải, ngọc... Ví như chiếc Long xa được trang hoàng với 7 loại ngọc.

**Yattha bālā:** Nghĩa là chỉ có những kẻ ngu đĩnh mắc trong xác thân

**Vijānataṃ:** Nghĩa là nhưng đối với người trí hiểu biết, tức là các bậc trí không bị dính mắc vào các phiền não, vật trói buộc như ái... dù chỉ trong xác thân này cũng không hề có.

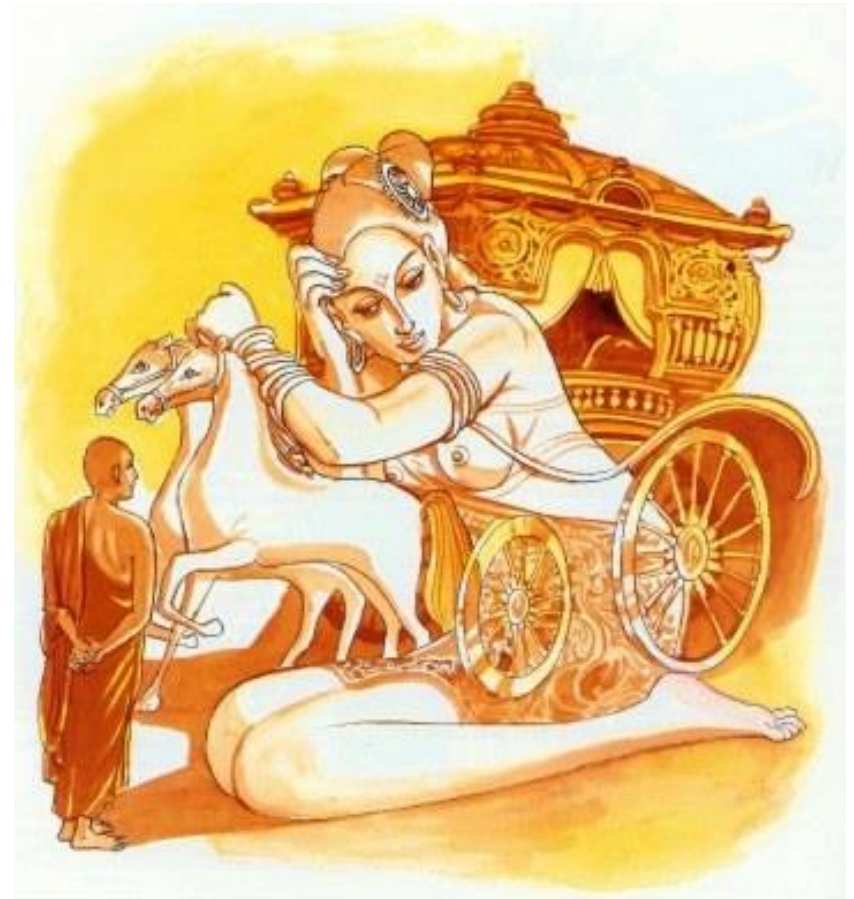
Dứt thời Pháp, Hoàng Tử Abhaya chứng đạt Dự Lưu Quả, pháp thoại mang lại lợi ích cho thính chúng như thế.



### Dịch Giả Căn Đề

*Hoàng tử được Vua thưởng bảy ngày,  
 Tha hồ ngũ dục hưởng vui say!  
 Bất ngờ vũ nữ nhào lặn chết,  
 Hoàng tử sầu bi, kiếm Phật ngay!  
 Phật dạy: Về nung vũ nữ kia,  
 Đau lòng tử biệt với sanh lừa,  
 Hoàng nam đã đổ hàng sa lệ  
 Trong cõi luân hồi mãi đoạn chia!  
 Rẽ trí khi nhìn cảnh thế gian,  
 Như xe Vua lộng lẫy muôn vàn  
 Cũng không thấy bận lòng lo nghĩ  
 Chỉ có người ngu mới tiếc than.*

DỨT TÍCH HOÀNG TỬ ABHAYA



**171. Đời thế tục trông giống chiếc xe vua được trang hoàng rực rỡ. Những bậc trí không chìm đắm vào đó.**

## TRƯỜNG LÃO SAMMAJJANA

*(Yo ca pubbe pamajjitvā)*

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 172)

**“Yo ca pubbe pamajjitvā, “Ai sống trước buồng lung,  
Pacchā so nappamajjati; Sau sống không phóng dật,  
Somaṃ lokam pabhāseti, Chói sáng rực đời này.  
Abbhā muttova candimā.” Như trăng thoát mây che.”**

*(Ngài HT Minh Châu)*

Đức Thế Tôn khi ngự tại Jetavana, đề cập đến Trường Lão Sammajjana, tuyên thuyết kệ ngôn này.

Được nghe rằng: Trường Lão Sammajjana là người không phân biệt thời, bất cứ lúc nào vị ấy cũng cần chõ quét rác cỏ, ở khắp Tịnh xá, bất kể là sáng hay chiều.

Một hôm, Trường Lão đi đến Tịnh thất của Đại Đức Revata để quét dọn, thấy Đại Đức đang ngồi nơi chỗ ban ngày yên lặng, Trường Lão Sammajjana nói rằng:

- Vị Trường Lão này lười biếng quá, dùng vật thực của tín thí gia xong, đến đây ngồi yên, chỉ cầm chõ quét một chút cũng không thấy.

Nghe thế Trường Lão Revata suy nghĩ:

- Ta nên giáo giới vị này vậy.

Ngài nói với Trường Lão Sammajjana rằng:

- Hãy đến đây, hỏi Hiền giả.

- Bạch Ngài, có chuyện chi vậy?

- Hiền giả hãy đi tắm đi, rồi đến đây.

Sau khi Trường Lão sammajjana tắm xong, đi đến Trường Lão Revata, Ngài bảo vị ấy ngồi sang một bên, dạy rằng:

- Này Hiền giả! Lẽ thường vị Tỳ Khuu cứ cầm chõ quét suốt cả ngày là điều không hợp lẽ. Tỳ Khuu chỉ nên quét dọn vào buổi sáng xong, đi khất thực. Khi về đến Tịnh xá, ngồi vào chỗ ban ngày hay chỗ ban đêm, để tâm quán xét về 32 thể trước, để thấy được sự sanh diệt của thân này. Vào buổi chiều quét dọn Tịnh xá, đó là hợp lẽ. Tỳ Khuu chớ nên quét suốt cả ngày, hãy dành thời gian tạo lợi ích cho mình vậy.

Trường Lão Sammajjana vâng theo lời giáo hóa của Trường Lão Revata, chẳng bao lâu Ngài chứng đắc A La Hán Quả. Và trong Tịnh xá có nhiều chỗ rác đã ứ đọng, bây giờ chư Tỳ Khuu nói với Trường Lão Sammajjana rằng:

- Này hiền giả Sammajjana! Các chỗ đã ứ đọng đây rác, vì sao hiền giả không quét?

- Thưa chư Hiền! Trước đây tôi đã quét rác trong lúc dễ duôi, nhưng bây giờ tôi không còn dễ duôi quét rác nữa.

Chư Tỳ Khuu cho rằng Trường Lão Sammajjana khoe đạo giả cao nhân, tuyên bố mình là vị Thánh Vô Lậu, nên trình lên Đức Thế Tôn về câu chuyện đó và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ Khuu này nói sai sự thật, vị ấy nói không đúng theo sự thật.

- Này các Tỳ Khuu! Thật vậy, trước kia con Như Lai đã cầm chõ quét trong lúc dễ duôi. Nhưng bây giờ đây con Như Lai không còn làm như thế nữa, đã đình chỉ, sống an lạc phát sanh từ Đạo Quả.



Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

172. Người trước kia phóng dật, về sau chuyên cần tu niệm. Người như thế rọi sáng thế gian như vầng trăng thoát ra khỏi đám mây mờ.

“Yo ca pubbe pamajjitvā,      “Ai sống trước buông lung,  
pacchā so nappamajjati;      Sau sống không phóng dật,  
Somaṃ lokam pabhāseti,      Chói sáng rực đời này.  
Abbhā muttova candimā.”      Như trăng thoát mây che.”

(Ngài HT Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

Bậc trí nên hiểu ý nghĩa của câu kệ ngôn này như sau:

Người trước kia có sự dễ dãi bằng các phận sự làm đi làm lại, hoặc tụng đọc... về sau đình chỉ những việc làm đó, sống an lạc phát sanh từ Đạo Quả, gọi là người không muốn dễ dãi. Người ấy thường rực sáng trong thế gian này như uẩn... tức là làm cho sáng chói thuần chất với trí đạo, ví như vầng trăng thoát khỏi mây mờ... là cơ hội giúp cho thế gian được sáng chói như thế.

Dứt kệ ngôn nhiều người chứng đạt Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



### **Dịch Giả Cử Đề**

*Dại đác. Quét này thật xứng danh:  
Tối ngày cảm chổi quét lanh quanh!  
Ché Ngài lâu tận ta lười biếng,  
Ngồi mãi, làm sao đạo quả thành?  
Cũng may, Đại Đức Lý Bà Đa,  
Biết có duyên lành, mới nhắc qua,  
Nhờ đó hành thân, sau đắc quả,  
Chùa dờ, mặc kệ, chúng lo ra!  
Tặng hỏi: Sư không quét nữa đi!  
Sư rằng: Nay đã hết ngu si,  
Nên không thích quét như hỏi trước!  
Tặng hỏi Phật Đà để phú nghị,  
Phật dạy: Con ta trước dễ dãi,  
Bây giờ tinh tấn, hết buông xuôi,  
Như trăng thoát khỏi vầng mây úm  
Soi sáng nhân gian, ánh rạng ngời!*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO SAMMAJJANA





**172. Biết sửa chữa lỗi lầm khiến cho họ chiếu sáng như mặt trăng ngồi tỏ nhờ thoát khỏi đám mây.**

## TRƯỞNG LÃO ANGULIMĀLA (*Yassa pāpaṃ kataṃ kammanti*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 173)

“Yassa pāpaṃ kataṃ                      “*Ai dùng các hạnh lành,*  
Kammaṃ, kusalena pidhīyati,        *Làm xóa mờ nghiệp ác,*  
Somaṃ lokam pabhāseti,            *Chói sáng rực đời này,*  
Abbhā muttova candimā.”         *Như trăng thoát mây che.”*

(Ngài HT Minh Châu)

Đức Thế Tôn khi trú tại Jetavana, đề cập đến Ngài Angulimāla, thuyết lên kệ ngôn này.

Bậc trí nên hiểu theo bài Kinh Angulimāla. Khi Trưởng Lão xuất gia trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn, Ngài đã chuyên hành đạo, chẳng bao lâu chứng đạt quả vị A La Hán. Và khi ấy, Trưởng Lão thường tịnh cư, sống an hưởng hạnh phúc giải thoát, Ngài thốt lên cảm hứng ngữ trong khi ấy rằng:

- Người nào trước kia đã dễ duôi, về sau không dễ duôi. Người ấy thường rọi sáng thế gian, ví như vầng trăng thoát khỏi áng mây mờ vậy.

Sau khi thốt lên kệ hoan hỷ về sự cảm hứng xong, Ngài viên tịch Níp Bàn. Bây giờ, chư Tỳ Khưu cùng nhau bàn luận nơi Giảng đường:

- Này chư Hiền! Trưởng Lão Angulimāla sẽ tái sanh về cảnh giới nào nhi?

Với Thiên nhi thuần tịnh siêu nhân, Bậc Đạo Sư nghe được lời bàn luận của chư Tỳ Khưu, Ngài nghĩ rằng:

- Đây là thời hợp lẽ, Như Lai sẽ đoạn nghi cho Tăng chúng.

Từ nơi Hương thất, Ngài ngự ra Giảng đường. Ngồi vào nơi được soạn sẵn, phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ Khuru! Bây giờ các người đang bàn luận về việc gì?

- Bạch Thế Tôn, về chuyện như vậy...

- Này chư Tỳ Khuru! Con của Như Lai đã viên tịch Níp Bàn rồi, không còn phải tái sanh vào cảnh giới nào nữa.

- Bạch Thế Tôn! Trưởng Lão Angulimāla giết người nhiều như thế mà được Níp Bàn sao?

- Này các Tỳ Khuru! Thật vậy, vì Angulimāla trước kia chẳng có ai là bạn lành cả, nên mới tạo nhiều ác nghiệp như thế, nhưng về sau vị ấy được thiện bạn hữu, đó là nhân khiến cho vị ấy không có sự dẽ duôi. Vì thế con Như Lai đã có tạo thiện hạnh để ngăn chặn ác nghiệp xưa.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn:

“Yassa pāpaṃ kataṃ                    “Ai dùng các hạnh lành,  
Kammaṃ, kusalena pidhīyati,      Làm xóa mờ nghiệp ác,  
Somaṃ lokam pabhāseti,          Chói sáng rực đời này,  
Abbhā muttova candimā.”        Như trăng thoát mây che.”

(Ngài HT Minh Châu)

173. Người có hành động lành để che nghiệp xấu, người ấy rọi sáng thế gian như vầng trăng lộ dạng, thoát ra khỏi đám mây mờ.



### CHÚ GIẢI:

Trong ý nghĩa kệ ngôn này, Kusalena Bạc Đạo Sư ám chỉ cho A La Hán đạo. Những câu còn lại có ý nghĩa như kệ ngôn 172.



### **Dịch Giả Cầu Đề**

*Tướng cướp giết người cả số trăm,  
Tu rồi, đắc đạo quả cao thâm,  
Làm chung nhập Niết Bàn vô tướng  
Tăng chúng hoài nghi hỏi, sợ làm!  
Phật dạy: Trước kia thiếu bạn lành,  
Nên thầy tà kiến hại quản sanh  
Sau nhờ bạn tốt, thầy soi thế,  
Như ánh trăng rằm giữa khoảng xanh.*

**DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO ANGULIMĀLA**





**173. Người nào dùng các phước nghiệp xóa dần các ác nghiệp đã tạo sẽ tỏa sáng như mặt trăng.**

## CON GÁI NGƯỜI THỌ DỆT (*Andhabhūto ayam lokoti*)

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 174)**

*“Andhabhūto, ayam loko, “Đời này thật mù quáng,  
Tanukettha vipassati; ít kẻ thấy rõ ràng.  
Sakuṇo jālamuttova, Như chim thoát khỏi lưới,  
Appo saggāya gacchati.” Rất ít đi thiên giới.”*

(Ngài HT Minh Châu)

Kệ ngôn này được Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại tháp Aggalava, đề cập đến thiếu nữ con gái người thợ dệt

Tương truyền rằng: Một lần nọ, Đức Thế Tôn du hành đến xứ Ālavī, thị dân Ālavī đã cúng dường đến chư Tăng có Đức Phật là vị Thượng thủ. Khi thợ thực xong, Đức Thế Tôn đã tùy hỷ phước với pháp thoại rằng:

- Này các cận sự! Các người nên tu tập về tùy niệm sự chết như vậy: “Đời sống của ta không tồn tại, sự chết chắc chắn sẽ đến với ta. Ta chắc chắn phải chết, đời sống sự chết của ta có sự chết là lẽ thường hằng”. Người không tu tập niệm sự chết, khi lâm chung thường thường giạt mình kinh sợ, than khóc kinh hoàng, ví như người trông thấy rắn độc sẽ kinh hoàng lên như thế. Còn người tu tập niệm sự chết, người ấy không có sự giạt mình kinh sợ, hay hoảng hốt trong lúc lâm chung, ví như người trông thấy rắn độc từ xa, dùng cây đuổi nó đi xa như vậy. Do vậy, các người hãy chuyên niệm về sự chết đi.

Những người nghe pháp ấy, sau khi nghe Bạc Đạo Sư thuyết giảng pháp thoại xong, chỉ tâm cầu trong phận sự của mình mà thôi.

Riêng nàng con gái người thợ dệt vừa tròn 16 tuổi, có sự suy nghĩ rằng:

*“Lời dạy của Đức Thế Tôn thật là thù diệu, ta nên là người tu tập niệm sự chết vậy.”*

Thế rồi, nàng hằng chuyên tu về đề mục niệm sự chết cả ngày lẫn đêm. Riêng về Đức Thế Tôn sau khi thuyết giảng pháp thoại, Ngài tuân tự du hành về kinh thành Sāvattthī, đến Tịnh Xá Jetavana. Suốt cả ba năm dài, nàng tín nữ ấy luôn tu tập về niệm sự chết. Một hôm, Đức Thế Tôn dùng Phật nhãn quán xét thế gian, Ngài nhìn thấy hình ảnh của nàng con gái người thợ dệt trong Giác vông của Ngài. Ngài suy xét rằng *“Đây là nhân thế nào nhỉ”*.

Ngài thấu hiểu rằng: *“Nàng Chức nữ này, từ khi nghe Pháp của Như Lai, tinh cần tu tập niệm về sự chết đã trọn ba năm. Như Lai sẽ ngự đến đó, nàng đi đến nghe Pháp, Như Lai sẽ hỏi nàng bốn câu hỏi, nàng sẽ trả lời đúng theo ý Như Lai, Như Lai ban cho nàng tiếng Sādhū sau mỗi câu trả lời. Nhân đó, Như Lai sẽ thuyết pháp thoại, khi dứt kệ ngôn nàng Chức Nữ ấy đã chứng đạt Dự Lưu Quả. Và nương nhờ nàng, đại chúng sẽ nhận được nhiều Lợi ích.”*

Sau khi quán xét rõ ràng rồi, Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ Khưu khởi hành đi từ Jetavana đến xứ Ālavī. Sau khi tuần tự du hành đến xứ Ālavī, Ngài cùng chư Tăng vào ngụ tại Tịnh xá Aggālava.

Thị dân trong xứ Ālavī biết rằng:

- Bạc Đạo Sư ngự đến, liền đi đến Tịnh Xá cung thỉnh Ngài và Tăng chúng thọ thực nơi Tịnh Xá ấy, cả nàng Chức Nữ cũng biết được rằng: Bạc Đạo Sư ngự đến, nàng có tâm hoan hỷ rằng:

- Bạc Đạo Sư đã ngự đến nơi này rồi, Ngài là bậc Vô Thượng Pháp Vương, là bậc Tối Thượng Nhân, là bậc Thầy của Chư Thiên và nhân loại. Ngài có gương mặt sáng rực như trăng rằm, đã ngự đến Ālavī. Nàng lại suy nghĩ thêm rằng:

- Ta đã được diễm phúc chiêm ngưỡng kim thân Ngài, có màu da vàng rờng tinh anh cao thượng cách đây ba năm. Giờ đây, ta lại được duyên may chiêm ngưỡng kim thân Ngài cùng với sự được nghe lời giáo giới của Ngài. Pháp thoại có hương vị thật thù thắng.

Vào sáng hôm sau, khi cha nàng đi đến hàng dệt, dặn bảo nàng:

- Này con! Tấn vải sātaka của người mướn ta dệt, ta đang dệt còn khoảng một gang tay nữa thì xong, ta phải dệt cho xong tấn vải ấy trong ngày hôm nay. Vậy con hãy cuộn tơ đi, khi xong rồi mang đến hàng dệt cho cha.

Nàng nghe cha bảo như thế, suy nghĩ rằng:

- Ta đang muốn nghe Pháp nơi Đức Đạo Sư, nhưng cha ta lại dặn phải cuộn tơ như thế. Ta phải làm sao đây nhỉ? Nghe Pháp của Bạc Đạo Sư hay là cuộn tơ cho cha ta?

Nàng lo lắng, rồi suy tư: *“Nếu ta không lo cuộn tơ cho cha, người sẽ đánh ta. Thôi ta hãy gắng cuộn tơ cho mau chóng, rồi đi đến nghe Pháp sau.”*

Nàng ngồi cuộn tơ, rồi mang cuộn tơ đặt vào giỏ đi đến hàng dệt của cha.



Bây giờ, cả thị dân trong thành Ālavī đều đến Tịnh xá cúng dường Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng, rồi ngồi yên lặng chung quanh để chuẩn bị nghe Pháp thoại của Đức Thế Tôn. Bạc Đạo Sư im lặng, Ngài suy nghĩ rằng:

- Ta vì nàng tín nữ này mà đến đây, du hành trọn quãng đường 30 do<sup>1</sup> tuần. Hiện nay nàng Chúc nữ chưa có mặt, khi nào nàng ấy đến, khi ấy Như Lai mới giảng pháp tùy hỷ.

Đấng Như Lai vẫn im lặng, khi Bạc Tối Thượng nhân im lặng thì không một ai trong thế gian này, kể cả Ma Vương, Phạm Thiên có đủ thần lực để bạch hỏi được.

Khi nàng Chúc Nữ mang giỏ đựng tơ đến Tịnh Xá, nàng đi vào hội chúng, đứng phía sau thính chúng, chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn. Bây giờ, Bạc Đạo Sư đưa mắt nhìn nàng, nàng hiểu rằng: *“Bạc Đạo Sư đang ngồi giữa đại chúng, Ngài im lặng nhưng lại đưa mắt nhìn ta, nghĩa là Ngài đang chờ đợi ta”*.

Vô cùng hoan hỷ, cô đặt giỏ đựng tơ xuống, đi đến đánh lễ dưới chân Đức Đạo Sư.

**Hỏi rằng:** Vì sao Đức Thiện Thệ trông chờ nàng tín nữ ấy?

**Đáp rằng:** Được biết rằng: Nghiệp đoạn tận sẽ đến cho nàng trong ngày hôm ấy, nếu nàng mệnh chung trong lúc còn phàm nhân thì sẽ không có được sanh thú chắc chắn. Nhưng khi nàng đến nơi ngự của Đấng Như Lai, nghe pháp từ nơi Đấng Như Lai, sẽ chứng đạt Dự Lưu Quả, có được sanh thú chắc chắn, sẽ sanh về cõi Tusitā.

Bây giờ, nàng Chúc Nữ đi vào đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi đứng vào nơi phải lễ, Đức Thế Tôn phóng hào quang 6 màu tỏa ra. Đợi cho nàng yên vị, Đức Thế Tôn

phán hỏi nàng rằng:

<sup>(1)</sup> 1 do tuần = 16 km = 16000 mét.

- Nay tín nữ! Nàng từ đâu đến?
- Bạch Thế Tôn! Con không biết.
- Nay tín nữ, rồi nàng sẽ đi về đâu?
- Bạch Thế Tôn, con không biết được.
- Nay tín nữ, nàng không biết thật ư?
- Bạch Thế Tôn, con biết.
- Có thật nàng biết chẳng?
- Bạch Thế Tôn, con không biết.

Đức Thế Tôn phán hỏi nàng bốn câu hỏi như thế. Khi ấy đại chúng nghe nàng trả lời như thế, xôn xao trách nàng rằng:

- Nay các người, hãy nhìn xem cô con gái người thợ dệt, nàng ta đã dều cọt Đức Đạo Sư. Khi Ngài hỏi: Nàng từ đâu đến, thì nàng nên đáp là: Từ nhà đến. Khi Ngài hỏi nàng: Nàng sẽ đi về đâu, thì nên đáp là: Con sẽ trở về nhà. Khi Ngài hỏi thì nàng ta cần phải trả lời như thế chẳng là thích hợp, chẳng phải sao?.

Bấy giờ, đợi cho thính chúng lặng yên, Đức Thế Tôn từ tốn hỏi nàng Chúc Nữ rằng:

- Nay tín nữ, khi Như Lai hỏi nàng: Nàng từ đâu đến? Vì sao nàng trả lời rằng: Con không biết?

- Bạch Thế Tôn! Ngài vẫn biết con từ nhà đi đến đây, nhưng Ngài hỏi: Người từ đâu đến? Không phải là ý như vậy, mà Ngài hỏi rằng: Con từ đâu sanh đến đây? Nhưng

con không biết được con từ cảnh giới nào tái sinh vào cảnh giới này, nên con đáp là: Con không biết.

Lần thứ nhất, Đấng Như Lai tán thán rằng: Sādhū! Sādhū. Này tín nữ, người đã giải đáp đúng câu hỏi mà Như Lai hỏi nàng. Này tín nữ! Thế tại sao, khi Như Lai hỏi nàng: Người sẽ đi về đâu? thì nàng lại đáp rằng: Con không biết?

- Bạch Thế Tôn! Lẽ thường Ngài vẫn biết sau khi con nghe Pháp xong thì trở về nhà. Nhưng Ngài muốn hỏi con rằng: Sau khi chết, con sẽ tái sinh vào cảnh giới nào?

- Nhưng con thì không biết cảnh giới tái sinh của mình, nên con đáp là: Con không biết.

- Lành thay! Lành thay! này tín nữ nàng đã đáp đúng với ý nghĩa của câu hỏi này.

Bạch Đạo Sư khi tán thán nàng lần thứ hai rồi, Ngài phán hỏi tiếp:

- Này tín nữ! Khi Như Lai hỏi nàng: Nàng không biết thật sao? Vì sao nàng lại trả lời rằng: Bạch Thế Tôn, con biết.

- Bạch Thế Tôn! Vì con hiểu biết rằng: Hễ có thân tâm này, tất sẽ có ngày hoại diệt. Vì thế con trả lời rằng: Bạch Thế Tôn! Con biết.

Lần thứ ba, Đức Thế Tôn tán thán nàng Chúc Nữ:

- Lành thay! Lành thay! Nàng đã đáp đúng ý nghĩa của câu hỏi Như Lai. Này tín nữ! Khi Như Lai hỏi: Nàng biết thật sao? Vì sao nàng lại trả lời rằng: Bạch Thế Tôn, con không biết?

- Bạch Thế Tôn! Con vẫn biết chắc chắn rằng con phải chết, nhưng sau khi chết sẽ sinh vào nơi nào, lại nữa

con sẽ chết vào ban ngày hay ban đêm? Chết bằng cách nào? Nơi nào trên rừng hay dưới nước? Vào lúc nào thiếu niên hay trung niên...Con không thể biết được, nên con trả lời rằng: Bạch Thế Tôn! Con không biết.

Lần thứ tư, Đức Thế Tôn tán thán nàng rằng:

- Này tín nữ! Câu hỏi của Như Lai, nàng đã giải đáp đúng theo ý nghĩa như thế.

Và Ngài dạy đại chúng rằng:

- Các người không không hiểu biết ý nghĩa câu hỏi của Như Lai như nàng tín nữ ấy. Những câu hỏi thâm diệu đã được nàng giải đáp phơi bày đúng lý. Các người nên tán thán nàng, chớ đừng phiền hà trách cứ nàng. Người vô nhãn gọi là người mù, cũng vậy người thiếu trí được gọi là kẻ ngu. Còn người có mắt sẽ thấy được các sắc rõ ràng, người có trí thường thấu đạo lý nghĩa thậm thâm vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Andhabhūto, ayam loko,	“Đời này thật mù quáng,
Tanukettha vipassati;	Ít kẻ thấy rõ ràng.
Sakuṇo jālamuttova,	Như chim thoát khỏi lưới,
Appo saggāya gacchati.”	Rất ít đi thiên giới.”

(Ngài HT Minh Châu)

174. Thế gian này mù quáng. Người thấy rõ thật hiếm hoi. Như (số) chim thoát khỏi lưới, ít người vào nhàn cảnh.



### **CHÚ GIẢI:**

Trong những câu văn ấy: Ayam loko: nghĩa là thế gian này giống như mù, vì là người không có trí tuệ.

**Tanukettha:** nghĩa là trong đời này ít người, tức là

không nhiều, có thể liễu ngộ được Tam tướng như vô thường, khổ, vô ngã.

**Jālamuttova:** nghĩa là trong đám chim sẻ bị thợ săn quăng bắt lưới, chỉ có số ít thoát ra được, những con còn lại bị dính trong lưới như thế nào. Cũng vậy đa số chúng sanh bị dính mắc tức là Ma Vương đã tóm lấy rất nhiều chúng sanh, khiến họ tái sanh vào khổ cảnh, chỉ một số rất ít sanh về cõi trời, tức là được nhàn cảnh hay chúng đắc Níp Bàn.

Dứt kệ ngôn, nàng Chúc nữ chúng đắc Thánh Quả Dự Lưu. Pháp thoại mang lại lợi ích cho đại chúng như thế.

Sau khi nghe Pháp thoại xong, nàng Chúc Nữ hoan hỷ, nhặt lấy giỏ đựng cuộn tơ, đi đến nơi làm việc của cha. Khi ấy cha nàng đang ngồi ngủ, nàng vô ý cúi mình đi vào giỏ tơ chạm vào khung cửi, làm lay động khiến cha nàng giật mình, theo động tác thường ngày, ông kéo ngay khung cửi, thanh sắt khung cửi đã đâm ngay vào ngực của nàng Chúc Nữ. Nàng chết ngay lập tức, được thọ sanh vào Tusitā.

Người cha nhìn xác con đầm máu, ngã sòng soài ra chết, ông hối hận tâm tràn ngập sầu não, than khóc thảm thiết. Với gương mặt đăm lệt, ông suy nghĩ:

- Không gì có thể làm cho ta dứt khổ sâu này được, ngoài Đức Thế Tôn ra.

Ông đi đến Đức Thế Tôn với gương mặt tràn nước mắt, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy nhổ mũi tên sâu muộn trong tâm con đi.

Đức Thế Tôn phủ úy ông rằng: “Nầy cận sự nam! Người chớ nên sầu thảm nữa, nước mắt mà người tuôn ra

vì thương tiếc con mình, nay đã nhiều hơn nước trong bốn đại dương. Không gì thấu rõ sự khổ sâu của người đau, người hãy diệt tất sự thương mến đi.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại Amatagga. Cận sự nam ấy được vui sâu muộn, xin xuất gia sống đời phạm hạnh trong Pháp Luật Đức Thế Tôn, ông tinh cần hành Sa môn Pháp chẳng bao lâu chứng đạt A La Hán Quả.



### Đick Giã Cầu Đề

*Con ông thợ dệt có duyên lành,  
Niềm chết ba năm, được vãng sanh!  
Trước phút làm chung đức nhất quỷ,  
Nhờ nghe lời giải bốn câu rành,  
Phật dạy: Người không tuệ, mắt mù,  
Chỉ nhìn sự vật lời phàm phu,  
Bốn câu hỏi đó là thiên ngữ,  
Không hiểu, còn cho cô gái ngu!  
Thợ dệt sâu con chết, xuất gia  
Vui trong nếp sống của tăng già  
Về sau đắc quả Mahán,  
Đáp được ân sâu Đức Phật Đà.*

DỨT TÍCH NÀNG CON GÁI NGƯỜI THỢ DỆT







**174. Chỉ một số ít người trong cõi đời mù quáng này đạt giải thoát như bầy chim thoát khỏi lưới.**

## CHUYỆN BA MƯƠI VỊ TỖ KHƯU *Hamsā ādiccapathe yantīti*

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 175)**

**“Hamsādiccapathe yanti, “*Như chim thiên nga bay,*  
*Ākāse yanti iddhiyā; Thân thông liệng giữa trời;*  
*Nīyanti dhīrā lokamhā, Chiến thắng ma, ma quân,*  
*Jetvā māraṃ savāhinim.*” *Kẻ trí thoát đời này.*”**

*(Ngài HT Minh Châu)*

Kệ Pháp Cú này Đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến chư Tỳ Khưu viếng thăm Ngài.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, có ba mươi vị Tỳ Khưu đến yết kiến Đức Thế Tôn. Trưởng lão Ānanda đi đến nơi ngụ của Bạc Đạo Sư để làm phận sự của mình, trông thấy ba mươi vị Tỳ Khưu Tăng đang ngồi hầu chung quanh Đức Thế Tôn, Ngài suy nghĩ:

- Khi nào Bạc Đạo Sư thăm hỏi chư Tỳ Khưu ấy xong, ta hãy trở vào làm phận sự của mình.

Trưởng lão đứng đợi bên ngoài Hương thất của Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn sau khi ban những lời thăm hỏi thân hữu đến chư Tỳ Khưu ấy, rồi Ngài thuyết lên Pháp thoại thức tỉnh chư Tỳ Khưu.

Khi nghe được pháp âm từ nơi Đức Thế Tôn, cả ba mươi vị Tỳ Khưu chững đắc A La Hán Quả, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, dùng thần lực theo đường hư không trở về trú xứ thanh vắng của mình.

Sau một thời gian dài chờ đợi, Trưởng Lão Ānanda liền đi vào Hương Thất của Đức Thế Tôn, không thấy bóng dáng chư Tỳ Khưu khách đâu cả, Ngài bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ba mươi vị Tỳ Khưu ở đây đi đâu rồi?
- Này Ānanda! Các vị ấy đã theo đường hư không đi rồi.
- Bạch Thế Tôn! Các vị ấy đã theo đường hư không đi ư?
- Thật vậy, này Ānanda.
- Thế thì các vị ấy là bậc Lậu Tận hay sao? Bạch Thế Tôn.
- Đúng như vậy, này Ānanda! Chư Tỳ Khưu ấy sau khi nghe Như Lai thuyết pháp, đã chứng đắc ngay quả A La Hán tại chỗ ngồi.

Bây giờ, có con hạc đang bay trên hư không, Bậc Đạo Sư nhân đó dùng hình ảnh ấy, phán dạy Trưởng Lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! “Người nào khéo tu tập Tứ Thần Túc rồi, người ấy thường bay trên hư không, ví như chim hạc kia vậy.”

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Haṃsādiccapathe yanti, Ākāse yanti iddhiyā; Nīyanti dhīrā lokamhā, Jetvā māraṃ savāhinim.”	“Như chim thiên nga bay, Thần thông liệng giữa trời; Chiến thắng ma, ma quân, Kẻ trí thoát đời này.”
--	--

(Ngài HT Minh Châu)

175. Chim Thiên nga bay dài theo đường mặt trời. (Con người) nhờ thần thông bay giữa không trung. Bậc thiện trí thoát ra khỏi thế gian này, nhờ chính phục Ma

Vương và khách của Ma Vương.

### **CHÚ GIẢI:**

Bậc trí nên hiểu câu kệ ngôn này như vậy:

“Đàn hạc thường bay theo đường mặt trời, tức là bay liệng trong hư không. Cũng như thế ấy, người khéo tu tập được Tứ Thần Túc, người ấy tưởng đi trên hư không do năng lực thần thông của mình.”

Người có trí, là bậc sáng suốt thắng được Ma Vương, thoát ra khỏi trói buộc của Chúa Ma, tức là có được phương tiện thoát ra khỏi luân hồi, nghĩa là chứng đắc được Níp Bàn.

Dứt Pháp thoại, có nhiều chúng sanh chứng đắc Pháp nhãn



### **Dịch Giải Câu Đề**

*Vừa mới về thăm Phật, kể đi*

*Theo đường phi diêu, thật ly kỳ!*

*Ba mươi sư đắc Lực hán quả,*

*Làm Đức A Nân chẳng biết gì!*

*Phật dạy: theo đường hướng mặt trời,*

*Thiên nga giống ruồi, vượt ngàn kheo,*

*Người thần thông giỏi, bay cao được*

*Kẻ trí trừ ma, thoát khỏi đời.*

**DỨT TÍCH CHUYỆN BA MƯƠI VỊ TỖ KHƯU**





**175. Nhu đàn thiên nga bay, các bậc trí vững vàng  
tiến lên thoát khỏi cuộc đời này.**

Xem lai hình này

## NÀNG CIÑCAMĀṄAVIKĀ *Ekadhammatitassāti*

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 176)**

*“Ekaṃ dhammaṃ atitassa, “Ai vi phạm một pháp,  
Musāvādissa jantuno; Ai nói lời vọng ngữ,  
Vitiṇṇaparalokassa, Ai bác bỏ đời sau,  
Natthi pāpaṃ akāriyaṃ.” Không ác nào không làm.”*

(Ngài HT Minh Châu)

Kệ Pháp cú này được Đức Bốn Sư thuyết lên, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nàng Ciñcamāṅavikā.

Tương truyền rằng: Trong thời đầu tiên hoàng hóa Chánh Pháp, Đấng Thập Lực có rất đông đại chúng, số lượng đệ tử ngày càng tăng thịnh, hội chúng Sa môn Thích Tử càng phát triển. Đa số Chư Thiên cùng nhân loại đi vào Thánh Vực. Khi Đạo Quang của Đức Thế Tôn càng lan rộng thì Tăng chúng càng phát sanh nhiều thắng lợi, danh thơm, tài vật càng tăng thịnh...

Bấy giờ, các ngoại đạo giống như con đom đóm giữa ánh sáng nhật nguyệt rạng ngời. Bọn Ngoại đạo sư cuồng nộ, đứng bên ven lộ tuyên bố với chúng thị dân rằng:

- Này các người! Chẳng phải chỉ có Sa môn Gotama là vị Phật thôi. Chúng tôi cũng là vị Phật vậy. Cúng dường đến Sa môn Gotama có quả báu như thế nào, thì cúng dường đến chúng tôi cũng có nhiều quả phước như thế. Các người nên làm những gì đáng làm đến chúng tôi đi.

Tuy ngoại đạo tuyên thuyết lên như thế, nhưng lợi lộc vẫn không phát sanh đến cho họ được. Họ liền hội họp cùng nhau rằng:

- Chúng ta hãy nêu tội trạng của Sa Môn Gotama giữa đại chúng khiến cho lợi lộc của y sẽ bị tổn giảm. Nhưng chúng ta phải làm như thế nào đây nhỉ?

Trong khi ấy, trong thành Sāvattihī có nàng cư sĩ ngoại đạo là Ciñcamāṇavikā, nàng ta có một nhan sắc lộng lẫy như thiên tiên, thân nàng có đầy đủ những nét diễm kiều.

Bây giờ một gã ngoại giáo suy nghĩ được một cách vu họa đến Đức Thế Tôn rằng:

- Chúng ta hãy nhờ nàng Ciñcamāṇavikā nêu tội của Sa môn Gotama làm cho y cùng hội chúng của y bị tổn giảm lợi lộc.

Chúng ngoại đạo hoan hỷ tán thành kế ấy rằng: *“Thật là diệu kế”*.

Thế là, khi nàng Ciñcamāṇavikā đi đến tu viện của ngoại Đạo Sư, nàng đánh lễ xong rồi, đứng yên tại một chỗ. Bọn ngoại đạo không ngỡ ngàng cũng không nói đến nàng chi cả. Nàng Ciñcamāṇavikā suy nghĩ rằng:

- Hẳn là ta đã phạm tội gì với quý Ngài đây, nhưng ta không biết được lỗi ấy là lỗi chi?

Nàng liền bạch hỏi rằng:

*“Thưa các Ngài! Có phải là tôi đã phạm một lỗi lầm trầm trọng đến quý Ngài chăng?”*

Bọn ngoại đạo vẫn im lặng, nàng bạch hỏi đến ba lượt:

- Bạch các Ngài! Tôi xin đánh lễ các Ngài, chẳng hay tôi đã phạm vào lỗi gì đối với các Ngài vậy? Tại sao các Ngài lại im lặng đối với tôi như thế?

- Này cô! Cô không biết rằng Sa môn Gotama đã làm chúng tôi tổn giảm lợi đắc hay sao?

- Bạch các Ngài! Tôi nào biết việc ấy đâu. Vậy thì trong chuyện này tôi phải làm sao?

- Này cô! Nếu cô muốn đem lại sự an lạc cho chúng tôi, cô hãy nêu tội sa môn Gotama ra, như thế sẽ khiến lợi đắc của y tổn giảm.

- Được thôi, điều ấy là việc làm của tôi, xin các Ngài đừng có suy nghĩ chi cả.

Nàng Ciñcamāṇavikā đi vào Tịnh Xá Jetavana ngày hôm sau, nàng mặc chiếc áo có màu vàng như con rùa vào Tịnh Xá, tay cầm hương hoa, vật thơm... Khi vào Tịnh xá nghe Pháp được thời gian ngắn, bấy giờ nàng đợi cho thính chúng nghe Pháp ra về hết, nàng mới ra về sau, rồi thì nàng chờ cho Đại chúng nghe pháp ra về khi ấy nàng mới đi đến Tịnh Xá, khi gặp người hỏi, thì nàng xảo quyết trả lời câu hỏi của người ấy: *“Nàng đi đâu đến Tịnh Xá vào giờ này”*

Nàng: *“Tôi đi đâu thì mặc kệ tôi, các người hỏi mà làm gì?”*. Thờ lúc vắng người, nàng lén trốn về trú nơi Tịnh xá của ngoại đạo ở gần đó. Khi gần sáng, đợi có bóng người lảng vắng, là cận sự nữ hay cận sự nam đến đánh lễ Đức Thế Tôn, nàng lại giả vờ như người vừa từ Tịnh Xá Jetavana trở về, các cận sự hỏi rằng: *“Này cô! Cô ở đâu mà về thế?”*

Nàng: *“Các người hỏi nơi trú ngụ của tôi để mà làm gì?”*

Trải qua một, hai tháng sau, khi bị hỏi, nàng tỏ vẻ thật thà nói rằng:

*“Tôi ngụ chung Hương Thất với Sa môn Gotama trong Tịnh xá Jetavana”*

Những kẻ phàm nhân nghe vậy, phát sanh nghi hoặc rằng:

- Điều nàng này nói có thật như thế chẳng nhỉ?

Đến khoảng ba, bốn tháng sau, nàng lấy vải độn vào bụng, giả như người có mang, làm cho hạng phàm nhân thiếu trí nghĩ rằng: *“Đây là thai bào do Sa môn Gotama tạo ra”*. Vào khoảng 8-9 tháng sau, nàng dùng gỗ tròn, đẽo gọt tròn lẳn rồi độn vào bụng phủ áo bên ngoài, nàng còn gian xảo dùng cây đập vào tay chân, mình mẩy cho sưng lên, giống như người sắp đến thời kỳ sanh nở.

Một hôm, vào buổi chiều khi Đức Thế Tôn đang giảng Pháp thoại giữa đại chúng nơi Giảng Pháp đường. Nàng Ciñcamāṇavikā đi vào giữa Giảng đường, đứng giữa hội chúng, trước mặt Đấng Như Lai, nói rằng: Này ông Đại Sa Môn! Ông chỉ giỏi nói Pháp cho thính chúng nghe mà thôi, tiếng của ông thanh tao, giọng nói của ông ngọt ngào, lời nói của ông thật là êm ái. Riêng tôi cũng vì thế mà nay đã đến ngày sanh rồi.

Sao ông không biết đến việc sanh nở của tôi, ông không biết điều dưỡng thai nhi bằng những loại thuốc bổ dưỡng như bơ lỏng, sữa, đậu mè... Ông không tự làm, cũng không hề sai bảo cận sự nam hay cận sự nữ của mình như bà Visākhā hoặc ông Nāthapindika, hoặc giả một cận sự nào khác rằng: *“Hãy lo cho nàng Ciñcamāṇavikā này. Ông chỉ là người biết hưởng thụ khoái lạc, không hề biết đến phận sự chu toàn cho thai nhi của chính mình”*.

Nàng Ciñcamāṇavikā giống như người cầm phân toan bôi bẩn mặt trăng sáng, nàng tạo thành ác trọng nghiệp quá nặng, là phi báng Đức Thế Tôn, vu họa cho Ngài giữa đại hội chúng như thế.

Khi ấy, Đức Thế Tôn rống lên tiếng rống Sư Tử Vương rằng:

- Này Ciñcamāṇavikā: Sự việc mà nàng vừa nói đó, chỉ có nàng và Như Lai biết rõ mà thôi.

- Đúng như thế, này ông Đại Sa Môn! Điều đó phát sanh lên chỉ có ông và tôi biết mà thôi.

Đức Thế Tôn im lặng, khi ấy nơi Bảo Tọa của Đức Thiên Vương bỗng nóng ran, Ngài ngạc nhiên suy nghĩ: *“Ai muốn chiếm ngôi vị của ta như thế”*.

Thiên chủ dùng Thiên Nhãn quán xét thế gian biết rằng nàng Ciñcamāṇavikā đã phi báng và vu cáo Ngài giữa đại chúng, làm phát sanh nghi ngờ cho Đại chúng. Thiên Chúa suy nghĩ: *“Ta sẽ thanh minh việc này giữa Hội chúng, làm thanh tịnh Giới hạnh Sa môn của Ngài”*, ĐỂ Thích sai bốn vị Thiên Tử đến phán:

- Các người hãy đến Tịnh xá Jetavana làm rõ ràng minh bạch việc nàng Ciñcamāṇavikā vu cáo Đức Thế Tôn.

Bốn vị Thiên Tử vâng lệnh ĐỂ Thích, đi đến Jetavana, hóa thành bốn con chuột, cắn đứt vải buộc khúc gỗ tròn, rồi nổi gió lên thổi tung vạt áo, khiến khúc gỗ tròn đột nhiên rơi xuống bàn chân của nàng Ciñcamāṇavikā, khiến hai chân nàng đau đớn kinh khủng.

Sự việc ấy, đã làm sáng tỏ giới hạnh thanh nghiêm của Đức Thế Tôn, và tố cáo sự cáo gian của nàng Ciñcamāṇavikā, đại chúng phân nộ rằng: *“Này ác nữ! (Tại sao) người lại phi báng Đức Thế Tôn với những lời phi*



*chân thật như thế?”*

Đại chúng tân xuất nàng ra khỏi Tịnh xá Jetavana, cùng làm những hình phạt ô nhục dành cho nàng. Nàng Ciñcamāṇavikā vừa ra khỏi Tịnh xá Jetavana, khuất mắt Đức Thế Tôn, quả địa cầu bỗng nứt ra rút nàng vào tận Đại địa ngục A Tỳ, ngọn lửa trong ngục A Tỳ phun ra thiêu đốt nàng vàng hực như tấm vải vàng mà nàng hằng mặc. Sau việc này, lợi đặc của ngoại giáo càng tổn giảm nặng nề, trái lại lợi đặc của Tăng chúng càng thêm tăng thịnh.

Sáng hôm sau chư Tỳ Khuu cùng nhau bàn luận trong Giảng Đường rằng:

- Này chư Hiền giả! Nàng Ciñcamāṇavikā đã phi báng Đức Thế Tôn Chánh Đẳng Giác, là bậc đáng cúng dường cao thường hơn mọi nhân thiên, là bậc có ân đức vô lượng như thế. Với lời vu khống, phi chân như thế đã mang đến tổn thất nặng nề cho nàng.

Từ nơi Hương Thất, với thiên nhĩ thuần tịnh Siêu Nhân, Bậc Đạo Sư nghe được sự luận bàn ấy, Ngài ngự đến Giảng đường, ngồi vào nơi được soạn sẵn, phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ Khuu! Bấy giờ các người ngồi lại đây, bàn luận về việc chi thế?

- Bạch Thế Tôn, về chuyện như vậy...

Đức Thế Tôn, Ngài phán dạy rằng:

- Này các Tỳ Khuu! Chẳng phải chỉ trong kiếp này nàng Ciñcamāṇavikā vu khống Như Lai rồi phi báng. Mà trong quá khứ, nàng cũng đã từng làm như thế rồi, và cũng bị tổn hại như thế.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tỳ Khuu, Đức Thế Tôn thuyết lại Bốn Sanh Mahāpaduma trong Dvādosakanipāta

với đầy đủ chi tiết rằng: “*Người không thấy được lỗi nhỏ, lớn của người khác một cách toàn diện. Tự mình chưa kịp quán xét (thì) không nên hành phạt*”. Ngài phán rằng: Trong thời đó, nàng Ciñcamāṇavikā chính là kế mẫu của Bồ tát Mahāpaduma, là Hoàng Hậu của Đức Vua, cha của Bồ Tát, đã toan nài ép Bồ Tát hành phi phạm hạnh với nàng, nhưng Bồ Tát cự tuyệt, nàng già vờ bệnh nặng, tâu với Đức Vua rằng:

- Con của Bệ Hạ đã làm cho thần thiếp không còn muốn sống nữa, nên phải bị bệnh.

Đức Vua nổi giận, cho bắt Bồ Tát ném xuống núi, là hố chôn xác bọn cướp cho chết đi.

Một Thiên nhân ngụ gần sườn núi ấy, đã đỡ lấy Bồ Tát mong Ngài xuống Long Cung. Long Vương nhường cho Bồ Tát nửa Thủy Quốc, Bồ Tát sống ở Long Cung được một năm, Ngài lại trở về Nhân giới, xuất gia làm đạo sĩ trong rừng Tuyết Lãnh, chứng đắc thiên định và thần thông.

Bấy giờ, có người thợ săn, y lạc đường khi đi sâu vào rừng Tuyết Lãnh, thấy Bồ Tát liền trở về báo lại Đức Vua. Đức Vua rất vui mừng ngự thân đến nơi ngụ của Bồ Tát, được Bồ Tát tiếp đón rất cung kính, Ngài thuật lại mọi việc câu chuyện, cùng với sự dâm loạn của Hoàng Hậu. Nghe rõ câu chuyện, Đức Vua hối hận, mời Bồ Tát trở về thay Vua trị quốc, nắm giữ Vương quyền. Nhưng Bồ Tát khước từ, trước khi từ giả Phụ Vương, Ngài ban lời giáo huấn Vương Phụ:

- Tâu Phụ Vương! Con chẳng còn có phận sự gì đối với Vương Quốc cả. Xin Phụ Vương hãy trị dân theo đúng Thập pháp Vương, hãy từ bỏ sự thiên vị. Xin Phụ vương hãy là người cai trị Vương Quốc tốt đẹp đi, hãy xứng đáng là vị Minh quân vậy.

Đức Vua đành gạt lệ từ giã đứa con thân yêu hiền trí trở về kinh thành, trên đường về Đức Vua hỏi các Đại Thần rằng:

- Do ai mà Trẫm mất đứa con hiền trí, hiếu hạnh như vậy?

- Tâu Bệ Hạ! Đó là do Hoàng Hậu làm ra.

Đức Vua nghe tâu như thế, truyền lệnh bắt Hoàng Hậu, tự thân Ngài nắm lấy hai chân Hoàng Hậu đỡ lên cao, ném xuống hố bọ cướp, rồi Ngài trở về kinh thành cai trị Vương Quốc theo đúng Thập Vương Pháp của vị Minh quân.

Bồ Tát Mahāpaduma chính là tiền thân của Đức Thế Tôn, kế mẫu của Ngài nay là nàng Cīncamānavikā.

Sau khi thuyết giảng ý nghĩa này xong, Đức Thế Tôn phán dạy rằng:

- Này các Tỳ Khưu! Gọi là ác nghiệp mà người đã từ bỏ pháp chân thật ấy, sống bằng pháp hư ngụy phi ngôn, là người làm mất đi gốc hướng thượng cho đời sau, vì rằng: Như vậy thì không có tội lỗi nào mà người ấy không dám làm cả.

Rồi Ngài phán lên kệ ngôn rằng:

“Ekaṃ dhammaṃ atītaṃ,   *Ai vi phạm một pháp,*  
Musāvādissa jantuno;   *Ai nói lời vọng ngữ,*  
Vittiṇṇaparalokassa,   *Ai bác bỏ đời sau,*  
Natthi pāpaṃ akāriyaṃ.”   *Không ác nào không làm.”*

(Ngài HT Minh Châu)

176. Không có điều ác nào mà người vọng ngữ vi phạm định luật (chơn thật), và đứng dưng trước thế giới

bên kia, không làm được.



### CHÚ GIẢI:

***Ekaṃ dhammaṃ***: Nghĩa là pháp độc nhất, chính là pháp chân thật.

***Musāvādissa***: Nghĩa là trong 10 lời nói chân thật, thì một lời cũng không có đến cho người nào, người ấy được gọi là người thường vọng ngôn.

***Vittiṇṇaparalokassa***: Nghĩa là người đã mất gốc, dứt mất sự tăng trưởng tốt đẹp cho đời sau. Người như thế sẽ không nhận được một trong ba loại tài sản là nhân sản, thánh sản và thiên sản.

***Natthi pāpaṃ***: Nghĩa là sự nghi ngờ là tội lỗi như vậy mà người đó, tức là người như vậy không làm thì không có.

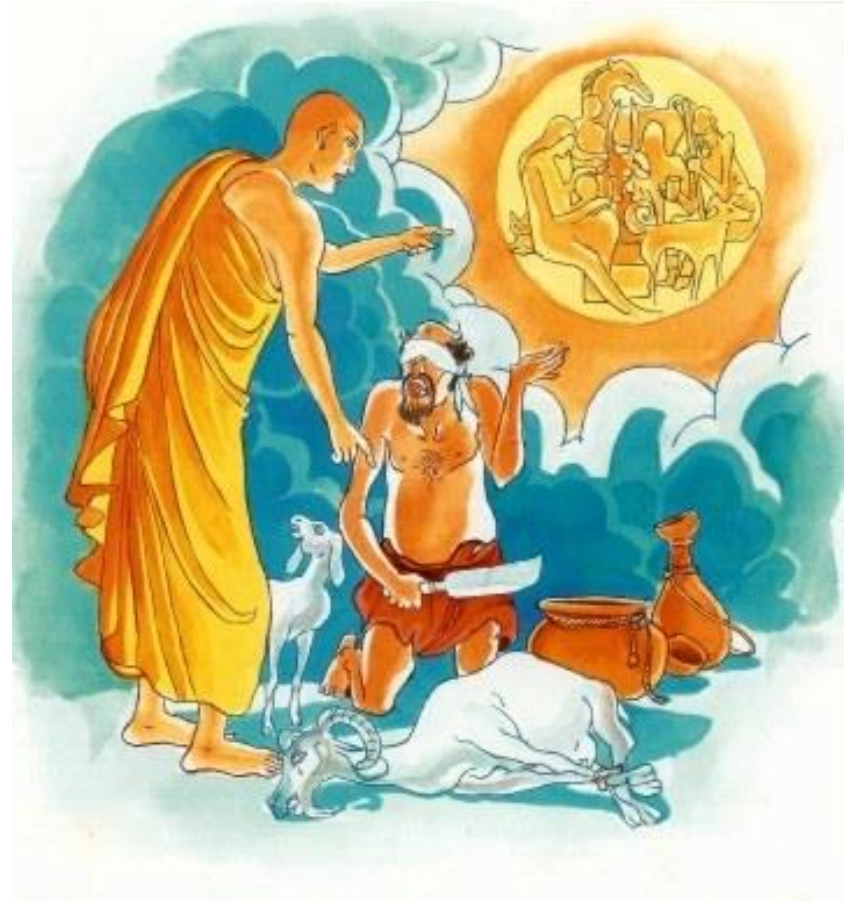
Dứt Pháp thoại nhiều người an trú vào Dự Lưu Quả...



### Dịch Giả Cẩn Đề

*Ngoại đạo Chính Cha đẹp tợ tiên,  
 Hằng ngày dọn bưng đến Kỳ Viên.  
 Để phao vu Phật trò ân ái;  
 Dân chúng ngu khờ cũng đảo điên!  
 Thiên Vương Đế Thích nóng ngai vàng,  
 Không thể ngồi yên, xuống đạo tràng,  
 Hôa chuột, cắn dây đai buộc bụng  
 Lùm rơi khúc gỗ, dập chân nàng.  
 Thiện tín đứng lên đánh Chính Cha,  
 Người cầm gạch đá, đuổi nàng ra,  
 Khỏi chùa, đất sụp và chôn sống  
 Rề cổ tâm bôi lọ Thích Ca.  
 Phật dạy: Ai vi phạm lý chân,  
 Nói lời giả dối, gạt thường nhân,  
 Không tin quỷ báo, luân hồi nghiệp,  
 Thì có ác nào chẳng dám làm?*

DỨT TÍCH NÀNG CIÑCAMĀṄAVIKĀ



176. Không có tội lỗi nào mà một kẻ dối trá vô sĩ với tâm đầy nghi hoặc không phạm (= kẻ dối trá có thể phạm mọi tội lỗi.)



**ĐẠI THÍ VÔ SONG***Nave kadariyā devalokaṃ vajatīti,***KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 177)**

**“Na ve kadariyā devalokaṃ vajanti,  
Bālā have nappasaṃsanti dānaṃ;  
Dhīro ca dānaṃ anumodamāno,  
Teneva so hoti sukhī parattha.”**

***Keo kiết không sanh thiên,  
Kẻ ngu ghét bố thí,  
Người trí thích bố thí,  
Đời sau, được hưởng lạc.”***

*(Ngài HT Minh Châu)*

Kệ ngôn Pháp cú này được Đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến cuộc đại thí vô song của Vua Pasenadi.

Tương truyền rằng: Một thời nọ, sau khi Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ Khưu đi du hóa, rồi Ngài trở về trú tại Jetavana gần thành Sāvattihī. Bấy giờ, Đức Vua Pasenadi đi đến Tịnh xá, bạch thỉnh rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin thỉnh Đức Thế Tôn cũng chư Tăng ngự đến Hoàng cung của Trẫm thọ thực vào ngày mai.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời, Đức Vua trở về Hoàng Cung. Vào sáng hôm sau, Ngài cho chuẩn bị mọi vật thực thượng vị để cúng dường, loan truyền trong thần dân rằng:

- Hãy đến xem sự cúng dường của Vua Pasenadi Kosala.

Dân chúng tề tựu đến Hoàng cung, chứng kiến sự cúng dường của Đức Vua. Rồi đại chúng đi đến Tịnh xá bạch thỉnh Đức Thế Tôn cùng chư kỳ khưu nhận lời thọ thực vào Ngai mai của thị dân Sāvattihī.

Vào sáng hôm sau, khi đã chuẩn bị đầy đủ mọi vật thí thượng vị, đại chúng đến tâu với Đức Vua rằng:

- Tâu Bệ Hạ! Xin thỉnh Bệ Hạ ngự đến xem chúng thần cúng dường Đức Thế Tôn và chư Tăng.

Sự cúng dường của thị dân hơn hẳn Đức Vua ngày hôm trước. Khi Đức Vua ngự đến xem, thấy thế nghĩ rằng:

*“Dân chúng cúng dường hơn cả ta rồi. Một vị Vua như ta không thể thua chúng thần dân”*

Thế là, Đức Vua bạch xin cúng dường Tăng chúng có Đức Phật là vị Thượng Thủ vào ngày mai.

Đức Vua lại cúng dường hơn thị dân Sāvattihī, cứ như thế cuộc tranh tài về thí sự giữa thị dân và Đức Vua kéo dài đến 6 lần. Đến lần thứ bảy thì chúng thị dân dốc tất cả tài lực vào cuộc đại thí, cuộc cúng dường của thị dân vô cùng long trọng, không ai có thể phản nản rằng: Trong cuộc đại thí này thiếu đi loại vật được chúng dân đem đến cúng dường.

Đức Vua kinh hoàng trước đức tin của thị dân, Ngài suy nghĩ:

- Nếu sự cúng dường của ta mà thua kém chúng dân thì ta còn mặt mũi nào làm Chúa của họ được chứ.

Đức Vua cứ băn khoăn, suy nghĩ tìm phương cách bố thí hơn thị dân Sāvattihī. Bấy giờ, Hoàng Hậu Mallikā đi

vào yết kiến Đức Vua, thấy Ngài đang đăm chiêu suy nghĩ, bà hỏi rằng:

- Tâu Bệ Hạ! Vì sao Ngài ủ rũ như thế? Vì sao Long Thế của Bệ Hạ có vẻ đã dợt như thế này?

- Nầy Hậu! Hậu chưa biết việc chi hay sao?

- Tâu Bệ Hạ! Thần thiếp nào biết được việc gì đâu?

Đức Vua tường thuật lại cuộc thi tài cúng dường giữa mình với thị dân, đã trải qua 6 lần bất phân thắng bại cho Hoàng Hậu nghe tận tường. Bấy giờ, Hoàng Hậu tâu rằng:

- Tâu Thánh thượng! Xin Ngài chớ nhọc tâm suy nghĩ nữa. Lễ thường là vị Chúa tất phải hơn chúng dân chứ. Ngài hãy nghe và biết như thế đi, thần thiếp sẽ giúp Bệ Hạ thắng cuộc trong thí sự này.

Hoàng hậu tâu với Đức Vua như thế, vì nàng muốn rằng sự cúng dường tối thắng này do bà sắp xếp, sự cúng dường này là cuộc đại thí sự không một thí sự nào có thể sánh bằng.

- Tâu Đại Vương! Xin Ngài hãy cho làm nhà Trai đường bằng cây quý, nền được san bằng phẳng, mái nhà là cây mà phải là cây Sôla mới được. Trai thí đường này rộng rãi, đủ chỗ cho Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳ Khưu ngồi theo thứ lớp cao thấp được phân theo hạ lạp. Bên ngoài là sân rộng dành cho đại chúng. Hãy cho làm 500 cây lọng trắng, lọng che Đức Thế Tôn là lọng hai tầng, còn những vị Tỳ Khưu là lọng một tầng. Chọn 500 thớt tượng thuần hóa để cầm lọng che cho các Ngài. Cho làm từ 8 đến 10 chiếc thuyền vàng đặt giữa trai đường, trong thuyền ấy chứa đầy hương trầm Chiên Đàn được tán nhuyễn, cho những nàng Công Nương đứng quanh thuyền, dùng hoa sen xanh để rải hương thơm Chiên Đàn cúng dường Đức Phật và chư

Tăng, cho mỗi vị Công Nương đứng quạt hầu hai vị Tỳ Khưu và rải hương hoa cúng dường khắp hướng. Những vị Công Chúa trẻ tuổi sẽ mang vật thơm được tán nhuyễn đổ vào thuyền. Mùi hương thơm sẽ thơm ngát ngôi trai thí đường ấy. Rồi Đại Vương cho dâng những vật thực có đầy đủ hương vị tối thắng đến Đức Thế Tôn cùng chư Tăng. Như thế, Bệ Hạ sẽ thắng cuộc vì thị dân làm sao có được voi thuần hóa, cũng không thể có những Công Nương xinh đẹp trang điểm lộng lẫy phục vụ chư Tăng và Đức Thế Tôn. Xin Thánh thượng hãy thực hiện như thế đi.

- Lành thay! Lành thay, nầy Ái Hậu.

Đức Vua thực hiện y theo lời của Hoàng Hậu Mallikà, mọi việc tiến hành được thuận lợi và tốt đẹp. Chỉ riêng về tượng chiến thì chỉ có được 499 con là thuần hóa, có thể điều khiển voi dùng vòi quấn lọng hầu chư Tăng mà thôi. Đức Vua bối rối, hỏi Hoàng Hậu rằng:

- Nầy Hậu! Voi chiến thuần hóa chỉ có được 499 con thôi, thiếu mất một con, vậy Trẫm phải xử trí ra sao bây giờ?

- Tâu Bệ Hạ, không có đủ 500 voi chiến sao?

- Nầy Hậu, tượng chiến thì có nhiều, nhưng tượng được thuần hóa rồi chỉ có 499 con thôi. Lại nữa, có con tượng rất hung dữ, e rằng nó sẽ nổi cơn hung bạo như cuồng phong, làm hại đến chư Tỳ Khưu.

- Tâu Bệ Hạ! Thần thiếp biết cách, sắp xếp hung tượng ấy vào đâu rồi. Bệ Hạ hãy cho hung tượng ấy đứng cầm lọng hầu Ngài Angulimāla đi.

Đức Vua y theo lời của Hoàng hậu Mallikà. Khi hung tượng cầm lọng đứng hầu Trưởng Lão Angulimāla thì nó trở nên hiền thực như đã từng được dày công huấn luyện.

Nó cúp đuôi vào hai chân sau, hai tai phe phẩy, đứng ôm lọng nhắm mắt che cho Trưởng Lão Angulimāla. Chúng thị dân trông thấy như thế, suy nghĩ rằng:

- Tượng này có tiếng là hung dữ bậc nhất, thế mà Trưởng Lão Angulimāla chinh phục được tượng hung hãn ấy.

Đức Vua sau khi cúng dường vật thực thượng vi loại cứng loại mềm đến chư Tăng rồi cung kính đánh lễ Đức Thế Tôn và chư tăng. Trải qua 7 ngày như thế, đến ngày thứ bảy thì Đức Vua bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Trong cuộc đại thí vật trọng thể này, ngoài những vật bất hợp lẽ, vật nào đang cúng hợp pháp Trẫm xin cúng dường tất cả đến Đức Thế Tôn và chư Tỳ Khưu Tăng.

Người ta bảo rằng: Trong cuộc đại thí ấy, Đức Vua đã tiêu hết 14 koti tiền vàng trong một ngày. Cả bốn vật là: Lọng, Bảo tọa, chân bát và bệ kê chân dành cho Đức Phật và chư Tăng Tỳ Khưu đều là những vật vô giá toàn bằng vàng ròng cả. Không một ai có thể cúng dường thí vật tối thắng hơn Vua Pasenadi được và trong đời Đức Phật hiện tiền (kể cả chư Phật quá khứ) các Ngài chỉ có một lần Đại thí vô song mà thôi. Và cũng phải do người nữ sắp xếp (sự cúng dường ấy) đến Bạc Đạo Sư được thành tựu viên mãn.

Đức Vua Pasenadi có hai vị quan Đại Thần là Kāla và Junha. Vị Đại Thần Kāla có sự suy nghĩ thấp kém rằng:

- Ôi! Sự tổn hại đã đến và vây Hoàng Tộc rồi, Đức Vua đã bỏ ra 14 Koti tiền vàng trong mỗi ngày cho đại thí này, cúng dường đến các vị Sa môn ấy, khi các vị ấy chỉ có ăn rồi ngủ mà thôi. Công khổ của Hoàng Tộc sẽ đi đến chỗ suy vong mất. Hoàng Tộc có sự tổn hại như vậy rồi.

Riêng Đại Thần Junha thì hoan hỷ, nghĩ rằng:

- Sự cúng dường của Đức Vua thật là thù diệu và hy hữu, ngoài Ngài ra không một ai có thể cúng dường thí vật cao thượng được như thế nữa. Đức Vua không chia phần phước báu của mình đến các chúng sanh, việc như thế sẽ không hề có đến cho Ngài đâu. Vậy ta hãy hoan hỷ với phước báu cao thượng của Đức Vua Pasenadi.

Khi Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ Khưu đã thọ thực xong, tay rời khỏi miệng bát, đã ngậm vật thực. Đức Vua đến nhận bát và lời phúc chúc tùy hỷ nơi Bạc Đạo Sư, Đức Thế Tôn suy nghĩ:

- Đức Vua cúng dường Đại thí như vậy, ví như giòng nước lớn được khai mở, nhưng đại chúng hoan hỷ không nhỉ?

Ngài dùng trí quán xét, thấy được hai nguồn tư tưởng của hai vị Đại Thần, và quán tiếp Ngài thấy rằng: *“Nếu Như Lai tùy hỷ phước cho xứng đáng với phước báu của Đức Vua, thì Đại Thần Kāla sẽ vỡ tim, đầu bị bể thành bảy mảnh mà chết. Trái lại Đại thần Junha sẽ chứng đạt Dự Lưu Quả”*

Với tâm đại bi đối với Đại thần Kāla, Ngài chỉ tùy hỷ phước bằng bốn kệ ngôn ngắn, rồi từ nơi ngồi đứng dậy cùng Tăng chúng trở về Tịnh xá. Khi về đến Jetavana, chư Tỳ Khưu hỏi Trưởng Lão Angulimāla rằng:

- Này Hiền giả! Hiền giả thấy con tượng hung dữ ấy, đứng cầm lọng che cho mình như thế, Hiền giả có hãi kinh chăng?

- Này chư Hiền! Tôi không có sự sợ hãi đó đâu.

Chư Tỳ Khưu cho rằng Trưởng Lão là người khoe Thượng Nhân Pháp, là đạo quả A La Hán, nên trình bạch

với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tỳ Khuu Angulimāla đã nói điều phi chân, sai với ý của mình.

- Này các Tỳ Khuu! Angulimāla hằng không còn kinh sợ nữa, con của Như Lai giống như Ngưu Vương giữa đàn bò, tức là đồng với Bạc Vô Lậu rồi.

Ngài thuyết lên kệ ngôn (trong phẩm Bà La Môn) rằng:

*“Ta nói rằng: Người dũng cảm, cao thượng, hùng dũng, người tâm cầu ân đức lớn, người chiến thắng đặc biệt, người không rung động, người đã rửa sạch (mọi ô nhiễm) người đã giác ngộ, đó gọi là Bà La Môn”*

Riêng Đức Vua Pasenadi u sầu khi nghe Đức Thế Tôn chỉ tùy hỷ phước bằng bốn câu kệ ngắn, rằng:

*“Bậc Đạo Sư đã không tùy hỷ phước xứng đáng với sự cúng dường của ta, giữa hội chúng Ngài chỉ thuyết lên có bốn câu kệ ngôn vẫn tắt như thế, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Có lẽ ta đã thất kính với Đức Đạo Sư, đã cúng dường bất xứng đến Ngài rồi chăng? Có phải chăng ta đã làm cho Ngài không hoan hỷ. Lẽ ra Ngài sẽ tùy hỷ phước xứng đáng với đại thí này rồi. Vì Ngài hằng tùy hỷ xứng đáng với những ai hằng hành đại thí hạnh kia mà.”*

Đức Vua đi đến Tịnh xá Jetavana, vào đánh lễ Đức Thế Tôn, xong rồi bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Có phải Trẫm cúng dường vật không thích hợp chăng? Hay là vật cúng dường của Trẫm không được thanh tịnh? Hoặc Trẫm chỉ cúng dường vật bất xứng còn vật thích hợp lại không cúng dường?

- Tâu Đại Vương! Vì sao Đại Vương lại hỏi Như Lai như thế?

- Bạch Thế Tôn! Vì Trẫm thấy Ngài tùy hỷ phước đại thí chỉ bốn kệ ngôn ngắn.

- Này Đại Vương! Đại Vương đã cúng dường đại thí vật Vô song. Đó là sự cúng dường thí vật không sự cúng dường thí vật nào có thể so sánh được. Trong đời chư Phật chỉ có một lần Vô Song Thí như thế thôi. Lẽ thường, đại thí như thế, người thường khó làm.

- Nếu sự kiện là như thế, vì sao Đức Thế Tôn lại không, phúc chúc cho xứng với đại thí như thế.

- Này Đại Vương! Vì trong hội chúng của Đại Vương không được trong sạch.

- Bạch Thế Tôn! Vậy trong hội chúng có làm lỗi chi thế?

Đức Thế Tôn thuật lại hai ý nghĩ của Đại Thần Kāla và Đại Thần Junha, rồi cho Vua biết rằng với tâm đại bi mẫn đối với Kāla, nên Ngài chỉ chúc phước ngắn gọn bằng bốn câu kệ mà thôi.

Được nghe như thế, Đức Vua trở về Hoàng Cung cho đòi Đại Thần Kāla đến, hỏi rằng:

- Này Kāla khanh! Được biết rằng khanh có ý nghĩ như thế, như thế phải chăng?

- Tâu Đại Vương! Có thật như thế.

- Này khanh! Ta và Hoàng Tộc đâu có dùng tài sản của khanh hay của gia tộc khanh để cúng dường, Trẫm cũng không có làm điều chi khiến khanh buồn phiền cả. Vậy thì, tài sản nào mà Trẫm đã ban cho khanh, khanh hãy mang theo đi, khanh hãy rời khỏi Vương Quốc của Trẫm.

Đức Vua sau khi tâu xuất Đại Thần Kāla ra khỏi Vương quốc rồi, Ngài cho gọi Junha đến phán hỏi rằng:

- Được nghe rằng khanh có được ý nghĩ như thế phải chăng?

- Tâu Bệ Hạ! Vâng.

- Lành thay! Lành thay, Trẫm rất hành lòng về khanh, Trẫm sẽ ban cho khanh ngôi vị Quốc Vương trong 7 ngày, khanh toàn quyền xuất cửa kho ra hành thí hạnh như Trẫm đã làm.

Đức Vua Pasenadi giao vương quốc cho Đại Thần Junha trị vì 7 ngày. Rồi Đức Vua đến trình lên Đức Thế Tôn việc làm của mình, bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy nhìn thấy hậu quả xấu của kẻ cuồng si kia, y đã khinh thường sự tín thí của Trẫm cúng dường như thế đấy.

Đức Đạo Sư phán rằng:

- Thật vậy, này Đại Vương! Kẻ ngu không hoan hỷ với thí hạnh của kẻ khác, là người sẽ nhận lấy khổ cảnh sau này. Còn Bậc Đại trí có sự hoan hỷ thí hạnh của kẻ khác nên nhận được thiên giới sau này vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Na ve kadariyā devalokaṃ vajanti,  
Bālā have nappasamsanti dānaṃ;  
Dhīro ca dānaṃ anumodamāno,  
Teneva so hoti sukhī parattha.”

“Keo kiết không sanh thiên,  
Kẻ ngu ghét bố thí,  
Người trí thích bố thí,  
Đời sau, được hưởng lạc.”

(Ngài HT Minh Châu)

177. Đúng như vậy, người hà tiện không lên cảnh trời. Kẻ cuồng si không tán dương đức quảng đại.

Người thiện trí hoan hỷ bố thí, do đó được hạnh phúc về sau.



### CHÚ GIẢI:

**Kadariyā:** Nghĩa là người có sự bòn xén, rón rít. Người không biết lợi ích đời này và đời sau, gọi là ngu nhân.

**Sukhī parattha:** Nghĩa là Bậc trí khi thọ hưởng Thiên sản, gọi là người có sự an lạc về sau, vì chính do quả phước tùy hỷ về sự bố thí đó.

Dứt kệ ngôn, Đại Thần Junha chứng đắc Pháp Nhân. Pháp thoại mang lại lợi ích cho Đại chúng như thế.

Đại Thần Junha đã cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng chư Tăng trọn cả 7 ngày như Đức Vua Pasenadi thường làm.



### Dịch Giả Cẩn Đề

*Phua với dân thành gắng sức đua,  
 Trai tặng làm phước, chẳng ai thua.  
 Nhờ bà Mặt lý bày mưu chước,  
 Dân chẳng làm hơn nổi Đức Phua.  
 Trong lễ trai tăng bất nhị này,  
 Năm trăm voi, lọng hộ tăng thầy,  
 Thêm ban chiều đãi giòng vương giả.  
 Vật thực, hương hoa, cúng đủ đầy.  
 Dầu Phua thiết lễ tốn nhiều tiền  
 Phật chẳng khen theo lẽ tự nhiên,  
 Vì có Đại thần không đắc ý,  
 Sợ ông võ sọ phải quy thiên.  
 Phật dạy: trai tăng phước thật nhiều,  
 Người tâm tùy hỷ cũng đồng siêu,  
 Kể ngu bòn rít, không khen tặng  
 Lợi ích không cầu, họa hại chiều!*

DỨT TÍCH ĐẠI THÍ VÔ SONG



**177. Người keo kiệt không bao giờ tán thán bố thí,  
vì vậy họ không bao giờ đi lên cõi Thiên.**

## CÔNG TỬ KĀLA

*Pathabyā ekarajjenāti,***KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 178)**

“Pathabyā ekarajjena,  
Saggassa gamanena vā;  
Sabbalokādhīpaccena,  
Sotāpattiphalam varam.”

“*Hơn thông lãnh cõi đất,  
Hơn được sanh cõi trời,  
Hơn chủ trì vũ trụ,  
Quả Dự Lưu tối thắng.*”

(Ngài HT Minh Châu)

Kệ ngôn Pháp Cú này được Đức Bốn Sư thuyết lên, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Công Tử Kāla, là con của Trưởng giả Anāthapindika.

Tương truyền rằng: Trưởng giả Anāthapindika là người viên mãn đức tin trong ân đức Tam Bảo, nhưng con trai ông là Công Tử Kāla lại không có niềm tin nơi Bạc Đạo Sư. Cậu không muốn gần gũi Đức Thế Tôn cũng như không muốn nghe Pháp nơi Ngài. Cậu không hài lòng khi thấy Bạc Đạo Sư ngự đến nhà, không muốn phục vụ Tăng chúng. Mặc dù Trưởng giả Anāthapindika nhiều phen khuyên dụ:

- Này Kāla! Con chớ nên như thế, hãy cung kính phục vụ Tăng đi. Nhưng chàng vẫn cứ lơ là, Trưởng giả suy nghĩ:

- Con ta là Kāla này, mãi chấp giữ thành kiến sai lạc ấy, nó sẽ rơi vào địa ngục A Tỳ về sau thôi. Ta thấy con mình rơi vào khổ cảnh như thế, lại làm ngơ đi thì đó là điều không phải cho ta. Lẽ thường, chúng sanh là người không hoan hỷ với tài sản, không thỏa thích với tài sản,

điều này không hề có đâu. Ta sẽ cải huấn lại tư kiến sai lạc của Kāla, cho nó trở lại chánh kiến bằng cách phủ dụ nó bằng tài vật.

Trưởng giả Anāthapindika nói với Công Tử Kāla rằng:

- Này con thân! Con hãy thọ trì Trai giới đi, hãy đến Tịnh xá nghe Pháp trọn đêm. Cha sẽ cho con 100 đồng vàng.

- Có thật thế chứ? Thưa cha.

- Nếu con làm được như thế, cha sẽ cho con ngay.

Công Tử Kāla nhận lời, vào ngày Trai giới, chàng đi đến Tịnh Xá, thọ trì trai giới. Nhưng chàng chẳng màng nghe Pháp, chỉ tìm chỗ ngủ cho thỏa thích, thoải mái, rồi khi trời rạng sáng, chàng từ Tịnh xá trở về nhà. Trưởng giả hoan hỷ nói với chàng rằng:

- Con của ta đã thọ trì Giới hạnh trọn cả ngày đêm rồi, các người hãy dọn những vật thực thượng vị cho con ta dùng nhanh đi.

Trưởng giả sai gia nhân dọn vật thực ngon ngọt thượng vị, gọi người mời Công Tử Kāla dùng sáng. Nhưng khi ngồi vào bàn, Công Tử không chịu dùng ngay, mà bảo với cha rằng:

- Thưa cha! Cha hứa cho con 100 đồng vàng, nếu con thọ trì Trai giới và nghe pháp trong Tịnh xá của Đức Thế Tôn. Vậy cha hãy ban thưởng cho con đi.

- Này con! Con hãy dùng vật thực đi, cha sẽ cho con ngay món tiền ấy.

- Thưa cha! Nếu chưa được tiền thì con sẽ không dùng vật thực.

Thấy Công Tử kẻo nài như thế, Trưởng giả cho mang tiền ra, bảo rằng:

*“Này Kāla con! Vậy là 100 đồng vàng của con đấy”*

Sau khi nhận được tiền rồi, Công Tử mới dùng vật thực. Hôm sau, Trưởng giả bảo với Công Tử rằng:

- Này Kāla con! Cha sẽ cho con ngàn đồng vàng, nếu con thuộc được một câu kệ của Đức Thế Tôn thuyết giảng, nếu con nghe Pháp từ nơi chính Ngài.

Công Tử nghe vậy, chàng nhận lời đi đến Tịnh xá Jetavana nghe Pháp với chủ ý rằng: *“Ta chỉ cần học thuộc một câu kệ ngôn từ nơi Đức Thế Tôn rồi ta sẽ trở về”*. Bạc Đạo Sư quán xét, thấy được duyên lành đạo quả của Kāla đã chín muồi, Ngài liền dùng Phật Lực khiến cho Công Tử thuộc được câu kệ ngôn, khi vừa ra khỏi Tịnh xá thì chàng lại quên ngay. Chàng trở vào lại Tịnh xá nghe Pháp để học thuộc câu kệ ngôn khác, rồi ra về, nhưng khi ra khỏi Tịnh xá thì lại quên mất. Lần thứ ba, chàng quyết tâm rằng:

*“Ta sẽ trở lại nghe Pháp, lần này ta cố nhớ cho thật kỹ, học thuộc rõ ràng câu Phật Ngôn rồi mới ra về”*.

Nhưng chàng đâu có hiểu rằng: Nghe Pháp với tâm như thế gọi là nghe Pháp với sự tôn kính. Lẽ thường sự nghe Pháp với tâm tôn kính, tâm an tịnh như thế sẽ nhận được nhiều lợi ích, là tài sản của Bạc Thánh như Đạo Quả Dự Lưu...

Duyên lành của Kāla đã đến thời rục rở, trí tuệ của chàng được Pháp Bảo khai thông, nghe Pháp xong chàng chứng đắc Dự Lưu Quả.

Chàng trú lại Tịnh xá suốt đêm, vào khi trời rạng sáng, chàng cung thỉnh Đức Thế Tôn và chư Tăng đến thọ trai tại nhà của mình.

Trưởng giả Anāthapindika trông thấy con mình trở về từ đằng xa, có Đức Phật và chư Tỳ Khưu ngự đến đang dẫn đầu. Ông vô cùng hoan hỷ, nghĩ rằng:

*“Hôm nay con ta đã làm một việc khiến ta rất hài lòng. Cứ chỉ con ta hôm nay thật khác hẳn ngày thường.”*

Trưởng giả thân hành ra rước bát và cung thỉnh Đức Phật cùng chư Tăng ngự vào chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Công Tử thưa với cha rằng:

- Thưa cha! Hôm nay con cung thỉnh Đức Thế Tôn và chư Tăng đến thọ thực tại nhà chúng ta. Xin cha hãy hoan hỷ phước cùng con.

- Lành thay! Lành thay, này con.

Nhưng rồi chàng lại có sự hổ thẹn trong tâm rằng:

- Mong rằng cha ta đừng nhắc lại việc cho tiền ta trước mặt Đức Thế Tôn và chư Tăng. Mong cha ta giữ kín việc ta thọ giới Bát Quan chi vì 100 đồng vàng, và đi nghe Pháp chỉ vì món tiền 1000 đồng vàng.

Nhưng mọi việc ấy, Đức Thế Tôn đã thấu rõ ngọn ngành. Khi Trưởng giả cúng dường cháo đến Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ Khưu xong, ông bảo với Công Tử Kāla rằng:

- Này con! Con hãy dùng vật thực sáng đi. Món tiền 1000 đồng đang đặt trên bàn cho con đấy. Cha có hứa với con rằng: Khi con nghe Pháp từ Đức Thế Tôn, thuộc được một câu kệ ngôn của Ngài cha sẽ cho con ngàn đồng vàng. Đây là số tiền đó, nó đã thuộc.

Công Tử Kāla nghe cha nói như thế trước mặt Đức Thế Tôn, chàng hổ thẹn nói rằng:

- Thưa cha, giờ đây con không còn mong được tiền như thế nữa.



Mặc cho Trường giả nài ép nhiều lần, chàng cương quyết không nhận ngàn đồng vàng. Ngạc nhiên trước thái độ hy hữu ấy, Trường giả bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hôm nay con rất hài lòng về tư cách của Kāla.

- Này Trường giả, chuyện chi thế?

- Bạch Thế Tôn! Hôm qua khi Kāla thọ trì giới Bát quan, trọn đêm trú trong Tịnh xá, sáng trở về nhà, nếu chưa nhận được 100 đồng thì không chịu dùng vật thực. Nhưng hôm nay, cả ngàn đồng vàng Kāla lại cương quyết khước từ.

- Thật vậy, này Trường giả! Hôm nay chính quả vị Dự Lưu mà Kāla chúng đạt được còn cao quý hơn ngôi Vua Chuyển Luân, hơn cả tài sản Chư Thiên, Phạm Thiên sản nữa.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

“*Pathabyā ekarajjena,*            “*Hơn thông lãnh cõi đất,*  
*Saggassa gamanena vā;*    *Hơn được sanh cõi trời,*  
*Sabbalokādhīpaccena,*    *Hơn chủ trì vũ trụ,*  
*Sotāpattiphalaṃ varaṃ.*”    *Quả Dự Lưu tối thắng.”*

(Ngài HT Minh Châu)

178. Hơn quyền bá chủ trên quả địa cầu, hơn tài sản nơi Thiên giới, hơn quyền chúa tể của toàn thể vũ trụ, là quả bậc Nhập Lưu.



### CHÚ GIẢI:

***Pathabyā ekarajjena:*** Tức là cao quý hơn ngôi Vua Chuyển Luân

***Saggassa gamanena vā:*** Nghĩa là cao quý hơn 26 cõi trời.

***Sabbalokādhīpaccena:*** Nghĩa là cao quý hơn sự làm chúa tể trong thế gian, kể cả Long Vương, Kim Sí Điều Vương...

***Sotāpattiphalaṃ varaṃ:*** Nghĩa là dù cho Đức Vua tối thượng, thọ hưởng nhân sản như thế nào, cũng không thể thoát khỏi địa ngục.

Còn Bạc Tu Đà Hườn sát trừ được ba kiết sử, thì đoạn tận được bốn cảnh khổ. Dù có dễ duôi mấy, bạc Tu Đà Hườn cũng chẳng thọ sanh quá 7 kiếp. Vì thế quả Tu Đà Hườn cao tốt hơn tất cả mọi tài sản thế gian này.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt quả như Tu Đà Hườn...



### Dịch Giả Câu Đề

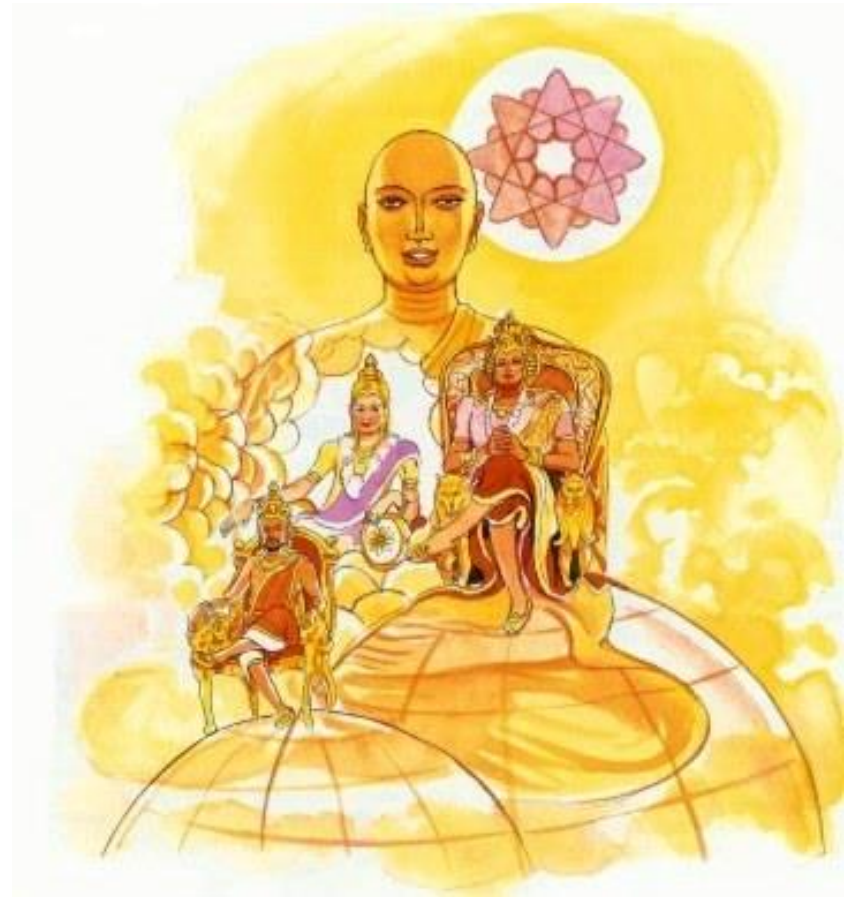
*Muốn con thọ giới, phải chgo tiên,  
 Để dụ con mình tạo phước duyên.  
 Công tử ham vàng, chănh thánh pháp,  
 Đắc ngay sơ quả, được vui yên,  
 Từ nay, công tử hết ham vàng  
 Cha cứ đem cho, thấy ngỡ ngàng!  
 Tài sản thánh nhân còn qui trọng  
 Hơn bao sự nghiệp của trần gian!  
 Phật dạy: làm Vua cõi thượng thiên  
 Hoặ trên mặt đất nắm Phương quyền  
 Hoặ làm bá chủ trên tam giới,  
 Thì cũng không bằng quả tối tiên.*

DỨT TÍCH CÔNG TỬ KALA



**DỨT PHẨM THỂ GIAN - LOKA VAGGA**

**DỨT PHẨM 13**



**178. Đạt quả Dự lưu còn cao quý hơn nhiều so với sanh Thiên.**

## PHẨM PHẬT ĐÀ BUDDHA VAGGA



### CON GÁI MA VƯƠNG

#### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 179-180 )

179. “Yassa jitaṃ nāvajīyati,  
Jitaṃ yassa, no yāti koci loke.  
Taṃ buddhamanantagocaraṃ,  
Aparaṃ kena padena nessatha.”  
*“Vị chiến thắng không bại,  
Vị bước đi trên đời,  
Không dấu tích chiến thắng,  
Phật giới rộng mênh mông,  
Ai dùng chân theo dõi  
Bậc không để dấu tích?”*
180. “Yassa jālinī visattikā,  
Taṃhā natthi kuhiñci netave;  
Taṃ buddhamanantagocaraṃ,  
Aparaṃ kena padena nessatha.”  
*“Ai giải tòa lưới tham,  
Ái phục hết dốt dẫn,  
Phật giới rộng mênh mông,  
Ai dùng chân theo dõi  
Bậc không để dấu tích?”*

(Ngài HT Minh Châu)

Kệ Pháp Cú này Đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài vừa chứng ngộ Đạo Quả, Ngài ngồi dưới cội Bồ Đề, đề cập đến ba nàng Ma nữ là con gái của Ma Vương.

Được biết rằng: Trong kinh thành xứ Kuru, có Bà la môn tên là Māgandiyā. Ông có được một nàng con gái xinh đẹp, tên là Māgandiyā, với sắc đẹp kiều sa lộng lẫy của nàng, rất nhiều Vương Tôn Công Tử, đã cho người đến cầu hôn nàng, nhưng Bà la môn Māgandiyā khước từ tất cả, với lời nói rằng:

- Các vị không xứng đáng với nhan sắc xinh đẹp của con gái tôi.

Một hôm, theo phong tục của Bà la môn, Māgandiyā đi đến đền thờ thần của mình. Bấy giờ, theo thông lệ của chư Phật, vào khi trời hừng sáng, Đức Thế Tôn dùng Phật Tụệ quán sát thế gian, nhìn thấy hình ảnh Bà la môn Māgandiyā trong Phật trí. Ngài quán xét: “*Đây là do nhân nào?*”. Ngài thấy được duyên lành quả vị A La Hán của hai vợ chồng Māgandiyā.

Khi trời sáng, Đức Thế Tôn vận mặc y phục, tay cầm y bát ngự đến đền thờ thần lửa để tế độ vợ chồng Bà la môn Māgandiyā.

Bấy giờ, khi Bà la môn Māgandiyā vừa đến đền thờ thần lửa, ông nhìn thấy Phật tướng trang nghiêm, vô cùng xinh đẹp của với 32 Đại Nhân tướng hiển lộ, ông khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Trong thế gian, ta chưa từng thấy được ai có sắc diện thanh tú xinh đẹp như vị Sa môn này. Vị này quả thật xứng đáng với sắc đẹp diễm kiều của con gái ta. Vậy ta hãy gả con gái của ta cho vị ấy vậy.

Thế rồi, ông Māgandiyā đi đến gần Đức Thế Tôn, nói rằng:

- Thưa ông Sa môn xinh đẹp, tôi có được đứa con gái, tên là Māgandiyā, nó rất tuyệt mỹ, rất xứng đáng làm vợ Ngài. Tôi sẽ gả nó cho Ngài để nó được phụng sự Ngài. Ngài hãy đợi tôi nơi này, tôi sẽ dẫn nó đến nơi này.

Nghe y nói như thế, Bạc Đạo Sư không tán thán cũng không ngăn cản. Bà la môn Māgandiyā trở về nhà với vợ rằng:

- Này Bà ơi! Nay tôi trông thấy một người rất xứng đáng với con gái của mình. Chúng ta sẽ gả Māgandiyā cho người ấy.

Vợ chồng Bà la môn Māgandiyā bảo rằng: Māgandiyā trang điểm cực kỳ diễm lệ, rồi cùng nhau đi đến nơi ngụ của Đức Đạo Sư, đại chúng hiếu kỳ cũng rủ nhau đến xem người mà Māgandiyā vừa tán tụng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn không đứng tại nơi ấy, Ngài để lại dấu chân để tế độ hai ông bà Bà la môn, rồi đi đến một nơi gần đó không xa mấy. Tương truyền rằng: Dấu chân chư Phật chỉ xuất hiện nơi mà Ngài chú nguyện rằng: “*Người này hãy nhìn thấy dấu chân Như Lai tại nơi này*”. Rồi Ngài đạp xuống sẽ lưu lại dấu chân, ngoài ra thì không hề lưu lại dấu chân Phật.

Khi hai vợ chồng Māgandiyā đi đến, không thấy Bạc Đạo Sư, người vợ hỏi chồng rằng:

- Này ông, người ấy đâu rồi?
- Tôi có dặn rằng: Ông hãy đứng chờ đợi nơi đây mà.

Bà la môn Māgandiyā nhìn quanh quất, chợt ông nhìn thấy dấu chân được lưu lại của Đức Thế Tôn, nên rao

lên rằng:

- Đây rồi, dấu chân này của y, y đã để dấu lại cho chúng ta đây.

Vợ Māgandiyā là người tinh tường về khoa chiêm tướng, quan sát dấu chân Phật rồi, bà nói với chồng rằng:

- Ông ơi! Việc mà ông định gả Māgandiyā cho người này, không có được đâu, vì đây là dấu chân của người không còn thọ hưởng dục.

- Này bà, sự hiểu biết về khoa chiêm tướng của bà, ví như cá lợi trong lu nước mà thôi. Chính tôi đã nói với vị Sa môn ấy rằng: Tôi sẽ đem con gái mình mà gả đến Ngài. Vị ấy đã im lặng nhận lời rồi kia mà.

- Thưa ông! Tuy ông đã nói như thế, nhưng đây chính là dấu chân của Bạc đã đoạn lìa phiền não rồi.

Bà ngâm tiếp kệ ngôn rằng:

*“Người ái dục với nhiều phiền não thì dấu chân lồm vào giữa. Người nhiều sân hận thì dấu chân nặng về gót. Người tham ái thì dấu chân thiên nặng về đầu ngón chân. Người có bàn chân bằng phẳng như thế này, là người đã chấm dứt phiền não rồi”*

- Thôi bà đi, bà chớ có ồn ào như thế. Chúng ta sẽ tìm thấy vị Sa môn xinh đẹp kia thôi.

Hai vợ chồng Bà la môn Māgandiyā đi tìm, thấy được Bạc Đạo Sư ông liền chỉ cho vợ thấy rằng:

- Này bà, đây chính là vị Sa môn mà tôi đã nói đấy.

Ông đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, thưa rằng:

- Thưa vị Đại Sa môn! Tôi sẽ gả con gái chúng tôi cho Ngài. Đây là con gái tôi, có tên là Māgandiyā.

Khi ấy, Đấng Như Lai không nói rằng: “*Như Lai đâu có cần đến con gái người*”. Ngài lại phán dạy Bà la môn ấy như vậy:

- Này ông Bà la môn! Như Lai sẽ nói với ông điều như vậy, ông có chịu nghe chăng?”
- Vâng, thưa ông Đại Sa môn.

Đức Thế Tôn liền thuật lại câu chuyện từ khi Ngài rời Hoàng Cung Kapilavatthu ra đi tìm đạo giải thoát, cho đến khi Ngài thắng phục được Ma nữ, tóm tắt câu chuyện như sau:

“Đức Đại Bồ Tát từ bỏ Vương vị, lên ngựa Kanthaka có chàng hầu cận trung tín là Channa làm bạn đồng hành, Ngài ra đi xuất gia tìm đạo giải thoát khổ. Bấy giờ, Ma Vương đứng tại cổng Hoàng Thành khuyến dụ Đấng Đại Hùng rằng:”

- Này Siddhattha! Người hãy quay trở lại đi, kể từ hôm nay trở đi, sau 7 ngày nữa người sẽ là vị Vua Chuyển Luân Vương, những Bảo vật của Đức Vua Chuyển Luân như Thiên báu luân, Tượng báu, Mã báu, Ngọc báu, Nữ báu, Cư sĩ báu và Tướng quân báu sẽ xuất hiện cho người đây.

- Này Ma Vương! Ta cũng vẫn rõ biết sẽ có những báu vật ấy, nhưng ta có cần chi những báu vật ấy. Ta cần đạo giải thoát mà thôi.

- Nếu vậy, người ra đi xuất gia như thế, có ích lợi gì cho người?

- Ta xuất gia để trở thành bậc Toàn Giác Vô Thượng, nhằm cứu vớt chúng sanh khỏi khổ.

- Nếu vậy, từ hôm nay trở đi, ta sẽ theo dõi người. Nếu người khởi lên tâm cầu một trong ba loại tâm cầu như dục tâm... Ta sẽ có cách đối phó với người vậy.

Kể từ hôm ấy, Ma Vương luôn theo dõi tâm Bồ Tát để tìm sơ hở của Ngài, hòng bắt lỗi Đấng Đại Hùng. Trọn cả 6 năm dài như thế, y không thể tìm được lỗi lầm dù chỉ là chút ít của Ngài. Sau 6 năm tinh cần khổ hạnh, Ngài đã ép xác quá mức trong trong khổ hạnh, nhưng không thể chứng đạt Đạo Quả Giải thoát. Thế rồi, nhân nghe được tiếng thiên cầm ba dây: Căng quá dây đàn sẽ đứt, chùn quá thì âm thanh không thể du dương đúng điệu hòa âm thù diệu hòa hợp với nhau. Ngài từ bỏ hai cực đoạn là khổ hạnh và lợi dưỡng, thực hành theo Trung đạo.

Dưới cội Bồ Đề, sau khi chiến thắng Ma Vương cùng binh tướng, trong đêm rằm tháng Vesak, Ngày chứng đạt Vô Thượng Chánh Đẳng Giác quả vị. Ngồi dưới cội Bồ Đề an hưởng hạnh phúc giải thoát.

Vào tuần lễ thứ năm, Ngài ngự đến cội cây Ajapālanigrodha, khi ấy Ma Vương đang sầu khổ ngồi ven đường, vạch lên 16 vạch so sánh sự thua kém của mình với Đức Đại Giác. Ma Vương suy nghĩ:

- Bấy lâu nay, ta hằng theo dõi Siddhattha để tìm lỗi y, nhưng không tìm được lỗi lầm nào cả. Nay y đã thoát ra khỏi quyền lực của ta rồi.

Bấy giờ, ba nàng Thiên Nữ là con gái của Ma Vương, thấy vắng cha, các cô tìm gặp Ma Vương, suy nghĩ rằng:

- Vương Phụ của Ta đang trú nơi nào nhỉ?

Ba Thiên Nữ thấy cha mình đang ngồi bên vệ đường, đi đến bạch hỏi rằng:

“*Thưa cha! Vì sao cha lại sầu não như thế?*”

Ma Vương tường thuật lại câu chuyện cho ba nàng Thiên Nữ ấy nghe. Các nàng nói với Ma Vương rằng:

- Thưa cha! Cha chớ nên sầu não nữa, chúng con sẽ làm cho Siddhattha ở trong quyền lực của chúng con, rồi sẽ dẫn về cho cha.

- Này các con! Không một ai trong thế gian này còn có thể làm cho vị ấy rơi vào quyền lực được nữa đâu.

- Thưa cha! Chúng con là nữ nhân, chúng con sẽ quyến rũ y rơi vào cạm bẫy ái dục, luyến ái... Rồi chúng con sẽ dẫn y về cho cha. Xin cha đừng bận lòng, khi cha có được các người con đầy quyền lực như chúng con.

Ba nàng Thiên Nữ ấy có tên là Tanha, Aratī và Hāgā. Sau khi từ giả Ma Vương, ba nàng đi đến cội cây Ajapalanigrodha, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi thưa rằng:

- Kính bạch Đại Sĩ! Chúng em sẽ phục vụ Ngài.

Đức Thế Tôn lặng yên, nhắm mắt, Ngài chẳng màng đoái hoài gì đến các Thiên Ma Nữ ấy. Các Ma nữ suy nghĩ: *“Nam nhân thường có sự yêu thích sai biệt, một số ái luyến những nữ nhân mới lớn, một số thì thương yêu những góa phụ một con, trung niên, còn số khác thì ưa chuộng những sượng phụ lớn tuổi. Thế thì, chúng ta sẽ quyến rũ y bằng nhiều hình tướng nữ nhân, bằng nhiều cách kêu gọi dục cảm nơi y”*.

Ba nàng Thiên Nữ ấy hóa thân thành hàng ngàn cách, từ những thiếu nữ còn xuân, sượng phụ một con, hai con, cho đến hạng tuổi trung niên... đi đến yết kiến Đức Thế Tôn, thưa rằng:

- Kính thưa bạch Đại Sĩ! Chúng tôi đến phục vụ Ngài đây.

Cả sáu lần như thế, nhưng Đức Thế Tôn chẳng màng

đến lời của ba Thiên Nữ, tâm Ngài đang hướng đến pháp tận diệt mọi phiền não ái vi tế tiềm hiện. Rồi Ngài phán với các Ma Nữ rằng:

- Các người hãy đi đi, các người tìm được lợi ích gì mà cố gắng làm như thế chứ. Việc làm của các người chỉ có thể quyến rũ được người còn ái dục thôi. Như Lai đã tận diệt mọi tham ái phiền não rồi. Các người mong Như Lai rơi vào quyền lực của các người do nhân nào được chứ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

179. *“Yassa jitaṃ nāvajīyati,  
Jitaṃ yassa, no yāti koci loke.  
Taṃ buddhamanantagocaraṃ,  
Apadaṃ kena padena nessatha.”*  
*“Vị chiến thắng không bại,  
Vị bước đi trên đời,  
Không dấu tích chiến thắng,  
Phật giới rộng mênh mông,  
Ai dùng chân theo dõi  
Bậc không để dấu tích?”*

180. *“Yassa jālinī visattikā,  
Taṇhā natthi kuhiñci netave;  
Taṃ buddhamanantagocaraṃ,  
Apadaṃ kena padena nessatha.”*  
*“Ai giải tỏa lưới tham,  
Ái phược hết đứt dẫn,  
Phật giới rộng mênh mông,  
Ai dùng chân theo dõi  
Bậc không để dấu tích?” (Ngài HT Minh Châu)*

179. Người mà cuộc chinh phục (dục vọng) không thể thất bại trên thế gian này, không (dục vọng nào) đã bị khắc phục còn theo người ấy. Oai lực của vị Phật không dấu vết ấy thật vô cùng tận. Người sẽ dẫn dắt Ngài bằng đường lối nào?

180. Người không còn bị ái dục, hỗn tạp và rối ren dẫn dắt đến kiếp sống nào. Oai lực của vị Phật không dấu vết ấy thực vô cùng tận. Người sẽ dẫn dắt Ngài bằng đường lối nào?



### **CHÚ GIẢI:**

***Yassa jitaṃ nāvajiyati:*** Nghĩa là bản chất phiền não như ái...mà Đức Chánh Đẳng Giác đã chinh phục bằng Đạo Tuệ rồi, Ngài không còn trở lui lại, tức là đã chinh phục rồi thì không còn điều ác nào khởi lên được do nương vào phóng dật.

***No yāti*** (tách thành: No + uyyāti) là không theo đuổi.

Giải rằng: Các phiền não như ái... dù là chút ít trong đời, cũng không hề có được ở phía sau, tức là phiền não mà bậc Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ rồi, sẽ không còn được bậc ấy theo đuổi nữa.

***Anantagocaraṃ:*** Nghĩa là bậc có cảnh giới vô tận bằng khả năng của bậc Toàn Giác, có cảnh giới vô tận.

Hai câu: Kena padena...nghĩa là: Các dấu vết như ái... dù chỉ là chút ít cũng không hề có đối với vị Chánh Đẳng Giác. Các người sẽ dùng dấu vết gì để quyến rũ vị ấy được?

Phân tích kệ ngôn thứ hai: Gọi là ái, tức là jālinī (lưới dệt) vì nhận thấy rằng: Ái được so sánh như tấm lưới, bởi ý

nghĩa bao trùm, cột, trói chặt. Gọi là Visattikā vì có đặc tánh là thường dẫn đi trong các cảnh như sắc, thanh, vị, hương...Được so sánh như vật thực độc, như hoa độc, như trái cây độc, như vật dụng tẩm chất độc.

Giải rằng: ái như thế không thể có đối với vị Phật, để có thể đưa Ngài đi vào cảnh giới nào khác được cả. Các người sẽ dùng dấu vết, vết tích nào đối với vị Phật ấy được?

Dứt kệ ngôn, nhiều vị Chư Thiên giác ngộ Pháp nhãn. Bà nàng Thiên Ma Nữ biến mất tại chỗ.

Sau khi thuyết lên Pháp thoại này xong, Bạc Đạo Sư phán dạy Bà la môn Māgandiyā rằng:

- Này Māgandiyā! Thời trước Như Lai đã trông thấy thân của Bà Ma Nữ như vàng ròng tinh anh sáng ngời, không có sự uế nhiễm như mật, đàm, mù... dù là như thế, trong thời ấy Như Lai cũng không hề có sự thỏa thích trong dâm pháp, huống hồ chi thân xác của con người đầy đầy 32 thể trước, như túi da chứa đựng những trược chất phân, nước tiểu...được trang điểm xinh đẹp bên ngoài. Con người dù có nằm trước ngưỡng cửa, chân Ta dù có bấn chằng nữa, Ta cũng không hề có ý muốn dẫm chân lên, đụng vào người của nàng ấy.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn:

*“Sự thỏa thích trong dâm pháp không hề có, cho dù đó là nàng Tanhā, nàng Aratī, nàng Rāgā. Còn xác thân con người chứa đựng đầy phân và nước tiểu. Làm thế nào ta có sự thỏa thích trong dâm pháp được. Thậm chí chân của ta còn chẳng hề muốn đụng vào thân nàng ta nữa là.”*

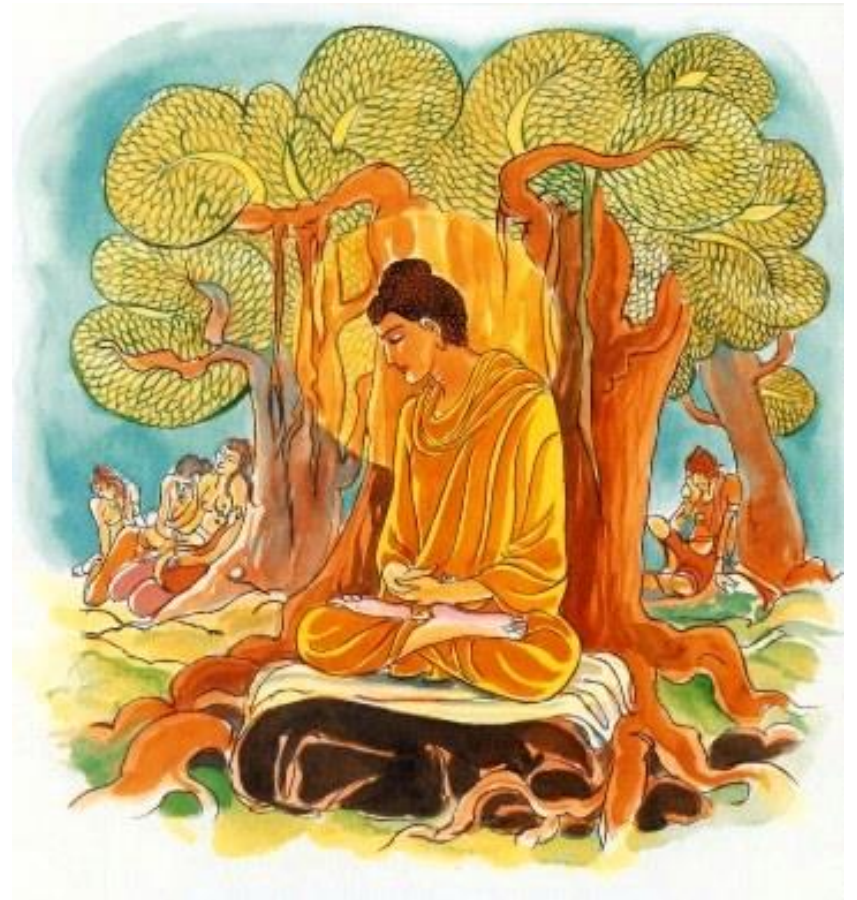
Dứt kệ ngôn, hai ông bà Māgandiyā đắc quả A Na Hàm.



### Dịch Giả Cẩn Đề

*Vào thất thiê năm, đức Phật đi,  
 Dưng ngồi tịnh tọa gốc cây đa,  
 Bóng nhiên ma nữ, ba nàng, đến,  
 Quyết bắt Ngài về nạp mạng cha.  
 Không ngờ ai dục Phật trừ rồi,  
 Nữ sắc đâu còn sức cuốn lôi,  
 Ma quái chỉ toàn là ảo ảnh,  
 Đàn bà cũng xác chưa tanh hôi!  
 Nghe pháp, vợ chồng đức Bất lai,  
 Nhưng cô gái đẹp bị chê bai,  
 Tức mình, từ đó sanh thù hận  
 Sau gặp dịp thuê kẻ mắng Ngài.*

DỨT TÍCH CON GÁI MA VƯƠNG



**179. Sự chiến thắng của Phật quả là chiến thắng viên mãn, không thể đảo ngược lại và không ai phá hoại được cả.**





**180. Khi đạt Phật quả (giác ngộ) mọi tham ái đều tiêu vong. Không còn lưới giăng cũng không còn ai bị mắc lưới nữa.**

## THỂ HIỆN SONG THÔNG NHIẾP NGOẠI ĐẠO

*(Yamakapaṭihāriyatthu)*

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 181)

*“Ye jhānapasutā dhīrā, “Người trí chuyên thiên định,  
Nekkhammūpasame ratā; Thích an tịnh viễn ly,  
Devāpi tesam pihayanti, Chư thiên đều ái kính,  
Sambuddhānaṃ saṃmataṇ.” Bạc chánh giác, chánh niệm.”*

*(Ngài HT Minh Châu)*

Kệ Pháp Cú này được Đức Bốn Sư thuyết lên, khi Ngài trú tại thành Sankassa, đề cập đến nhiều vị Chư Thiên và nhân loại tại cửa thành Sankassa.

Một thời, có vị Trưởng giả trong thanh Rājagaha, ông ta cho giăng lưới có hình như chiếc chai bể, để giữ an toàn khu vực tắm riêng mình và giữ lại những đồ vật do vô ý làm rơi xuống nước bị trôi đi như là: Y phục...chẳng hạn.

Một hôm, khi đi tắm sông, ông bỗng trông thấy một khúc gỗ trầm hương đỏ trôi tấp vào lưới giăng và dính vào đó. Nguyên trên Thượng lưu sông Gangā, có một cây Trầm hương mọc dựa mé thượng nguồn, dần dần nước xoáy gốc trầm hương, cây trầm hương ngã xuống, một đoạn trầm có vòng tròn bằng cái nồi rơi trên một tảng đá, bị đá cắt dần rồi đứt ra, sóng đánh vào và rút dần ra, khúc trầm ấy rơi vào dòng sông Gangā, xuôi theo dòng nước trôi xuống miền hạ lưu sông, dính mắc vào lưới của Trưởng giả ấy. Vị Trưởng giả hỏi tùy tùng rằng: “Cái gì thế?”

Khi biết là khúc lõi trầm hương. Ông cho mang lên, quán sát biết đây là loại trầm hương đồ quý giá. Trưởng giả này chẳng phải là người có chánh kiến, cũng không rơi vào tà kiến của ngoại giáo. Ông ta không theo một đạo giáo nào cả, khi nhặt được khúc gỗ trầm quý giá đó, ông khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Loại trầm hương đồ này, nơi gia tộc ta có nhiều. Ta cần thiết chỉ đến loại Trầm hương này.

Rồi ông lại khởi lên ý tưởng rằng: *“Hiện nay trong thành Rājagaha có nhiều người tự xưng mình là bậc A La Hán. Riêng ta thì chẳng biết Giáo phái nào có được vị A La Hán. Vậy ta hãy cho tiện khúc gỗ trầm này làm thành bát, trao giữa hư không cao khoảng 60 hắc tay (30m), cho rao truyền rằng: Bậc nào là Thánh A La Hán thì hãy bay lên nhận lấy Bát ấy. Người nào nhận được Bát bằng thần thông lực thì ta cùng với vợ con sẽ theo người ấy.”*

Ông cho tiện khúc gỗ trầm hương đồ thành cái bát, rồi thực hành theo ý tưởng của mình, xong rồi cho gia nhân đánh trống rao truyền khắp kinh thành Rājagaha rằng:

*“Trong thế gian này, bậc nào là A La Hán, vị ấy hãy đến nhận lấy bát này đi”*

Nghe được tin ấy, cả Giáo chủ của sáu ngoại đạo, cho người đến thảo luận riêng với Trưởng giả ấy rằng:

- Này Trưởng giả, cái bát ấy rất xứng đáng với Giáo chủ của chúng tôi, ông hãy dâng bát ấy đến Giáo chủ chúng tôi đi.

- Thưa các Ngài! Giáo chủ của Ngài hãy dùng thần thông bay lên lấy bát ấy đi.

Ông đã từ khước dâng bát bằng cách như vậy. Đến này thứ sáu, Giáo chủ ngoại đạo Nigantha là Niganthanātaputta bày mưu cùng các đệ tử rằng:

- Các con hãy đến tán dương oai đức của ta với Trưởng giả ấy, rằng: *“Bát trầm này xứng đáng với Giáo chủ của chúng tôi”*, ông chớ vì cái bát có giá trị nhỏ mọn này mà để giáo chủ chúng tôi phải hiển lộ thần thông như thế.

Nhóm đệ tử Nigantha làm theo lời thầy dạy, nhưng vị Trưởng giả đã trả lời rằng:

- Người nào có khả năng thần thông lực, hãy bay lên hư không mà nhận bát ấy.

Rồi Nātaliputta bàn với đệ tử rằng:

- Khi ta đưa tay chân lên, giả vờ như muốn bay đi lấy bát, các con hãy ôm ta lại, thưa rằng: *“Thưa thầy! Thầy làm chi như thế, xin thầy đừng phô diễn khả năng thượng pháp của bậc A La Hán, chỉ vì cái bát có giá trị nhỏ nhoi như vậy”*. Rồi nắm lấy tay, chân của ta xuống.

Xong rồi, Giáo chủ Niganthanātapliputta đi đến Trưởng giả nói:

- Này Đại Trưởng giả! Bát trầm này chỉ xứng đáng với ta, chẳng xứng đáng với ai khác đâu. Ông chớ nên vui thích sự bay lên không trung của ta chỉ vì nguyên nhân cái bát có giá trị nhỏ nhoi này. Ông hãy dâng bát ấy đến ta đi.

- Thưa Ngài, nếu Ngài cần thì Ngài hãy bay lên lấy bát ấy đi.

- Nếu thế thì, ông hãy xem đây.

Niganthanātapliputta giả vờ đưa cao chân tay, như muốn thi triển thần thông bay đi lấy bát, chúng đệ tử

Niganthanātapliputta lập tức chạy đến, nắm lấy tay chân của y, nói rằng:

- Thưa thầy, thầy làm chi thế? Có ích lợi chi cho thầy khi phải phô diễn thần thông lực với Đại chúng chỉ vì cái Bát nhỏ nhoi này chứ.

Rồi họ kéo tay chân của Niganthanātapliputta kéo xuống. Khi ấy, y nói với Trưởng giả rằng:

- Này Đại Trưởng giả! Các đệ tử của ta không cho ta phô diễn thần thông. Vậy ông hãy cho ta cái bát trầm ấy đi.

- Thưa Ngài, nếu muốn bát ấy, thì Ngài cứ bay lên lấy vậy.

Bọn ngoại đạo dù cho cố dùng đủ mọi phương cách, thủ thuật như thế cũng không lấy được bát. Vào ngày thứ bảy, Tôn giả Moggallāna cùng tôn giả Pindolabhāradvāja, hai vị trú ở tầng đá đen (kālanilā) nơi ngoại thành Rājagaha. Sáng hôm ấy, hai vị Đại Đức cùng đi vào thành Rājagaha khất thực. Hai Ngài nghe đại chúng bàn luận cùng nhau rằng:

- Trưởng giả cho treo bát cao khoảng 60 bắc tay, loan báo rằng: Vị nào là Thánh A La Hán hãy đến nhận lấy bát ấy. Nhưng đã bảy ngày rồi chẳng có ai lấy được bát ấy cả. Chẳng lẽ trong thế gian này không có bậc A La Hán sao nhỉ?

Lại nữa, thời trước cả 6 vị Giáo chủ danh tiếng, tự xưng là bậc A La Hán trong thế gian, thế mà cũng không thể dùng thần thông bay lên để lấy bát trầm ấy. Cả thời gian 7 ngày trôi qua như thế, không có ai phô diễn năng lực của Bậc A La Hán cho chúng ta được mục kích. Như thế, hôm nay chúng ta biết rằng: Trong thế gian này không có bậc A La Hán đâu.

Nghe vậy, Tôn giả Moggallāna hỏi Tôn Giả Pindolabhāradvāja:

- Này Hiền giả! Hiền giả có nghe sự bàn luận của chúng dân trong thành Rājagaha chăng?

- Thưa Hiền giả! Tôi có nghe.

- Này Hiền giả! Họ đã khích bác Phật Giáo. Hiền giả là người có thần thông lực, hãy bay lên nhận bát ấy và làm loạn nghị đại chúng đi, mang lại niềm tin cho những ai chưa tín ngưỡng, làm tăng trưởng niềm tin cho người đã có đức tin.

- Thưa Hiền giả! Hiền giả là bậc được Đức Thế Tôn ban cho danh hiệu là Tối thắng đệ nhất về thần thông. Xin Hiền giả hãy đi lấy bát ấy đi. Nếu Hiền Giả không đi lấy thì tôi sẽ đi lấy vậy, vì đó là phận sự của tôi.

Này Hiền giả Pindolabhāradvāja! Hiền giả hãy lấy bát ấy đi. Được Tôn giả Moggallāna cho phép, Tôn giả Pindolabhāradvāja nhập vào Tứ Thiên, ước nguyện thi triển thần thông, khi xả thiền Ngài dùng hai ngón chân kẹp lấy một tảng đá lớn khoảng 3 gāvuta, bay lên hư không như người ta kẹp lấy mảnh bông gòn, Tôn giả bay quanh kinh thành 7 vòng. Tảng đá như cái lọng lớn che kín một vùng kinh thành khoảng 7 gāvuta. Thị dân kinh hoàng rằng: “*Tảng đá sẽ rớt đè chúng tôi*”. Họ tìm lấy thúng, nia... để che trên đầu, thấy chúng dân kinh hoàng, Tôn giả Pindolabhāradvāja hiện rõ thân, Ngài vẫn kẹp chặt tảng đá trong hai ngón chân. Đại chúng thấy được Tôn giả, liền kêu lên rằng:

- Thưa Tôn Giả Pindolabhāradvāja! Ngài giữ chặt lấy tảng đá ấy, đừng để rơi xuống đè chết chúng tôi.

Tôn Giả Pindolabhāradvāja thấy chúng dân kinh

hoàng như thế, Ngài vận thần thông đưa tảng đá trở về nơi cũ, rồi bay đến lấy bát trầm đang treo cao 60 hắc tay ấy. Vị Trưởng giả mục kích được cảnh tượng hy hữu, đứng theo nguyện vọng của mình, ông đi đến đánh lễ Tôn Giả Pindolabhāradvāja, rước bát trầm ấy và bạch:

- Xin thỉnh Ngài hãy ngự vào nhà của con.

Khi Tôn Giả ngự vào nhà của Trưởng giả, ngồi lên chỗ ngồi đã được soạn sẵn, Trưởng giả cho đặt vào bát trầm ấy bốn loại vật thực có đầy đủ hương vị tối thắng, cúng dường đến Tôn Giả. Tôn giả thọ lãnh xong rồi, trở ra hướng về Tịnh xá Jetavana.

Khi ấy, có những người dân phải ra ngoại thành làm việc trong rừng, hay đồng ruộng, trở về nghe thị dân tán dương và thuật lại cảnh tượng hy hữu ấy. Những người không có duyên mục kích hiện cảnh thần thông lực của Tôn Giả, đã hội lại với nhau, đến bạch xin Trưởng Lão hãy thi triển Thần thông như ban sáng, rằng:

- Xin Ngài hãy thể hiện thần thông cho chúng tôi xem đi.

Tôn giả Pindolabhāradvāja đành phải thi triển lại thần thông lực như ban sáng để làm lắng yên sự náo động của nhóm người ấy. Đức Thế Tôn nghe được tiếng ồn ào náo nhiệt của nhóm người hiếu kỳ ấy, Ngài phán hỏi Đại Đức Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Tiếng ồn ào náo nhiệt ấy là do nhân chi thể?

Đại Đức Ānanda thuật lại mọi sự việc, khi biết được rằng: *“Bạch Thế Tôn! Đó là tiếng thỉnh cầu của Đại chúng, thỉnh Tôn giả Pindolabhāradvāja thi triển lại thần thông như ban sáng”*

Đức Thế Tôn cho gọi Tôn Giả Pindolabhāradvāja đến, hỏi rằng:

- Này Bhāradvāja! Có thật chẳng, được nghe rằng người đã làm như thế, như thế?

- Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy.

- Này Bhāradvāja! Tại sao người lại làm như thế, tại sao người lại phô diễn năng lực Thượng nhân pháp chỉ vì các bát trầm có giá trị nhỏ nhoi này.

Sau khi khiển trách Tôn giả Pindola xong, Ngài thuyết Pháp thoại, rồi dạy đập bỏ bát trầm ấy, tán nhuyễn ra dùng làm thuốc nhỏ mắt. Do nhân đó, duyên đó Bạc Đạo Sư chế định học giới cấm Tỳ Khưu không được phô diễn thần thông lực.

Bọn ngoại giáo được tin rằng: *“Sa môn Gotama cho đập bỏ bát trầm, tán nhuyễn dùng làm thuốc nhỏ mắt, rồi chế định học giới, không cho Tỳ Khưu phô diễn thần thông”*. Chúng liền đi reo truyền trong kinh thành rằng:

- Chúng ta gìn giữ Pháp của mình, nên mới không phô diễn năng lực bậc A La Hán chỉ vì bát trầm có giá trị nhỏ nhoi như thế. Đệ tử Sa môn Gotama đã cấm chế đệ tử mình dùng thần thông, vậy thì giờ đây chúng ta sẽ thi triển thần thông đấu với Sa môn Gotama vậy.

Bọn ngoại đạo biết được rằng: *“Các đệ tử của Đức Thế Tôn, khi Ngài chế định học giới rồi, dù có chết các Ngài cũng chẳng hề vi phạm, luôn bảo vệ học giới”*. Nên chúng bảo nhau: *“Chúng ta đã có cơ hội làm giảm uy danh của Sa môn Gotama rồi”*, do vậy chúng mới trôn tráo lên tiếng thách thức, thi đấu thần thông như vậy. Nghe bọn ngoại đạo tuyên bố như thế, Đức Vua Bimbisāra lo lắng, Ngài đi đến Tịnh xá Veluvana bạch hỏi với Đức

Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Được biết rằng Ngài chế định học giới cho chư Tỳ Khưu: Không được thi triển, phô diễn năng lực thần thông phải chăng?

- Thật như thế, này Đại Vương.

- Hiện nay bọn ngoại giáo đã tuyên bố rằng: Chúng sẽ thi triển thần thông để đấu với Ngài. Giờ đây Đức Thế Tôn sẽ làm sao?

- Nếu bọn ngoại đạo muốn dùng thần thông đấu với Như Lai. Như Lai sẽ thể hiện thần thông.

- Bạch Thế Tôn! Có phải Ngài đã chế định học giới ấy rồi?

- Này Đại Vương! Thật vậy Như Lai chế định học giới cho đệ tử Như Lai, chứ chẳng phải chế định học giới ấy cho mình.

- Bạch Thế Tôn! Điều học Ngài chế định chỉ cho riêng đệ tử Ngài, chứ riêng Ngài thì không bỏ cuộc trong học giới ấy sao?

- Này Đại Vương! Như Lai sẽ hỏi Đại Vương về vấn đề này. Này Đại Vương! Vườn Thượng Uyển của Hoàng gia trong thành này có chăng?

- Bạch Thế Tôn có.

- Đại Vương có ra lệnh: Người ngoài vào vườn hái hoa quả, người ấy sẽ bị hình phạt chăng?

- Bạch Thế Tôn có.

- Đại Vương có ra lệnh: Người ngoài vào vườn hái hoa quả, người ấy sẽ bị hình phạt chăng?

- Bạch Thế Tôn! Có

- Nếu người khác vi phạm đi vào vườn Thượng Uyển hái trái, hái hoa thì Đại Vương sẽ làm sao?

- Bạch Ngài! Trẫm sẽ trừng phạt kẻ ấy, vì đã sai lệnh của Trẫm.

- Này Đại Vương! Nếu như Đại Vương vào vườn Thượng Uyển hái lấy những quả chín như xoài... để dùng, thì Ngài có phạm tội chăng?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Vì sao vậy, này Đại Vương khi Ngài ra lệnh: Không ai được vào vườn Thượng Uyển hái hoa, trái, người khác vào thì phạm tội, còn riêng Ngài thì không?

- Bạch Thế Tôn! Trẫm ra lệnh ngăn cấm như thế, là ngăn cấm người khác, chứ riêng Trẫm thì không bị ràng buộc bởi sự ngăn cấm ấy.

- Cũng vậy, này Đại Vương! Đấng Như Lai chế định điều học là dành cho đệ tử mình, riêng Như Lai là bậc Pháp Vương không hề bị ràng buộc do sự ngăn cấm ấy. Này Đại Vương, điều học mà Như Lai chế định cho đệ tử có oai lực đến trăm ngàn koti thế giới, cũng như hình phạt của Đại Vương có năng lực trong 300 do tuần quốc độ của mình. Hình phạt ấy không có hiệu lực đối Đại Vương như thế nào, thì học giới mà Như Lai chế định cho đệ tử, Như Lai chẳng bị ràng buộc vào trong đó. Do vậy, Như Lai sẽ tự thân thi triển thần thông vậy.

Nghe Đức Thế Tôn tự thân thi triển thần thông, bọn ngoại đạo lo lắng, bàn luận cùng nhau rằng:

- Giờ đây, chúng ta bị tổn hại rồi, nghe rằng: Sa Môn Gotama tự thân thi triển thần thông, ông chỉ chế định học giới cho hăng để tự mà thôi, chứ riêng Sa Môn Gotama

chẳng bị ràng buộc trong điều học này. Giờ đây chúng ta phải làm sao đây?

Thế rồi, Đức Vua Bimbisāra đi đến Tịnh xá Veluvana, bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

*“Bạch Thế Tôn! Khi nào Ngài thể hiện thần thông?”*

- Này Đại Vương! Còn bốn tháng nữa, vào ngày rằm tháng sáu, Như Lai sẽ thi triển thần thông.

- Bạch Thế Tôn! Ngài sẽ thực hiện thần thông ở nơi đâu?

- Như Lai sẽ thi triển thần thông tại thành Sāvattthī.

**Hỏi rằng:** Vì sao Bạc Đạo Sư định thời gian xa như vậy?

**Đáp rằng:** Vì kinh thành Sāvattthī là nơi chư Phật quá khứ đã dùng thần thông nhiếp phục ngoại đạo. Lại nữa, Ngài dự định thời gian dài như vậy, để đại chúng có dịp tụ hội với nhau. Và trong đời chư Phật chỉ có một lần Ngài thể hiện Song Thông Lực mà thôi.

Bọn ngoại đạo nghe được tin này, chúng bàn tính với nhau rằng:

- Được nghe nói rằng: Sa Môn Gotama còn bốn tháng nữa sẽ thi thố thần thông tại thành Sāvattthī. Bây giờ, chúng ta hãy bám sát theo Sa môn Gotama. Đại chúng thấy thế có hỏi, thì chúng ta đáp rằng: “Chúng tôi có tuyên bố thi triển thần thông với Sa môn Gotama, nay Sa môn Gotama toan trốn chạy, nên chúng tôi phải truy đuổi theo ông ta”

Bấy giờ, Bạc Đạo Sư sau khi ngự vào kinh thành Rājagaha khất thực xong, khi Ngài trở ra thì bọn ngoại đạo cử người theo sau bám sát Ngài. Khi bọn chúng bị đại

chúng hỏi rằng: “*Vì sao các ông theo sát Đức Thế Tôn như thế?*” Chúng trả lời rằng: “*Vì chúng tôi tuyên bố sẽ dùng thần thông đấu với Sa môn Gotama, nay ông ấy toan trốn, nên chúng tôi phải theo sát như thế.*”

Đại chúng suy nghĩ rằng: “Chúng ta sẽ được mục kí hết thần thông của Đấng Thập Lực”.

Đức Thế Tôn từ giả thành Rājagaha tuần tự du hành đến thành Sāvattthī. Bấy giờ, bọn ngoại đạo theo phía sau Ngài, khi đi đường chúng quyên góp tài vật của các giác dân mình rằng: Hãy bỏ ra 100 đồng vàng, hãy bỏ ra 1000 đồng vàng. Chúng tích trữ được số tài sản lớn, bỏ ra trăm ngàn đồng vàng kiến tạo mái nhà nóc nhọn bằng gỗ sālā, lợp nóc nhà bằng hoa sen xanh. Rồi tuyên bố với chúng dân thành Sāvattthī rằng: “*Chúng tôi sẽ dùng nơi này thi triển thần thông với Sa môn Gotama.*”

Được tin Đức Thế Tôn ngự về quốc độ Kosala của mình, Đức Vua Pasenadi đi vào Jetavana, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hiện nay bọn ngoại đạo đã kiến tạo ngôi nhà nóc nhọn, lợp bằng hoa sen xanh, chính nơi ấy chúng tuyên bố sẽ dùng thần thông đấu với Ngài. Bạch Thế Tôn! Trẫm sẽ kiến tạo mái nhà dăng đến Ngài.

- Này Đại Vương! Chớ phí sức như thế, Như Lai sẽ có người làm nhà rồi.

- Bạch Thế Tôn! Ngoài Trẫm ra, ai có năng lực làm được việc ấy?

- Này Đại Vương! Thiên Vương Đế Thích sẽ đảm nhận việc đó cho Như Lai.

- Bạch Thế Tôn! Nếu thế, Ngài sẽ thể hiện thần thông tại nơi nào?

- Này Đại Vương! Tại cây xoài Ganda.

Chúng ngoại giáo được biết: Sa Môn Gotama sẽ thi triển thần thông tại cây xoài Ganda. Chúng liền cho những người hộ độ của mình, thuê tiền nhổ tất cả những cây xoài, dù chỉ là cây con mới vừa mọc trong ngày, khắp thành Sāvattthī ném bỏ. Cả 1 do tuần thành phố quanh đó không có cây xoài nào cả, chúng đem những cây xoài nhổ bỏ đó ném vào rừng.

Vào ngày rằm tháng sáu, sáng hôm ấy Đức Thế Tôn ngự vào thành Sāvattthī để khất thực. Bấy giờ, nơi vườn Thượng Uyển của Đức Vua Pasenadi, có một cây xoài già cằn cỗi, người giữ vườn Thượng Uyển tên là Ganda, y nhìn thấy giữa chùm lá có một đàn kiến vây quanh, ngạc nhiên y trèo lên xem xét thì thấy rằng đàn kiến vây chung quanh một trái xoài độc nhất, xoài đang chín, có mùi thơm ngát. Y hái trái xoài ấy xuống, dự định mang vào Hoàng Cung dâng lên Đức Vua Pasenadi. Trên đường đi đến Hoàng Cung, Ganda trông thấy Đức Thiện Thệ đang ngự đi trì bình, y khởi tâm tịnh tín, nghĩ rằng:

- Đức Vua dùng trái xoài này, Ngài cũng chỉ ban thưởng cho ta 8 hoặc 16 đồng Kahāpana mà thôi. Số tiền ấy chỉ có lợi cho ta vài tháng mà thôi. Nếu giờ đây ta cúng dường xoài này đến Đức Thế Tôn, ta sẽ được lợi ích suốt thời gian lâu dài. Phước báu ấy sẽ hộ trì ta vô lượng kiếp.

Rồi y tín thành dâng xoài ấy đến Đức Thế Tôn. Bậc Đạo Sư đưa mắt nhìn lại Đại Đức Ānanda. Hiểu ý Đức Thế Tôn, Trưởng Lão Ānanda mang chiếc bát mà Tứ Thiên Vương cúng dường đến Đức Thế Tôn dùng bát ấy thọ nhận trái xoài từ tay người giữ vườn Ganda. Ngài tỏ ý muốn ngồi tại nơi ấy, Đại Đức Ānanda trái tọa cụ ra, cung thỉnh Đức Thế Tôn ngự lên. Rồi Tôn giả Ānanda dùng nước ép nước xoài ra dâng lên Đức Đạo Sư. Đức Thế Tôn thọ dụng nước

xoài xong, Ngài bảo người giữ vườn Ganda rằng:

- Này Ganda! Người hãy gieo trồng hạt xoài này đi.

Ganda đào khoảng đất xốp, rồi gieo hạt xoài xuống đó, lấp đất lại. Đức Thế Tôn ngự đến Ngài dùng nước rửa tay mình trên chỗ ấy. Khi Ngài vừa rửa tay xong, xoài nứt mọng, mọng lên và tăng trưởng nhanh chóng, chỉ trong thời gian ngắn cây xoài trở thành một cây cổ thụ, thân xoài to bằng cán cày, cao 50 hắc tay (25m). Cây xoài ấy có năm thân, một ngọn mọc thẳng, còn bốn ngọn kia xuôi theo bốn hướng, mỗi ngọn dài khoảng 50 hắc tay. Ngay khi ấy, Xoài trở nên sum suê, ra hoa kết trái, rồi chín vàng, rơi rụng xuống, chư Tỳ Khưu đi đến sau, lượm những trái xoài chín mọng ấy dùng.

Đức Vua Pasenadi được nghe tin: *“Một cây xoài kỳ diệu vừa phát sanh”*. Ngài sợ bọn ngoại giáo cho người chặt bỏ đi, nên phái quân sĩ đến canh giữ, với lệnh truyền rằng: *“Cấm bất kỳ ai chặt phá cây xoài này”*

Cây xoài ấy được mang tên là Ganda, vì là của ông Ganda trồng lên. Bọn côn đồ nghe tin có cây xoài kỳ diệu như thế, tìm đến xem, nhặt lấy những quả xoài chín ăn, hưởng được hương vị thơm ngọt của trái xoài, nên mắng chửi nhóm ngoại đạo rằng:

- Bọn ngoại đạo ác độc này, chúng được tin Sa Môn Gotama thể hiện thần thông trên cây xoài, nên chúng cho người đến phá tất cả xoài trong thành Sāvattthī này. Thậm chí những cây con vừa mọc, chúng cũng chẳng tha. Chúng khiến chúng ta không được nếm hương vị thù diệu của xoài như xoài Canda này.

Bọn côn đồ tức giận, đi tìm kiếm bọn ngoại giáo, dùng hạt xoài ném vãi vào chúng.



Bấy giờ, nơi Thiên Cung Đạo Lợi, Đức Đế Thích biết rằng: Hôm nay Đức Bốn Sư sẽ thi triển thần lực để nhiếp phục ngoại giáo. Ngài ra lệnh cho Thiên Tử Vātavalāhaka (Thần Gió) rằng:

- Người hãy nổi cuồng phong, thổi bay tróc ngôi nhà mái nhọn của ngoại đạo đi, hãy ném nóc nhà ấy vào đồng rác trong thành Sāvattihī. Rồi Đế Thích ra lệnh tiếp cho Thiên Tử Suriya rằng:

- Người hãy chiếu ánh sáng mặt trời thật mãnh liệt vào chúng ngoại đạo, khiến chúng trở nên nóng nãy.

Ngài phán bảo thêm Thiên Tử Vātavalāhaka rằng:

- Khi bọn ngoại đạo bị nắng chiếu rục vào người, mồ hôi tuôn đổ, người hãy nổi gió cuốn bụi tấp vào bọn chúng.

Hai vị Thiên Tử vâng lệnh Thiên Vương thực hành y như thế, bấy giờ nhóm ngoại đạo đang nhuế nhại mồ hôi, một cơn gió cuốn bụi vây quanh bọn chúng, người của chúng giống như con mối đỏ, ngôi nhà nóc nhọn của chúng bị trận cuồng phong dữ dội thổi bay mất, nóc nhà rơi vào đồng rác lớn trong thành Sāvattihī.

Đức Đế Thích lại ra lệnh cho Thiên Tử Vassavalāhaka (Thần làm mưa) rằng: *“Người hãy làm mưa rơi trên người bọn ngoại giáo đi”*. Thiên Tử vâng lệnh, bây giờ, thân hình chúng ngoại đạo giống như con bò đốm. Chúng bị nhiệt bức khi dứt cơn mưa, ánh sáng mặt trời càng gắt chiếu vào người, chúng bỏ chạy tứ tán, chẳng còn tha thiết chuyện đấu thần thông. Khi ấy, có gã nông dân là người hộ độ cho giáo chủ Pūranakadasspa, y suy nghĩ rằng:

- Chắc giờ này Giáo chủ của ta đang thi triển thần thông, vậy ta hãy đến xem Thần lực của Giáo chủ ta.

Y thả bò ra, mang theo sợi dây cột bò cùng với cái nôi

cháo, trên đường đi đến thành, y trông thấy vị Giáo chủ của mình đang chạy trốn, y liền gọi rằng:

- Bạch Ngài! Tôi đến để xem Ngài thi triển thần thông đây. Ngài bỏ chạy đi đâu thế?

- Người cần thiết chi với thần thông chứ, hãy trao sợi dây và cái nôi cháo cho ta ngay đi.

Pūrana cầm lấy nôi cháo cùng với sợi dây mà gã nông dân đệ tử vừa trao cho, chạy thẳng ra bờ sông, cột nôi vào cổ mình rồi nhảy xuống sông để tránh sự nhiệt bức bởi ánh mặt trời, bọt nước bắn lên tung tóe, Pūrana mệnh chung dưới dòng sông ấy và rơi vào A Tỳ địa ngục.

Vào xế chiều, Đức Như Lai ngự trong Hương thất, Ngài suy nghĩ rằng:

*“Đây là giờ hợp lẽ, Như Lai sẽ thể hiện Phật Lực”*.

Đấng Như Lai hóa hiện ra con đường kinh thành bằng ngọc Maṇi trên hư không. Chỗ tận cùng của con đường là tận cùng vũ trụ về phương đông, đầu bên này là chỗ tận cùng của vũ trụ về phương Tây.

Hội chúng thấy được kinh hành lộ bằng ngọc Maṇi như thế, vô cùng hoan hỷ, tụ tập tại nơi ấy một khoảng rộng lớn đến cả 36 do tuần. Rồi từ trong Hương Thất, Đức Thế Tôn ngự ra, tiến về phía cây xoài Ganda. Khi ấy một cận sự nữ đã chứng đạt Bất Lai Quả, đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài chớ nhọc sức làm chi, khi Ngài có được đứa con gái như con. Con sẽ thể hiện thần thông thay thế Ngài.

- Này Ganranī! Người sẽ thể hiện thần thông như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ biến vũ trụ này thành nước, nhưng mọi chúng sanh đều an toàn, con sẽ lặn trong nước ấy như con ngỗng trời, nổi lên ở ranh giới vũ trụ về phương Đông, phương Nam, phương Tây và phương Bắc, sau cùng con nổi lên ở giữa quả địa cầu cho đại chúng tận tường. Khi sự kiện xảy ra như thế, đại chúng sẽ hỏi: “*Nàng là ai?*” Con sẽ đáp rằng: “*Tôi là một cận sự nữ của Đức Thế Tôn, tên Gharanī.*” Đại chúng sẽ nghĩ rằng: Chỉ là một cận sự nữ mà có được thần lực như thế, thì còn nói gì đến oai đức của Đức Thế Tôn chứ. Và bọn ngoại đạo không kịp trông thấy Ngài, họ đã trốn chạy mất.

Nây Gharanī! Như Lai biết người có khả năng thể hiện thần thông như thế. Nhưng vòng vương miện này họ không dành cho người đâu.

Ngài khước từ lời thỉnh cầu của nàng Gharanī. Nàng suy nghĩ:

- Bậc Đạo Sư từ chối ta, chắc có người khác có khả năng thần thông để thể hiện rồi.

Và nàng lui đứng sang một bên. Bậc Đạo Sư quán xét rằng:

- Thật vậy, trong hàng cận sự nữ của Như Lai, cũng có được đạo hạnh như thế.

Rồi Ngài quán xét thấy được rằng:

“*Đệ tử của Đấng Như Lai sẽ rống tiếng rống sư tử giữa đại chúng 36 do tuần này*”

Ngài phán dạy rằng: “*Các người sẽ thể hiện thần thông lực như thế nào?*”

Chư Thánh đệ tử Thinh Văn ấy lần lượt tỏ bày rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thể hiện thần thông như thế này...

Trước mặt Đức Thế Tôn, giữa đại chúng rộng cả 36 do tuần ấy, các Ngài đã rống lên tiếng rống của con sư tử đang thời sung sức.

Được nghe lại rằng: Trong hàng cận sự nam, có Trưởng giả Cūla Anāthapindika suy nghĩ rằng:

- Khi Đức Thế Tôn có được người con trai như ta, là bậc Bất Lai Quả. Ngài chẳng can chi vất vả cả.

Ông liền bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thể hiện thần thông.

- Người thể hiện thần thông như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ hoán hiện như vị Phạm Thiên cao lớn khoảng 12 do tuần, phát ra Phạm âm vang như sấm động giữa đại chúng. Mọi người đều nghe rõ ràng phạm âm, sẽ hỏi rằng:

- “*Đây là âm thanh của Phạm Thiên, được ông Cūla Anāthapindika phát ra bởi thần lực*”

Bọn ngoại giáo sẽ nghĩ rằng:

“*Thần lực của gia chủ, chỉ là một cận sự của Đức Thế Tôn thôi, mà còn có oai lực như thế, thì còn nói chi đến oai lực Siêu việt của Đức Thế Tôn chứ. Và chúng chưa kịp nhìn thấy Ngài, đã kinh hoàng bỏ chạy trốn.*”

- Nây Cūlānāthapindaka! Như Lai vẫn biết người sẽ thực hiện được điều đó.

Nhưng đây không phải là phận sự của người. Đây là việc làm của Đấng Như Lai.

Đức Thế Tôn từ chối sự thỉnh cầu của gia chủ

Cūlānāpindika, không chấp thuận cho ông thể hiện thần thông.

Kệ đến có vị sa di ni, tuổi vừa được 7 tuổi nàng đã chứng đạt Tuệ Phân Tích, đến đánh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thực hiện pháp thần thông.

- Này Virā! Người sẽ làm như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ mang quả núi Sineru, núi Luân Vi và núi Hy Mã đặt giữa đại chúng này, rồi từ những quả núi ấy, con chui ra nhẹ nhàng, bay lượn giữa hư không như con hạc chứa vàng. Đại chúng sẽ hỏi nhau rằng: “*Người này là ai thế?*”

- Con sẽ trả lời rằng: “*Ta là Sa di ni Virā*”. Đại chúng sẽ suy nghĩ rằng: “*Vị Sa di ni mới 7 tuổi mà có đại thần lực như thế, thì còn nói gì đến oai lực Đức Như Lai chứ*”. *Bọn Ngoại giáo sẽ kinh hoàng, không kịp nhìn thấy Ngài đã bỏ chạy trốn mất.*”

- Này Sa di ni Virā! Như Lai biết người có thể thực hiện được điều đã nói. Nhưng đây không phải là phận sự của người.

Đến Sa di Cunda, là bậc Lậu Tận chứng đạt Tuệ Phân Tích, Ngài cũng vừa tròn bảy tuổi, đến đánh lễ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thể hiện thần thông lực.

- Này Sa di Cunda! Người sẽ làm như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ nắm lấy câu Hồng quân lớn, làm thành cột cờ của cõi Diêm Phù, rung mạnh cho trái hồng quân rơi rụng xuống, đại chúng nhật lấy dùm. Và

con sẽ hóa hiện hoa mạn đà rơi như mưa để cúng dường Đức Thế Tôn.

- Này Cunda! Như lai biết rằng người sẽ thực hiện được những điều như người đã nói. Nhưng đây không phải là phận sự của người.

Tiếp theo là vị Thánh Nữ đệ nhị của Đức Thế Tôn là nàng Uppalavannā, bước ra đánh lễ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thực hiện thần thông lực.

- Này Uppalavannā! Người sẽ làm thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ hóa thành vị Chuyển Luân Vương, có hội chúng vây quanh rộng 6 do tuần, Vị Vua Chuyển Luân với đầy đủ 7 báu ấy cùng đại chúng rộng lớn đi đến đây đánh lễ Đức Thế Tôn.

- Này Uppalavannā! Như Lai biết người sẽ thực hiện được điều người vừa nói. Nhưng đây không phải là phận sự của người.

Tiếp đến, Trưởng Lão Moggallāna, vị Thượng Thủ Thinh Văn đệ nhị bước đến đánh lễ Đức Thế Tôn, xin phép Ngài cho thi triển thần thông.

- Này Moggallāna! Người sẽ thực hiện được điều gì?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ đặt núi Sineru ở giữa đôi hàm răng, rồi con nhai núi ấy như nhai hạt cải.

- Người còn thực hiện được điều gì nữa?

- Con sẽ đặt quả địa cầu này vào lòng tay trái, đặt tất cả sinh chúng trên địa cầu vào lòng tay phải.

- Người còn làm chi nữa?

- Con sẽ dùng núi Sineru làm thành các lọng, che cho quả địa cầu, rồi một tay cầm lấy núi Sineru như cầm lọng trong tay, đi kinh hành giữa hư không.

- Này Moggallāna! Như Lai biết người thực hiện được những điều như thế. Nhưng đây không phải là phận sự của người.

Trưởng lão Moggallāna suy nghĩ:

- Có lẽ Đức Đạo Sư biết người sẽ thể hiện thần thông rồi. Trưởng Lão lui ra đứng vào nơi thích hợp. Bây giờ, Đức Thế Tôn phán dạy Trưởng Lão Moggallāna rằng:

- Này Moggallāna! Vòng hoa này không phải dành cho người hay bất cứ ai trong đại chúng. Vì rằng: Phận sự nào của Như Lai, thì không một ai có thể làm thay được. Không một ai có thể nhận lãnh phận sự Như Lai trong hiện tại đây, không phải là điều kỳ diệu, mà trong thời quá khứ, việc làm của Như Lai, khi ta sanh làm hạng người vô nhân là bàng sanh, việc làm của Ta cũng chẳng có ai có thể thay thế làm được rồi.

- Bạch Thế Tôn! Câu chuyện ấy như thế nào vậy.

Theo lời thỉnh cầu chư Tỳ Khuru, Đấng Như Lai thuyết giảng lên Túc Sanh Kanhavisabha với chi tiết như sau:

*“Công việc nặng có trong thời nào, con đường khó khăn trong thời nào. Chính trong thời ấy, người chủ bò Kanha, chính bò Kanha ấy giải quyết được công việc ấy mà thôi.”*

Rồi Ngài thuyết lên Bốn Sanh ly kỳ Nandavisābha chi tiết như sau: *“Người chỉ nên nói lời tao nhã, không nói lời thô ác. Khi Bà la môn nói lời tao nhã, bỏ Nanda mới kéo được chiếc xe nặng được, khiến Bà la môn ấy được tài sản. Bà la môn ấy có tâm thỏa thích vì nhận được tài sản lớn.”*

Sau khi thuyết giảng xong Bốn sanh, Đức Thế Tôn ngự lên con đường kinh hành bằng ngọc Mani ở giữa 24 do tuần đại chúng, phía trái phía phải, trước sau là 12 do tuần đại chúng. Tất cả đều trông thấy rõ ràng như hiện ra trước mắt mình. Đức Thế Tôn hiển lộ Song Thông Lực giữa đại chúng ấy.

Bậc trí nên hiểu Song Thông Lực ấy theo ý nghĩa Pāli như vậy:

- Thế nào là Song Thông Tuệ của Đấng Như Lai? Tuệ này chỉ có đối với bậc Chánh Đẳng Giác, không phổ cập đến Thinh Văn Đại Đệ Tử. Hàng Thinh Văn không thể nào có được Song Thông Tuệ. Trong cùng một lúc, Ngài an trú vào hai đề mục, từ kim thân Ngài lửa và nước cùng tuôn ra, bên phải phun lửa, bên trái tuôn nước, bên trái tuôn lửa thì bên phải phun nước. Phía trên ra lửa, phía dưới ra nước, phía trên tuôn nước, phía dưới phun lửa. Phía trước hiện lửa, phía sau hiện nước, phía trước hiện nước, phía sau hiện lửa. Mắt này phun lửa, mắt kia phun nước và ngược lại. Tai này ra lửa tai kia ra nước và ngược lại. Đầu thượng y bên này ra lửa, đầu thượng y bên kia ra nước và ngược lại. Ngón tay tuôn lửa, kẽ tay tuôn nước và ngược lại. Lòng tuôn nước thì chân lông tuôn lửa và ngược lại. Hồng này ra lửa thì hông kia ra nước và ngược lại. Chân này ra lửa thì chân kia ra nước và ngược lại. Hay là thân trên có màu xanh, thân dưới có màu đỏ và ngược lại... Hòa quang sáu màu là xanh-đỏ-vàng-trắng-cam và dợn sóng tuôn ra như vàng tuôn chảy không ngớt từ nồi nấu vàng, khác cả mười muôn triệu thế giới đều sáng ngời Phật Quang.

Đức Thế Tôn hóa hiện một vị Phật Chánh Đẳng Giác giống như Ngài. Khi hiện thân đi thì hóa thân ngồi, đứng hoặc nằm và ngược lại khi hóa thân đi thì hiện thân đứng, nằm hay ngồi... Hiện thân vấn đạo thì Hóa thân đáp, hóa

thân vấn pháp thì hiện thân trả lời. Đây là Song Thông Tuệ của Đức Chánh Đẳng Giác. Bậc Đạo Sư ngự đi trên kinh hành lộ ngọc Maṇi, Ngài thể hiện song thông trí như thế, nêu lên ý nghĩa rằng: Kim thân phía trên phun lửa là do định lửa từ Tejokasina (đề mục lửa), kim thân phía dưới phun nước là do định lực Ápokasina (đề mục nước), hay bên phải có màu xanh là do định lực đề mục Xanh (Nilakaaina), nên trái có màu đỏ là do định lực Lohitakasina (đề mục Đỏ)...Lửa phun ra từ nước, nước tuôn ra từ lửa. Ánh sáng xanh từ trong ánh sáng đỏ phát ra, ánh sáng đỏ từ trong ánh sáng xanh hiện khởi...

Trưởng Lão Sāriputta có giải rằng:

*Ý nghĩa của những câu văn này cũng như thế. Song Thông Lực này là: Lửa không lẫn với nước, nước chẳng phải lẫn với lửa. Và cả nước với lửa ấy đã xông tới tận Phạm Thiên Giới, rồi lan rộng khắp mọi Luân Vi trong vũ trụ. Vì thế, Trưởng Lão Sāriputta mới giải rằng: “Channam Vannānam...Hào quang sáu màu của Bậc Đạo Sư phóng ra khắp vũ trụ như khoáng chất vàng tuôn chảy từ nôi luyện kim, thấu đến tận Phạm Thiên Giới rồi phản chiếu khắp cùng vũ trụ, ánh sáng đều đồng nhất rực rỡ ví như: Diêm Phù này là trung tâm, tựa cội Bồ Đề được đóng cương với những cọc sắt, từ nơi ấy phát ra ánh sáng lan rộng khắp nơi đồng nhất như nhau.*

Ngày hôm ấy, Đức Đạo Sư đi kinh hành trên Ngọc lộ, thuyết pháp thoại giữa đại chúng bằng cách vấn đáp với vị Phật hóa thân, làm cho đại chúng thêm hiểu nghĩa văn thâm mật của Phật Ngôn rõ ràng. Tiếng tán dương vang dội, tiếng Sādhhu từ nôi đại chúng vang rền như tiếng sấm nổ giữa trời quang đảng. Bậc Đạo Sư dùng Phật tuệ quán xét cơ tính chúng sanh của đại chúng ấy, Ngài thấu hiệu tâm chúng sanh đủ cả 16 chi phần. Tâm Chư Phật diễn tiến

rất nhanh như thế, người tịnh tín với Pháp nào và loại thần thông nào, Ngài thuyết lên Pháp ấy và loại thần lực ấy, tùy theo cơ tánh từng chúng sanh Ngài thuyết pháp hợp theo cơ tánh ấy. Khi Ngài thể hiện Song thông lực và thuyết pháp thoại như thế, chúng sanh đắc chứng đạo quả không thể kể đến số lượng được. Vì sao Ngài lại hóa thân thêm một vị Phật nữa? Vì rằng: Ngài biết rõ rằng: Giữa Đại chúng này, không một ai có thể giải đáp những câu hỏi thuộc về Phật Giới, cũng không một ai có thể đặt được một câu hỏi thuộc cảnh giới Phật Tuệ. Do đó, Ngài phải hóa thân thêm một vị Chánh Đẳng Giác như Ngài, khi vị Hóa thân hỏi thì Hiện thân đáp, khi vị Hiện thân hỏi thì vị Hóa thân đáp. Nên để nêu lên ý nghĩa này, các Luận Giải Sư đã nói: “Đức Phật hóa thân đi kinh hành thì Đức Phật hiện thân ngồi tham thiền...”

Có đến 22 koti (220 triệu) chúng sanh đắc Pháp do thấy được Song Thông Trí mà Bậc Đạo Sư thể hiện cùng với sự nghe Pháp Bảo từ hai vị Phật ấy.

Sau khi thể hiện song Thông Lực rồi, Đức Thế Tôn suy nghĩ rằng:

- Chư Phật quá khứ, sau khi dùng thần thông nhiếp phục ngoại đạo rồi, Ngài ngự đi đâu? Nhập hạ tại nơi nào?

Với Phật Trí, Ngài thấy rằng: Sẽ an cư tại cội Đạo Lợi, thuyết lên Tạng Thắng Pháp để tế độ Phật mẫu.

Sau khi hiểu rõ điều này, Ngài đưa chân phải lên đỉnh núi Yugandhara, núi Sineru dường như chạy đến hạ thấp xuống thình rằng: Xin Bậc Đại Giác hãy đặt chân Ngài lên đỉnh này”. Ngài đưa chân trái lên đỉnh Sineru, núi Sineru dường như vươn thẳng người, đưa Ngài đến cội Đạo Lợi. Khoảng cách ba bước chân ấy là sáu mươi tam trăm ngàn do tuần (6.800.000). Hai chân Ngài đều duỗi thẳng ra như

bình thường ngự đi trì bình. Không nên nghĩ rằng: Đức Thế Tôn đưa chân lên cao rồi đặt xuống, vì khi Ngài đưa chân tới trước thì các đỉnh núi như chạy đến đỡ chân Ngài, khi chân Ngài rời khỏi thì như chạy trở về vị trí cũ. Đức Đế Thích trông thấy Bạc Đạo Sư ngự đến, Ngài suy nghĩ rằng:

- Đức Thế Tôn Ngài ngự lên đây để an cư mùa mưa, Ngài sẽ ngự nơi tầng đá vàng Pandukambala. Khi Đức Thế Tôn ngự đến nơi này, Chư Thiên sẽ phục vụ Ngài, các Thiên Nhân không thể có sự dễ dãi trong phạm sự ấy được. Nhưng tầng đá Pandukambala này dài 60 do tuần, rộng 50 do tuần, cao 15 do tuần, Đức Thế Tôn ngự lên trên đó quả thật là trống rỗng.

Hiểu được tư tưởng ấy của Đức Đế Thích, Đức Thế Tôn liền trải tọa cụ ra, phủ trọn vẹn tầng đá vàng Pandukambala, rồi ngự ngồi trên ấy. Thiên Chúa lại suy nghĩ rằng: *“Đức Thế Tôn trải tọa cụ như thế, nhưng Ngài chỉ ngồi có chút ít thôi”*

Biết được ý nghĩ này, Đức Thế Tôn liền thu tầng đá Pandukambala vừa vận với tọa cụ và Ngài ngồi vừa vận với tọa cụ ấy, giống như vị Tỳ Khưu mặc phấn tảo y ngồi thường nhật trên tọa cụ của mình.

Đức Đế Thích mục kích cảnh tượng thù diệu ấy, Ngài vô cùng hoan hỷ, đánh lễ Đức Thế Tôn, Ngài phán rằng:

- Này Đế Thích, người chớ nghĩ rằng Ngai vàng này rộng lớn đối với Như Lai. Như Lai hành pháp độ với vô lượng kiếp, mong chúng đạt Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, thì không phải là nhỏ đâu.

Bây giờ, nơi nhân giới, đại chúng bỗng nhiên thấy Đức Thế Tôn biến mất, ví như ánh mặt trời cùng mặt trăng cùng vụt tắt. Đại chúng than khóc rằng:

- Bạc Đạo Sư đã ngự đến núi Cittakūta hay núi Kreylāsa hoặc núi Yugandhara mất rồi, từ nay chúng ta không còn được thấy Ngài nữa, Bạc Chánh Đẳng Giác không còn trở về với chúng ta.

Nhóm khác thì sầu khổ than khóc rằng:

- Bạc Đạo Sư là bậc hàng an trú nơi thanh vắng, tán thán nơi an tịnh, nay Ngài đã ngự đến nơi khác, vì Ngài nghĩ rằng *“Ta đã thể hiện Song Thông như vậy với đại chúng”*. Hẳn là chúng ta không còn được chiêm bái Ngài nữa rồi. Họ nói lên kệ ngôn rằng:

*“Ngài là bậc Thượng trí, Ngài vui thích nơi thanh vắng, không còn trở lại thế gian này nữa. Chúng ta không còn thấy Bạc Chánh Đẳng Giác, bậc chúa tể của thế gian, bậc cao quý hơn cả nhân thiên”*.

Đại chúng liền đi đến bạch hỏi Trưởng Lão Moggallāna rằng:

- Bạch Ngài, Đức Đạo Sư của chúng tôi đang ngự trú nơi nào?

Quán xét rõ việc Đức Thế Tôn an cư mùa mưa nơi cõi Đạo Lợi, Trưởng Lão Moggallāna đáp rằng:

- Các người nên đến hỏi Tôn Giả Anuruddha, bậc đệ nhất Thiên Nhân trong hàng Thánh Văn.

Sở dĩ, Đại Đức Moggallāna không trả lời, và khuyên dạy thính chúng đến hỏi Tôn Giả Anuruddha, vì Ngài muốn cho đại chúng hiểu rằng: Các Công hạnh của Thánh Thánh Văn thật thù diệu, và làm công hạnh của chư Thánh Thánh Văn được hiển lộ.

Đại Chúng đi đến bạch hỏi Trưởng Lão Anuruddha rằng:

- Bạch Ngài, Đức Đạo Sư của chúng tôi ngự nơi nào?
- Ngài đang ngự trên cõi Đạo Lợi, nơi tảng đá Pandukambala là ngai vàng của Thiên Vương Đế Thích, để tuyên thuyết Tạng Thắng Pháp tế độ Mẫu Hậu Māyā.
- Bạch Ngài! Bao giờ Đức Thế Tôn trở về nhân giới?
- Ngài sẽ thuyết tạng Thắng Pháp trọn cả ba tháng trường (tính theo cõi nhân loại). Rồi Ngài sẽ trở về nhân giới trong ngày Tụ Tứ (Mahāpavāraṇā).

Đại chúng bàn nhau rằng: *“Chúng ta sẽ không rời khỏi nơi này nếu chưa gặp Đức Đạo Sư trở về”*. Và họ cư ngụ tại nơi ấy. Tương truyền rằng: Đại chúng dùng hư không làm màn, lấy mặt đất làm chiếu trải, nhưng cả đại hội chúng to lớn như thế cũng không làm cho mặt đất nơi ấy trở nên chật và ô nhiễm, mặt đất gồ ghề ở nơi ấy bỗng trở nên bằng phẳng cho đại chúng và rộng rãi. Sự sạch sẽ luôn hiện đến với Đại chúng. Trước đó, Bạc Đạo Sư đã phán dạy Tôn giả Moggallāna rằng:

- Này Moggallāna! Người hãy thuyết pháp đến đại chúng ấy. Còn gia chủ Cūla Anāthapindika hãy bố thí vật thực đến đại chúng.

Trường giả Cūla Anāthapindika bố thí đến đại chúng cơm, cháo, vật thực, cau, trâu, vật thơm, vật thoa và vật trang điểm cho đại chúng cả sáng lẫn chiều, hay trong mỗi giờ. Đại thí ấy được thực hiện cả ba tháng trọn vẹn như thế. Riêng Tôn Giả Moggallāna thì thuyết lên Pháp thoại, giải đáp những thắc mắc, đoạn nghi cho đại chúng đến chứng kiến Thần Thông của Đức Phật tại nơi ấy.

Nơi Thiên Giới Đạo Lợi, Chư Thiên trong 10 muôn triệu thế giới được biết Đức Thế Tôn an cư tại cõi Đạo Lợi nên cùng nhau vân tập đến cõi Đạo Lợi ấy, nên các Luận

Giải Sư đã ghi rằng:

- Trong thời Đức Phật là bậc Cao quý nhất trong nhân, thiên giới, Ngài ngự nơi tảng đá vàng Pandukambala, dưới cội cây Pāricchattaka ở Đạo Lợi Thiên. Bảy giờ, Chư Thiên trong 10 muôn triệu thế giới Sa bà cùng nhau tụ hội đến đánh lễ Đức Chánh Đăng Giác. Khi Ngài ngự trên đỉnh núi Sineru ấy, không một Thiên nhân nào sáng rực hơn Đức Chánh Đăng Giác, chỉ có Đức Chánh Đăng Giác hăng sáng ngời hơn tất cả Thiên nhân.

Đức Thế Tôn ngự giữa ngai vàng Kambala như thế, Đức Đế Thích hiểu biết với trí của mình rằng: *“Đức Thế Tôn ngự đến cõi Đạo Lợi này, với mục đích là tế độ mẫu hậu Māyā của Ngài”*. Tự thân Đức Đế Thích đi đến cung trời Tusitā cung thỉnh Thiên Tử Māyā (hậu thân của Hoàng Hậu Māyā). Được sự thỉnh của Vua Trời Đế Thích, Thiên Tử Māyā từ nơi cung trời Tusitā ngự xuống cõi Đạo Lợi, và ngồi bên tay phải của Đức Thế Tôn.

Khi ấy, có hai vị Thiên Tử là Indaka cũng ngồi phía bên phải Đức Thế Tôn và Thiên Tử Anruka thì ngồi phía tay trái của Ngài. Khi Chư Thiên có đại oai lực đi đến, Thiên nhân nào kém oai lực thì phải đứng dậy nhường chỗ ngồi lui ra sau. Và Thiên Tử Anruka phải lui ra xa cả 12 do tuần, trái lại Thiên Tử Indaka vẫn ngồi yên một chỗ. Thấu rõ sự kiện này như thế nào rồi, nhưng Bạc Đạo Sư muốn cho Chư Thiên thấy rõ oai lực thù diệu của ân đức Phật Đạo rằng: *“Vật thí mà tín gia cúng dường đến bậc đáng cúng dường trong Phật Giáo, tuy vật thí dù nhỏ chút ít vẫn có đại oai lực thù thắng, có đại quả báu”*. Ngài phán hỏi Thiên Tử Anruka rằng:

- Này Anruka! Người thọ sanh vào cảnh Thiên Giới này là do phước thiện nào thế?



- Bạch Thế Tôn! Khi còn là nhân loại, con hằng bố thí đến chúng nhân, con đã cho xây lò bếp dùng nấu vật thực bố thí, dài đến 12 do tuần. Con hành thí sự ấy suốt cả 10 ngàn năm như thế. Quả thiện ấy cho con được tái sanh vào cảnh giới này.

- Này Indaka! Người tái san cõi Đạo Lợi là do quả thiện nào?

- Bạch Thế Tôn! Khi còn là người, con cúng dường đến Trưởng Lão Anuruddha một vá cơm. Do nhân ấy, con được thọ sanh về cõi này.

- Này Anruka! Người đã hành thí sự suốt 10 ngàn năm, xây lò bếp dài 12 do tuần.

Thế vì sao, hiện nay trong hội chúng này, người lại lui ra xa đến 12 do tuần như thế?

Thật vậy, các Luận Giải Sư đã thuyết lên rằng:

Bậc Chánh Đẳng Giác thay Thiên Tử Anruka và Indaka, Ngài tán dương sự cúng dường bậc đáng tôn kính, đáng cúng dường trong câu Phật Ngôn này: *“Này Anruka! Người đã bố thí rất nhiều trong khoảng thời gian dài 10 ngàn năm, xây bếp lò dài cả 12 do tuần. Nhưng khi đến hội chúng Thiên nhân này, vì sao người lại lui xa 12 do tuần như thế?”*

Âm thanh vi diệu của Đức Thế Tôn xuyên suốt cả kinh thành Sudaosana là thành phố Chư Thiên cõi Đạo Lợi, lan đến nhân giới. Đại Chúng đó đã nghe được Phật âm vi diệu ấy.

Nghe Bậc Đạo Sư phán hỏi như thế, Thiên Tử Ankura buồn rầu đáp:

- Bạch Thế Tôn! Con cầu mong được gì nơi quả phước ấy, vì con tạo phước vào thời không có Phật Pháp, không có bậc đáng cúng dường. Dạ Xoa Indaka chỉ cúng dường chút ít, nhưng được cúng dường vào thời có Phật Pháp, cúng dường đến bậc đáng cúng dường nên vị ấy có nhiều oai lực hơn con. Ví như vàng trắng rực sáng trong chòm sao như thế.

*(Trong những câu văn ấy, chữ Dajjà đổi thành là Datvà nghĩa là đã cho).* Nghe Thiên Tử Ankura bạch như thế, Đức Thế Tôn Phán hỏi Thiên Tử Indaka rằng:

- Này Indaka! Vì sao chỉ với chút ít vật thí như thế, mà người có đại oai lực, người không lui ra như vậy?

- Bạch Thế Tôn! Con đã cúng dường đến bậc đáng cúng dường, ví như người nông dân gieo hạt vào ruộng màu mỡ, dù chỉ là ít hạt giống nhưng được nhiều kết quả.

Sau khi nêu lên sự kiện cúng dường đến bậc cúng dường như thế. Thiên Tử Indaka bạch tiếp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Dù là hạt giống nhiều, nhưng gieo vào ruộng xấu khô cằn thì kết quả không sung mãn, không thể làm người nông dân ấy hài lòng hoan hỷ như thế nào, cũng vậy người bố thí nhiều đến những kẻ ác giới thì quả phước không được sung mãn, thí nhân ấy hằng không được hoan hỷ với quả ấy. Trái lại, tuy ít hạt giống, nhưng được gieo vào ruộng tốt, đúng thời mưa thuận gió hòa, thì quả sẽ sung mãn, khiến người nông dân hoan hỷ hả dạ. Cũng như thế ấy, thí vật tuy chút ít, nhưng được dâng cúng đến bậc đáng cúng dường là bậc có giới đức, chắc chắn quả ấy sẽ cho người làm thí sự hoan hỷ như thế”

**Hỏi rằng:** Tiền nghiệp của Thiên Tử Indaka ấy là thế nào?

**Đáp rằng:** Được biết Thiên Tử Indaka đã cúng dường một vá cơm đến Trưởng Lão Anuruddha, khi Ngài đang trì bình khất thực trong thành. Nên quả phước của vị ấy có nhiều quả báu hơn sự bố thí của Thiên Tử Anruka xây bếp lò cả 12 do tuần, bố thí suốt thời gian 10 ngàn năm. Do đó, Thiên Tử Indaka mới bạch như thế.

- Này Anruka! Sự lựa chọn bậc đáng cúng dường rồi cúng dường, thí sự ấy thường có nhiều quả báu. Ví như hạt giống mà được gieo xuống ruộng tốt như vậy.

Nhưng người không làm như thế, do vậy thí sự của người mới không có quả tối thắng.

Rồi Ngài nêu lên ý nghĩa để làm sáng tỏ vấn đề này:

“Sự bố thí mà người đã bố thí trong chỗ nào có quả nhiều, người nên lựa chọn rồi bố thí trong chỗ ấy. Sự chọn lựa để cúng dường mà Đức Thiện Thệ tán dương là thí sự đến bậc đáng cúng dường hiện hữu trong thế gian, sẽ có quả nhiều, ví như hạt giống được gieo vào ruộng tốt không có dại.”

Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

Ruộng có cỏ lại độc hại, chúng sanh có ái là độc hại. Vì vậy sự thí mà người đã bố thí đến người đã đoạn tận ái có nhiều quả.

Ruộng có cỏ là độc hại, chúng sanh có sân hận là độc hại. Vì vậy sự thí mà người bố thí đến người đã đoạn tận sân có nhiều quả.

Ruộng có cỏ là độc hại, người có si mê là độc hại. Vì vậy sự thí mà người thí đến bậc đã đoạn tận si có nhiều quả.

Ruộng có cỏ là độc hại, chúng sanh có tham là độc

hại. Vì vậy sự thí mà người thí đến bậc đã đoạn tận tham, có nhiều quả.

Dứt kệ ngôn, hai Thiên Tử Anruka và Indaka đều an trú vào Dự Lưu Quả.

Thế rồi, Bậc Đạo Sư ngồi giữa Đại chúng thiên nhân, đề cập đến Phật mẫu rằng:

- Mẫu hậu hãy đến đây, lắng nghe Pháp Như Lai. Như Lai sẽ đền đáp lại công ơn của người đã nuôi dưỡng Như Lai trong vòng luân hồi.

Ngài nghĩ tiếp: Công ơn của Mẫu Hậu Māyā đối với Ta thật là vĩ đại. Vậy ta phải dùng Pháp môn nào để đền đáp cho xứng đáng ơn nghĩa thâm sâu kia? Ngài thấy rằng chỉ có Thắng Pháp Tạng mới xứng đáng với công ơn của Bà Māyā nuôi dưỡng Ngài khi Ngài còn lang thang trong vòng luân hồi. Và Ngài khởi đầu thuyết lên Tạng Thắng Pháp rằng: “*Kusalādharmā, Akusalādharmā, abyākatā dhammā...*” Đức Thế Tôn thuyết Tạng Diệu Pháp theo cách này trọn cả ba tháng. Trong khi Ngài ngự đi khất thực thì Ngài hóa thân một vị Phật như Ngài và vẫn tiếp tục thuyết Pháp với sự chú nguyện rằng: “*Vị Phật hóa thân này sẽ thuyết pháp cho đến khi Như Lai trở về*”.

Rồi Ngài ngự đến rừng Tuyết Lãnh, đánh răng bằng cây chà răng của rừng ấy ở hồ Anotatto trong rừng Anāgalatā. Ngài ngự đi khất thực ở xứ Kuru (Bắc Cưu Lưu Châu), khi khất thực xong, Ngài ngự về ngôi nhà lớn nơi thành Sankassa. Khi ấy, Tôn Giả Sāriputta quán:

- “*Bậc Đạo Sư hiện đang trú tại đâu?*”. Khi biết Đức Thế Tôn đang ngự tại thành Sankassa, Trưởng Lão đi đến phục vụ Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn khi thọ thực xong, Ngài phán dạy

Trưởng Lão Sāriputta rằng: “Này Sāriputta! Hôm nay ta sẽ thuyết Pháp như thế như thế. Người hãy thuyết lại ý nghĩa này đến 500 vị tân Tỳ Khưu vừa mới xuất gia của người đi”.

- Thừa vâng! Bạch Thế Tôn.

Tương truyền rằng: Có 500 thiện gia tử khi được chứng kiến Song Thông Lực của Đức Thế Tôn, phát tâm tịnh tín mãnh liệt nơi Phật Lực, cả 500 vị đã xin xuất gia ngay khi ấy, và Tôn Giả Sāriputta đã tiếp độ cho 500 vị thiện gia tử ấy trong trú xứ của mình. Lời dạy của Đức Thế Tôn là Ngài ám chỉ đến 500 tân Tỳ Khưu ấy.

Sau khi phán dạy xong, Đức Thế Tôn ngự lên cõi Đạo Lợi, vị Phật hóa thân biến mất và Đức Phật tiếp tục thuyết lên Pháp thoại Thắng Pháp. Riêng Ngài Sāriputta trở về trú xứ của mình, thuyết lên Pháp mà Đức Đạo Sư vừa tóm tắt cho mình đến các vị tân Tỳ Khưu một cách rộng rãi. Khi vừa mãn ba tháng an cư thì nhóm Tỳ Khưu ấy đã thông suốt trọn vẹn 7 bộ Thắng Pháp.

Được nghe lại rằng: Trong thời Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, có một đàn dơi 500 con trú tại một hang động trong núi. Bấy giờ, có hai vị Tỳ Khưu trong Giáo Pháp Đức Phật Kassapa cũng trú ngụ nơi động ấy, khi các Ngài kinh hành hay ngồi lại cùng nhau, hằng tụng niệm Abhidhamma. Đàn dơi ấy bắt lấy cảnh thính ấy, với ấn tượng rằng đây là Pháp chư Phật. Đàn dơi ấy không thể hiểu rằng: “*Đây là uẩn, đây là xứ, đây là Giới...*”, chúng chỉ bắt lấy tiếng tụng niệm làm cảnh với ấn tượng là lời Phật dạy mà thôi. Sau khi mệnh chung, cả 500 con dơi ấy tái sanh lên Thiên giới, thọ hưởng Thiên sản trọn một kiếp Phật. Mạng chung từ Thiên giới, 500 vị Thiên Tử tái sanh vào nhân giới trong thời Phật hiện tại, ở trong thành Sāvattihī. Nhân dịp mục kích được quang cảnh hy hữu của

Song Thông Trí của Đấng Như Lai. Cả 500 thiện gia tử ấy khởi tâm tịnh tín, xin xuất gia trong Pháp Luật của Đức Thế Tôn, và Trưởng Lão Sāriputta đã tế độ 500 thiện gia tử ấy trong trú xứ của mình. Và trong ba tháng an cư mùa mưa ấy, 500 vị tân Tỳ Khưu ấy thông suốt trọn vẹn 7 bộ Thắng Pháp trước những vị Tỳ Khưu kia.

Đức Thế Tôn thuyết trọn vẹn Tạng Thắng Pháp trên cõi Đạo Lợi ròng rã ba tháng dài (tính theo cõi nhân loại), đã mang đến Đạo Quả cho 80 koti Chư Thiên, và Hoàng Hậu Māyā chứng đạt được Pháp Nhân Dự Lưu Quả.

Còn bảy ngày nữa là đến ngày Đại Lễ Tự Tứ, đại chúng rộng 36 do tuần ấy, khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Từ hôm nay trở đi, đến ngày thứ bảy là ngày Đại Lễ Tự Tứ. Đức Thế Tôn sẽ ngự về nơi nào?

Họ đi đến Trưởng Lão Moggallāna bạch rằng:

- Bạch Ngài! Chúng tôi muốn biết ngày trở về của Đức Thế Tôn, nếu chúng tôi chưa được chiêm bái Ngài, chúng tôi sẽ không rời khỏi nơi đây đâu.

- Này Đại chúng, thôi được.

Trưởng Lão Moggallāna chú nguyện rằng: “*Đại chúng hãy trông thấy ta đi đến cõi Đạo Lợi, diện kiến với Đức Thế Tôn*”.

Ngài độn thổ, đi đến chân núi Sineru, rồi theo triền núi đi dần lên, giống như sợi chỉ vàng xỏ vào viên ngọc trai đỏ. Ngài đi lên đỉnh núi Sineru, đại chúng thấy rõ ràng như đang thấy cảnh Ngài đi trên núi Sineru trước mặt, Trưởng Lão đi được 1 do tuần, 2 do tuần... Tôn Giả Moggallāna đi đến Thiên Cung Đạo Lợi, đến tảng đá Pandukambala, đánh lễ dưới chân Ngài với sự cung kính cực đằm, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hội chúng muốn yết kiến Ngài, nếu chưa được chiêm bái Ngài, họ sẽ không rời chỗ ấy. Bạch Thế Tôn! Xin Ngài mở lòng bi mẫn ngự về nhân giới.

- Này Moggallāna! Sư huynh người là Tôn giả Sāriputta hiện nay đang ở nơi nào?

- Bạch Thế Tôn! Vị ấy đang trú tại thành Sankassa.

- Này Moggallāna! Kể từ hôm nay trở đi, đến ngày thứ bảy, Như Lai sẽ ngự về nhân giới, tại chân thành Sankassa. Đại chúng muốn yết kiến Đấng Như Lai thì hãy đến nơi ấy.

Từ Sāvattthī đến thành Sankassa chỉ cách nhau 30 do tuần, chẳng cần phải chuẩn bị lương thực chi cho lắm. Người hãy thông báo cho đại chúng biết như thế. Đại chúng hãy thọ trì Trai giới rồi đến nghe Pháp vậy.

- Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Trưởng Lão Moggallāna trở lại nhân giới, tuyên ngôn lại lời dạy của Đức Thế Tôn cho đại chúng biết. Vào ngày Đại Tự Tứ, Bạc Đạo Sư phán bảo Đức Thiên Chúa rằng:

- Này Đại Vương! Như Lai sẽ ngự về nhân giới.

Thiên Chúa liền hóa hiện ba thang trời, một thang ngọc Maṇi ở giữa, một thang bạc và một thang vàng ở hai bên, chân thang đặt ở chân thành Sankassa, đầu thang ở đỉnh núi Sineru. Thang vàng ở bên phải dành cho Chư Thiên, thang bạc bên trái dành cho Phạm Thiên, Đấng Như Lai ngự đi giữa thang ngọc Maṇi.

Từ đỉnh núi Sineru Đức Thế Tôn ngự đi giữa thang ngọc ấy. Ngài đưa mắt nhìn lên trên, thấu suốt cõi Phạm Thiên như tụ hội lại thành một điểm, Ngài đưa mắt nhìn xuống, thấu suốt cõi địa ngục A Tỳ như thu lại thành một

điểm. Cả 10 muôn triệu thế giới như thu thành một điểm trong Phật Lực của Ngài như vậy. Chư Thiên thấy được nhân loại và Phạm Thiên, nhân loại thấy được Chư Thiên cùng Phạm Thiên dường như đang đứng đối diện với nhau. Đức Thế Tôn phóng hào quang 6 màu tỏa đi khắp muôn trùng vũ trụ. Cả 36 do tuần đại chúng ấy, thấy được oai lực tuyệt diệu hy hữu của Đức Phật, đều khởi tâm ước muốn thành vị Chánh Đẳng Giác vị lai.

Bấy giờ, Phạm thiên ngự đi nơi thang bạc cầm lọng che cho Đức Thế Tôn, Đức Đế Thích ngự đi nơi thang vàng ôm bát hầu Ngài. Càn Thát Bà Pancasikha cầm thiên cầm Baluva màu vàng xinh đẹp, tấu lên những thiên khúc, ca hát cúng dường Bạc Đạo Sư, Thiên Tử Mātalisangāhaka cầm vật thơm và tràng hoa tung lên hư không cúng dường Đức Thiện Thệ, hoa thiên Mạn Đà của Chư Thiên cúng dường rơi như mưa cúng dường, Thiên Tử Suyāma cầm quạt Vālavijavī quạt hầu Đức Đạo Sư...

Đức Thế Tôn ngự về nhân giới, tại chân thành Sankassa. Trưởng Lão Sāriputta đến đánh lễ Đức Thế Tôn, tán thán tướng hảo quang minh của Đức Thế Tôn, vì đây Phật Tướng hiển lộ thù diệu như thế này, Trưởng Lão chưa từng trông thấy bao giờ cả. Trưởng Lão thốt lên kệ hoan hỷ tán thán như vậy:

*“Bạc Đạo Sư với Phật âm du dương, với lời tao nhã. Ngài là bậc Thầy của Chư Thiên và nhân loại. Từ Cung trời Đẩu Suất Ngài hạ sanh về nhân giới cũng không có được quang cảnh thù thắng như thế này đây. Ta chưa từng thấy tướng hảo của một ai chói sáng rực như Ngài, không ai so sánh được với Phật Thân.”*

Rồi Tôn Giả Sāriputta bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hôm nay cả nhân thiên đều hoan hỷ cung nghinh Ngài trở về nhân giới.

Đức Đạo Sư phán dạy Tôn Giả Sāriputta rằng:

- Này Sāriputta! Một vị Phật đầy đủ ân đức tối thượng, thường là nơi kính mến của Chư Thiên và nhân loại như thế.

Rồi nhân đó, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Ye jhānapasutā dhīrā,            “Người trí chuyên thiền định,  
Nekkhammūpasame ratā;        Thích an tịnh viễn ly,  
Devāpi tesam pihayanti,        Chư thiên đều ái kính,  
Sambuddhānaṃ satīmatam.”      Bậc chánh giác, chánh niệm.”

(Ngài HT Minh Châu)

181. Bậc trí chuyên cần hành thiền, đã thỏa thích trong sự an tịnh của hạnh khước từ (tức Níp Bàn), những vị Phật giác tỉnh toàn hảo như vậy, chí đến Chư Thiên cũng hết lòng ngưỡng mộ.



### CHÚ GIẢI:

**Ye jhānapasutā:** Nghĩa là đầy đủ sự chuyên cần về 2 loại thiền là Lakkhaṇūpanijjhāna và Ārammaṇūpanijjhāna, bằng sự ghi nhớ, sự an trú, sự chú nguyện, sự xả thiền và sự quán xét. Bậc xuất gia học giả không nên chấp rằng: “*Nekkhamma*” trong kệ ngôn Nekkhammūpasame ratā này, chính câu Nekkhamma đó là chỉ về sự hoan hỷ với Níp Bàn, là nơi đoạn tận phiền não.

**Devāpi:** nghĩa là Chư Thiên và nhân loại thường hoan hỷ, tức mong mỗi được như bậc Chánh Giác.

**Satīmatam:** nghĩa là Chư Thiên cùng nhân loại mong muốn thành Đấng Chánh Giác rằng: “*Ngài có tướng hảo quang minh thù thắng như thế, ta cũng nên thành vị Phật*

*vị lai*”. Như vậy, gọi là sự hoan hỷ với Bậc Chánh Đẳng Giác, là người có ân đức lớn như vậy, bậc tròn đủ chánh niệm và giác tỉnh.

Dứt kệ ngôn có đến 30 koti chúng sanh đạt Pháp Nhân. Cả 500 vị tân Tỳ Khuu đệ tử của Trưởng Lão Sāriputta cũng chứng đạt A La Hán.

Trương truyền rằng: Sự thể hiện Song Thông Tuệ rồi an cư tại cung Trời Đạo Lợi, thuyết Tạng Thắng Pháp tế độ Phật Mẫu, ngự về nhân giới nơi cổng thành Sankassa, đó là cổ lệ của chư Phật Quá khứ. Chỗ di tích dấu chân phải nơi Ngài ngự xuống có tên là Sineru. Đức Đạo Sư đứng tại chính nơi ấy giảng giải về cơ tánh trí của chúng sanh rằng:

Phàm nhân chỉ biết cơ tánh của mình và đồng bậc, không thể biết được trí của Bậc Tu Đà Hườn. Bậc Dự Lưu chỉ biết được căn cơ của hàng Dự Lưu, không biết được căn cơ của bậc Nhất Lai. Bậc Nhất Lai chỉ biết được căn cơ của hàng Nhất Lai, không biết được căn cơ của bậc Bất Lai. Bậc Bất Lai chỉ biết được căn cơ của hàng Bất Lai không biết được căn cơ của bậc A La Hán. Bậc A La Hán Nhưt Minh...Tam Minh...Lục Thông...Tuệ Phân Tích. Chư Thánh Đại Đế Tử không biết được căn cơ Thánh Đại Đế Tử. Chư Thánh Đại Đế Tử không biết được căn cơ của Tôn Giả Moggallāna. Tôn Giả Moggallāna không thấu rõ cơ tánh của Tướng Quân Chánh Pháp Sāriputta. Tôn Giả Sāriputta không thể giải được căn cơ của bậc Độc Giác Phật. Chư Độc Giác Phật không thể giải được căn cơ của Bậc Chánh Đẳng Giác.

Rồi Ngài phán lên một câu hỏi, Ngài đưa mắt nhìn khắp bốn phương tám hướng, hướng trên hướng dưới, các thế giới tụ về một điểm. Chư Thiên, nhân loại, Phạm Thiên cả đến Long Vương, Kim Sí Điều ở hướng dưới đều chấp tay bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Không một ai trong hội chúng này giải đáp được, xin Ngài từ bi quán xét hội chúng này.

Bậc Đạo Sư suy nghĩ: “*Sāriputta thường vất vả, vì vị ấy nghe được câu hỏi của Đức Như Lai, nhưng câu hỏi ấy thuộc về Phật Giới Trí.*” Rằng: “*Này người vô biên! Người có trí tuệ phòng hộ mình, khi Như Lai hỏi về sự diễn tiến của người có đầy đủ các Pháp và các Bậc Hữu Học nhiều trong thế gian. Hãy nói lên sự diễn tiến ấy cho Như Lai*”

Là người đã đoạn tận hoài nghi về câu hỏi: “*Tuy rằng, Bậc Đạo Sư hỏi đến sự diễn tiến của Đạo Hành (Patipadā) của bậc Hữu Học và Bậc Vô Học. Dù là như thế, nhưng ta không thể nắm lấy được ý nghĩa trong câu hỏi của Như Lai, Ngài đang đề cập đến vấn đề nào trong các Pháp như Uẩn, Xứ, Giới, Đế... Khi nhận được Phật ý, ta mới có thể diễn đạt thuận theo câu hỏi mà Ngài vừa nêu ra được.*” Khi Bậc Đạo Sư không vạch ra đường lối, thì Ngài Sāriputta không thể giải đáp được, Đức Như Lai suy nghĩ: “*Như Lai hãy vạch ra đường lối cho Sāriputta.*” Ngài phán rằng:

- Này Sāriputta! Người hãy quán xét sự thật này đi.

Được nghe rằng! Khi nhận được đường lối rồi. Khi Ngài Sāriputta nhận lấy ý của Đức Như Lai, sẽ nói lên ý nghĩa về uẩn...được.

Câu hỏi của Đức Như Lai, làm phát sanh đến Tôn Giả Sāriputta cả trăm, cả ngàn, cả trăm ngàn ý, cùng với sự vạch ra đường lối của Đức Như Lai. Khi ấy, Ngài Sāriputta mới trả lời được câu hỏi của Đức Thế Tôn.

Được biết rằng: Ngoại trừ Đức Thế Tôn, không một Thánh Thinh Văn nào có Đại Trí như Trưởng Lão Sāriputta. Vì rằng: Tôn Giả Sāriputta từng rống lên tiếng

rống sư tử đang thời sung sức trước mặt Đức Thế Tôn giữa hội chúng rằng:

- Bạch Thế Tôn! Dù cho có mưa suốt cả đại kiếp này, con vẫn có thể đếm được số lượng hạt mưa. Con vẫn biết được bao nhiêu hạt rơi xuống biển, chùng này hạt mưa rơi trên đất, chùng này hạt mưa rơi trên núi...

- Này Sāriputta! Như Lai biết rằng người có được khả năng như thế ấy.

Gọi là điều ví dụ để so sánh với trí tuệ của Tướng Quân Chánh Pháp không có được. Do vậy, Tôn Giả Sāriputta đã bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Cát trong địa đại, nước trong sông Gangā luôn được tràn đầy từ suối nguồn, sông rạch, nhưng cũng không so sánh được sự hiểu biết của con”.

Ý nghĩa của câu ấy như vậy: Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Thượng Trí, bậc nương nhờ của thế gian. Điều hiểu biết (chỉ một điều) của con, người lấy ra 1 hạt cát. Nhưng cát trên địa cầu này có thể hết mà sự hiểu biết của con không hết. Hay là, mỗi một điều hiểu biết của con sánh với 1 giọt nước sông Gangā được làm tràn đầy bởi suối nguồn, sông rạch, nước sông Gangā có thể hết, nhưng sự hiểu biết của con thì không hết. Hay là mỗi mảnh đá vụn được so sánh một điều hiểu biết của con, núi đá trên địa cầu này có thể hết, nhưng sự hiểu biết của con thì không hết.

Tuy là bậc Đại Trí như thế, nhưng Tôn Giả Sāriputta vẫn không nắm được gốc ngọn của vấn đề mà Đức Thế Tôn phán hỏi theo cơ tánh của vị Phật. Chỉ khi nào nhận được đường lối Đức Phật vạch ra, bấy giờ vị ấy mới giải đáp được thấu đáo.

Được nghe như thế, chư Tỳ Khưu bàn luận cùng nhau rằng:

“Bậc Đạo Sư đã hỏi câu nào rồi, mọi người không thể giải đáp được, chỉ có Bậc Tướng Quân Chánh Pháp mới có thể giải đáp được mà thôi.”

Nghe chư Tỳ Khưu bàn luận như thế, Bậc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Này chư Tỳ Khưu! Chẳng phải chỉ trong kiếp này Sāriputta giải đáp được câu hỏi của Đức Như Lai, câu hỏi mà đại chúng không một ai có thể giải được. Trong quá khứ, vị ấy cũng đã từng là như thế rồi.

Rồi Ngài thuyết lên Bốn Sanh với đầy đủ chi tiết rằng:

“Người đi đến nơi tụ họp rồi, dù cả ngàn người vô trí, tuy có quán sát cả 100 năm, người ấy cũng không thấu đáo được ý nghĩa của Phật ngôn. Duy chỉ bậc trí là cao quý hơn cả”.



### Dịch Giả Cử Đề

*Phật cảm thỉnh văn dụng phép thần,  
 Khiến cho ngoại đạo được lên chân:  
 Phen này, ta sẽ khoe tài giỏi,  
 Thách thức Gô' Đàm, gạt thế nhân.  
 Bất ngờ, Phật hứa sẽ thi tài  
 Gần Xá Vệ thành, dưới gốc xoài,  
 Dẫn chúng rần rần theo ngoại đạo,  
 Để xem họ sẽ thắng hay Ngài.  
 Ngoại đạo quyên tiền cất trại xong,*

*Khoe rằng: Ta sẽ hiện thần thông,  
 Thiên Vương khiến các thần mưa gió,  
 Thời sắp tan nhà, hóa đất không!  
 Phật được Ganh Đố cúng quả xoài,  
 Kột vùi xuống đất mọc lên ngay,  
 Thành cây to lớn năm mươi hắc,  
 Năm hương, năm cành, quả thật sai!  
 Thành văn lớn nhỏ đến xin Ngài,  
 Cho họ biểu dương chút ít tài,  
 Ngài bảo: Không ai làm được cả,  
 Vì là phận sự của Như Lai.  
 Đức Phật ngự lên lộ báu hành  
 Khắp mình nước lửa tỏa chung quanh  
 Kào quang lục sắc huy hoàng chói,  
 Thuyết pháp từng hồi, độ chúng sanh.  
 Ngài lên Đạo Lợi độ mẫu thân,  
 Thuyết Vì Diệu Tạng bày thành phần,  
 Suốt ba tháng hạ, rồi ngự xuống  
 “Xăng cách Xứ” thành gặp chúng dân.*

DỨT TÍCH THỂ HIỆN SONG THÔNG NHIẾP NGOẠI ĐẠO







**181. Chư Phật thích sống thiên định viễn ly được cả Chư Thiên ái kính.**

## **LONG VƯƠNG ERAKAPATTA** *(Erakapattanāgarājavatthu)*

### **KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 182)**

**“Kiccho manussapatilaabho  
Kiccham macchaana jiivitam  
Kiccham saddhammasavanam  
Kiccho buddhaanam uppaado.”**

***“Khó thay được làm người!  
Khó thay sống vui tươi!  
Khó thay nghe diệu pháp!  
Khó thay Phật ra đời!”***

*(Ngài HT Minh Châu)*

Kệ ngôn Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại thành Bāranasī, đề cập đến Long Vương Erakapatta.

Tương truyền rằng: Vào thời Giáo pháp của Đức Thế Tôn Kassapa, Long vương Erakapatta là một vị Tỳ Khưu trẻ, một khi đi thuyền trên dòng sông Gangā, dòng nước chảy xiết, khiến thuyền trôi băng băng, kinh hãi vị ấy nắm lấy bụi cỏ tranh để giữ lại, vô ý làm đứt cọng cỏ tranh ấy. Vì vô ý cho rằng đây là lỗi nhẹ, vị ấy không sám hối, có ý nghĩ rằng: “*Đây chỉ là lỗi nhỏ bé*”.

Tuy hành Sa môn pháp hết 20 ngàn năm, nhưng khi gần lâm chung, vị ấy có cảm tưởng nhiều cọng cỏ tranh đang chĩa vào cổ mình, tâm bứt rứt vì lỗi lầm ấy sanh khởi, vị ấy muốn sám hối lỗi lầm, nhưng hại thay vào khi ấy

chẳng có vị nào là Tỳ Khưu ở quanh đó, vị ấy khởi lên nhiệt não rằng: *“Ôi! Giới của ta đã bất tịnh rồi”*.

Mạng chung, vị ấy tái sanh làm Long Vương, có thân hình to lớn như chiếc thuyền. Có tên gọi là Long Vương Erakapatta, khi sanh ra, Long Vương nhìn thấy mình mang thân là loài thú, phát sanh nhiệt não rằng:

- Ta đã hành Sa môn Pháp trọn 20 ngàn năm, lại phải tái sanh vào hạng vô nhân như thế này ư?

Thời gian san, Long Vương Erakapatta có được một nàng Long nữ, y huấn luyện con gái mình ca múa điệu luyện, rồi y đặt Long Nữ lên cái mang phùng rộng của mình, nổi lên mặt sông Gangā, cho nàng Long Nữ nhảy múa. Được biết rằng: Y khởi lên sự suy nghĩ rằng: *“Bằng cách cho con gái ta hát đối, ta sẽ biết được Bậc Chánh Đẳng Giác đã xuất hiện trên thế gian này chưa? Người nào đáp đối lại được câu đố của con ta, ta sẽ nhường cả Long Cung cho người ấy ngự trị.”*

Thế là, cứ mỗi nửa tháng, vào ngày Uposatha, y cùng con gái nổi lên giữa sông Gangā hát đối như thế này:

Nàng Long Nữ đứng trên chiếc mang phùng rộng của Long Vương, nhảy múa rồi hát lên rằng:

*“Người lớn như thế nào được gọi là Vua? Như thế nào gọi là Vua có bụi trên đầu? Như thế nào gọi là không có bụi? Như thế nào người gọi là người ngu?”*

Toàn dân trên cõi Diêm Phù đều hiểu rõ câu chuyện rằng: Nếu hát đối được câu hát đối của Long Nữ, sẽ được cưới nàng và làm chủ Long Cung, nên đều đi đến sông Gangā, vận dụng trí tuệ để tìm câu hát đối lại câu hát của Long Nữ. Nhưng họ đều bị nàng Long Nữ vạch rõ những chỗ sai lầm trong câu hát đối với họ.

Cứ như thế, rồi nửa tháng thì Long Vương nổi lên một lần, suốt cả thời gian dài không một ai giải đáp câu hát đối có được.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Gotama đã xuất hiện trong thế gian, Ngài ban cho chúng sanh Bất Tử Lộ. Theo thông lệ, vào hừng sáng Ngài dùng Phật trí quán xét thế gian, tìm người hữu duyên lành nên tế độ, thấy được duyên lành của thanh niên Uttara và Long Vương Erakapatta. Ngài quán rằng: *“Đây là do nhân gì thế?”* Ngài thấy rằng: *“Hôm nay, Long Vương Erakapatta cùng con gái nổi lên hát đối trên mặt sông Gangā. Thanh niên Uttara sẽ học lấy lời giải của Đấng Như Lai, chàng sẽ chứng ngộ Dự Lưu Quả. Long Vương Erakapatta sẽ hiểu biết rằng: “Đức Chánh Đẳng Giác đã xuất hiện trong thế gian”*. Long Vương sẽ đi đến đánh lễ Như Lai, nhân đó Như Lai sẽ thuyết lên pháp thoại giữa đại chúng, dứt kệ ngôn có 84 ngàn chúng sanh chúng đạt Đạo Quả. Long Vương trú vào Tam qui.

Vào buổi sáng hôm ấy, sau khi vận mặc y, Ngài cầm bát ngự đến gần bờ sông Gangā, gần nơi Long Vương Erakapatta sắp nổi lên, Ngài ngồi dưới gốc cây Phượng Vĩ, đây là một trong 7 cây Phượng nổi tiếng của cõi Diêm Phù, gần thành Bārānasī. Bấy giờ, dân chúng cùng nhau mang câu hát đối của Long Nữ ra bàn luận, chàng thanh niên Uttara cũng đi đến bờ sông, nơi Long Vương cùng Long Nữ nổi lên để hát đối, mong chiếm được nàng Long Nữ yêu kiều ấy. Trông thấy chàng từ xa đi đến, khi chàng trông thấy Đức Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây Phượng Vĩ, Uttara đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, xong rồi ngồi vào nơi phải lẽ, Đức Thế Tôn phán hỏi:

- Này Uttara! Người đi đâu thế?

- Bạch Thế Tôn! Con đi đến nơi Long Vương Erakapatta sắp nổi lên để hát đối cùng với Long Nữ.

- Người cố biết câu hát để đối lại câu hát của Long Nữ ấy chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Con biết.

- Người hãy hát lên xem nào?

Thanh niên Uttara hát lên câu hát đối theo trí tuệ của y đã nghĩ ra, Bạc Đạo Sư phán dạy y rằng:

- Này Uttara! Đó không phải là lời giải đáp câu hát đối của Long Nữ đâu. Này Uttara, người hãy học câu hát này, đó là lời giải đáp.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

- Này Uttara! Khi Long Nữ hát xong, người hãy hát lại rằng: “*Người chế ngự được sáu căn gọi là Vua, Đức Vua có dục vọng gọi là có bụi trên đầu. Người không có dục vọng gọi là người bỏ trần cá. Người có dục vọng gọi là người ngu*”

Câu Hát đối của Long Nữ, theo Pāli là như vậy:

“*Kiṃsu edhipatīrajā Kiṃsu rājā rajassiro Kedham su?*”

- Người như thế nào gọi là Vua? Như thế nào gọi là Vua có bụi trên đầu? Như thế nào gọi là Vua không có bụi.

- Câu Đáp giải là:

“*Chavārādhīpatī Rajamāno rajassiro Arajaṃ.*”

- Người làm chủ được sáu căn và cả sáu cảnh như sắc... dù chỉ một căn cũng không thể xâm nhập được, người ấy gọi là Vua. Vị Vua có dục vọng gọi là có bụi trên đầu. Người có dục vọng gọi là người ngu.

Bạc Đạo Sư dạy câu hát đáp ấy cho chàng thanh niên Uttara xong rồi, Ngài phán rằng:

- Này Uttara! Khi người hát lên câu hát giải đáp này rồi, Long Nữ sẽ hát đối tiếp rằng: “Cái gì người ngu bị cuốn trôi? Bạc trí thường giải trừ như thế nào? Thế nào mới gọi là người có sự an lạc khỏi trôi buộc? Ta hỏi chàng, hãy vui lòng trả lời câu hỏi của ta.”

Khi ấy, người hãy đáp lại như vậy: “*Người ngu bị dòng nước tức dục buộc...*) cuốn trôi, Bạc trí thường giải trừ (bộc lưu) ấy với sự tinh tấn. Bạc trí hằng không có sự trôi buộc, Ngài gọi là người có sự an lạc khỏi bị trôi buộc.”

Câu này có ý nghĩa như vậy:

“*Người ngu thường bị bộc lưu (phiền não ví như dòng nước), có bốn loại bộc lưu là: Dục bộc, hữu bộc, kiến bộc và vô minh bộc cuốn trôi chúng sanh. Bạc trí thường giải trừ bộc lưu ấy với sự tinh cần, tức là Sammappadhāna (Tứ Chánh Căn). Bạc trí không có sự trôi buộc như dục kết... Ngài gọi người như thế là người có sự an lạc khỏi trôi buộc.*”

Chàng thanh niên Uttara đang học thuộc câu hát đối như thế, thì chứng đạt được Quả vị Tu Đà Hườn. Khi học thuộc kệ ngôn rồi, chàng đánh lễ Đức Thế Tôn, từ giả ra đi đến nơi Long Vương nổi lên, nói với đại chúng rằng:

Chàng đứng giữa đại chúng đông đảo, khi ấy Long Nữ đang nhảy múa, hát rằng: “*Người như thế nào gọi là Vua?*”. Chàng Uttara đáp rằng: “*Người làm chủ được sáu căn gọi là Vua*”

Long Nữ hát tiếp rằng:

“*Như Thế nào gọi là Đức Vua có bụi trên đầu?*” – “*Đức Vua có dục vọng, gọi là có bụi trên đầu*”...

Long Nữ lại hát đối tiếp câu thứ hai rằng:

“Cái gì người ngu bị cuốn trôi?...”

Thanh niên Uttara đáp lại rằng:

- Người ngu bị dòng nước cuốn trôi...

Nghe được những lời hát giải đáp của thanh niên Uttara, Long Vương Erakapatta biết rằng: Đức Phật đã khởi hiện trên thế gian, tâm y vô cùng hoan hỷ rằng: “*Ta chưa từng được nghe câu kệ giải đáp này suốt cả khoảng thời gian dài không có Đức Phật, nay có được kệ ngôn này, hẳn là Đức Phật đã xuất hiện.*” Y liền tuyên bố giữa đại chúng rằng:

- Này quý vị, Đức Phật đã hiện khởi trên thế gian rồi.

Y hoan hỷ dùng đuôi đập mạnh xuống nước, nước dạt thành hai ngọn sóng lớn cuốn tấp lên hai bên bờ, đại chúng khoảng 1 usebha cả hai bên bờ đều rơi xuống nước, Long Vương dùng mang của mình để đại chúng lên trên đó như là chiếc thuyền, rồi đưa đại chúng lên bờ. Long Vương tìm đến thanh niên Uttara, hỏi rằng:

- Này chàng trẻ tuổi! Bạc Đạo Sư hiện đang ngụ nơi đâu?

- Ngài đang ngụ dưới gốc cây Phượng vĩ, là một trong bảy cây thượng nổi tiếng, gần thành Bàrànasi.

- Hãy đến đây chàng trẻ tuổi, chàng hãy đưa ta đến đánh lễ Đức Thế Tôn đi.

Long vương cùng với Uttara với đại chúng đi đến nơi ngụ của Đức Thế Tôn. Long Vương đi vào giữa hào quang sáu màu, đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi đứng lặng mà khóc. Bạc Đạo Sư phán hỏi rằng:

- Này Long Vương! Chuyện chi người lại sầu thảm như thế?

- Bạch Thế Tôn! Trước đây con là một vị Tỳ Khưu trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn hiệu Kassapa, con đã hành Sa môn Pháp trọn cả 20 ngàn năm, Sa môn Pháp ấy không thể hộ trì cho con được, chỉ vì con đã dễ duôi, không sám hối tội làm đứt cọng cỏ tranh. Nay con lại phải sanh vào Bàng sanh giới, là hạng người vô nhân, thuộc loài bò trườn, không được làm người để được nghe Chánh Pháp, không được gặp Phật như Ngài suốt cả một thời gian dài rồi.

Nghe Long Vương bạch như thế, Bạc Đạo Sư phán rằng:

- Này Long Vương! Quả thật như thế, được sanh làm người là điều khó, được nghe Chánh Pháp là điều khó, được thấy Đức Phật là điều khó. Cả ba điều này, người hăng khó đạt được.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Kiccho manussapatilaabho	“ <i>Khó thay được làm người!</i>
Kiccham macchaana jiivitam	<i>Khó thay sống vui tươi!</i>
Kiccham saddhammasavanam	<i>Khó thay nghe diệu pháp!</i>
Kiccho buddhaanam uppaado.”	<i>Khó thay Phật ra đời!”</i>

(Ngài HT Minh Châu)

182. Được sanh làm người quả thật hiếm hoi. Kiếp sống làm người quả thật khó. Nghe được chân lý tối thượng quả là khó. Hy hữu thay, có được vị Phật ra đời.”



### **CHÚ GIẢI:**

Ý nghĩa kệ ngôn này nên hiểu như sau:

“Được xác thân làm người là khó”, vì được sanh làm người rất khó, người cần phải tinh cần với nhiều thiện pháp”.

“Sự sống thọ của chúng sanh thật là khó”, vì rằng phải làm nhưng việc làm hằng ngày để duy trì được mạng sống, sự sống này quá mỏng manh.

“Được nghe Chánh Pháp cũng là điều khó”, vì khó tìm người nói pháp, cả kiếp cũng khó tìm được.

Lại nữa, được gặp Phật ra đời cũng là điều khó vô cùng, vì phải có hành đủ Pháp độ với sự tinh tấn nhiều. Và khi người có được pháp độ như thế rồi, cũng chẳng phải gặp được vị Chánh Đẳng Giác xuất hiện, có khi phải trải qua thời gian cả ngàn koti kiếp.

Dứt Pháp thoại có 84 ngàn chúng sanh an trú vào Thánh Quả. Lẽ ra, Long Vương Erakapatta cũng chứng đạt Dự Lưu, nhưng vì phải mang thân thú, Long Vương ấy có năm chướng ngại với thân Rồng là phải xuất hiện nguyên hình tướng với năm trường hợp: Khi tái sanh, khi lột da, khi ngủ mê, khi giao hợp cùng Long Nữ cùng chúng và khi chết. Vì Long Vương khó mang thân Rồng đi đây đi đó, nên Long Vương Erakapatta thường hóa thân thành thanh niên để đi



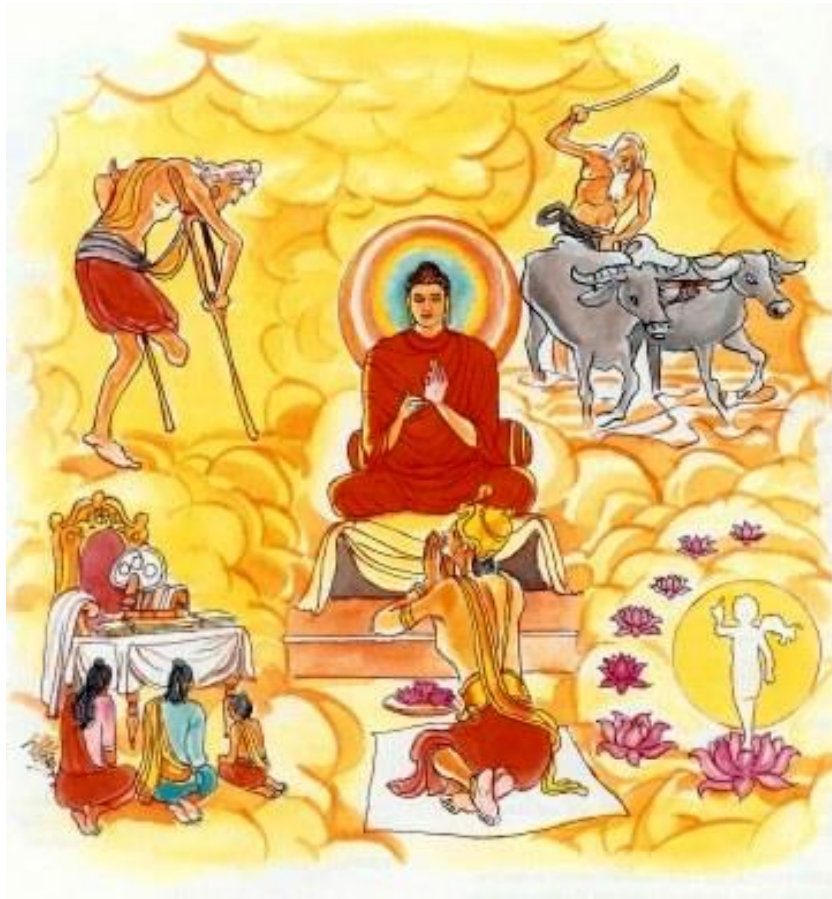
## **Dịch Giả Cử Đề**

*Kiếp trước làm sư rụi lỗ tay  
Bắt chằm cỏ lát, bỏ đi ngay.  
Vì không sám hối, sau sa đọa,  
Mang lột Long Vương, khổ lắm thay!  
Muốn biết chừng nào Phật ra đời,  
Cho con hát đố kén chồng người,  
Đến khi gặp Phật và nghe pháp,  
Tủi hổ thân mình, nước mắt rơi!  
Thân người khó được lắm ai ơi,  
Sống được lâu dài khó chẳng chơi,  
Pháp Phật được nghe là chuyện khó.  
Khó mà gặp Phật Tổ ra đời.*

**DỨT TÍCH LONG VƯƠNG ERAKAPATTA**







**182.** Sinh làm người thật khó và hiếm thay. Cũng vậy, Phật Pháp thật hiếm có thay.

## VỀ CÂU HỎI CỦA TRƯỞNG LÃO ĀNANDA (*Ānandattherassapañhavatthu*)

**KỆ NGÔN:** (Pháp Cú câu 183-184-185)

**183.** “Sabbapāpassa akaraṇaṃ,  
Kusalassa upasampadā,  
Sacittapariyodapanāṃ,  
Etaṃ buddhāna sāsanaṃ.”  
*“Không làm mọi điều ác.  
Thành tựu các hạnh lành,  
Tâm ý giữ trong sạch,  
Chính lời chư Phật dạy.”*

**184.** “Khantī paramaṃ tapo titikkhā,  
Nibbānaṃ, paramaṃ vadanti buddhā.  
Na hi pabbajito parūpaghātī, na,  
Samaṇo hoti paraṃ viheṭṭhayanto.”  
*“Chư Phật thường giảng dạy;  
Nhẫn, khổ hạnh tối thượng;  
Niết bàn quả tối thượng;  
Xuất gia không phá người;  
Sa môn không hại người.”*

**185.** “Anūpavādo anūpaghāto,  
Pātimokkhe ca saṃvaro;  
Mattaññutā ca bhattasmiṃ,  
Pantañca sayanāsanāṃ;  
Adhicitte ca āyogo,  
Etaṃ buddhāna sāsanaṃ.”

**“Không phi báng, phá hoại,  
Hộ trì giới căn bản,  
Ăn uống có tiết độ,  
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh  
Chuyên chú tăng thượng tâm,  
Chính lời chư Phật dạy.”**

(Ngài HT Minh Châu)

Kệ ngôn Pháp cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến câu hỏi của Trưởng Lão Ānanda.

Tương truyền rằng: Một hôm Trưởng Lão Ānanda ngồi nơi chỗ ngụ ban ngày, khởi lên suy nghĩ rằng:

- Bậc Đạo Sư chỉ thuyết về mỗi sự kiện của bảy vị Phật là: Cha, mẹ, tuổi thọ, câu Bồ Đề, cuộc đại hội, Thượng Thỉnh Văn và đại thí chủ. Nhưng Ngài không nói gì về Uposatha, Uposatha của chư Phật quá khứ có giống như Uposatha của Đức Thế Tôn hiện tại chăng? Hay là có sự khác biệt nhi?

Trưởng Lão bèn đi đến nơi ngự của Đức Thế Tôn, đánh lễ Bậc Đạo Sư xong rồi, trình lên sự suy nghĩ của mình. Đức Thế Tôn giảng rằng: *“Chư Phật quá khứ có sự khác biệt về thời gian, nhưng lời dạy thì không sai khác. Bậc Chánh Đẳng Vipassī vứ bảy năm Ngài hành Uposatha 1 lần, vì lời Giáo giới của Ngài chỉ ban trong 1 ngày được tồn tại cả 7 năm. Bậc Chánh Đẳng Giác Sikhā và Đấng Chánh Đẳng Giác Vessaphū cứ 6 năm Ngài hành Uposatha 1 lần, vì lời Giáo giới của các Ngài chỉ trong 1 ngày được tồn tại suốt 6 năm. Bậc Chánh Đẳng Giác Kakusangho và Đấng Chánh Đẳng Giác Konāgamana cứ mỗi năm Ngài hành Uposatha 1 lần, lời*

*giáo giới của Ngài chỉ trong 1 ngày được tồn tại suốt 1 năm. Đấng Chánh Đẳng Giác Kossapa thì cứ 6 tháng Ngài ban hành Giáo giới 1 lần, vì lời Giáo Giới trong 1 ngày của Ngài có được sự tồn tại suốt 6 tháng...”*

Đức Thế Tôn thuyết lên sự sai biệt thời gian ban Giáo giới của chư Phật quá khứ, rồi Ngài dạy rằng:

- Còn Upesatha của Đấng Như Lai hiện tại, cứ nửa tháng thì hành một lần, vì lời dạy của Như Lai chỉ trong 1 ngày được tồn tại suốt nửa tháng. Này Ānanda! Còn tất cả lời giáo giới của chư Phật đều như nhau cả.

Để nói lên sự đồng nhất của chư Phật về Uposatha, Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

183. “Sabbapāpassa akaraṇaṃ,  
Kusalassa upasampadā,  
Sacittapariyodapanam,  
Etaṃ buddhāna sāsanaṃ.”

*“Không làm mọi điều ác.  
Thành tựu các hạnh lành,  
Tâm ý giữ trong sạch,  
Chính lời chư Phật dạy.”*

184. “Khantī paramaṃ tapo titikkhā,  
Nibbānaṃ, paramaṃ vadanti buddhā.  
Na hi pabbajito parūpaghātī, na,  
Samaṇo hoti paraṃ viheṭṭhayanto.”

*“Chư Phật thường giảng dạy;  
Nhẫn, khổ hạnh tối thượng;  
Niết bàn quả tối thượng;  
Xuất gia không phá ngườì;*



*Sa môn không hại người.”*

185. “Anūpavādo anūpaghāto,  
pātimokkhe ca saṃvaro;  
Mattaññutā ca bhattasmim,  
Pantañca sayanāsanam;  
Adhicitte ca āyogo,  
Etaṃ buddhāna sāsanaṃ.”

185. “*Không phi báng, phá hoại,  
Hộ trì giới căn bản,  
Ăn uống có tiết độ,  
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh  
Chuyên chú tăng thượng tâm,  
Chính lời chư Phật dạy.”*

(Ngài HT Minh Châu)

183. Không làm điều ác. Trau dồi việc thiện. Thanh lọc tâm. Đó là lời Giáo Huấn của chư Phật.

184. Hành Pháp nhẫn nại là khổ hạnh cao thượng nhất. Níp bàn là tối thượng, chư Phật dạy. Đúng vậy, người gây tổn hại cho kẻ khác không phải là bậc xuất gia. Bậc Sa Môn không hề áp bức ai.

185. Không lăng mạ, không gây tổn hại, tu thu thúc đúng theo Giới Luật Căn Bản, ẩm thực tiết độ, sống ẩn dật, chuyên cần chú niệm cao thượng. Đó là Giáo Huấn của chư Phật.



### **CHÚ GIẢI:**

**Sabbapāpassa:** Tức là mỗi điều ác pháp.

Làm cho thiện pháp phát sanh, kể từ khi xuất gia cho đến khi chứng đắc A La Hán Quả, và khi tạo thiện pháp phát sanh rồi hãy làm cho tăng trưởng thiện pháp ấy, gọi là upasampadā.

Giữ tâm cho trong sạch thoát ra năm pháp cái, gọi là Sacittapariyodapanam.

**Etaṃ buddhāna sāsanaṃ:** Đây là lời dạy của Chư Phật.

**Khantī:** Gọi là sự kiên trì, tức nhẫn nại. Đây là hạnh cao thượng trong Giáo Pháp.

**Nibbānaṃ paramaṃ vadanti buddhā:** Cả ba bậc Toàn Giác, Độc Giác và Thinh Văn Giác thường nói về Níp Bàn là pháp cao thượng.

Na hi pabbajito: Người tác hại chúng sanh khác bằng những vật như dao, gươm, gậy, trượng... gọi là người gây hại kẻ khác, không gọi là bậc xuất gia.

**Samaṇo:** Người áp bức chúng sanh khác, không phải là bậc Sa môn.

Tự mình không chỉ trích và không bảo kẻ khác chỉ trích, gọi là anūpavādo.

**Pātimokkhe** tức là Giới làm chủ. Sự gìn giữ gọi là Saṃvaro. Người biết tri túc, biết đủ gọi là mattaññutā.

**Panthañ** tức là vắng lặng.

**Adhicitte** nghĩa là tâm an trụ, tức là tâm tương ưng với 8 bậc thiện.

**Āyogo:** Gọi là tinh cần.

**Etaṃ:** Nghĩa là lời dạy của chư Phật trong kệ ngôn này.

Đức Thế Tôn nói về Giới thuộc khẩu bằng anūpavāda, nói về Giới thuộc về thân là anūpaghāta, nói về giới thuộc thu thúc lục căn bằng câu này: Pātimokkha ca samvaro. Nói về Giới nuôi mạng chân chánh và Giới quán tưởng khi thọ lãnh tứ sự bằng câu Mattaññutā, nói về chỗ ngụ thanh vắng bằng câu pantasehāsana. Nói về Tám bậc Thiên bằng Adhicitta. Cả ba điều học này, Ngài đã nói lên như thế.

Dứt kệ ngôn, nhiều vị Tỳ Kheuru chứng đắc Thánh Quả như là Quả Dự Lưu.



### **Dịch Giả Câu Đề**

*Chưa chết, còn tiền để lại sự,  
Trăm đồng, không thiếu, cũng không dư,  
Sư toan hoàn tục, tìm sinh kế,  
Bắt mãi đời tu mãi nhân từ.  
Phật chỉ cho sư cách tính tiền,  
Năm mươi đồng chẵn để ăn liền,  
Lúa, bò hăm bốn và hăm bốn,  
Cày, cuốc, rìu, sau sẽ tậu riêng...  
Phật dạy: Bấy nhiêu có đủ gì?  
Dầu màu vàng bạc lút chân đi,  
Cũng chưa thỏa mãn lòng tham dục!  
Bậc trí không còn tham ái si...*

**DỨT TÍCH VỀ CÂU HỎI CỦA TRƯỞNG LÃO ĀNANDA**





**183. Không làm mọi điều ác. Hãy thực hiện hạnh lành. Làm trong sạch tâm ý. Đây là lời dạy của Chư Phật.**



**184. Nhẫn nhục là hạnh tu tập tối thượng. Bạc chân tu không bao giờ hại ai khác.**



**185. Tiết độ ăn uống, tinh cần tu học, sống theo giới luật, không làm hại ai, tức là hoàn thành ý nguyện của Đức Phật.**

## VỊ TỖ KHƯU KHÔNG HOAN HỖ (*Anabhiratabhikkhuvatthu*)

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 186-187)**

**186. “Na kahāpaṇavassena, “Dầu mưa bằng tiền vàng,  
Titti kāmesu vijjati; Các đục khó thỏa mãn.  
Appassādā dukhā kāmā, Đục đắng nhiều ngọt ít,  
Iti viññāya paṇḍito.” Biết vậy là bậc trí.”**

**187. “Api dibbesu kāmesu, “Đệ tử bậc chánh giác,  
Ratiṃ so nādhigacchati; Không tìm cầu đục lạc,  
Taṇhakkhayarato hoti, Dầu là đục Chư Thiên,  
Sammāsambuddhasāvako.” Chỉ ưa thích ái diệt.”**

(Ngài HT Minh Châu)

Kệ ngôn Pháp cú này Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến vị Tỳ Khưu không hoan hỷ (trong đời sống Phạm Hạnh)

Vào thời Đức Phật, có vị Tỳ Khưu xuất gia, thọ Cụ túc giới, vị Tế Độ Sư bảo rằng:

- Hiền giả hãy đến nơi ấy để học xiên thuật (uddana).

Vị Tỳ Khưu ấy vâng lời. Khi song thân vị ấy lâm trọng bệnh, muốn gặp mặt con, nhưng không có người đến nhắn tin được, song thân y vì thương nhớ vị Tỳ Khưu ấy, nên khi sắp lâm chung, bảo lại với người em trai rằng:

- Này em, em hãy dâng y bát đến con trai ta nhé.



Song thân vị ấy trao lại người em số tiền là 100 Kahāpana rồi mệnh chung.

Khi vị Tỳ Khuru trở về, người chú quì dưới chân vị ấy mà than khóc rằng:

- Bạch Ngài! Vì sầu muộn do thương nhớ Ngài, nên song thân của Ngài đã qua đời. Cha Ngài có trao lại cho Ngài số tiền là 100 Kahāpana, vậy tôi sẽ phải làm thế nào với món tiền này đối với Ngài đây.

- Này chú! Thôi được, tôi chẳng cần chi số tiền ấy đâu.

Thời gian sau, vị ấy suy nghĩ: *“Lợi ích chi mà ta phải đi bát từng nhà để nuôi mạng sống, ta có thể nhờ vào 100 Kahāpana để nuôi mạng sống cũng được. Vậy ta hãy hoàn tục đi”*.

Thế là, vị ấy không còn hoan hỷ trong đời sống phạm hạnh nữa, y bỏ trì tụng kinh điển và bỏ rơi việc Thiền Định, chẳng bao lâu y trở nên ôm o gầy còm, chư Tỳ Khuru trẻ và các Sa di hỏi thăm, vị ấy bày tỏ ý mình rằng: *“Tôi bị cảm dục, tôi muốn hoàn tục”*

Chư Tỳ Khuru trẻ cùng các Sa di mang vị Tỳ Khuru ấy đến trình bạch cùng với Đức Thế Tôn. Bậc Đạo Sư phán hỏi rằng:

- Này Tỳ Khuru! Có thật chẳng? Được nghe nói rằng người bị cảm dục nên muốn lìa bỏ đời sống phạm hạnh.

- Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy.

- Này Tỳ Khuru! Vì sao người lại hành động như thế? Người có chi làm duyên để nuôi mạng chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Có.

- Vậy người có cái chi?

- Thưa con có được 100 Kahāpana, bạch Thế Tôn.

- Nếu thế, người hãy mang một số sỏi, người hãy tính thử xem. Người có thể nuôi mạng sống với số Kahāpana bấy nhiêu chẳng? Hay là không thể đủ nuôi mạng sống.

Vị Tỳ Khuru ấy mang sỏi đến, Bậc Đạo Sư phán dạy y rằng:

- Người hãy bỏ ra 50 đồng vàng mua vật thực trước, bỏ ra 25 đồng vàng mua đôi bò, bỏ ra bao nhiêu đây để mua hạt giống, bấy nhiêu đây để mua ách và cày, bấy nhiêu mua cuốc, bấy nhiêu mua rựa và búa. Khi người tính như vậy rồi, thì 100 Kahāpana này cũng không đủ được.

Rồi Bậc Đạo Sư phán dạy vị Tỳ Khuru ấy rằng:

- Này các Tỳ Khuru! Số Kahāpana mà người có được quá ít, người nhờ số Kahāpana này để tìm cầu thì làm sao thỏa mãn được. Được nghe rằng: Thời trước bậc trí làm Vua Chuyển Luân, chỉ cần vỗ tay thì mưa bảy báu rơi xuống ngập đến ngang lưng trong khoảng 12 do tuần, dù cho vị Chuyển Luân Vương ấy làm chúa nửa cõi Đạo Lợi suốt khoảng thời gian của 36 vị Đế Thích, nhưng cũng không hề thỏa mãn, phải mệnh chung.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tỳ Khuru, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn Sanh Đức Vua Mandhātu theo chi tiết rằng:

*“Mặt trời và mặt trăng (thường xoay tròn) rọi sáng các hướng như thế nào, tất cả chúng sanh sống trên trái đất này thường là kẻ nô lệ của Vua Mandhātu như vậy?”*

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

186. “Na kahāpaṇavassena, “Dầu mưa bằng tiền vàng,  
Titti kāmesu vijjati; Các dục khó thỏa mãn.  
Appassādā dukhā kāmā, Dục đắm nhiều ngọt ít,

Iti viññāya paṇḍito.” *Biết vậy là bậc trí.”*

187. “*Api dibbesu kāmesu, Ratiṃ so nādhigacchati; Taṇhakkhayarato hoti, Sammāsambuddhasāvako.*” *187. “Đệ tử bậc chánh giác, Không tìm cầu dục lạc, Dầu là dục Chư Thiên, Chỉ ưa thích ái diệt.”*

(Ngài HT Minh Châu)

186-187. Trận mưa bạc mưa vàng không làm cho hạnh trí tức phát sanh đến người dục lạc. Khoái lạc vật chất đem lại chút ít êm đềm và nhiều đau khổ. Biết như thế, người thiện trí không tìm được thỏa mãn trong khoái lạc, dầu ở cảnh giới trời. Hàng môn đệ của Đấng Toàn Giác hoan hỉ tận diệt ái dục.



### CHÚ GIẢI:

***Kahāpaṇavassena:*** Nghĩa là bậc trí vỗ tay khiến cho mưa 7 báu rơi xuống, mưa bảy báu này Ngài gọi là Kahāpaṇavasseṃ trong bài kệ này. Gọi là dục và phiền não dục cũng không sao thỏa mãn được, dù là mưa bảy báu. Chính sự tham dục ấy khó được thỏa mãn như vậy

***Appassādā:*** Tức là có sự vui ít, vì giá trị của dục ví như giấc mộng...

***Dukhā:*** Tức gọi là khổ thì có nhiều, chắc chắn do tác động của khổ đưa đến như trong bài kinh Đại khổ uẩn...

***Iti viññāya:*** Tức là biết rõ các dục với điều như thế

***Api dibbesu:*** Nghĩa là nếu có ai mời thiên dục. Dù như vậy, các Ngài vẫn không hoan hỷ trong các dục ấy, giống như Ngài Samiddhi được Chư Thiên mời.

***Taṇhakkhayarato:*** Nghĩa là người hoan hỷ nhất với A La Hán và Níp Bàn, tức là mong muốn A La Hán với Níp Bàn.

Vị Tỳ Khuru hành giả chứng quả được do nghe Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác thuyết. Đó gọi là đệ tử của Bậc Chánh Đẳng Giác.

Dứt Pháp thoại vị Tỳ Khuru ấy chứng Quả Dự Lưu. Pháp thoại mang lại nhiều lợi ích cho thính chúng.



### Dịch Giả Cẩn Đề

*Mười ngàn đạo sĩ nhả theo gương  
 Hòa thì làm nên một đạo trường.  
 Họ lấy núi, rừng, vườn, thợ thắp,  
 Làm nơi diệt khổ, để mà nương.  
 Phật sai Đại đức Mục Kiền Liên,  
 Thâu phục Long Vương tại nhân tiên,  
 Để độ mười ngàn tu sĩ ấy,  
 Quý y Tam Bảo hợp tiền duyên,  
 Phật kêu Hòa Thí, dạy ông rằng:  
 Hãy sớm nương nhờ Phật Pháp Tăng,  
 Minh sát khổ đau, qua tập, diệt,  
 Mở đường Bát Chánh, để siêu thăng!  
 Bảy nhiều lời pháp đủ cho ông  
 Với cả mười ngàn đạo sĩ đồng.  
 Đức quả Vô sanh, phân tích tuệ,  
 Tu bằng y bát bởi thần thông...*

DỨT TÍCH VỊ TỶ KHUƯ KHÔNG HOAN HỖ



**186. Bọn người kia không hề thảo mãn dù được trận mưa vàng hay sống buông thả theo dục lạc vô độ.**





**187. Các đệ tử chân chánh của Đức Phật không ham muốn dù là dục lạc Thiên giới.**

## QUỐC SƯ AGGIDATTA (*Aggidattapurohitavatthu*)

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 188-189-190-191-192 )**

**188.** “Bahum ve saraṇaṃ yanti,  
Pabbatāni vanāni ca;  
Ārāmarukkhacetyāni,  
Manussā bhayatajjitā.”

*“Loài người sợ hoảng hốt,  
Tìm nhiều chỗ quy y,  
Hoặc rừng rậm, núi non,  
Hoặc vườn cây, đền tháp.”*

**189.** “Netam kho saraṇaṃ khemaṃ,  
Netam saraṇamuttamaṃ;  
Netam saraṇamāgamma,  
Sabbadukkhā pamuccati.”

*“Quy y ấy không ổn,  
Không quy y tối thượng.  
Quy y các chỗ ấy,  
Không thoát mọi khổ đau?”*

**190.** “Yo ca buddhaṅca dhammaṅca,  
Saṅghaṅca saraṇaṃ gato;  
Cattāri ariyasaccāni,  
Sammappaññāya passati.”

*Ai quy y Đức Phật,  
Chánh Pháp và chư Tăng,*

*Ai dùng chánh tri kiến,  
Thấy được bốn Thánh đế.”*

191. “*Dukkham dukkhasamuppādam,  
Dukkhasa ca atikkamaṃ;  
Ariyaṃ caṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ,  
Dukkhūpasamagāmiṇaṃ.”*

*“Thấy khô và khô tập,  
Thấy sự khô vượt qua,  
Thấy đường Thánh tám ngành,  
Đưa đến khô não tận.”*

192. “*Etaṃ kho saraṇaṃ khemaṃ,  
Etaṃ saraṇamuttamaṃ;  
Etaṃ saraṇamāgama,  
Sabbadukkhā pamuccati.”*

*“Thật quy y an ổn,  
Thật quy y tối thượng,  
Có quy y như vậy,  
Mới thoát mọi khổ đau.”*

*(Ngài HT Minh Châu)*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết lên khi Ngài ngự trú tại Jetavana, đề cập đến vị Quốc Sư của Đức Vua Pasenadi.

Tương truyền rằng: Aggidatta là vị Quốc Sư của Vua Mahākosala. Khi Vua băng hà, ngai vương được trao lại cho Đức Vua Pasenadikosala, Đức Vua Pasenadi suy nghĩ rằng: “*Aggidatta là Quốc Sư của Vương Phụ*”, nên Ngài vẫn ban cho vị ấy địa vị cũ, khi Quốc Sư Aggidatta đến, Đức Vua đứng dậy tiếp nghinh một cách tôn kính, thỉnh ngôi ngang hàng với mình và phán rằng:

- Thưa thầy! Xin Thầy hãy ngự vào nơi này.

Khi ấy, Quốc Sư Aggidatta suy nghĩ:

- Đức Vua này rất tôn kính ta, nhưng ta không thể nào làm hài lòng Đức Vua mãi mãi được. Lại nữa, Đức Vua là người còn trẻ, phải là người đồng trang lứa mới hợp với Ngài, đem lại sự an lạc và thoải mái khi Ngài cùng vị ấy bàn chuyện. Còn ta nay đã già, thôi ta hãy xin Ngài được phép xuất gia đi.

Quốc Sư Aggidatta xin Đức Vua cho mình được xuất gia, mặc cho Đức Vua nài ni can ngăn, sau cùng Đức Vua đành chịu theo ý của Aggidatta. Quốc Sư cho người đánh trống truyền rao khắp kinh thành, mang tài sản của mình ra bố thí tất cả trọn bảy ngày, rồi ra đi xuất gia.

Bảy giờ, có 10 ngàn tùy tùng của Quốc Sư cũng xuất gia theo hầu hạ Aggidatta. Du sĩ Aggidatta cùng với đại chúng tùy tùng tuần tự du hành đến xứ Anga, Magadha, Kuru, ban lời giáo huấn rằng:

- Này các con! Người nào khi có dục tâm...sanh khởi, người ấy đến bờ sông, múc một nồi cát đem lại đây.

- Thưa thầy! Vâng.

Thế là, trong khi dục tâm...sanh khởi, người đệ tử ấy múc nồi cát ở bờ sông mang đến đổ vào một nơi. Thời gian sau, đồng cát trở nên to lớn, khi ấy có con Long Vương đến nơi đồng cát ấy mà trú ngụ. Dân xứ ba xứ lớn là Anga, Magadhu, và Kuru đã hộ độ cúng dường các du sĩ ấy mỗi tháng. Aggidatta đã dạy cho nhóm đệ tử nương nhờ rằng:

- Các người hãy nương vào núi, rừng, chùa miếu, đền vắng, cội cây để được thanh tịnh. Các người sẽ được chấm dứt đau khổ với cách nương nhờ như vậy.

Bấy giờ, Đức Đạo Sư đang ngự trú nơi Jetavana trong thành Sāvattī. Vào rạng đông, Ngài dùng Phật nhãn quán xét thế gian, thấy được hình ảnh của Aggidatta cùng chúng đệ tử của ông trong vòng tuệ của Ngài, Ngài biết được rằng: “*Những người này có duyên lành đặc A La Hán Quả*”. Vào buổi chiều, Ngài phán gọi Trưởng Lão Moggallāna rằng:

- Này Moggallāna! Người có thấy Bà la môn Aggidatta dạy đại chúng của mình theo con đường phi pháp, là con đường phi giải thoát, không phải là con đường đưa đến bờ kia chăng? Người hãy đến ban lời giáo huấn bọn họ đi.

- Bạch Thế Tôn! Nhóm đại chúng ấy quá đông, một mình con không thể chinh phục được. Nếu Ngài ngự đến thì sẽ chinh phục được nhóm ấy dễ dàng.

- Này Moggallāna! Như Lai sẽ đi cùng với người, người hãy đến nơi ấy trước đi.

Trưởng Lão Moggallāna vừa đi vừa suy nghĩ:

- Hội chúng này quá đông, họ có nhiều sức mạnh, nếu ta nói lời chỉ trích họ, họ sẽ nổi lên bênh vực nhau. Vậy ta hãy dùng thần lực của mình khiến cho mưa đá rơi xuống, khi những người ấy bị mưa đá sẽ chạy về trú trong Tịnh Xá của mình.

Trưởng Lão đi đến Tịnh thất của Aggidatta nói rằng:

- Này Aggidatta.

Nghe tiếng Trưởng Lão, Aggidatta hỏi lại: “*Ai đó?*”, vì y phát sanh ngã mạn trong tâm rằng:

- Trong thế gian này, không ai dám gọi ta là Aggidatta tục danh như thế. Vậy ai đã dám gọi tên ta như thế chứ?

- Này Bà la môn! Là Ta đây.

- Này ông! Ông vừa nói chi thế?

- Này Bà la môn! Ông vừa nói chi thế? Ông hãy soạn nơi nghỉ cho ta đi, ta sẽ nghỉ lại nơi đây một đêm.

- Này ông, nơi đây không có chỗ nghỉ, mỗi tịnh thất chỉ vừa cho một người mà thôi.

- Này Aggidatta! Lẽ thường! Người đến chỗ người, bò đến chỗ bò, bậc xuất gia thì đến nơi trú của bậc xuất gia. Ông chớ nên xử sự với ta như thế. Ông hãy cho ta chỗ ngụ đi.

- Thế ông là bậc xuất gia hay sao?

- Đúng thế, ta là bậc xuất gia.

- Nếu ông là bậc xuất gia, thì túi Sa môn cụ của ông đâu?

- Ta có thật đấy, nhưng ta thấy rằng túi sa môn cụ mang theo cồng kềnh, khó đi, do đó ta chỉ mang theo một số ít tư cụ Sa môn mà thôi, để đi du hành. Nay Bà la môn y cụ Sa môn ta mang theo trong tâm đây.

Nghe vậy, Bà la môn Aggidatta phát khởi sân tâm với Trưởng Lão:

- Ông không có đem theo vật dụng hay sao?

- Này Aggidatta! Người chớ có sân hận với ta, hãy cho ta một chỗ trú đêm nay đi.

- Ở đây không có chỗ cho người.

- Vậy thì, nơi đồng cát ấy có ai nghi chằng?
- Ở đó có con Long Vương Ahichatta hung ác trú đây.
- Thế thì, ông hãy cho ta chỗ ấy đi.
- Không được, vì Long Vương ấy hung dữ lắm.
- Không sao cả, ông hãy cho ta chỗ ấy đi.
- Nếu ông muốn nơi ấy thì tùy ông.

Trường lão đi đến đồng cát, Long Vương Ahichatta trông thấy Trường lão đi đến, nó nổi cơn hung ác, suy nghĩ rằng:

- Vị Sa Môn này không biết có ta nơi này, toan chiếm chỗ trú của ta, ta sẽ phun khói làm vị này chết ngạt đi.

Long Vương liền phun khói độc ra, toan sát hại Trường Lão. Ngài suy nghĩ: *“Long Vương này tưởng rằng: Chỉ có ta có thể phun khói được, không ai có thể làm được như nó”*. Ta sẽ phun khói ra thu phục nó.

Trường lão vận thần lực phun khói ra đối kháng với luồng hung khói của Long Vương. Cả hai luồng khói bốc cao thấu đến Phạm Thiên Giới, nhưng hai luồng khói ấy chẳng tác hại gì đến ai cả, chỉ tác hại riêng đến Long Vương mà thôi. Long Vương không thể chịu đựng được sức mạnh của Trường Lão, liền phun lửa ra, Trường Lão liền nhập vào hỏa giới, phun lửa ra đấu với lửa Long Vương, ngọn lửa bốc cao lên Phạm Thiên Giới, rồi đốt vào thân của Long Vương. Long Vương như một thân đuốc rực sáng khổng lồ. Các Du sĩ thấy cảnh ấy, suy nghĩ rằng:

- Long Vương hung dữ này sẽ thiêu đốt vị Sa Môn kia, thật y chết cũng phải, vì chẳng chịu nghe lời chúng ta.

Bây giờ, Đại Đức Moggallāna dùng thần lực của mình, chinh phục được Long Vương, Ngài ngồi trên đồng cát. Long Vương dùng thân khoanh tròn đồng cát, phùng mang ra thật lớn che trên đầu Đại Đức như mái che lớn.

Các du sĩ đi đến đồng cát với sự suy nghĩ rằng:

- Chúng ta hãy đến xem ông Sa môn này chết chưa?

Khi trông thấy Trường Lão ngồi trên đồng cát, được Long Vương che chở như thế, phát sanh tâm kính phục, chấp tay đánh lễ tán dương rằng: *“Thưa Ngài Đại Sa Môn! Long Vương không làm hại Ngài được sao?”*

- Các người không thấy Long Vương đang che trên đầu của ta, với mang lớn y bảo vệ ta đó sao?

Các du sĩ đồng thanh tán thán rằng:

- Thật kỳ diệu thay! Bạch Ngài, thần lực của vị Sa môn này là như vậy, vị Sa môn đã chinh phục được Hung Long.

Các du sĩ đứng vây quanh Trường Lão với lời chúc tụng như thế. Đức Thế Tôn ngự đến, Trường lão trông thấy Đức Thế Tôn từ xa đang ngự đến, Ngài đứng lên đánh lễ Đức Thế Tôn. Các du sĩ hỏi Trường Lão rằng:

- Bạch Ngài! Vị Sa môn này còn cao quý hơn Ngài nữa sao?

- Thật vậy, vì Ngài là Bạc Đạo Sư của ta! Ta chỉ là đệ tử của Ngài mà thôi.

Đức Thế Tôn ngồi yên trên đồng cát, các du sĩ chấp tay đánh lễ và tán dương Ngài rằng:

- Thần lực của vị đệ tử mà như thế thì con nói gì đến thần lực của Bạc Đạo Sư như Ngài nữa chứ.

Đức Thế Tôn cho phán gọi Aggidatta đến phán dạy rằng:

- Này Aggidatta! Người đã giáo huấn môn đệ và các tín thí hộ độ người như thế nào!

Bạch Thế Tôn! Con đã giáo giới đại chúng tùy tùng như vậy: “Các người hãy nương vào nơi núi, rừng, đến miếu... vì rằng: các người nương vào đó sẽ được thanh tịnh, sẽ chấm dứt được đau khổ”.

Này Aggidatta! Người đã đi đến các chỗ như núi rừng...nương dựa vào những nơi ấy không thể thoát khổ được. Còn người nương vào Phật, Pháp, Tăng sẽ thoát khỏi khổ trong luân hồi. Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

188. “Bahum ve saraṇaṃ yanti,  
Pabbatāni vanāni ca;  
Ārāmarukkhacetyāni,  
Manussā bhayatajjitā.”

“Loài người sợ hoảng hốt,  
Tìm nhiều chỗ quy y,  
Hoặc rừng rậm, núi non,  
Hoặc vườn cây, đền tháp.”

189. “Netam kho saraṇaṃ khemaṃ,  
Netam saraṇamuttamaṃ;  
Netam saraṇamāgama,  
Sabbadukkhā pamuccati.”

“Quy y ấy không ổn,  
Không quy y tối thượng.  
Quy y các chỗ ấy,

*Không thoát mọi khổ đau?”*

190. “Yo ca buddhañca dhammañca,  
Saṅghañca saraṇaṃ gato;  
Cattāri ariyasaccāni,  
Sammappaññāya passati.”

“Ai quy y Đức Phật,  
Chánh Pháp và chư Tăng,  
Ai dùng chánh tri kiến,  
Thấy được bốn Thánh đế.”

191. “Dukkhaṃ dukkhasamuppādaṃ,  
Dukkhasa ca atikkamaṃ;  
Ariyaṃ caṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ,  
Dukkhūpasamagāminaṃ.”

“Thấy khổ và khổ tập,  
Thấy sự khổ vượt qua,  
Thấy đường Thánh tám ngành,  
Đưa đến khổ não tận.”

192. “Etaṃ kho saraṇaṃ khemaṃ,  
Etaṃ saraṇamuttamaṃ;  
Etaṃ saraṇamāgama,  
Sabbadukkhā pamuccati.”

“Thật quy y an ổn,  
Thật quy y tối thượng,  
Có quy y như vậy,  
Mới thoát mọi khổ đau.”

(Ngài HT Minh Châu)

188. Con người kinh hãi đi tìm nơi nương tựa ở nhiều nơi núi, rừng, vườn, cây cối và đến miếu.

189. Không, đó không phải là nơi nương tựa an toàn, không phải là nơi nương tựa tối thượng. Ấn nấu như vậy không thể thoát khỏi phiền não.

190-191-192. Người đi tìm nơi nương tựa nơi Đức Phật, Giáo Pháp và Tăng Già, có tri kiến chân chánh để nhận thức Từ Đế: Khổ, nguồn khổ, vượt khỏi khổ và Bát chánh đạo dẫn đến sự diệt khổ.

Đó quả thật là nơi nương tựa an toàn. Đó quả thật là nương tựa tối thượng. Tìm đến các nơi nương tựa ấy ắt thoát ra khỏi mọi phiền não.



### **CHÚ GIẢI:**

**Bahum:** là bahū nghĩa là nhiều.

**Câu Pabbatāni vanāni ca:** nghĩa là những người đó bị nguy hiểm, muốn thoát khổ, hoặc muốn được con, muốn được tài sản, danh vọng... thường đi vào nương nơi những ngọn núi Isigilivepulla và Vebhāra... hay các khu rừng như rừng Mahāvana, Gosingasālavana... hay những cội cây, đền tháp như Udenacetiya, Gotamacetiya ...

**Hai câu Netaṃ saraṇamāgama, sabbadukkhā pamuccati:** nghĩa là nương tựa chỗ không an toàn, không cao quý, vì rằng tất cả chúng sanh có sự sanh, già... là lẽ thường, dù một người nương tựa nơi đó thì không thể thoát khỏi khổ được như sanh, già...

**Yo ca buddhañca dhammañca:** nghĩa là Đức Thế Tôn nói chỗ nương tựa không an toàn, không cao quý, Ngài đề cập đến nơi nương tựa an toàn và cao quý.

Ý nghĩa của câu Yo ca... như vậy: Người cư sĩ hay bậc xuất gia cũng thế, nhờ vào Niệm Xứ tức là ân đức Phật, ân đức Pháp, ân đức Tăng...rằng: “Nương tựa nơi Phật, Pháp, Tăng...rằng: Đức Thế Tôn là bậc A La Hán Chánh Đẳng Giác, nương tựa nơi Phật, Pháp, Tăng đó là sự nương tựa cao quý. Sự nương nhờ vào rừng, núi... của người vẫn còn tâm phiền não, khiến cho giao động với những điều như sự đánh lễ của ngoại đạo... Nhưng Đức Thế Tôn tuyên thuyết rằng sự nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng ấy là những đối tượng không còn bị giao động với cung kính, lợi đắc, danh vọng...Ngài tuyên bố rằng hãy nương tựa vào Thánh Quả, Đạo Tuệ, rằng:

“*Hãy liễu ngộ Tứ Thánh Đế bằng trí tuệ chân chánh*”. Vì rằng: Do nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng sẽ liễu ngộ được những điều như thế. Đó là chỗ nương tựa tối thượng và an ổn, nương tựa như thế mới thoát khỏi luân hồi.

Do vậy, Đức Thế Tôn mới phán rằng: “*Etaṃ kho saraṇaṃ khemaṃ!*”

Dứt Pháp thoại, các du sĩ chứng đắc quả A La Hán cũng với tuệ phân tích, đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn xin xuất gia sống đời phạm hạnh trong Giáo Pháp của Ngài. Đức Thế Tôn đưa tay phán:

- Hỡi các Tỳ Khuu, hãy đến đây, thực hành phạm hạnh đi.

Lập tức, râu tóc các du sĩ rụng mất, các tư cụ sa môn xuất hiện cho các vị ấy, tuy mới xuất gia nhưng các Ngài có Tăng tướng như vị Trưởng Lão trăm tuổi hạ.

Hôm ấy, cũng là ngày Uposatha, dân chúng xứ Anga, Magadha và Kura mang lễ vật đến cúng dường các du sĩ, thấy các du sĩ ấy đã xuất gia, có sự suy nghĩ rằng: “*Bà la*

môn Aggidatta của chúng ta cao thượng hơn Sa môn Gotama hay Sa môn Gotama cao thượng hơn Bà la môn của chúng ta nhỉ?”. Và họ lại xác nhận trong tâm:

- Có lẽ Aggidatta lớn hơn, vì Sa môn Gotama phải đến nơi ngụ của Bà la môn Aggidatta.

Với tâm mình, Đức Thế Tôn biết được sự suy nghĩ của đại chúng, Ngài phán rằng:

- Này Aggidatta! Người hãy đoạn nghị cho đại chúng đi.

Tôn giả Aggidatta bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con cũng đang muốn như thế.

Rồi vị ấy bay lên hư không cao độ 1 cây thốt nốt, hạ xuống đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi lại bay lên cao độ 2 cây thốt nốt, rồi hạ xuống đánh lễ Đức Thế Tôn. Vị ấy làm như thế 7 lần đến độ cao khoảng 7 cây thốt nốt, đánh lễ Đức Thế Tôn, và tuyên bố rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ngài là Bạc Đạo Sư của con, con là đệ tử của Ngài.

Đại chúng vô cùng hoan hỉ, tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên Pháp thoại sách tấn, khích lệ làm hoan hỷ đại chúng. Rồi Ngài cùng đại chúng Tỳ Khưu trở về Jetavana.



## Dịch Giả Cầu Đề

*Phật dạy nơi sanh các thú nòi*

*Kể từ voi, ngựa, đến bò, voi,...*

*Nhưng chưa giải chỗ sanh người tốt,*

*Xin Phật từ bi giải rạch ròi!*

*Phật đáp theo lời đã hỏi han:*

*“Thánh nhân xuất hiện ở trần gian,*

*Chỉ trong một xié miền Trung Ấn,*

*Giòng dõi vua, quan, cấp quý sang!*

*Rất khó tao phùng bậc thánh nhân,*

*Khác chi gặp gỡ vật cam tran,*

*Nơi nào kẻ trí sanh, nơi đó,*

*Hạnh phúc gia đình đủ thập phần.*

DỨT TÍCH QUỐC SƯ AGGIDATTA







**188..192. Loài người lo sợ tìm nơi nương tựa trong núi non, rừng rậm, vườn cây hay đên đài.**

## CÂU HỎI TRƯỞNG LÃO ANANDA (*Ānandattherassapañhavatthu*)

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 193)**

“Dullabho purisājāṇño,      “*Khó gặp bậc thánh nhơn,*  
Na so sabbattha jāyati;      *Không phải đâu cũng có.*  
Yattha so jāyati dhīro,      *Chỗ nào bậc trí sanh,*  
Tapa kulaṃ sukhamedhati.”      *Gia đình tất an lạc.”*

(Ngài HT Minh Châu)

Khi Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, đề cập đến các câu hỏi của Đại Đức Ānanda, Ngài thuyết lên kệ ngôn này.

Được nghe rằng: Một hôm, Trưởng Lão Ānanda ngồi trên chỗ ngồi ban ngày, khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Bậc Đạo Sư phán dạy rằng: Voi thuần chủng thì sanh vào dòng Chaddanta hay Uposatha, ngựa thuần chủng thì sanh vào dòng Sindhava hay dòng Valāhaka, bò thuần chủng thì sanh vào dòng Dakkhināpathajampada...Đó là Ngài nói đến sanh chủng của những chúng sanh cao quý là voi thuần chủng...Còn Bậc Đại Nhân thì sanh vào dòng nào nhi?

Rồi Trưởng Lão đi vào yết kiến Bậc Đạo Sư, đánh lễ Ngài, Bạch hỏi về vấn đề ấy. Đức Thế Tôn phán rằng:

- Này Ānanda! Bậc Đại Nhân không sanh cùng khắp, mà chỉ giáng sanh vào miền trung tâm (thế giới). Nơi có chu vi là 300 do tuần đường kính, rộng 900 do tuần. Khi tái sanh thì không sanh vào gia tộc có dòng dõi thấp kém,

thường chỉ sanh vào dòng cao quý nhất trong thời ấy như là dòng Hoàng Gia hay là dòng Bà la môn cao thượng.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Dullabho purisājañño,           *“Khó gặp bậc thánh hơn,*  
Na so sabbattha jāyati;           *Không phải đâu cũng có.*  
Yattha so jāyati dhiro,           *Chỗ nào bậc trí sanh,*  
Tapa kulaṃ sukhamedhati.”   *Gia đình tất an lạc.”*

*(Ngài HT Minh Châu)*

193. Khó tìm được hạng người trí tuệ cao siêu. Người như thế không sanh ra tại nơi nào. Nơi nào có người thiện trí dẫn sanh, gia đình ấy dồi dào hạnh phúc.



### CHÚ GIẢI:

Dullabho...nghĩa là Bậc Đại Nhân là người khó tìm, giống như voi thuần chủng... Bậc Đại Nhân không sanh ra nơi cùng khắp, tức là nơi biên địa hay trong gia tộc dòng hạ liệt, mà chỉ sanh vào trong gia tộc thuộc dòng Bà la môn cao quý hay dòng Sát Đế Ly là giai cấp cao quý nhất đương thời, là nơi tôn kính, nhận lãnh sự đánh lễ của đại chúng, chỉ sanh nơi trung tâm địa cầu mà thôi.

Bậc Đại Nhân, tức là bậc đại trí tuệ tột cùng, nghĩa là Bậc Chánh Đẳng Giác khi tái sanh như vậy, thường sanh vào gia tộc nào thì gia tộc ấy hằng được sự an lạc dồi dào.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.



### **Dịch Giả Cầu Đề**

*“Có chi hạnh phúc nhất trên đời?”  
Tặng chúng bàn nhau, thử đáp lời,  
Người nói: làm Vua là sướng nhất!  
Được yêu, hoặc cơm thịt ngon xơi!  
Phật dạy: Ty khưu sống lục hoà,  
Hành chung tăng sự, chớ chia ra,  
Tặng càng tăng trưởng khi đoàn kết,  
Khỏi sợ suy tàn, đáng ngợi ca:  
“Hạnh phúc thay chư Phật giáng sinh!  
Hạnh phúc thay chánh Pháp xường minh!  
Hạnh phúc thay Tăng già hoà hiệp!  
Hạnh phúc thay tế chúng tu hành!”*

DỨT TÍCH CÂU HỎI CỦA TRƯỞNG LÃO ĀNANDA





**193. Bậc trí đức hi hữu sinh ra đời hướng dẫn mọi loài đến an lạc.**

## CHUYỆN CHƯ TỖ KHƯU (*Sambalulabhikkhuvatthu*)

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 194 )**

**“Sukho buddhānamuppādo, “Vui thay, Phật ra đời!  
Sukhā saddhammadesanā; Vui thay, Pháp được giảng!  
Sukhā saṅghassa sāmaggī, Vui thay, Tăng hòa hợp!  
Samaggānaṃ tapo sukho.” Hòa hợp tu, vui thay!”**

(Ngài HT Minh Châu)

Kệ ngôn này được Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập về sự bàn luận của các vị Tỳ Khưu.

Một hôm, Chư Tỳ Khưu gồm có 500 vị, ngồi trong Giảng Đường bàn luận cùng nhau rằng:

- Nầy chư Hiền! Điều chi là an lạc trong đời này?

Một số cho rằng: Sự an lạc sánh với Vương quyền thì không có. Một số lại cho rằng: Sự an lạc sánh với dục thì không có. Hay có ý kiến rằng: Sự an lạc sánh với vật thực thì không có.

Nơi Hương thất với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, Đức Thế Tôn nghe được câu chuyện luận bàn ấy, Ngài nghĩ rằng:

- Đây là thời phải lẽ, Như Lai sẽ đoạn nghi cho Tăng chúng.

Từ nơi Hương Thất, Ngài ngự đến Giảng đường ngồi vào nơi được soạn sẵn, Ngài phán dạy chư Tỳ Khưu rằng:

- Này các Tỳ Khưu! Các người đang bàn luận gì về câu chuyện?

Đang hội họp về đề tài gì?

- Bạch Thế Tôn, về câu chuyện như vậy, như vậy...

- Này các Tỳ Khưu! Tất cả sự an lạc ấy đều liên quan đến khổ trong vòng luân hồi cả. Chỉ có sự giáng sanh của Chư Phật, sự giảng giải Giáo Pháp, sự hòa hợp Tăng chúng là nhân an lạc trong đời.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Sukho buddhānamuppādo, *“Vui thay, Phật ra đời!*  
 Sukhā saddhammadesanā; *Vui thay, Pháp được giảng!*  
 Sukhā saṅghassa sāmaggī, *Vui thay, Tăng hòa hợp!*  
 Samaggānaṃ tapo sukho.” *Hòa hợp tu, vui thay!”*

(Ngài HT Minh Châu)

194. Hạnh phúc thay chư Phật giáng sanh. Hạnh phúc thay Giáo Pháp cao minh. Hạnh phúc thay Tăng Già hòa hợp. Hạnh phúc thay Giới luật của người đồng tu.



### **CHÚ GIẢI:**

**Buddhānamuppādo:** Chư Phật khi giáng sanh thường tế độ đại chúng thoát khỏi mọi sự trở ngại như ái... Do đó sự giáng sanh của chư Phật mới gọi là nhân đem lại an lạc. Tất cả chúng sanh đều có pháp là khổ, là sanh, là già... Sự giảng pháp của Bậc Thánh Nhân thường mang lại sự thoát ra khỏi khổ như khổ sanh, khổ già... Do đó, sự giảng pháp của bậc Chân Nhân mới gọi là nhân đem lại an lạc.

Là người có tâm đồng nhau gọi là sự hòa hợp. Sự hòa hợp ấy là nhân đem lại an lạc.

Lại nữa, sự học Phật ngôn hay sự thọ trì hạnh đầu đà hoặc sự hành Sa môn Pháp của người hòa hợp, tức là người có tâm đồng nhau là nhân đem lại an lạc. Do vậy, Bậc Đạo Sư mới phán dạy rằng:

- Này chư Tỳ Khưu! Ngày này các người còn hội họp cùng nhau, cùng đồng hành sự thì ngày ấy chư Tỳ Khưu Tăng chúng chỉ có cường thịnh, không bị suy giảm.

Dứt pháp thoại có rất nhiều Tỳ Khưu chứng ngộ Vô Lậu quả Giải thoát. Pháp thoại mang lại nhiều lợi ích cho đại chúng.



### **Dịch Giả Cầu Đề**

*Hai họ Hoàng gia sát giết nhau,  
 Bồi tranh chút nước tưới hoa mùa,  
 Khi thương lựa nói lời ngon ngọt,  
 Lúc giận moi tìm lý cạm sâu.  
 Trước múa tay chân, còn phải quấy,  
 Sau khoa gươm giáo, hết đuôi đầu. . .  
 “Máu đào một giọt hơn ao nước,”  
 Phật giảng hoà ngay, khởi đời lâu.*

**DỨT CHUYỆN CHƯ TỖ KHƯU**







**194. Đức Phật đản sanh, hoàng dương Đạo Pháp, hòa hợp Tăng già – những sự kiện này đều đem lại an lạc.**

**BẢO THÁP CỦA ĐĂNG KASSAPA**  
*(Kassapadasabalassa suvaṇṇacetiyavatthu)*

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 195-196)**

- 195. “Pūjārahe pūjayato,  
 Buddhē yadi va sāvake;  
 Papañcasamatikkante,  
 tiṇṇasokapariddave.”**
- 196. “Te tādise pūjayato,  
 Nibbute akutobhaye;  
 Na sakkā puññaṃ  
 Saṅkhātum, imettamapi kenaci.”**

*“Cúng dường bậc đáng cúng,  
 Chư Phật hoặc đệ tử,  
 Các bậc vượt hý luận,  
 Đoạn diệt mọi sầu bi.”*

*“Cúng dường bậc như vậy,  
 Tịch tịnh, không sợ hãi,  
 Các công đức như vậy,  
 Không ai ước lường được.”*

*(Ngài HT Minh Châu)*

Kệ Pháp Cú này được Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài du hành, đề cập đến Bảo Tháp của Đức Chánh Đăng Giác Kassapa.

Một thời, Đức Thế Tôn cùng hội chúng Tăng Tỳ Khưu 500 vị, khởi sự du hành, rời khỏi kinh thành Sāvattihī đi

đến thành Sàrànasì. Tuần tự du hành, Ngài trú tại một ngôi đền gần làng Todeyyagàma ở giữa đường. Đức Thế Tôn ngự tại ngôi đền ấy và Ngài phán bảo vị Dhammabhandagàrika (Vị Thủ Kho Chánh Pháp, tức là Ngài Ānanda) rằng: *“Này Ānanda! Hãy gọi người đang cày ruộng đến đây”*

Bà la môn ấy đi đến nơi Phật ngự, ông không đánh lễ Đức Đạo Sư mà lại đánh lễ ngôi đền, rồi bước đứng sang một bên, Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Này Bà la môn! Người nghĩ rằng: Nơi này là nơi nào?

- Thưa Ngài Sa môn Gotama! Tôi đánh lễ ngôi đền này vì nghĩ rằng là bảo tháp theo tục lệ của chúng tôi.

Đức Thế Tôn khiến tâm của Bà la môn ấy hoan hỷ, Ngài phán:

- Lành thay! Này Bà la môn, người đánh lễ nơi này là tốt đẹp lắm. Chư Tỳ Khưu nghe vậy, khởi lên sự hoài nghi rằng:

- Vì lẽ nào Đức Thế Tôn làm cho Bà la môn ấy hoan hỷ như thế.

Để đoạn nghi cho Tăng chúng, bấy giờ Đức Thế Tôn liền thuyết giảng bài kinh Ghātikāra (trong Trung Bộ Kinh). Rồi Ngài dùng thần thông hóa hiện ngôi Bảo Tháp vàng của Đấng Thập Lực Kassapa cao 1 do tuần, ngôi Bảo Tháp vàng ấy lơ lửng giữa hư không, đại chúng chiêm ngưỡng Bảo Tháp như là Bảo Tháp đang đứng trước mặt mình.

Ngài phán dạy Bà la môn ấy rằng:

- Này Bà la môn! Sự cúng dường đến Bạc đáng cúng dường loại Bảo Tháp như thế này thì rất xứng đáng.

Rồi Ngài thuyết về bốn hạng người xứng đáng được lập tháp thờ là: Đấng Chánh Đẳng Giác, Đấng Độc Giác Phật, Bạc Ứng Cúng A La Hán và Vua Chuyển Luân Vương. Theo ý nghĩa mà Ngài thuyết trong Kinh Đại Bát Níp Bàn. Rồi Ngài thuyết giảng chi tiết về ba loại Bảo Tháp là Sāricatīya – Uddisacetīya – Paribhogacetīya.

Sau cùng, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

195. “Pūjārahe pūjayato,      *“Cúng dường bậc đáng cúng,*  
Buddhe yadi va sāvake;      *Chư Phật hoặc đệ tử,*  
Papañcasamatikkante,      *Các bậc vượt hý luận,*  
tiṇṇasokapariddave.”      *Đoạn diệt mọi sầu bi.”*

196. “Te tādise pūjayato,      *“Cúng dường bậc như vậy,*  
Nibbute akutobhaye;      *Tịch tịnh, không sợ hãi,*  
Na sakkā puññaṃ      *Các công đức như vậy,*  
Saṅkhātum, imettamapi      *Không ai ước lường đượ.”*  
kenaci.”

(Ngài HT Minh Châu)

195-196. Người tôn kính những bậc xứng đáng thọ lãnh sự tôn kính, chư Phật hay chư Thánh Văn đệ tử, những bậc đã khắc phục mọi chướng ngại và đã thoát khỏi mọi phiền não âu sầu - công đức của người tôn kính cúng dường bậc an tịnh, bậc vô úy thật là vô lượng.



**CHÚ GIẢI:**

Người dâng cúng dường gọi trong kệ ngôn này là Pūjārahe pūjayato. Câu nói của người dâng cúng dường đến Bậc đáng cúng dường nghĩa là: Người cúng dường bằng cách như đánh lễ... hoặc bằng tứ vật dụng.

Đức Thế Tôn thuyết giảng người đáng cúng dường là Buddha, nghĩa là chư Phật... là bậc Chánh Đẳng Giác.

Tadi tức là yadvā. Có lời giải rằng: Attavā tức là vậy thì. Câu nói chư Phật Độc Giác mà Ngài phán dạy trong kệ ngôn này (hoặc là chư Thinh Văn Giác đệ tử). Câu nói người đã vượt qua Pháp chướng ngại, nghĩa là các pháp chướng ngại tức là ái, tà kiến, mạn mà các Ngài đã vượt qua. Câu nói: Người đã thoát khỏi sầu muộn tức là bậc không còn sầu muộn, nghĩa là đã vượt qua cả hai thức. Bậc đáng cúng dường mà Đức Thế Tôn đã phán dạy trong câu Vidasana. Câu nói: Các Bậc đáng cúng dường như Đức Phật... Câu nói: Người như vậy tức là người có đầy đủ ân đức như đã nói trên. Câu nói: Người đã Níp Bàn. Nghĩa là đã Níp Bàn do sự đã dập tắt phiền não như ái dục...

Câu nói: Không còn nguy hiểm bất cứ ở đâu từ nơi sanh hữu hay cảnh hữu đối với các Bậc Thánh, là bậc đáng cúng dường. Do đó các Ngài mới không còn gọi là không còn sự nguy hiểm bất cứ ở nơi đâu. Đó là Bậc không còn nguy hiểm ở bất cứ nơi nào.

Câu nói: Không ai có thể ước lượng quả phước, nghĩa là không ai có thể kể được số lượng. Nếu có câu hỏi rằng: Đếm như thế nào? Thì hãy đáp rằng: Không ai có thể đếm được quả phước này là có được bao nhiêu đây, có được khoảng chừng này, quả phước kia có số lượng khoảng chừng bấy nhiêu.

Chữ Api ghép trong câu Kenaci. Nghĩa là: Không có người nào hoặc bằng cách nào đếm được.

Trong hai câu này, câu nói NGƯỜI, tức là người có như Phạm Thiên.

Câu nói: Cách đếm, tức là đếm bằng ba cách: Cách ước lượng, cách cân và cách đong. Cách ước lượng là theo như thế này: Khoảng chừng bao nhiêu đây, gọi là ước lượng. Cách làm cho ngang bằng gọi là cân. Cách làm cho đầy gọi là đong.

Không ai có thể có được quả phước của người cúng dường đến bậc đáng cúng dường như thế nào, tức là cúng dường đến Đức Phật... ba cách đếm này không thể đếm được quả dị thực thiện. Bởi vì nó có quá nhiều, có vô số lượng. Quả thí của người cúng dường trong hai trường hợp ra sao?

Quả phước của người cúng dường đến Đức Phật... khi Ngài còn tại tiền thì như thế. Nhưng quả phước của người cúng dường đến Đức Phật đã Níp Bàn có sự sai khác nhau chăng? Cũng không có sự sai khác nhau đâu. Vì rằng, Đức Đế Thích có nói lên kệ ngôn trong bộ Thiên Cung Sự rằng:

- *“Khi Bậc Chánh Đẳng Giác còn tại tiền hay Ngài đã Níp Bàn rồi cũng thế. Nếu tâm đồng nhau thì quả thí cũng đồng nhau, vì rằng nhân tạo phước do sự tịnh tín nơi tâm, tất cả chúng sanh đều sanh về nhàn cảnh như vậy.”*

Dứt kệ ngôn, Bà la môn ấy chứng đắc Pháp nhãn Dự Lưu.

Ngôi Bảo Tháp Vàng cao 1 do tuần ấy, đứng giữa hư không trọn cả 7 ngày. Đại chúng cúng dường Bảo Tháp trọn bảy ngày. Về sau, đại chúng trở lại cố tục của mình.



Ngôi Bảo Tháp đã trở về nơi cũ do Phật Lực, trên nền cẩm thạch của Bảo Tháp ở chính tại nơi ấy, đã hiện ra trở lại như xưa.

Trong hội chúng ấy có khoảng 84 ngàn chúng sanh chúng ngộ Pháp.

❁  
**Dịch Giả Căn Đề**

*Dân thành điền đảo tại Ma xui  
Ôm bát về không, Phật vẫn vui  
Lại độ nửa ngàn cô thiếu nữ,  
Có duyên, chánh tín, chẳng hề lui,  
Phật ví mình như Đại Phạm thiên,  
Suốt ngày toại hưởng lạc trường miên,  
Có đâu bận trí vì còn đời?  
Ma chỉ chuyên lo chuyện ảo huyền!*

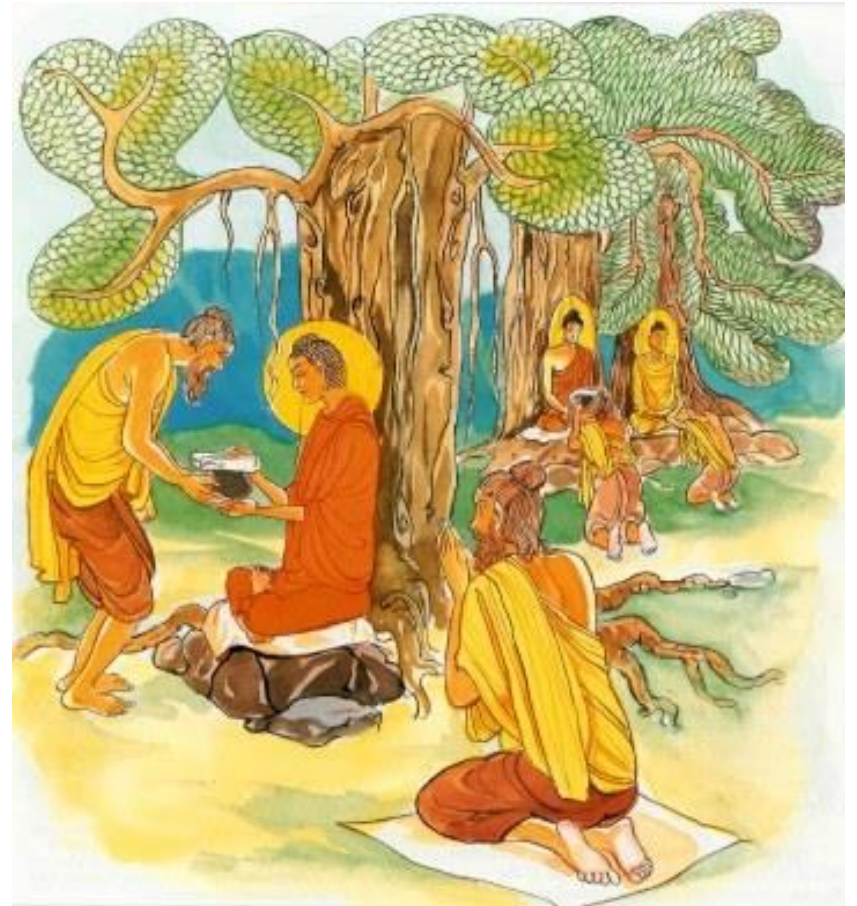
DỨT TÍCH BẢO THÁP CỦA ĐỨC PHẬT KASSAPA

❁

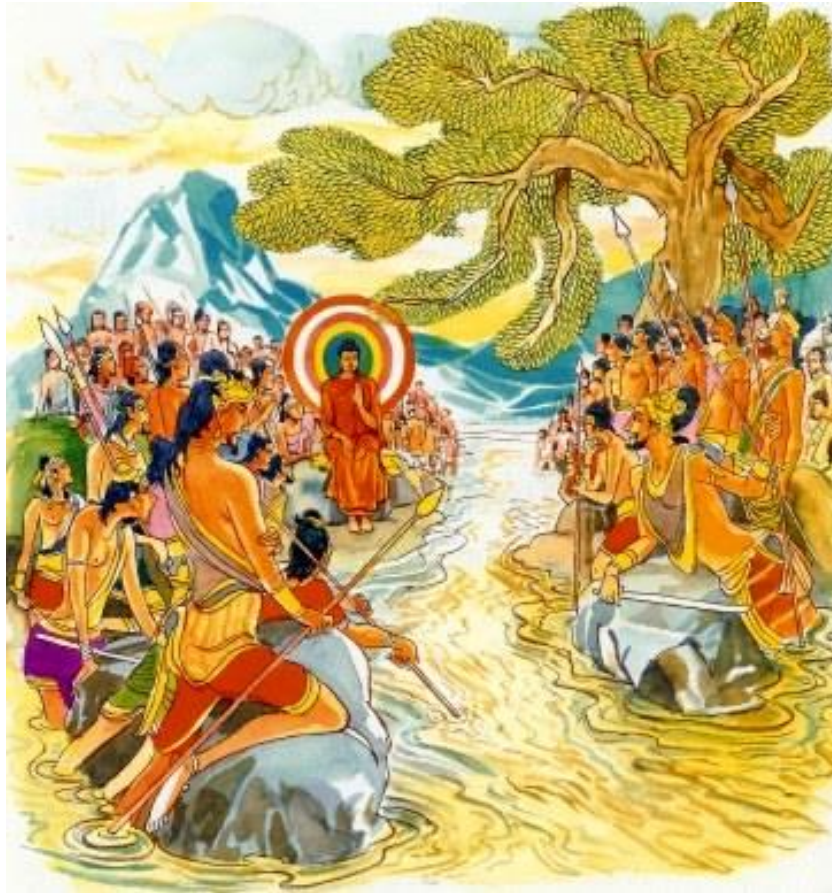
DỨT PHẨM PHẬT ĐÀ - BUDDHA VAGGA

DỨT PHẨM 14

❁



**195. Ai biết kính trọng các Bạc Ưng cúng, Đức Phật hay đệ tử Ngài, đó là các bậc đã vượt khỏi mọi ưu bi.**



196. Ai tôn sùng những bậc an tịnh và vô úy, sẽ đạt công đức vô lượng.

## PHẨM AN LẠC SUKHA VAGGA



### HAI HOÀNG TỘC TRANH GIÀNH NƯỚC

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 197-198-199 )

197. “Susukhaṃ vata jīvāma,  
Verinesu averino;  
Verinesu manussesu,  
Viharāma averino.”

*“Vui thay, chúng ta sống,  
Không hận, giữa hận thù!  
Giữa những người thù hận,  
Ta sống, không hận thù!”*

198. “Susukhaṃ vata jīvāma,  
Āturesu anāturā;  
Āturesu manussesu,  
Viharāma anāturā.”

*“Vui thay, chúng ta sống,  
Không bệnh giữa ốm đau!  
Giữa những người bệnh hoạn,  
Ta sống, không ốm đau.”*

**199. “Susukhaṃ vata jīvāma,  
Ussukesu anussukā;  
Ussukesu manassesu,  
Viharāma anussukā.”**  
**“Vui thay, chúng ta sống,  
Không rộn giữa rộn ràng;  
Giữa những người rộn ràng,  
Ta sống, không rộn ràng.”**

(Ngài HT Minh Châu)

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết ra khi ngự giữa hai Hoàng Tộc Thích Ca, đề cập đến sự tranh chấp nước của quyền thuộc.

Tương truyền rằng: Hai họ Hoàng Tộc Sakya và Koliya đã hiệp tác nhau đập một cái đập chung để dẫn nước từ sông Rohinī vào giữa hai thành Kapilavatthu và Koliya, và trồng trọt hoa màu trên những cánh đồng ở hai bên bờ sông.

Đến tháng Jettha mūla (tháng 6-7 dương lịch) năm ấy, nhận thấy các vụ mùa bị thất nhiều, hai bên nông dân hai bờ sông hợp nhau lại. Dân thành Koliya lên tiếng trước rằng:

- Nếu nước sông này dẫn nước chia đôi để tưới cả hai bên sông thì không đủ cho các vị lân cho bên chúng tôi. Vụ mùa của chúng tôi sắp chín tới, chỉ cần một lần tưới nữa thôi. Vậy các vị hãy dành trọn nước sông này cho chúng tôi sử dụng đi.

Nhóm dân họ Thích cũng nói rằng: Sau khi các vị gặt lúa chín, chất đầy kho lắm rồi, chẳng lẽ chúng tôi lại lấy vàng, bạc, ngọc bích, ngọc tuyền và tiền bạc ra, xách

theo thúng rổ hoặc túi bao mà đi đến nhà các người. Vụ mùa của chúng tôi cũng chỉ cần một lần tưới nữa thôi. Vậy hãy nhường cả nước sông này cho chúng tôi.

- Chúng tôi nhất định không nhường được.

- Chúng tôi cũng không cho các vị lấy hết nước dòng sông này.

Cuộc bàn luận đi đến nơi bế tắc. Một người đứng lên đánh đối phương, người này đánh trả lại. Thế là, cuộc xô xát bành trướng ra, hai họ trong Hoàng gia đánh nhau, cùng với những lời lẽ bêu xấu nhau kịch liệt. Những người giòng Koliya nói:

- Này những người dân thành Kapilavatthu, các người hãy dắt con cái đi đi. Những kẻ nào sống chung với em gái mình, giống như chó nhà và chó rừng, thì những voi, ngựa, khiên, vũ khí mà những kẻ ấy có được, sẽ làm gì được chúng tôi.

Những người dòng Thích Ca cũng mắng lại rằng:

- Này các kẻ hủi! Các người hãy dắt con cái đi đi. Những kẻ hủi khốn nạn, vô hại, giống như loài thú ở trên cây táo, thì những voi, ngựa, khiên và vũ khí của những kẻ ấy làm gì được chúng tôi.

Hai nhóm nông dân này đem câu chuyện tranh chấp này báo cáo lên cho hai Hoàng Tộc biết tin.

Các chiến sĩ Thích Ca lập tức nai nịch gọn gàng, mang vũ khí ra đi và hét lớn rằng:

- Chúng ta sẽ biểu diễn tài nghệ của những người sống với em, chị gái mình cho bọn chúng nó thấy.

Các chiến sĩ Koliya cũng nai nịch gọn gàng, mang vũ khí ra đi và hét lớn rằng:

- Chúng ta sẽ biểu diễn tài lực của những người cù sống trên cây táo cho chúng nó thấy.

Sáng hôm ấy, Đức Bốn Sư quán xét thế gian theo thông lệ, vì nhìn thấy những quyến thuộc của Ngài. Ngài tự nghĩ: *“Nếu ta không can thiệp thì những người này sẽ giết hại lẫn nhau. Ta phải đến đó mới được.”*

Thế rồi, Ngài theo đường hư không đến đứng giữa giòng sông Rohinī, Ngồi kiết già giữa hư không.

Các quyến thuộc trông thấy Đức Bốn Sư liền ném vũ khí xuống đất và đánh lễ Ngài. Đức Bốn Sư bàn hỏi mỗi bên rằng:

- Tâu Đại Vương! Vì sao có cuộc tranh chấp này.
- Bạch Ngài! Trẫm không được biết.
- Vậy thì, ai biết bây giờ đây?

Hai Vua đáp: *“Có lẽ Phó Vương”*. Khi hai vị Phó Vương bị hỏi thì đáp là *“Có lẽ quan Tổng binh biết”*, lần theo thứ tự từ trên xuống, cuối cùng đến các nông dân, họ đáp: *“Bạch Ngài, đây là cuộc tranh giành nước sông Rohinī”*. Đức Thế Tôn hỏi hai vị Vua:

- Tâu Đại Vương! Nước đáng giá bao nhiêu?
- Bạch Ngài, nước giá rẻ lắm.
- Tâu Đại Vương! Các chiến sĩ Sát Đế Ly giá bao nhiêu?
- Bạch các Ngài! Các chiến sĩ Sát Đế Ly giá rất cao.
- Thế thì, vì nước có giá trị rẻ như thế lại đem đánh đổi bằng các chiến sĩ Sát Đế Ly. Như vậy có thích đáng chăng?

Mọi người đều im lặng, Đức Phật gọi hai vị Vua đến phán rằng:

- Tâu Đại Vương! Vì sao Ngài lại làm như thế? Nếu hôm nay Như Lai không ngự đến đây, thì máu các người nhuộm xuống dòng sông rồi. Các Ngài đã làm điều không xứng đáng, các Ngài sống trong thù hận, trú trong ba pháp hận thù, còn Như Lai sống không thù hận. Các Ngài sống trong tham ái, còn Ta sống không tham ái.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn như sau:

- |   |  |
|---|--|
| 197. “Susukhaṃ vata jīvāma,<br>Verinesu averino;<br>Verinesu manussesu,<br>Viharāma averino.”   | “Vui thay, chúng ta sống,<br>Không hận, giữa hận thù!<br>Giữa những người thù hận,<br>Ta sống, không hận thù!”   |
| 198. “Susukhaṃ vata jīvāma,<br>Āturesu anāturā;<br>Āturesu manussesu,<br>Viharāma anāturā.”     | “Vui thay, chúng ta sống,<br>Không bệnh giữa ốm đau!<br>Giữa những người bệnh hoạn,<br>Ta sống, không ốm đau.”   |
| 199. “Susukhaṃ vata jīvāma,<br>Ussukesu anussukā;<br>Ussukesu manassesu,<br>Viharāma anussukā.” | “Vui thay, chúng ta sống,<br>Không rộn giữa rộn ràng;<br>Giữa những người rộn ràng,<br>Ta sống, không rộn ràng.” |

(Ngài HT Minh Châu)

197. Hạnh phúc thay! Sống không thù hận giữa hận thù. Giữa những người hận thù. Ta sống không hận thù.

198. Hạnh phúc thay! Ta sống mạnh khỏe giữa ốm đau. Giữa những người bệnh tật, Ta sống không ốm đau.

199. Hạnh phúc thay! Ta sống không tham ái. Giữa những người dục vọng ta sống không tham ái.



### CHÚ GIẢI:

**Susukham: Sutthusukham:** Sự an vui tốt đẹp. Đại ý của bài kệ này là: Những người cư sĩ tại gia, không phải bậc xuất gia, sống bằng một nghề nào như y sĩ... hằng nói “chúng ta sống an vui”. Những người nào nghĩ: “Chúng ta là những người không thù hận trong số những người thù hận với tâm hận thù, là những người không bệnh tật do không phiền não trong số những người bệnh tật là phiền não. Là những người không tham ái tìm cầu ngũ dục, những người ấy có thể nói là hạnh phúc thay.”

Hai kệ ngôn sau cũng cùng chung một ý nghĩa như thế. Cuối thời pháp, nhiều người đắc Thánh Quả, nhứt là Tu Đà Hườn quả.



### **Dịch Giả Cầu Đề**

*Hai họ Hoàng Gia suýt giết nhau*

*Bởi tranh chút nước tưới hoa màu*

*Khi thương lựa nói lời ngon ngọt*

*Lúc giận moi tìm lý lẽ sâu.*

*Trước múa tay chân còn phải quấy*

*Sau khoe gương giáo hết đuôi đầu.*

*“Máu đào một giọt hơn ao nước”*

*Phật giảng hòa ngay, khỏi đợi lâu”*

**DỨT TÍCH HÒA GIẢI GIA TỘC**







**198. Đối với những ai không có bệnh, số thể sống an lạc ngay giữa đám người bệnh hoạn.**



**199. Chúng ta sống an lạc, không dao động giữa quần sanh vô cùng dao động.**

## MA VƯƠNG TRÊU PHẬT (*Māra*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 200 )

“*Susukhaṃ vata jīvāma,*      “*Vui thay chúng ta sống,*  
*Yesaṃ no natthi kiñcanaṃ;*      *Không gì, gọi của ta.*  
*Pitibhakkhā bhavissāma,*      *Ta sẽ hưởng hỷ lạc,*  
*Devā ābhassarā yathā.”*      *Như Chư Thiên Quang Âm.”*

(Ngài HT Minh Châu)

Pháp Cú này được Đức Bốn Sư thuyết ra khi ngự trong làng Bà la môn Pañcasālā, đề cập đến Ma Vương.

Một lần nọ, nhân thấy 500 cô gái có duyên lành để đắc quả Tu Đà Hườn. Đức Bốn Sư bèn ngự đến gần làng ấy. Những cô gái này nhân ngày lễ sao, đã đi xuống sông tắm, tắm xong trang điểm chu tất rồi đồng đi thàng một mạch về nhà. Đức Bốn Sư cũng đi vào làng ấy khất thực. Ma Vương đã nhập vào toàn thể thôn dân, khiến Đức Bốn Sư không được để bát chút nào cả, đâu là một muỗng cơm.

Sau khi làm như thế, Ma Vương đứng trước cổng làng, chờ Đức Bốn Sư ôm bát ngự ra, nói trêu ghẹo rằng:

- Ông Sa Môn đi! Ông không được vật thực chi phải chăng?

- Này Ma Vương! Vì sao người lại khiến Như Lai không được vật thực?

- Bạch Ngài! Thế thì xin Ngài hãy quay trở lại làng đi.

Nghe rằng: Ma Vương tính thầm: “*Nếu Sa môn Gotama trở lại làng, ta sẽ nhập vào thôn dân, khiến cho*

*họ vỗ tay cười chế nhạo trước mặt ông ta*”. Ngay khi ấy, thì 500 cô gái đi đến cổng làng, gặp được Đức Đạo Sư, đến đảnh lễ Ngài rồi đứng qua một bên.

Ma Vương lại trêu ghẹo Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài, không được vật thực chắc Ngài phải khổ vì sự đói dữ lắm phải chăng?

- Này Ác ma! Mặc dù hôm nay Như Lai chẳng được chút chi cả, nhưng ta sẽ toại hưởng phi lạc suốt ngày giống như vị trời Phạm Thiên ở cõi Quang Âm vậy.

Rồi Đức Đạo Sư thuyết lên kệ ngôn sau:

“*Susukhaṃ vata jīvāma,*      “*Vui thay chúng ta sống,*  
*Yesaṃ no natthi kiñcanaṃ;*      *Không gì, gọi của ta.*  
*Pitibhakkhā bhavissāma,*      *Ta sẽ hưởng hỷ lạc,*  
*Devā ābhassarā yathā.”*      *Như Chư Thiên Quang Âm.”*

(Ngài HT Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

***Yesaṃ no:*** Không có mỗi buộc ràng nào cả, trong số những dây trói buộc ràng chúng ta, nhất là luyến ái.

***Pitibhakkhā:*** Chư Thiên cõi Quang âm có hỷ lạc làm cơm nên sống tự tại như thế nào, thì ta cũng sẽ có cơm hỷ lạc như thế ấy.

Cuối thời pháp, năm trăm thiếu nữ chứng đắc Tu Đà Hườn.



### Dịch Giả Cẩn Đề

*Dân thành điền đảo tại ma xui  
 Ôm bát về không, Phật vẫn vui  
 Lại độ nửa ngàn cô thiếu nữ  
 Có duyên, chánh tín chẳng hề lui  
 Phật vì mình như Đại Phạm Thiên  
 Suốt ngày toại hưởng lạc trường miên  
 Có đâu bận trí vì con đời.  
 Ma chả chuyên lo việc hảo huyền.*

DỨT TÍCH MA VƯƠNG TRÊU PHẬT



**200. Chúng ta sống đây an lạc dù không có tài sản gì. Chúng ta được nuôi dưỡng bằng niềm hoan hỉ như Chư Thiên.**



## ĐỨC VUA KOSALA BẠI TRẬN (*Kosalaraññoparājaya*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 201)

<p>“Jayam veram pasavati, Dukkham seti parājito; Upasanto sukham seti, Hitvā jayaparājayaṃ.”</p>	<p>“Chiến thắng sinh thù oán, Thất bại chịu khổ đau, Sống tịch tịnh an lạc. Bỏ sau mọi thắng bại.”</p>
--	--

(Ngài HT Minh Châu)

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến sự bại trận của Vua Pasenadi.

Tương truyền rằng: Đức Vua Kosala chiến đấu với cháu mình là Đức Vua Ajātasattu, gần làng Kāsika đã bị bại trận ba lần liên tiếp. Đến lần thứ ba, Đức Vua tự nghĩ: “Trẫm không thắng được đứa con nít miệng còn hôi sữa. Vậy Trẫm còn sống để làm gì?”

Đức Vua bèn tuyệt thực, nằm liệt trên Long sàng.

Tin này được loan truyền khắp kinh thành, chư Tăng trình lên Đức Thế Tôn: - “Bạch Ngài! Được tin rằng Đức Vua Kosala ngự giá thân chinh gần thành Kāsika, bị đánh bại ba lần, và bây giờ rút binh trở về. Ngài âu sầu nên tuyệt thực nằm liệt giường, vì nghĩ rằng: Đã không thắng nổi đứa con nít miệng còn hôi sữa, thì Trẫm còn sống làm gì?”

Nghe Chư Tăng thuật lại câu chuyện, Đức Bốn Sư phán dạy:

- Này các Tỳ Khưu! Người thắng cũng bị thù oán, người bại cũng chịu đau khổ.

Rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

<p>“Jayam veram pasavati, Dukkham seti parājito; Upasanto sukham seti, Hitvā jayaparājayaṃ.”</p>	<p>“Chiến thắng sinh thù oán, Thất bại chịu khổ đau, Sống tịch tịnh an lạc. Bỏ sau mọi thắng bại.”</p>
--	--

(Ngài HT Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Jayam:** Người thắng ắt bị thù oán.

**Parājito:** Người bị thắng tức là kẻ bại, ắt chịu khổ trong bốn oai nghi là đi, đứng, nằm, ngồi. Lúc nào cũng khổ, luôn luôn tự hỏi:

Chùng nào ta mới có thể trả thù rửa hận.

Upasanto: Ở giữa hai người trên đây. Bạc Lậu Tận đã làm an tịnh phiền não tham ái, đã dứt bỏ sự thắng và bại, luôn luôn được an vui trong cả bốn oai nghi.

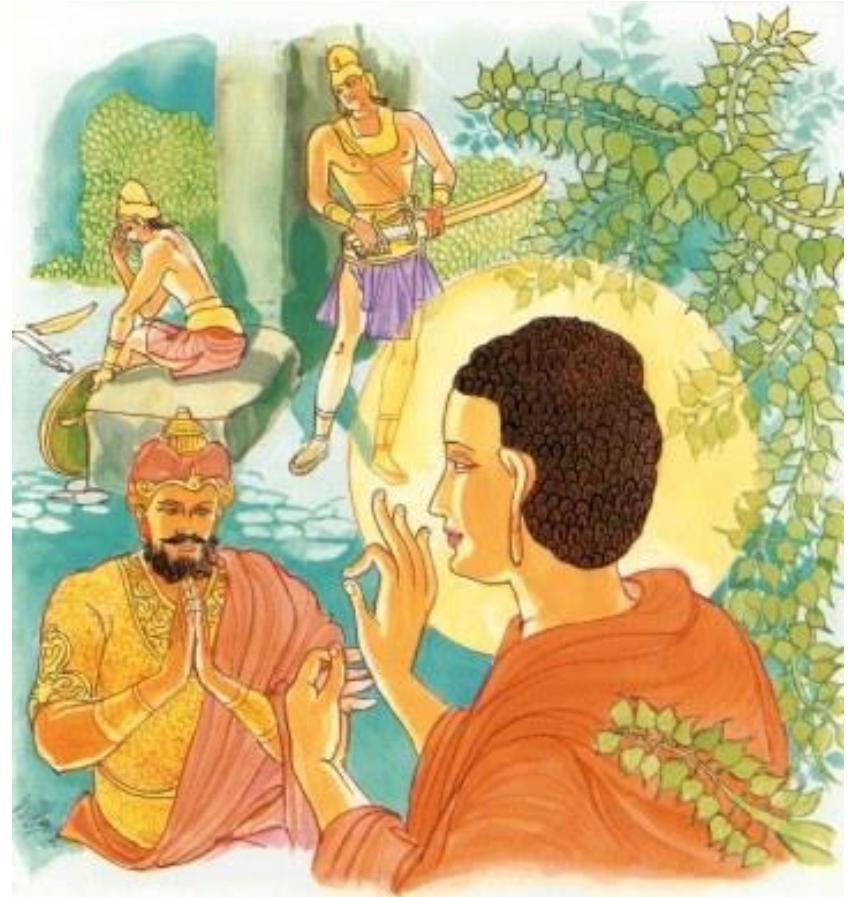
Cuối thời pháp, nhiều vị Tỳ Khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn.



### Dịch Giả Cầu Đề

*Nhà Vua tham đất, nỡ quên tình  
 Chẳng đánh người dưng, đánh cháu mình.  
 Ba lượt ra quân, ba lượt bại  
 Nghĩ càng tủi nhục, có gì vinh.  
 Hai đảng ra sức giết giành nhau  
 Thắng lợi sinh thù, bại khổ đau.  
 Chẳng thắng, chẳng thua, lòng tịnh lạc.  
 Người quen tri túc khỏe làm sao.*

DỨT TÍCH ĐỨC VUA KOSALA



**201. Chiến thắng sinh thù hận. Kẻ chiến bại chịu khổ sâu. Miên an tịnh vượt lên cảnh thắng bại.**

## MỘT THIẾU NỮ GIA GIÁO (*Aññatarakuladārikāvattu*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 202)

“Natthi rāgasamo aggi,                      “Lửa nào sánh lửa tham?  
Natthi dosasamo kali;                      Ác nào bằng sân hận?  
Natthi khandhasamā, dukkhā,              Khổ nào sánh khổ uẩn,  
Natthi santiparaṃ sukhaṃ.”              Lạc nào bằng tịnh lạc.”

(Ngài HT Minh Châu)

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nàng thiếu nữ con nhà gia giáo.

Tương truyền rằng: Cha mẹ của thiếu nữ này đã nhận lễ cầu hôn của nhà trai, và đã thỉnh Đức Thế Tôn đến thọ bát vào ngày gã con lấy chồng.

Đức Thế Tôn cùng với Tăng chúng tùy tùng ngự đến và an tọa vào chỗ ngồi được soạn sẵn. Cô dâu đi qua lại, lo phục dịch chư Tăng, nhất là lọc nước để dâng đến Tăng. Chàng rể thì cứ đứng nhìn cô dâu. Chàng nhìn cô dâu với tâm tham ái, phiền não dục khởi lên trong tâm chàng, bị sự si mê thắng phục, chàng không lo phục dịch Đức Phật cùng với 80 vị Đại Trưởng Lão, mà giơ tay ra định ôm lấy cô dâu. Đức Bốn Sư nhìn thấy tư tưởng của chàng ta, khiến chàng không còn trông thấy cô dâu nữa, không thấy được cô dâu chàng ta đành đứng yên nhìn Đức Bốn Sư. Khi chàng đứng nhìn Đức Bốn Sư như vậy, Ngài bảo:

- Này cận sự nam, không có lửa nào sánh bằng lửa tham ái, không có ác nào sánh bằng ác sân hận, không có khổ nào bằng khổ giữ gìn ngũ uẩn, không có sự an vui nào bằng sự an vui của Níp Bàn.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Natthi rāgasamo aggi,                      “Lửa nào sánh lửa tham?  
Natthi dosasamo kali;                      Ác nào bằng sân hận?  
Natthi khandhasamā, dukkhā,              Khổ nào sánh khổ uẩn,  
Natthi santiparaṃ sukhaṃ.”              Lạc nào bằng tịnh lạc.”

(Ngài HT Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Natthi rāgasamo:** Tuy không thấy khói hoặc lửa ngọn hoặc tham lửa đỏ, nhưng lửa tham ái có thể cháy rần rần trong nội tâm con người, sự tàn phá thiêu đốt của nó không có thứ lửa nào khác sánh kịp.

**Kali:** Không có tội lỗi nào bằng tội của sân.

**Khandhasamā:** Khandhehi samā Là bằng ngũ uẩn, không có thứ khổ nào khác có thể sánh bằng khổ ngũ uẩn.

Cũng không có sự an lạc nào bằng, có thể sánh với sự an lạc của Níp Bàn. An lạc Níp Bàn là tối thượng.

Cuối thời pháp, cô dâu và chàng rể chứng đắc quả vị Tu Đà Hườn.

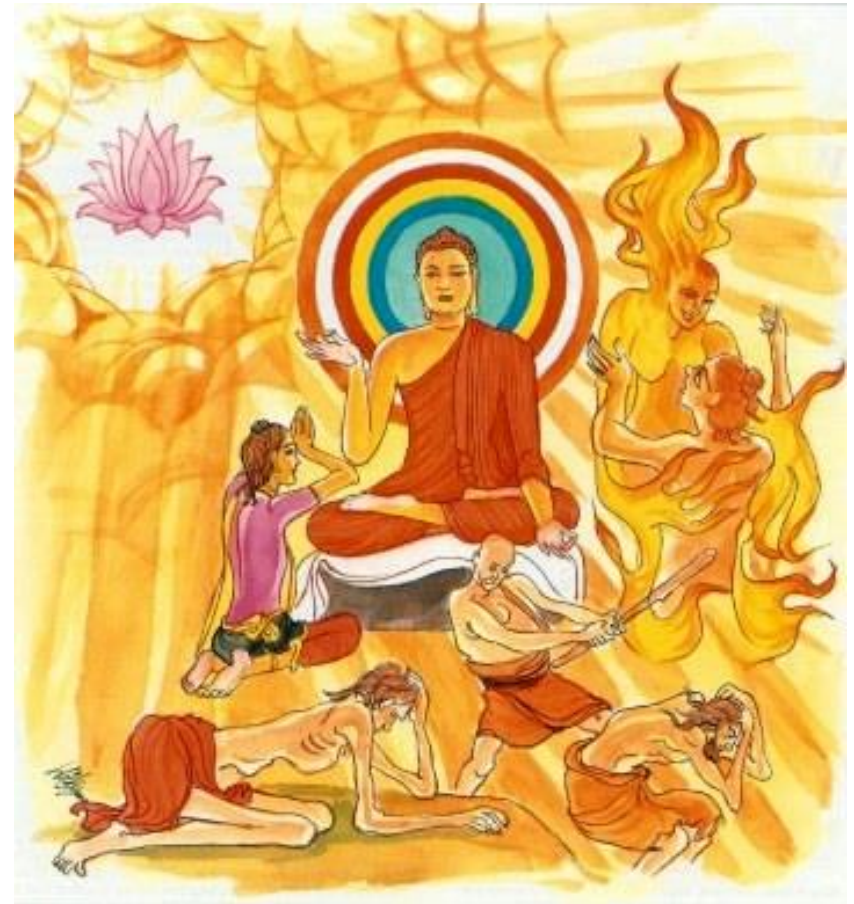
Ngay lúc đó, Đức Thế Tôn thu hồi Phật lực và hai người đã thấy mặt nhau trở lại.



### Dịch Giả Cầu Đề

*Ngày lễ vu quy thành Phật Đà  
 Nàng dâu chẳng bận tiếp thông gia  
 Hộ tãng sợ trẽ phần cơm nước  
 Chàng rể mong chờ kiệu đuốc hoa  
 Lừa ái nung lòng trai khó nhận  
 Âm tà mát dạ khổ mau qua  
 Mắt mờ lại sáng vì Sơ quả  
 Người đẹp còn đây, há cách xa.*

DỨT TÍCH THIẾU NỮ CON NHÀ GIA GIÁO



**202. Không lừa nào bằng tham dục, không tai hại  
 nào bằng sân hận. Không khổ nào bằng bán thân.  
 Chi Niết bàn là cực lạc.**

## ÔNG THIỆN NAM ĐƯỢC ĂN CƠM PHẬT (*Aññatara-upāsakavatthu*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 203)

“**Jighacchāparamā rogā,                    *“Đói ăn, bệnh tối thượng,*  
**Saṅkhāraparamā, dukhā.                    *Các hành, khổ tối thượng,*  
**Etam ñatvā yathābhūtaṃ,                    *Hiểu như thực là vậy,*  
**Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ.”                *Niết bàn, lạc tối thượng.”*********

*(Ngài HT Minh Châu)*

Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết khi ngự tại thành Ālavī, đề cập đến một thiện nam.

Lần nọ, Đức Thế Tôn tịnh tọa trong Hương thất ở Jetavana, vào buổi sáng Ngài quán xét thế gian, Ngài thấy được duyên lành của người đàn ông nghèo khó, nên Ngài ngự đến thành Ālavī cùng với 500 Tỳ Khưu tùy tùng.

Dân thành Ālavī liên cung thỉnh Đức Thế Tôn. Được tin Đức Thế Tôn ngự đến, người đàn ông nghèo khó ấy cũng có ý định đến nghe Pháp của Ngài, nhưng trong ngày ấy con bò của y sút chuồng chạy mất, người ấy suy nghĩ: “*Ta nên đi kiếm bò hay là đi nghe Pháp*” Rồi y quyết định “*Ta hãy tìm bò mang về chuồng, rồi hãy đi nghe Pháp*”. Từ bình minh, người ấy đã ra đi khỏi nhà tìm con bò, dân thành Ālavī đã cung thỉnh chư Tăng có Đức Phật là vị Thượng thủ thọ thực nơi Trai thí đường, sau khi Ngài thọ thực xong, họ xin thỉnh Bát của Đức Bổn Sư để yêu cầu Ngài phúc chúc phước, Đức Bổn Sư phán dạy:

- Chỉ vì một người mà Như Lai vượt khoảng đường xa 30 do tuần đến đây để tiếp độ y. Hiện y đang vào rừng

để kiếm con bò đi lạc khi nào người ấy đến, Như Lai sẽ thuyết pháp.

Rồi Ngài im lặng. Người đàn ông nghèo kiếm được con bò xong, đưa nó trở về với đàn bò, rồi tự nhủ rằng: “*Nếu không có chuyện chi khác, ta hãy đi đánh lễ Đức Bổn Sư*”. Mặc dù đang đói bụng, nhưng y không có ý định trở về nhà mà lật đật tìm đến đánh lễ Đức Bổn Sư, và đứng qua một bên.

Chờ người ấy đứng yên, Đức Bổn Sư hỏi người phụ lo việc trai tăng rằng:

- Vật thực của chư Tăng còn chút chi chăng?
- Bạch Ngài! Còn có đủ ạ.
- Nếu vậy, hãy dọn cơm cho người này dùng đi.

Sau khi mời người đàn ông nghèo ngồi nơi Đức Bổn Sư chỉ dạy, người hộ tăng chăm lo khoản đãi người ấy với cháo, vật thực cúng dường thượng vị loại cứng loại mềm. Sau khi dùng bữa xong, người đàn ông ấy súc miệng (người ta bảo rằng: Ngoài ra chỗ này, khắp nơi khác trong Tam Tạng không có ghi chép việc Đức Phật lo lắng về vấn đề cơm nước như thế). Sự khổ thân vừa được yên thì tâm của y cũng được tịnh lặng.

Cuối thời Pháp, người ấy chứng đắc Tu Đà Hườn quả. Sau khi phúc chúc xong, Đức Thế Tôn đứng dậy ra đi, đại chúng theo sau tiễn đưa Đức Bổn Sư một lối đường rồi quay trở lại.

Chư Tăng đang đi với Đức Thế Tôn, than phiền rằng:

Này chư Hiền! Hãy xem việc làm của Đức Thế Tôn đó, trong những thời khắc thì không có chuyện như vậy,

nhưng lần này Ngài đã vì một người đàn ông nghèo, mà lo lắng bảo người hộ Tăng dâng hộ cháo cơm.

Đức Bốn Sư quay lại, đứng hỏi rằng:

- Này các Tỳ Khưu! Các thầy đang bàn chuyện chi thế?

Khi nghe rõ mọi sự, Ngài bảo rằng:

- Phải đó, này các Tỳ Khưu! Sở dĩ ta vượt đường dài cả 30 do tuần mà đến đây, vì ta thấy được duyên lành của ông Thiện nam này. Ông ta đang đói bụng quá sức, vì từ sáng sớm đã thức dậy vào rừng để tìm con bò đi lạc. Đang khổ vì đói, dẫu có người thuyết pháp, người ấy cũng không thể lãnh hội được Pháp. Vì nghĩ vậy, nên ta đã làm như thế. Này các Tỳ Khưu, không có bệnh nào sánh bằng bệnh đói cả.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Jighacchāparamā rogā, Saṅkhāraparamā, dukhā. Etaṃ ñatvā yathābhūtaṃ, Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ.”	“Đói ăn, bệnh tối thượng, Các hành, khổ tối thượng, Hiểu như thực là vậy, Niết bàn, lạc tối thượng.”
--	---

(Ngài HT Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Jighacchāparamā rogā:** Mọi bệnh khác chỉ chữa một lần là dứt tuyệt hoặc tạm thời biến mất. Còn chứng đói bụng thì thường xuyên phải chữa trị mãi. Đối với tất cả chứng bệnh khác, bệnh đói này là tối thượng.

**Saṅkhāra:** Pháp hành, ám chỉ ngũ uẩn.

**Etaṃ ñatvā:** Không có bệnh nào bằng bệnh đói, không có khổ nào bằng khổ ngũ uẩn. Bậc hiền trí biết rõ vấn đề này như thật, nên làm cho thấu rõ Níp Bàn.

**Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ:** Sự an vui của Níp Bàn ưu việt cao thượng hơn tất cả mọi sự an vui.

Cuối thời pháp nhiều Tỳ Khưu chứng Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



### **Dịch Giả Cầu Đề**

*Bệnh đói to hơn các bệnh thường*

*Phàm nhân vì nó phải tư tương*

*Chú nghèo đến trễ cam lòng đói*

*Đức Phật từ bi nghĩ xót thương*

*Cơm Tăng một bữa tạm no lòng*

*Sở quả sanh liền khỏi đợi mong*

*Tội chúng nào hay vì lẽ khó*

*Đường xa, Phật chẳng ngại hoài công.*

**DỨT TÍCH ÔNG THIỆN NAM ĐƯỢC ĂN CƠM PHẬT**







**203. Đói là bệnh tối trọng. Sanh tử luân hồi là đại khổ. Vượt khỏi hai cảnh này, Niết bàn là cực lạc.**

## **ĐỨC VUA PASENADI BỐT AN** *(Pasenadikosalavatthu)*

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 204 )**

**“Ārogyaparamā lābhā,  
Santuṭṭhiparamaṃ dhanaṃ;  
Vissāsaparamā ñāti,  
Nibbānaṃ paramaṃ, sukhaṃ.”**

**“Không bệnh, lợi tối thượng,  
Biết đủ, tiền tối thượng.  
Thành tín đối với nhau,  
Là bà con tối thượng,  
Niết bàn, lạc tối thượng.”**

*(Ngài HT Minh Châu)*

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết lên khi Ngài ngự nơi Jetavana, đề cập đến Đức Vua Pasenadi.

Một thời, Đức Vua Pasenadi thường dùng cơm hấp chung với canh và các món ăn khác. Một hôm, sau khi độ điểm tâm sáng, Đức Vua không thắng được sự hôm trâm vì ăn quá no, bèn ngự giá đến bái yết Đức Bốn Sư rồi đi bách bộ trước mặt Ngài với vẻ mệt mỏi, mặc dù buồn ngủ hết sức nhưng không dám nằm dài xuống. Đức Vua ngồi qua một bên. Khi ấy, Đức Bốn Sư hỏi Đức Vua rằng:

- Tâu Đại Vương! Có phải chưa được nghỉ ngơi thoải mái mà Đại Vương đã đến nơi đây chăng?



- Bạch Ngài, phải, sau bữa cơm Trầm rất đau khổ nặng nề.

Đức Bốn Sư bèn nói với Đức Vua rằng:

- Tâu Đại Vương, sự thọ thực quá nhiều hằng có cái khổ như thế.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn dạy rằng:

Sau bài kệ này, Đức Bốn Sư dạy tiếp rằng:

- Tâu Đại Vương! Phạm trong sự ăn uống, con người phải biết tiết độ. Người biết tiết độ trong ăn uống hằng được sự an vui.

Rồi Ngài dạy thêm câu kệ ngôn:

**“Người sẽ lâu già, bảo trì được tuổi thọ.”**

Đức Vua không thể học thuộc được bài kệ này, Đức Bốn Sư bảo Hoàng diệt Sudassana đang đứng bên đó: *“Hãy học thuộc bài kệ này”*. Sau khi Sudassana học thuộc bài kệ. Đức Bốn Sư được Sudassana hỏi rằng:

- Bạch Ngài, con sẽ làm gì với kệ ngôn này?

- Khi nào Đức Vua độ cơm đến vắt cuối cùng, Hoàng diệt nên đọc lên bài kệ này, Đức Vua sẽ thấu rõ nghĩa lý của nó, sẽ ném bỏ vắt cơm cuối cùng. Và lại, trong vắt cơm ấy có được bao nhiêu hạt cơm, thì đến giờ nấu cơm cho Đức Vua, hãy bảo đầu bếp bớt ra bấy nhiêu hạt gạo.

- Lành thay, bạch Ngài.

Thế rồi, suốt cả hai buổi sáng và chiều, khi Đức Vua ngự thiện đến vắt cơm cuối cùng, hoàng diệt Sudassana liền đọc lên bài kệ ấy. Trong vắt cơm cuối cùng được bỏ đếm được bao nhiêu hạt cơm thì bảo đầu bếp bớt ra bấy nhiêu hạt gạo.

Mỗi lần được nghe kệ ngôn, Đức Vua ban thưởng Sudassana ngàn đồng vàng. Thời gian sau, Đức Vua tận được thói quen tri túc với một đấu gạo (độ 1 lít) mỗi bữa ăn và được an vui, nhưng Long thể có ốm bớt.

Thế rồi, một hôm Đức Vua đến bái yết Đức Bốn Sư, bạch rằng:

- Bạch Ngài, bây giờ Trầm được an vui. Hơn thế nữa, Trầm còn có thể săn đuổi thú, bắt được hươu nai và ngựa rừng nữa. Lúc trước Trầm hay chiến đấu với cháu Trầm, nhưng mới đây Trầm gả Công nương Kim Cương cho Hoàng diệt. Trầm đã ban cho Công chúa làng Kāsi để Công chúa có thể làm hồ tắm. Sự tranh chấp giữa Hoàng diệt và Trầm đã chấm dứt. Nhờ vậy, Trầm càng được an vui. Hôm trước viên bảo ngọc của Hoàng Gia bị mất cắp, nay nó được tìm thấy, trở về với Trầm, do đó Trầm càng thêm an vui. Muốn được tình thân thiện với các Thỉnh Văn của Ngài, do đó Trầm lại càng được an vui hơn.

- Tâu Đại Vương! Thật vậy, vô bệnh là lợi tối thượng, biết tri túc là khi được bạc tiền, tình thân mật là những quyến thuộc tốt nhất, sự an vui của Níp Bàn không có gì sánh được.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Ārogyaparamā lābhā, Santutṭhiparamaṃ dhanam; Vissāsaparamā ñāti, Nibbānaṃ paramaṃ, sukhaṃ.”	“Không bệnh, lợi tối thượng, Biết đủ, tiền tối thượng. Thành tín đối với nhau, Là bà con tối thượng, Niết bàn, lạc tối thượng.”
---	---

(Ngài HT Minh Châu)



**CHÚ GIẢI:**

**Ārogyaparamā:** Trạng thái vô bệnh là tối thượng. Quả vậy, những người có bệnh đau đang có lợi cũng giống như không có lợi, bởi thế, tất cả đều có đến cho người vô bệnh, vì thế Đức Bốn Sư đã dạy sự vô bệnh là lợi tối thắng.

**Santutṭhiparamaṃ dhanam:** Người cư sĩ hoặc bậc xuất gia nào có sự vui thích đến lợi lộc của mình hoặc tài sản của mình, sự vui thích ấy là biết đủ hay tri túc. Nó là của cải cao thượng hơn những thứ của cải khác.

**Vissāsaparamā ñāti:** Ví như mẹ, cha của một người nào mà đối với họ không có tình thân mật thì mặc dầu không phải là bà con, họ hàng, người thân mật cũng là quyến thuộc tối thượng. Do đó, Đức Bốn Sư đã nói tình thân mật là quyến thuộc tối thượng vậy.

Không có sự an vui nào sánh bằng sự an vui của Níp Bàn, nên nói Níp Bàn là lạc tối thượng vậy.

Cuối thời pháp nhiều người đắc chứng Đạo Quả Dự Lưu.

**Dịch Giả Cầu Đề**

*Lợi dưỡng như Vua để phát phì  
Nặng nề Long thể, chẳng vui chi  
Ngồi lo mệt mỏi, sanh buồn ngủ  
Đường sợ hôn trầm ráng sức đi.  
Phật dạy bớt cơm bằng giọng kẻ  
Cháu mình nhắc cậu với bài thơ.  
Uống ăn tiết độ, người tinh tiến  
Vô bệnh, nương nhờ hạnh xả ly*

**DỨT TÍCH ĐỨC VUA PASENADI**





**204. Sức khỏe là lợi tối thắng. Tri túc là tài sản tối cao. Niết bàn là cực lạc tối thượng.**

## **ĐẠI ĐỨC TISSA CÚNG DUỜNG CAO THƯỢNG** *(Tissattheravatthu)*

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 205 )**

**“Pavivekarasaṃ pitvā,                    “Đã nếm vị độc cư,**  
**Rasaṃ upasamassa ca;                Được hưởng vị nhàn tịnh,**  
**Niddaro hoti nippāpo,                Không sợ hãi, không ác,**  
**Dhammapīrasaṃ pivāṃ.”              Nếm được vị pháp hỷ.”**

*(Ngài HT Minh Châu)*

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại thành Vesāli, đề cập đến vị Tỳ Khuru.

Khi Đức Thế Tôn tuyên bố rằng:

- Này các Tỳ Khuru! Từ nay đến bốn tháng nữa, Như Lai sẽ viên tịch Níp Bàn.

Nghe xong như vậy, cả 700 vị Tỳ Khuru ở gần Ngài phát sanh kinh cảm, cả chư Thánh Thinh Văn Lộ Tận cũng phát sanh sự động tâm về pháp hữu vi vô thường. Những Tỳ Khuru phàm không cầm được nước mắt. Chư Tỳ Khuru họp thành từng nhóm, đi quanh hỏi ý kiến nhau:

*“Chúng ta phải làm gì đây?”*

Khi ấy, có vị Tỳ Khuru tên là Tissa, tự nghĩ rằng: *“Nghe nói còn bốn tháng nữa, Đức Bốn Sư sẽ Đại Níp Bàn, thế mà ta chưa diệt được tham ái, ta sẽ phải nỗ lực hành đạo đắc quả A La Hán, trong khi Đức Bốn Sư còn tại tiền.”*

Thế rồi, vị ấy nguyện hành Sa môn pháp trong cả bốn oai nghi, sống hạnh độc cư, không thân cận với chư Tăng, hoặc không trò chuyện với Tỳ Khưu nào cả. Chư Tăng nói với vị ấy rằng:

- Nầy hiền giả Tissa! Tại sao hiền giả lại làm như thế?

Vị ấy cũng chẳng màng nghe chuyện chư Tăng nói. Chư Tăng bèn đem chuyện này mách lại với Đức Bốn Sư.

- Bạch Ngài! Đại Đức Tissa không yêu nể Đức Thế Tôn.

Đức Bốn Sư cho gọi Đại Đức Tissa đến, hỏi rằng:

- Nầy Tissa! Vì sao ngươi lại làm như vậy.

Đại Đức Tissa trình bày việc mình suy nghĩ lên Đức Bốn Sư, Ngài tán thán, nói rằng:

- Nầy các Tỳ Khưu! Những vị nào yêu mến Ta, hãy noi gương của Tissa này. Dầu ai cúng dường hương hoa, tràng hoa đến ta, ta không gọi là họ cúng dường Ta cao thượng. Trái lại, những ai hành đạo đúng theo chánh pháp, chính họ là người cúng dường Ta cao thượng vậy.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

“Pavivekarasam pitvā,	“Đã nếm vị độc cư,
Rasam upasamassa ca;	Được hưởng vị nhàn tịnh,
Niddaro hoti nippāpo,	Không sợ hãi, không ác,
Dhammapītirasam pivam.”	Nếm được vị pháp hỷ.”

(Ngài HT Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Pavivekarasam:** Vị phát sanh từ nơi thanh vắng, ám chỉ sự an vui của trạng thái độc cư.

**Pitvā:** Do sự hành thiền làm cho thấu rõ Tứ Đế, nhất là khổ đế mà nếm được hương vị độc cư nhàn tịnh.

**Rasam upasamassa ca:** Nếm vị của Níp bàn tịnh lạc, không còn phiền não.

**Niddaro hoti:** Do được uống hai thứ nước cam lồ độc cư và nhàn lạc.

**Dhammapītirasam pivam:** Nhờ 9 Pháp Thánh mà phi lạc phát sanh. Người hưởng được thứ gì phi lạc của bậc Thánh Nhân thì không còn buồn rầu đau khổ, quấy ác nữa.

Cuối thời Pháp Đại Đức Tissa đặc A La Hán, kỳ dư đại chúng thính pháp đều hưởng được lợi ích.



### **Đick Giã Cầu Đề**

*Nhàn lành tuy có, thiếu công phu*

*Đại Đức cầu mong quả đặc thù.*

*“Cõi Phật”, Phật về trong bốn tháng*

*Đời ta, ta sẽ ở bao thu.*

*Cúng dường hạ cấp đành buông bỏ*

*Hành đạo cao nhân quyết tiến tu*

*Tặng chẳng thấu tình, đem xử lý.*

*Thầy khen một tiếng, khỏe chẳng ru?*

**DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC TISSA**





205. Nhờ thọ hưởng độc cư và hoan hỷ an tịnh qua  
Giáo Pháp, ta đạt đến thanh tịnh.

## THIÊN VƯƠNG ĐỂ THÍCH SẴN SÓC PHẬT (*Sakkavatthu*)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 206-207-208 )

206. “Sāhu dassanamariyānaṃ,  
Sannivāso sadā sukho;  
Adassanena bālānaṃ,  
Niccameva sukhī siyā.”

*“Lành thay, thấy thánh nhân,  
Sống chung thường hưởng lạc.  
Không thấy những người ngu,  
Thường thường được an lạc.”*

207. “Bālaṅgatacārī, hi,  
Dīghamaddhāna socati;  
Dukkho bālehi saṃvāso,  
Amitteneva sabbadā;  
Dhīro ca sukhasaṃvāso,  
Ñātīnaṃva samāgamo.”

*“Sống chung với người ngu,  
Lâu dài bị lo buồn.  
Khô thay gần người ngu,  
Như thường sống kẻ thù.  
Vui thay, gần người trí,  
Như chung sống bà con.”*

**208. “Tasmā hidhirañca  
Paññañca bahussutañca,  
Dhorayhasīlam vatavantamariyaṃ;  
Tam tādisaṃ sappurisaṃ  
Sumedhaṃ, bhajetha  
Nakkhattapathaṃva candimā.”**

*“Do vậy:*

*Bậc hiền sĩ, trí tuệ*

*Bậc nghe nhiều, trì giới,*

*Bậc tự chế, Thánh nhân;*

*Hãy gần gũi, thân cận*

*Thiện nhân, trí giả ấy,*

*Như trăng theo đường sao.”*

*(Ngài HT Minh Châu)*

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi ngự tại làng Beluva, để cập đến Vua Trời Đế Thích.

Khi thân ngũ uẩn của Đức Như Lai mòn mỏi, sắp hết tuổi thọ, Ngài bệnh kiệt lực. Thiên Vương Đế Thích biết tin này thì tự nghĩ:

- Ta phải xuống thăm Đức Bốn Sư và săn sóc chữa bệnh cho Ngài.

Liền đó, Thiên Vương rời bỏ thân xác Trời cao lớn ba phần tư do tuần, xuống đánh lễ Đức Thế Tôn, lấy hai tay xoa bóp chân Ngài.

Khi ấy, Đức Thế Tôn phán hỏi: Ai đó?

- Bạch Ngài! Trẫm là Đế Thích.

- Đại Vương xuống đây làm chi?

- Bạch Ngài, Trẫm xuống săn sóc chữa bệnh cho Ngài.

- Nậy Đế Thích, đối với Chư Thiên, mùi hôi của con người ở cách xa từ 100 do tuần trở lại, giống như xác thúi đeo dính nơi cổ. Thôi, Thiên Vương hãy đi đi, Ta đã có Chư Tỳ Khưu nuôi bệnh rồi.

- Bạch Ngài! Dù có đứng cách xa tám muôn bốn ngàn do tuần, Trẫm cũng ngửi được mùi hương giới đức của Ngài mà đến đây. Một mình Trẫm sẽ săn sóc cho Ngài khi Ngài đang bị bệnh.

Thiên Vương không để ai khác lấy tay sờ đến chậu phần của thân Đức Thế Tôn, mà tự mình đội lên đầu mang đi, không nhăn mặt chút nào cả, y như đang đội một chậu hương thơm.

Đức Đế Thích đã nuôi bệnh Đức Bốn Sư như thế và khi Ngài mạnh khỏe trở lại, Thiên Vương mới từ giả ra đi.

Chư Tỳ Khưu đề khởi câu chuyện thảo luận rằng:

- Ôi! Lớn thay là sự yêu kính của Đức Thiên Vương đối với Đức Bốn Sư. Sự vinh quang cõi Trời như thế mà dám bỏ, để đi nuôi bệnh cho Đức Thế Tôn. Đội chậu phần của thân Ngài, mang đi mà không chút nhăn mặt, giống như đội một chậu hương thơm vậy.

Khi nghe chư Tỳ Khưu thảo luận như thế, Đức Bốn Sư phán hỏi:

- Nậy các Tỳ Khưu! Các người đang bàn luận về chuyện gì thế?

- Bạch Ngài, chuyện như vậy...

Nghe vậy, Đức Bốn Sư dạy rằng:

- Này các Tỳ Khưu! Chuyện ấy chẳng có chi lạ. Thiên Vương Đế Thích yêu kính Như Lai, vì nhờ Ta Thiên Vương Đế Thích rời bỏ thân xác già cũ, nghe thuyết pháp rồi đắc Tu Đà Hườn, đổi lấy trạng thái Đế Thích trẻ. Có lần, Thiên Vương Đế Thích cùng với Càn thất bà Pañcasikha đi trước, Thiên Vương tìm đến ta, bắn khoăn lo sợ sự chết và ngồi trong động đá indasāla, chính giữa đại chúng Chư Thiên tùy tùng, ta đã thuyết giảng lên kệ ngôn rằng:

(Này Vāsava, hãy hỏi ta. Bất cứ vấn đề nào mà ông muốn hỏi. Ta sẽ trả lời rõ ràng tất cả.)

Và ta đã thuyết pháp thoại đoạn nghi cho Đế Thích. Cuối thời Pháp một trăm bốn mươi triệu chúng sanh chúng đắc Pháp nhãn, và chính cả Đức Đế Thích cũng chúng đạt quả Tu Đà Hườn ngay tại chỗ ngồi và trở thành Đế Thích trẻ. Ta đã giúp cho Thiên Vương nhiều như thế, cho nên không lạ gì khi Thiên Vương yêu mến ta.

Này các Tỳ Khưu! Sự gặp gỡ các bậc Thánh Nhân cũng là sự an vui, sự sống chung với những vị ấy ở một nơi cũng là sự an vui. Trái lại với những kẻ ngu, tất cả mọi sự đều là khổ.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn:

206. “Sāhu dassanamariyānaṃ,  
Sannivāso sadā sukho;  
Adassanena bālānaṃ,  
Niccameva sukhī siyā.”

*“Lành thay, thấy thánh nhân,  
Sống chung thường hưởng lạc.  
Không thấy những người ngu,  
Thường thường được an lạc.”*

207. “Bālasaṅgatacārī, hi,  
Dīghamaddhāna socati;  
Dukkho bālehi saṃvāso,  
Amitteneva sabbadā;  
Dhīro ca sukhasaṃvāso,  
Ñātīnaṃva samāgamo.”  
*“Sống chung với người ngu,  
Lâu dài bị lo buồn.  
Khổ thay gần người ngu,  
Như thường sống kẻ thù.  
Vui thay, gần người trí,  
Như chung sống bà con.”*

208. “Tasmā hidhīrañca  
Paññañca bahussutañca,  
Dhorayhasiṃ vata vantamariyaṃ;  
Taṃ tādisaṃ sappurisaṃ  
Sumedhaṃ, bhajetha  
Nakkhattapathaṃva candimā.”  
*“Do vậy:  
Bậc hiền sĩ, trí tuệ  
Bậc nghe nhiều, trì giới,  
Bậc tự chế, Thánh nhân;  
Hãy gần gũi, thân cận  
Thiện nhân, trí giả ấy,  
Như trăng theo đường sao.”*

(Ngài HT Minh Châu)





**CHÚ GIẢI:**

**Sādhū:** Lành thay, tốt đẹp thay.

**Sannivāso:** Chẳng những chỉ gặp gỡ các vị ấy thôi, mà việc sống chung, ngôi chung một chỗ với các vị ấy, cùng được làm chung những phận sự lớn nhỏ của các vị ấy cũng là tốt cả.

**Bālasaṅgatacārī:** Người nào sống chung với kẻ ngu.

**Dīghamaddhānam:** Người ấy khi bị bạn ngu rù: Lại đây, chúng ta cùng hành đạo chính”. Đồng tình với bạn rồi đi đào tường khoét vách, rồi bị bắt hành phạt như bị chặt tay, thì ắt là phải buồn khổ lâu dài.

**Sabbadā:** Cũng như người đoàn kết sống chung với kẻ thù tay cầm gươm bén nhọn, hoặc với loài rắn độc bị khổ luôn luôn, người chung sống với kẻ ngu cũng như vậy mãi.

**Dhīro ca sukhasaṃvāso:** Ở đây, người sống chung an vui, nghĩa là người sống một chỗ với bậc hiền trí thì được an vui. Tại sao?

**Ñātīnaṃva samāgamo:** Ở đây, người đoàn tụ với các quyến thuộc thân yêu được an vui như thế nào, người ấy cũng được an vui như thế ấy.

**Tasmā hi:** Vì lẽ rằng sống chung với kẻ ngu là khổ, sống chung với bậc hiền trí là an vui, cho nên người trí có đầy đủ nghị lực, người không có đủ phàm trí cùng thánh trí, người đa văn thông suốt các bộ kinh, người đã đắc quả A La Hán, người khép mình trong giới luật, người có giới đức đang hộ trì giới, người có thọ các chi Pháp Đâu Đà, bậc Thánh nhân đã xa lìa hết mọi phiền não, bậc thiện trí thức có trí tuệ sáng chói cỡ ấy, ta hãy nương tựa, thân cận

những người như vậy, giống như mặt trăng noi theo đường tinh khiết của sao đi trong hư không.

Cuối thời pháp, nhiều vị Tỳ Khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

**Dịch Giả Cử Đề**

*Phật đau kiệt lý, khiến Vua Trời*

*Tự xuống lo nuôi khỏi đói mời.*

*Giới Thánh lòng ghi hằng cảm mến*

*Phản phàm, đâu đợi tạm quên hôi.*

*Gần hiền mới thấy vui vị đạo*

*Xa trí, còn nghe khổ tại đời.*

*Tặng chúng luận bàn câu chuyện lạ.*

*“Yêu thì phải vậy, bạn vàng ơi”.*

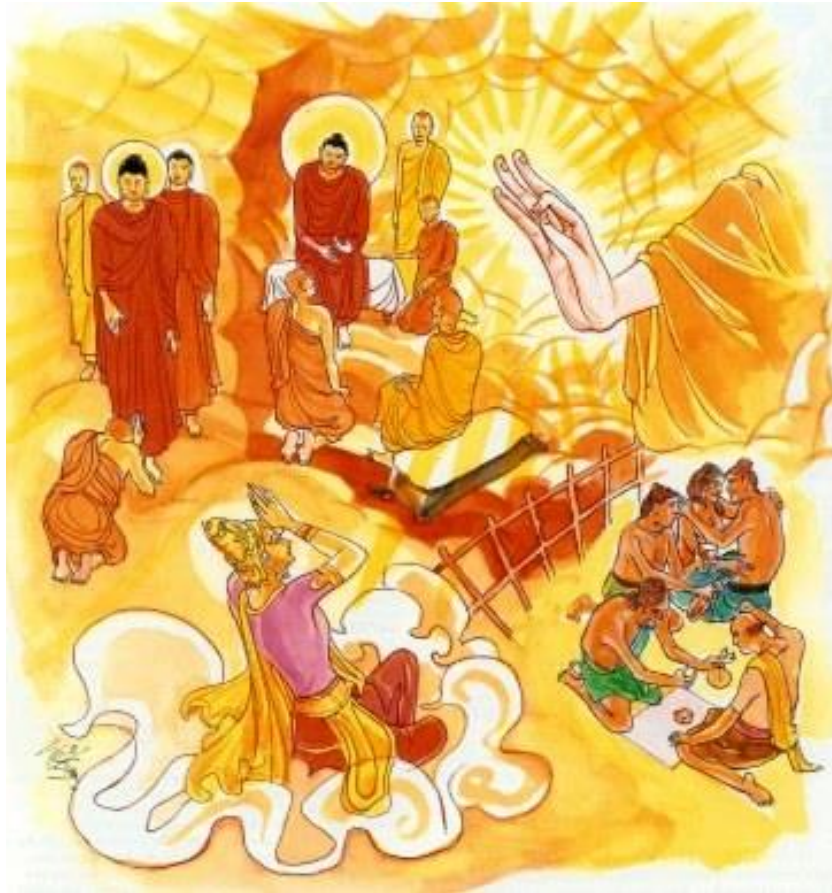
DỨT TÍCH ĐỂ THÍCH CHĂM SÓC PHẬT



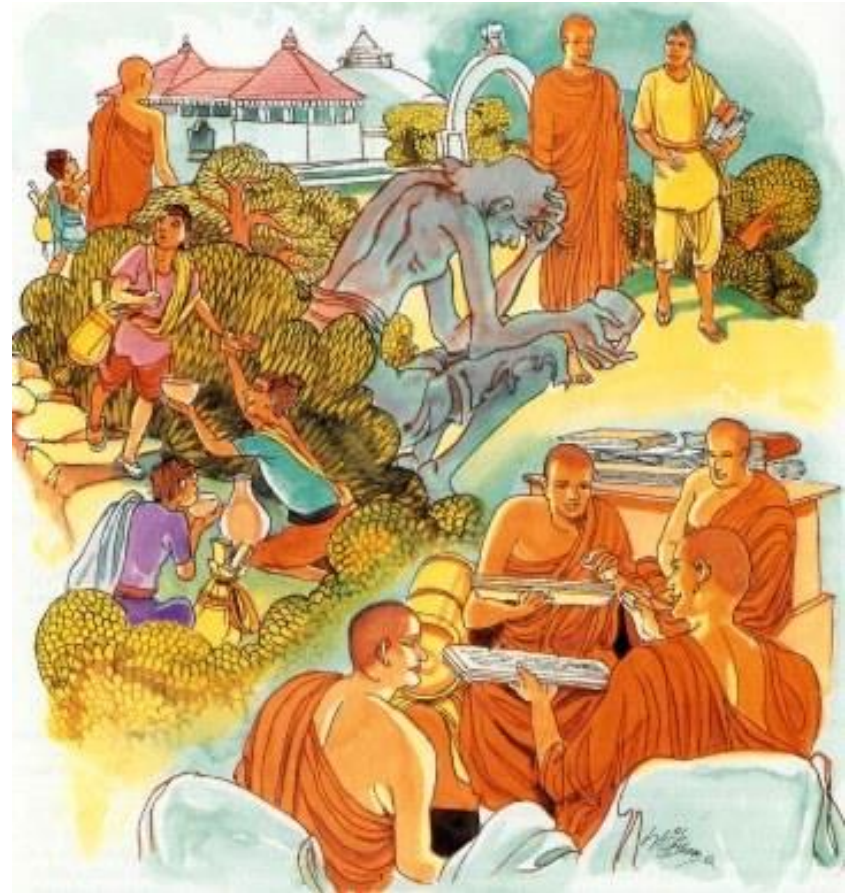
DỨT PHẨM AN LẠC - SUKHA VAGGA

DỨT PHẨM 18





**206. Sống gần các Thánh nhân luôn được hạnh phúc. Tránh xa các ngu nhân thường được an tịnh.**



**207. Bầu bạn với đám người ngu, ta sẽ chịu khổ đau mãi. Các bậc trí thức, như quyến thuộc, là nguồn an lạc cho ta.**



**208. Vậy ta hãy thân cận các bậc trí hiền thiện,  
kiên tâm như trăng theo đường sao.**

## PHẨM HỖ ÁI

### PIYA VAGGA

- 12 bài kệ: Pháp cú 209-220

- 9 tích truyện

### BỘ BA CHA - MẸ - CON XUẤT GIA

(*Ayoge Yuñjamāttānanti*)

#### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 209-210-211)

209. “Ayoge yuñjamattānaṃ,  
Yogasmiñca ayojayaṃ;  
Atthaṃ hitvā piyaggāhī,  
Pihetattānuyoginaṃ.”  
*“Tự chuyên, không đáng chuyên  
Không chuyên, việc đáng chuyên  
Bỏ đích, theo hỷ ái,  
Ganh tị bậc tự chuyên.”*
210. “Mā piyehi samāgañchi,  
Appiyehi kudācanaṃ;  
Piyānaṃ adassanaṃ dukkhaṃ,  
Appiyānañca dassanaṃ.”  
*“Chớ gần gũi người yêu,  
Trợn đời xa kẻ ghét.  
Yêu không gặp là khô,*

***Oán phải gặp cũng đau.”***

- 211. “Tasmā piyaṃ na kayirātha,  
Piyāpāyo hi pāpako;  
Ganthā tesam na vijjanti,  
Yesam natthi piyāppiyaṃ.”**  
***“Do vậy chớ yêu ai,  
Ái biệt ly là ác;  
Những ai không yêu ghét,  
Không thể có buộc ràng.”***

*(Ngài HT Minh Châu)*

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến ba người xuất gia.

Tương truyền rằng: Trong một gia đình ở thành Sāvattihī, có được đứa con trai duy nhất mà cha mẹ rất thương yêu quý mến.

Một hôm, trong khi chư Tỳ Khưu được thỉnh mời đến nhà, đang tụng kinh phúc chúc và thuyết pháp. Cậu con nghe xong, liền phát tâm muốn xuất gia, mới xin cha mẹ cho mình được xuất gia. Nhưng hai ông bà không chấp nhận lời con mình. Cậu trai tự nghĩ rằng:

Chờ dịp cha mẹ ta không lưu ý, ta sẽ thoát ra ngoài mà đi xuất gia.

Rồi khi người cha rời khỏi nhà thì dặn vợ ở nhà lo gìn giữ đứa con. Còn người mẹ khi đi ra thì cũng dặn chồng hãy lo gìn giữ con như vậy.

Một hôm, khi người cha đi khỏi, bà mẹ suy nghĩ: “*Ta phải gìn giữ con trai ta*”. Thế rồi, bà ngồi dưới đất mà quay chỉ, sau khi dùng hai chân chặn hai bên ngạch cửa ra

vào. Cậu con trai suy nghĩ: “*Ta sẽ gạt mẹ ta mà ra đi mới được*”. Cậu nói với mẹ rằng:

- Mẹ thân ơi! Xin mẹ hãy tránh qua một bên đằng cho con đi cầu.

Bà mẹ rút chân, cậu đi ra ngoài được, lật đật chạy đến chùa tìm các vị Tỳ Khưu: -*“Bạch các Ngài! Xin cho con được xuất gia”*

Sau khi yêu cầu, cậu được xuất gia với chư Tỳ Khưu ấy. Khi người cha trở về hỏi người vợ rằng:

- Con trai ta đâu rồi?

- Mình ơi! Con nó mới vừa ở đây mà.

Người cha tìm quanh quất không thấy con mình, nghĩ rằng: “*Chắc có lẽ nó đến chùa để xuất gia rồi*”.

Khi đến chùa thấy con trai mình đã xuất gia, người cha than khóc kêu gào: “*Con ơi! Sao con đành giết cha như vậy?*”

Nhưng một lát sau, ông tự nghĩ: “*Con trai ta đã xuất gia, bây giờ ta còn ở nhà mà làm gì?*”

Thế rồi, tự mình ông cũng xuất gia với các Tỳ Khưu. Còn bà mẹ ở nhà cũng tự nghĩ rằng: “*Sao con trai và chồng ta đi lâu quá vậy? Có lẽ cả hai cha con đến chùa xuất gia rồi chăng?*”

Khi đến chùa tìm chồng con, bà thấy cả hai đều xuất gia cả rồi, thì nghĩ thầm: “*Trong hai người này đã xuất gia cả rồi, ta còn ở lại nhà có ích lợi chi đâu?*”. Tự mình, bà cũng đến Tịnh Xá của chư Tỳ Khưu ni mà xin xuất gia.

Tuy đã xuất gia, nhưng cả ba người này không thể tách rời nhau. Dầu ở chùa hoặc ở Tịnh xá của chư Ni, họ cũng ngồi chung nhau một chỗ, nói chuyện cùng nhau suốt



ngày. Do đó, chư Tăng và chư Ni đều lấy làm gay mắt. Một hôm, chư Tăng đem hành động của ba người bạch trình lên Đức Thế Tôn, Ngài cho gọi bọn họ đến và hỏi:

- Nghe nói các người đã hành động như thế, có phải chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy?

- Tại sao các người lại làm như thế? Việc làm ấy không thích đáng với các bậc xuất gia.

- Bạch Ngài! Chúng con không thể sống xa nhau được.

- Kể từ khi xuất gia về sau, việc làm như thế không còn phù hợp nữa. Sự xa cách những người thương và sự gần gũi những người không thương đều là khổ cả. Bởi thế, đối với chúng sanh hoặc các pháp hữu vi ta không phân biệt là thương hay ghét cái chi cả.

Rồi Đức Bốn Sư thuyết lên kệ ngôn như sau:

209. “Ayoge yuñjamattānaṃ,  
Yogasmiñca ayojayamaṃ;  
Atthaṃ hitvā piyaggāhī,  
Pihetattānuyoginaṃ.”

*“Tự chuyên, không đáng chuyên  
Không chuyên, việc đáng chuyên  
Bỏ đích, theo hỷ ái,  
Ganh tị bậc tự chuyên.”*

210. “Mā piyehi samāgañchi,  
Appiyehi kudācanaṃ;  
Piyānaṃ adassanaṃ dukkhaṃ,

Appiyānañca dassanaṃ.”

*“Chớ gần gũi người yêu,  
Trọn đời xa kẻ ghét.  
Yêu không gặp là khổ,  
Oán phải gặp cũng đau.”*

211. “Tasmā piyamaṃ na kayirātha,  
Piyāpāyo hi pāpako;  
Ganthā tesamaṃ na vijjanti,  
Yesamaṃ natthi piyāpiyamaṃ.”

*“Do vậy chớ yêu ai,  
Ái biệt ly là ác;  
Những ai không yêu ghét,  
Không thể có buộc ràng.”*

(Ngài HT Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Ayoge:** Trong việc không đáng cố gắng, không đáng cố ý làm. Như sáu chỗ không thường đến, nhất là nhà gái điếm<sup>1</sup> là những chỗ không chú tâm niệm tưởng, mà mình lại năng lui tới, nhớ tưởng.

**Yogasmiñ:** Và trong chỗ khác đáng lưu tâm, đáng cố gắng, mình lại không cố gắng.

<sup>(1)</sup> Người xuất gia không nên đến thường 6 chỗ là:

- 1- Vasiyagocara: Đến nhà điếm.
- 2- Vidhavagocara: Đến nhà đàn bà góa
- 3- Thulāgocara: Đến nhà phụ nữ lỡ thời
- 4- Bhikkunigocara: Đến chỗ Tỷ Khuru ni

5- Pandakàgocara: Đến nhà người lại cái

**Attham hitvā:** Từ khi xuất gia trở về sau, được lợi ích thọ trì tam học nhất là học giới cao thượng, lại bỏ lợi ích ấy đi.

**Piyaggāhī:** Người bám chặt, luyện ái ngữ trần dục lạc.

**Pihetattānuyoginam:** Những người xuất gia hành đạo rồi hoàn tục trở về trạng thái cư sĩ, về sau thấy những người tự lực tinh tấn, kiện toàn Giới, Định, Tuệ được Chư Thiên và nhân loại lễ bái cúng dường cũng hâm mộ, ước ao: Ôi! Phải chi ta là những người ấy.

**Appiyehi:** Với những chúng sanh hoặc đồ vật (hữu vi) mà ta yêu, ta chẳng nên hội hợp, bất cứ lúc nào dù chỉ trong giây lát. Với những người và đồ vật mà ta không yêu thích cũng vậy. Tại sao thế? Bởi vì ái lý tức là sự xa cách, không gặp gỡ những người hay đồ vật thương mến và oán mà phải gần gũi, gặp gỡ những người hay vật mà không yêu thích đều là khổ cả.

**Tasmā:** Vì lẽ cả hai vật thương và ghét đều là khổ cả, cho nên ta chớ yêu ai hoặc ghét vật chi cả.

**Piyāpāyo:** Sự biệt ly, cách xa nhân vật ta thương yêu

**Pāpako:** Thấp kém, tội lỗi.

**Ganthā tesam na vijjanti:** Những người không yêu, không tham lam, dứt được dây ràng buộc xác thân, những người không ghét thì không sân hận, cũng dứt được dây ràng buộc thân. Những người ấy đã bỏ được hai mối dây ràng buộc thì kể như bao nhiêu triền phược khác cũng cởi bỏ được cả. Bởi vậy, ta không nên thương ghét chi cả.

Cuối thời pháp, nhiều Tỳ Khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Còn bộ ba người với nhau

đã nói: “Chúng ta không thể sống xa nhau”. Thế rồi, họ lại hoàn tục trở về nhà.



## Dịch Giả Cầu Đề

*Ghét với thương chi cũng khổ sầu*

*Ba người thân thuộc mãi lo âu*

*Xuất gia chẳng bứng điều ly biệt*

*Hoàn tục nào qua cuộc bể dâu.*

*Chánh Pháp an lành tu há dễ*

*Trần gian lẩn quẩn sống bao lâu*

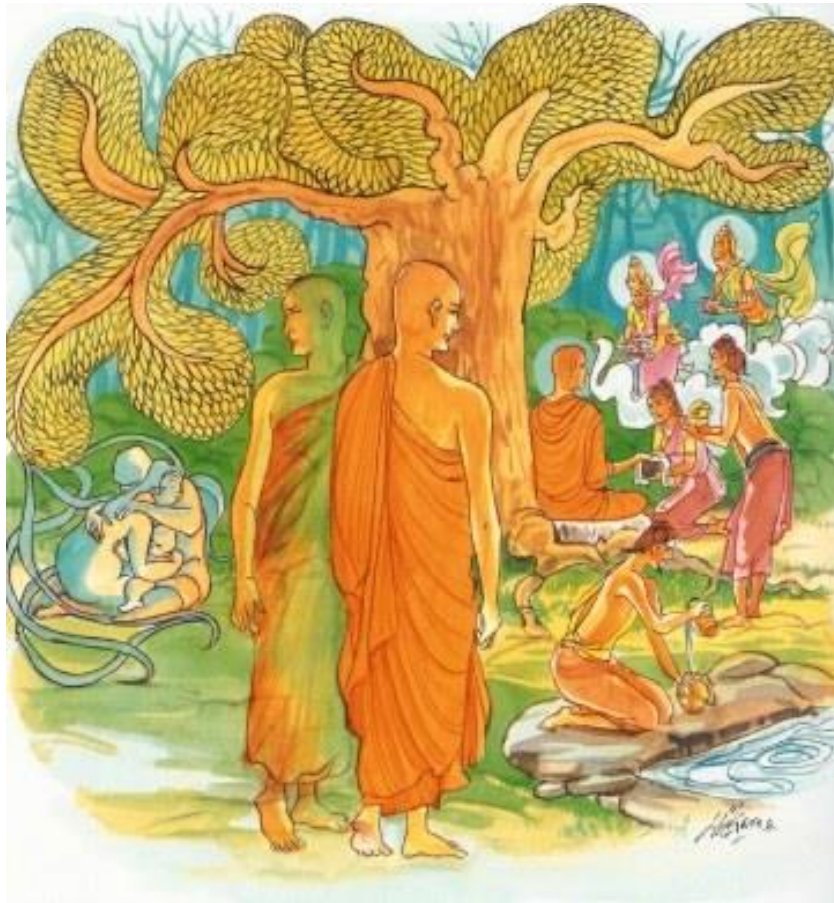
*Cái vòng lẩn quẩn làm sao thoát.*

*Bốn Đế hành thâm, rõ nhiệm mầu.*

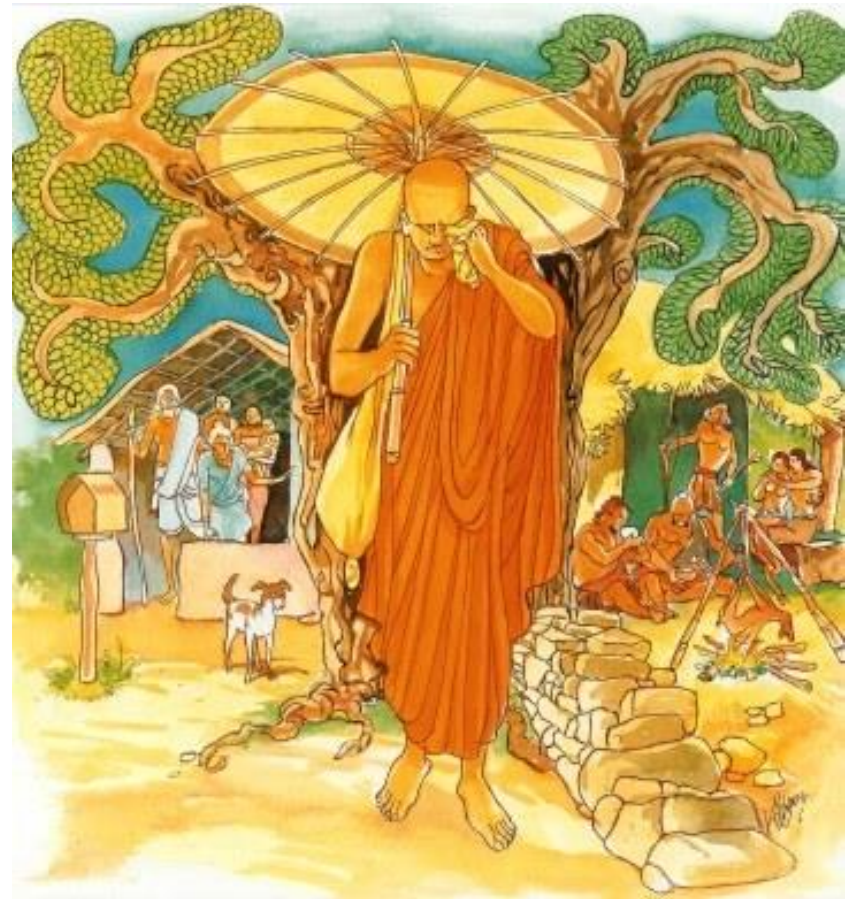
DỨT TÍCH BỘ BA CHA - MẸ - CON XUẤT GIA



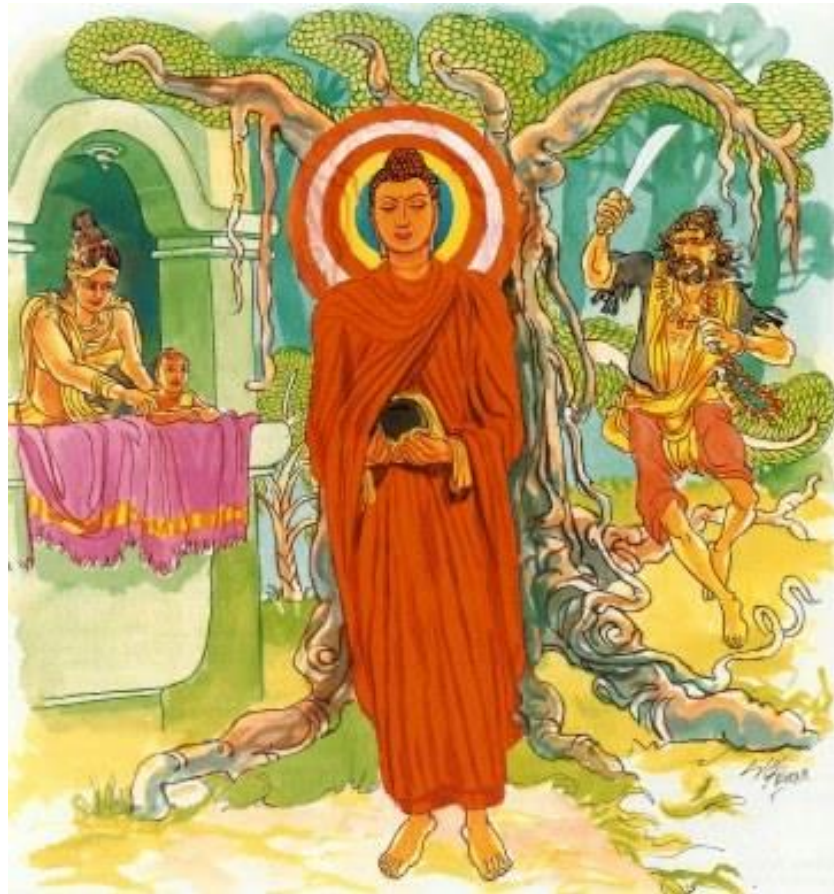




**209. Không chuyên tâm hoặc chuyên tâm sai lầm, kẻ mưu cầu dục lạc ganh ghét người nhiệt thành tinh tấn.**



**210. Không gặp người thân yêu thật khổ đau, gặp người oán ghét cũng đau khổ. Do vậy đừng gặp gỡ cả hai hạng người ấy.**



**211. Hãy rời bỏ mọi ý tưởng yêu ghét, khi được giải thoát mọi dây ràng buộc, ta không còn chịu khổ đau vì xa cách.**

## MỘT GIA TRƯỞNG KHÓC CON (*Piyato jāyateti*)

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 212)**

<b>“Piyato jāyatī soko,</b>	<b>“Do ái sinh sâu ưu,</b>
<b>Piyato jāyatī , bhayaṃ;</b>	<b>Do ái sinh sợ hãi,</b>
<b>Piyato vippamuttassa,</b>	<b>Ai thoát khỏi tham ái,</b>
<b>Natthi soko kuto bhayaṃ.”</b>	<b>Không sâu, đâu sợ hãi?”</b>

(Ngài HT Minh Châu)

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến một người gia trưởng nọ.

Ông gia trưởng này quá buồn khổ vì cái chết của đứa con trai mình, hằng đi đến bãi tha ma mà than khóc kể lể, nhưng không giảm được lòng thương nhớ con.

Đức Bốn Sư khi quán sát thế gian trong buổi sáng sớm, thấy ông gia trưởng có duyên đặc đạo Tu Đà Hườn. Sau khi đi khất thực về, Ngài cùng nhóm Sa môn tùy tùng đi đến nhà của gia trưởng ấy.

Nghe báo tin, có Đức Bốn Sư cùng chư Tăng ngự đến, ông tự nghĩ: Chắc Ngài muốn chuyện trò thân mật với ta.

Ông cung thỉnh Đức Thế Tôn và chư Tăng vào nơi được soạn sẵn, thỉnh ngồi xong, đánh lễ Ngài và tự ngồi xuống một bên.

Đức Bốn Sư liền hỏi ông rằng:

- Này thiện nam, sao ông buồn vậy?
- Bạch Ngài! Con buồn vì cái chết của con con.

- Này Thiện nam! Ông chớ nên sầu muộn, cái mà chúng ta gọi là sự chết này, chẳng phải chỉ có ở nơi này, không phải chỉ có ở nơi kia, không phải chỉ để riêng cho một người. Mà để chung cho tất cả chúng sanh trong hoàn vũ. Không có một pháp hữu vi nào là thường tồn cả, bởi vậy không nên khóc than sầu muộn, mà trái lại phải chú ý quán xét về sự chết một cách hợp lý rằng: “*Vật phải chết, vật phải tan rã đã tan rã rồi*”

(*Maranadhamman matam, bhijjadhammam bhinnam*)

Các bậc hiền trí thuở xưa đã không than khóc khi đứa con yêu chết, mà chỉ dùng chánh niệm tham thiền quán tưởng rằng: Vật phải chết đã chết, vật phải tan rã đã tan rã.

- Bạch Ngài, bậc hiền trí nào đã làm như vậy? Và làm trong thời nào? Xin Ngài hoan hỷ giải rành cho con được biết.

Theo lời yêu cầu của gia trưởng, Đức Bốn Sư thuật Bốn Sanh bằng kệ ngôn rằng:

Cũng như con rắn lột bỏ da cũ, con người lột bỏ xác thân mà đi qua cảnh giới khác.

Trong xác thân trống rỗng bỏ lại có, người chết đã ra đi. Trong khi cái xác nó bị thiêu, nó không nghe lời than khóc của thân quyến. Bởi vậy, tôi không thương tiếc nó, mặc nó đi đâu thì đi.

Sau khi giải rộng Bốn sanh Uraga có năm chương. Đức Bốn Sư dạy tiếp: Thuở xưa các bậc hiền trí đã xử sự như thế khi đứa con yêu chết, chớ không như ông bây giờ đã bỏ phế mọi việc trong nhà, bỏ cả ăn uống mà khóc than suốt ngày đêm. Chẳng những thế, các bậc hiền trí còn tham

thiền quán tưởng đề mục chết, không buồn rầu khóc lóc, vẫn an uống như thường và chăm lo công việc của mình.

Vậy ông đừng ôm ấp ý nghĩ: “*Đứa con thân yêu của ta đã chết*” nữa. Sở dĩ có sự buồn khổ ấy nổi lên, chỉ vì nó có chỗ nương là tình yêu mới dấy lên được.

Rồi Ngài ngâm lên bài kệ rằng:

“Piyato jāyatī soko,	“Do ái sinh sầu ưu,
Piyato jāyatī, bhayaṃ;	Do ái sinh sợ hãi,
Piyato vippamuttassa,	Ai thoát khỏi tham ái,
Natthi soko kuto bhayaṃ.”	Không sầu, đâu sợ hãi?”

(Ngài HT Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

Sự ưu tư, sự sợ hãi là nguồn gốc của vòng sanh tử luân hồi, sau khi sanh lên, bao giờ cũng nương theo sự ái luyến người và vật mà sanh lên. Một khi đã giải thoát sự thân ái rồi tự nhiên cả hai thứ phiền não trên đây không có nữa.

Cuối thời Pháp, ông gia trưởng mất con chứng đắc quả Tu Đà Hườn. Kỳ dư thánh chúng đều hưởng sự lợi ích từ pháp thoại.

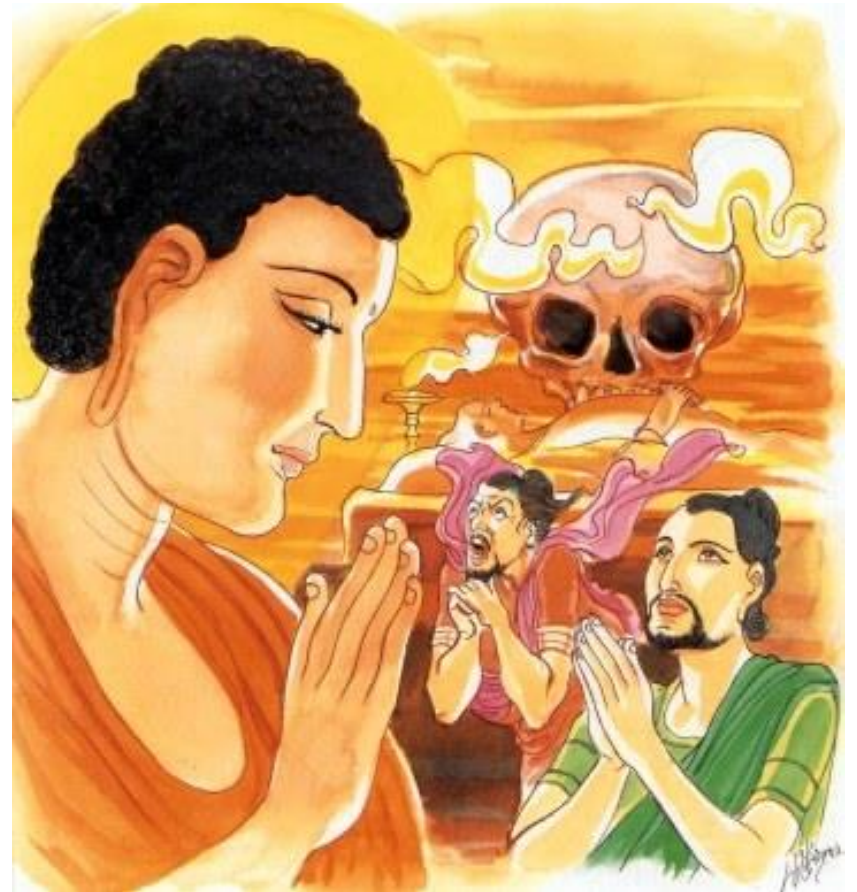




### Dịch Giả Cầu Đề

*Gon sớm chết đi để lại cha  
 Khóc thương măng trẻ, tội cha già  
 Ngày ngày bỏ ngủ, thâm rình xác  
 Bữa bữa quên ăn, phé việc nhà  
 Kiếp trước tạo duyên lành cúng Phật.  
 Đời này rãnh nợ khổ tìm ma  
 Luyện lưu dứt được nhờ nghe Pháp  
 Đắc quả đầu tiên lúc tại gia.*

DỨT TÍCH TRƯỜNG GIÀ KHỐC CON



**212. Khổ ưu và sợ hãi phát xuất từ mỗi thân thiết.  
 Không thân thiết sẽ không còn khổ ưu và sợ hãi.**

## TÍN NỮ VISĀKHĀ KHÓC CHÁU GÁI (*Pemato jāyateti*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 213)

“*Pemato jāyatī soko,                    “Ái luyến sinh sâu ưu,  
Pemato jāyatī bhayaṃ;                Ái luyến sinh sợ hãi.  
Pemato vippamuttassa,                Ai giải thoát ái luyến  
Natthi soko kuto bhayaṃ.”        Không sâu, đâu sợ hãi?”*

(Ngài HT Minh Châu)

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến Bà Visākhā.

Tương truyền rằng: Bà Visākhā thường giao phó cho cô cháu gái tên là Sudattī là cháu nội, thay bà mà lo việc hộ Tăng ở nhà bà. Một thời gian sau, cô ấy chết, sau khi an táng xác cháu gái rồi, bà không thể ngăn được khổ sâu, liền đi đến bái yết Đức Bốn Sư và ngồi khóc, mặt tràn đầy nước mắt, trông nó có vẻ sâu thẳm.

- Này Visākhā! Vì sao người lại sâu thẳm như vậy?

Bà Visākhā tỏ thật tâm trạng mình, rồi nói rằng:

- Bạch Ngài! Đứa cháu gái thân yêu của con đã chết, nó có nét hạnh đoan trang, thành tín. Con sẽ không còn gặp được người cháu gái như thế nữa đâu.

- Này Visākhā! Trong thành Sāvattthī này có được bao nhiêu người?

- Bạch Ngài! Con nghe Ngài nói: Trong thành Sāvattthī có được 70 triệu người.

- Nếu tất cả số này đều đáng được nàng yêu như cháu gái của nàng, nàng có đồng ý chăng?

- Bạch Ngài, con đồng ý.

- Hằng ngày trong thành Sāvattthī này có bao nhiêu người chết?

- Bạch Ngài! Nhiều lắm.

- Nếu vậy, người phải khóc than suốt cả ngày lẫn đêm, chứ không có lúc nào vui khổ được phải chăng?

- Bạch Ngài! Con đã hiểu ý Ngài rồi.

Đức Thế Tôn khuyên nhủ bà Visākhā:

- Vậy thì, người đừng phiền muộn nữa. Sự ưu tư hoặc sự sợ hãi đều từ luyến ái mà sanh ra.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

“*Pemato jāyatī soko,                    “Ái luyến sinh sâu ưu,  
Pemato jāyatī bhayaṃ;                Ái luyến sinh sợ hãi.  
Pemato vippamuttassa,                Ai giải thoát ái luyến  
Natthi soko kuto bhayaṃ.”        Không sâu, đâu sợ hãi?”*

(Ngài HT Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Pemato:** Sự luyến ái, tiếc thương con cái đã mất.

Ngoài chữ pemato này, ý nghĩa kệ ngôn này giống như câu kệ trên.

Cuối thời Pháp nhiều người đắc Thánh Quả, nhất là Dự Lưu.

### Dịch Giả Cẩn Đề

*Buồn thay tín nữ Visākḥā  
 Khóc cháu còn xuân, dù nét na  
 Góp mặt, chung lòng làm thí chủ  
 Thay tay để bát họ Tăng Già  
 Bóng tiền đã vãng nơi trần tục  
 Người đại cang thân chỗ xuất gia  
 Phật dạy: Khổ sanh từ luyện ái  
 Không yêu, lo sợ chẳng sanh mà.*

DỨT TÍCH BÀ VISĀKHĀ KHÓC CHÁU



**213. Khổ ưu và sợ hãi phát xuất từ luyện ái. Không luyện ái sẽ không còn khổ ưu và sợ hãi.**



## CÁC VƯƠNG TỬ LICCHAVĪ GIÀNH KỶ NỮ (*Ratīyā jāyateti*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 214)

*“Ratīyā jāyatī soko,                    “Hỷ ái sinh sâu ưu,  
Ratīyā jāyatī bhayaṃ;                Hỷ ái sinh sợ hãi.  
Ratīyā vippamuttassa,                Ai giải thoát hỷ ái,  
Natthi soko kuto bhayaṃ.”        Không sâu, đâu sợ hãi?”*

(Ngài HT Minh Châu)

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết khi Ngài trú tại ngôi Giảng đường nóc nhọn gần thành Vesāli, đề cập nhóm Vương Tử Licchavī.

Tương truyền rằng: Trong một ngày lễ hội, các vương tử Licchavī rủ nhau trang điểm lộng lẫy không ai bằng, rồi ra đi khỏi thành để đến vườn Thượng Uyển. Lúc Đức Bốn Sư vào thành đi bát, thấy các Vương Tử, Ngài gọi các Tỳ Khuru và bảo rằng:

- Này các Tỳ Khuru! Hãy nhìn xem các Vương Tử Licchavī kia. Các thầy nào chưa từng trông thấy Chư Thiên nơi Cung Đạo Lợi thì hãy nhìn các Vương Tử này.

Nói rồi, Ngài ngự đi vào thành. Các Công Tử khi đi đến Công Viên có dắt theo một nàng kỹ nữ, vì ghen tuông tranh giành quyền làm chủ cô ấy, các Vương Tử đã đánh đập nhau máu chảy thành sông. Khi ấy người ta đặt các Vương Tử trên những chiếc cang rồi khiêng các vị ấy trở về thành.

Bây giờ, Đức Bốn Sư sau khi thọ thực xong, vừa ra khỏi cổng thành, chư Tăng trông thấy các Vương Tử bị khiên đến, thì bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài! Các Vương Tử Licchavī từ lúc sáng sớm trang điểm lộng lẫy giống như Chư Thiên ra khỏi thành. Bây giờ vị tranh nhau cô kỹ nữ mà phải ra nông nổi này đây.

- Này các Tỳ Khuru! Sự ưu tư, sự lo sợ khi sanh lên đều nương vào hỷ ái mà sanh ra.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

*“Ratīyā jāyatī soko,                    “Hỷ ái sinh sâu ưu,  
Ratīyā jāyatī bhayaṃ;                Hỷ ái sinh sợ hãi.  
Ratīyā vippamuttassa,                Ai giải thoát hỷ ái,  
Natthi soko kuto bhayaṃ.”        Không sâu, đâu sợ hãi?”*

(Ngài HT Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

Ratīyā: Sự đam mê ngũ trần dục lạc. Kỳ dư bài kệ này có ý nghĩa giống như hai kệ ngôn trước.

Cuối Pháp thoại, nhiều Tỳ Khuru chứng đạt Thánh Quả, nhất là Dự Lưu Quả.



## Dịch Giả Cẩn Đề

*Các Vua Licchavĩ giống Chư Thiên  
 Ngày lễ đua nhau dạo ngự viên  
 Muốn hưởng ngũ trần, tranh quốc sắc  
 Thành toan nhất cử lập vương quyền.  
 Ai thua ai thắng đều mang bệnh  
 Rẻ thị cùng phi, thầy đảo điên  
 Kỳ ái coi chừng nguy hiểm lắm  
 Sợ no, tề nó khởi liên miên.*

DỨT TÍCH CÁC VƯƠNG TỬ LICCHAVĨ



**214. Khổ ưu và sợ hãi phát xuất từ đam mê. Không đam mê sẽ không còn khổ ưu và sợ hãi.**

## CÔNG TỬ ANITTĀGANDHA (*Kāmato jāyateti*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 215)

*“Kāmato jāyatī soko,            “Dục ái sinh sâu ưu,  
Kāmato jāyatī bhayaṃ;        Dục ái sinh sợ hãi,  
Kāmato vippamuttassa,        Ai thoát khỏi dục ái,  
Natthi soko kuto bhayaṃ.”    Không sâu, đâu sợ hãi?”*

*(Ngài HT Minh Châu)*

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Công Tử Anitthāgandha (không quen hơi nữ nhân)

Tương truyền rằng: Anitthāgandha từ cõi Phạm Thiên hạ sanh vào nhân giới, tái sanh vào một gia tộc Trưởng giả trong thành Sāvattihī. Từ ngày chào đời cho đến về sau, cậu không chịu gận phụ nữ, nếu nữ nhân ôm cậu thì cậu la khóc lên. Khi cho cậu bú, người mẹ phải lấy vải bao phủ kín ngực mình lại.

Khi Anitthāgandha đến tuổi trưởng thành, cha mẹ cậu bảo rằng:

- Này con, cha mẹ sẽ lo việc hôn nhân cho con.
- Con không cần đến nữ nhân.

Hai ông bà nài ni nhiều lượt, nhưng cậu vẫn một mực chối từ, sau cùng khi cha mẹ khuyên cậu rằng:

- Này con, nếu con không chịu có vợ, gia đình ta sẽ tuyệt tự. Vậy con hãy để cha mẹ tìm vợ cho con.

Chàng cho gọi 500 người thợ bạc đến nhà, lấy 1000 đồng vàng Nikkha, đặt họ làm một pho tượng mỹ nhân bằng vàng thật xinh đẹp theo ý của cậu. Rồi thưa với cha mẹ rằng:

- Được rồi! Nếu cha mẹ tìm được một nữ nhân xinh đẹp y như pho tượng này, con sẽ tuân theo lời cha mẹ ngay.

Cậu nói xong, đưa pho tượng vàng ra. Ông bà Trưởng giả cho mời các vị Bà la môn danh tiếng đến nhà và nhờ cậy họ rằng:

- Con trai tôi là bậc đại phúc. Chắc thế nào cũng phải có một thiếu nữ đã từng làm phước chung với nó. Quý vị hãy mang pho tượng này đi và hãy tìm đem về một nữ nhân cực kỳ xinh đẹp như pho Kim tượng này vậy.

- Lành thay.

Các ông mai lãnh sứ mạng ra đi kiếm cô dâu, vân du hết nơi này sang nơi nọ, sau cùng họ đi đến thành Sāgaka, trong xứ Madda.

Bấy giờ, trong thành ấy có một cô Tiểu thư, tuổi vừa cặp kê, nhan sắc tuyệt đẹp. Cha mẹ cô cho cô ở trên lầu bảy của ngôi lâu đài 7 tầng.

Các vị Bà La môn đặt pho tượng xuống bên lề đường rồi đi đến bãi tắm, ngồi xuống một bên, nghĩ rằng:

- Nếu ở đây có được nàng thiếu nữ đẹp như pho tượng, thì khi thấy pho tượng, dân chúng sẽ nói: “*Pho tượng này tuyệt đẹp, chẳng khác nào Tiểu Thư con gái của nhà đó*”

Khi bà nữ mẫu của Tiểu Thư ấy, sau khi tắm cho nàng xong, đưa nàng trở về nhà, bà trở ra bên tắm để tắm. Thấy pho tượng vàng, bà lầm tưởng là Tiểu Thư, nên nói

với pho tượng: “Ôi! Người thật là khó dạy, ta vừa tắm cho mi xong rồi đi ra, mi đã đi ra đây trước ta rồi”. Bà giơ tay đánh vào pho tượng, thấy chai cứng, bà biết rằng mình đã lầm, bèn nói: “*Ta đã lầm tưởng pho tượng này là con gái của ta. “Sự thật nó là cái chi vậy cà.”*”

Khi ấy, nhóm Bà la môn hỏi bà nhũ mẫu rằng:

- Bà ơi! Con gái bà giống pho tượng này lắm ư?
- So với con gái tôi thì pho tượng này có giá trị chi đâu.
- Vậy con gái bà đâu? Bà hãy chỉ chúng tôi “*coi mắt*”

xem nào.

Bà vú cùng với khách về nhà, giới thiệu khách với ông Trưởng giả. Hai ông bà niềm nở tiếp chuyện cùng khách, rồi cho gọi nàng Tiểu Thư xuống, nàng đến đứng gần pho tượng vàng, pho tượng vàng bị sắc đẹp của nàng lấn át, chẳng con rục sáng được như trước.

Các ông mai tặng pho tượng vàng cho hai ông bà Trưởng giả, làm lễ vật đính ước, rồi vội vã trở về báo tin vui đến hai ông bà Trưởng giả thành Sāvattihī.

Hai ông bà rất hài lòng, lại phái mấy ông Bà la môn đi rước cô dâu về cho mau cùng với nhiều lễ vật trọng hậu.

Công Tử Anitthāgandha được tin: Tìm được cô gái có nhan sắc mỹ lệ, còn xinh đẹp hơn pho tượng vàng của cậu. Chỉ nghe có bấy nhiêu, tình yêu đã chớm nở trong lòng của Công Tử. Cậu giục cha mẹ rằng: “*Hãy rước cô dâu về cho mau*”

Cô dâu được rước đi bằng xe, nhưng người cô mảnh mai, yếu ớt quá, không chịu nổi sự dằn xóc, nên bị trúng gió cảm sương, đến nửa đường thì chết.

Công tử sốt ruột chờ mong, hỏi thăm không ngớt: “*Cô dâu đến chưa?*” Nghe câu hỏi một cách si tình như thế, các bạn bè thân quyến không ai nói rõ sự thật cho cậu biết ngay, đợi vài ngày sau, khi chàng bết rạo rục, mới báo tin là cô dâu đã chết. Công Tử kêu lên: “*Trời ơi! Ta đã vô duyên, không được kết đôi với giai nhân tuyệt sắc thế này ư?*” Cõi lòng tràn ngập ưu tư, công tử nghe sầu khổ nặng nề, giống như núi đã đè lên mình.

Đức Bốn Sư thấy được duyên lành của Công Tử, nhân khi đi bát, Ngài đến đứng trước cửa nhà Công Tử. Khi ấy, cha mẹ cậu thỉnh Đức Bốn Sư vào nhà và cung kính cúng dường, sốt bát. Sau khi xong bữa, Đức Bốn Sư hỏi:

- Công Tử Anitthāgandha đâu rồi?
- Bạch Ngài! Nó đã bỏ ăn nằm liệt giường trong thư phòng.
- Hãy cho gọi cậu ấy ra đây.

Công Tử bước ra đánh lễ, chào Đức Bốn Sư xong rồi, ngồi xuống một bên, Đức Bốn Sư phán hỏi:

- Này Công Tử! Trông cậu có vẻ buồn rầu lắm phải không?
- Dạ phải, bạch Ngài một giai nhân tuyệt sắc đã chết ở đạo đường. Nay tin này, con phát sanh buồn khổ, cơm canh cũng không muốn ăn.
- Này Công Tử! Công Tử có biết tại sao mà Công Tử phát sanh buồn khổ chẳng?

- Bạch Ngài! Con không biết.

- Này Công Tử! Tại vì ái dục mà sự buồn khổ của cậu mới sanh lên, sự ưu tư hay sợ hãi đều do dục ái mà sanh lên cả.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

“Kāmato jāyatī soko,                    “Dục ái sinh sầu ưu,  
Kāmato jāyatī bhayaṃ;                Dục ái sinh sợ hãi,  
Kāmato vippamuttassa,                Ai thoát khỏi dục ái,  
Natthi soko kuto bhayaṃ.”            Không sầu, đâu sợ hãi?”

(Ngài HT Minh Châu)

### **CHÚ GIẢI:**

**Kāmato:** Từ hai thứ dục ái là vật dục (vatthukāma) và phiền não dục (kilesakāma) mà phát khởi lên.

Cuối thời Pháp, Công Tử Anitthāgandha đặc quả Tu Đà Hườn.



### **Dịch Giả Cầu Đề**

*Phạm Thiên đọa lạc xuống hồng trần  
Không thích mùi hơi xác nữ nhân  
Vú nọ vẫn nhồm khi khát sữa  
Lòng cha quen chịu lúc cầu thân.  
Tưởng đâu đã thoát đường dâm dục  
Xem lại còn mang nợ ái ân...  
Có khóc vì tang người đẹp huyệt  
Dạ Liêu Đạo quả mới lên lần*

DỨT TÍCH CÔNG TỬ ANITTHĀGANDHA



**215. Khổ ưu và sợ hãi phát xuất từ tham dục.  
Không tham dục sẽ không còn khổ ưu và sợ hãi.**

**ÔNG BÀ LA MÔN THẤT HỨA**  
*(Taṇhāya jāyateti)*

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 216)**

*“Taṇhāya jāyatī, soko,            “Tham ái sinh sâu ưu,  
Taṇhāya jāyatī bhayaṃ;        Tham ái sinh sợ hãi.  
Taṇhāya vipṇamuttassa,        Ai giải thoát tham ái,  
Natthi soko kuto bhayaṃ.”        Không sâu, đâu sợ hãi?”*

*(Ngài HT Minh Châu)*

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra, khi Ngài trú ngụ tại Jetavana, đề cập đến vị Bà la môn mất mùa.

Tương truyền rằng: Ông Bà la môn ấy là người tà kiến, một hôm ông ra bờ sông dọn đất ruộng. Đức Bốn Sư quán thấy ông có duyên lành đạo quả, nên đi đến gần ông ta. Mặc dù nhìn thấy Đức Bốn Sư, ông chẳng tỏ vẻ gì cung kính Ngài, cứ lặng thinh.

Đức Bốn Sư mở lời trước, hỏi rằng:

- Này ông Bà la môn! Ông đang làm gì đó?
- Tôi dọn đất, này Sa môn Gotama ạ.

Đức Bốn Sư chỉ nói bấy nhiêu, rồi Ngài ngự đi. Qua ngày sau, Ngài lại đến chỗ Bà la môn đang cày ruộng và hỏi:

- Này Bà la môn! Ông đang làm chi đó?
- Tôi cày đất ruộng, này Sa môn Gotama ạ.

Nghe vậy, Đức Bốn Sư lại ngự đi. Từ đó cứ mỗi ngày là mỗi lần Đức Thế Tôn đến hỏi thăm Bà la môn về việc làm của ông.

Nghe đáp: *“Tôi đang gieo mạ... tôi đang cấy lúa... tôi đang giữ ruộng...”* Đức Bốn Sư cũng đi luôn.

Thế rồi, một hôm Bà la môn nói với Đức Bốn Sư rằng:

- Này Ngài Gotama! Kể từ ngày tôi dọn đất ruộng cho đến nay đều được ông đến hỏi thăm. Nếu sau này tôi được mùa tôi sẽ chia phần cho ông, nếu chưa dưng cúng cho ông, tôi chưa ăn đâu. Từ nay về sau ông là bạn của tôi đấy.

Thế rồi, thời gian sau, lúa mùa của ông rất trúng, ông tính thầm: *“Lúa của ta trúng lắm, ngày mai ta sẽ kêu công nhân gặt”*. Và ông sắp đặt sẵn mọi việc để mai gặt lúa. Nhưng đêm ấy, mưa to gió lớn đã phá tan mùa màng của ông. Đám ruộng của ông trống trơn, coi như là bị phá sạch.

Ngay từ ngày đầu tiên, Đức Bốn Sư đã biết trước rằng:

Mùa lúa của Bà la môn này sẽ hư hoại thôi. Sáng hôm ấy, ông Bà la môn tự nghĩ thầm: *“Ta sẽ đi xem ruộng lúa”*.

Nhưng khi đến ruộng, thấy ruộng lúa trống trơn, ông ta phát tâm buồn chán quá, suy nghĩ rằng: *“Sa Môn Gotama có đến thăm ruộng này kể từ ngày ta mới dọn đất về sau, và ta đã hứa với ông ấy Nếu lúa trúng mùa, ta sẽ chia phần đến ông. Nếu chưa dưng cúng đường đến ông thì tôi chưa ăn. Từ nay về sau, ông là bạn của tôi đấy. Thế mà điều mong ước của ta không đạt được sự thành tựu”*.

Ông Bà la môn bỏ ăn uống, nằm liệt trên giường.



Khi ấy, Đức Bốn Sư đến trước nhà của ông. Nghe tin có Đức Bốn Sư đến, ông bảo người nhà rằng: “*Hãy đưa bạn ta vào đây hãy tiếp đãi Ngài cho đàng hoàng tử tế*”. Gia nhân làm theo lời của Bà la môn ấy. Sau khi an tọa, Đức Bốn Sư phán hỏi rằng.

- Này ông Bà la môn! Ông có biết vì đâu mà sự buồn khổ phát sanh lên cho ông không?

- Tôi không biết được, này Sa môn Gotama ạ. Nhưng ông có biết chăng?

Phải rồi, này Bà la môn! Khi nào sự ưu tư hoặc sự sợ hãi phát sanh, nó chỉ xuất ra từ sự tham ái (taṇhā) mà thôi.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

“Taṇhāya jāyatī, soko,	“Tham ái sinh sâu ưu,
Taṇhāya jāyatī bhayaṃ;	Tham ái sinh sợ hãi.
Taṇhāya vippamuttassa,	Ai giải thoát tham ái,
Natthi soko kuto bhayaṃ.”	Không sâu, đâu sợ hãi?”

(Ngài HT Minh Châu)



### **CHÚ GIẢI:**

**Taṇhāya:** Mỗi thứ tham ái trong sáu cửa đều do nơi dục ái làm góc mà phát khởi lên.

Cuối thời Pháp, ông Bà la môn chứng đắc Thánh Quả Tu Đà Hườn.



### **Địch Giả Căn Đề**

*Từ lúc ban đầu lúa mới gieo*

*Bao nhiêu mộng ước phải sanh theo*

*Đến khi sắp gặt đầy hy vọng*

*Một tối mưa giông! ... nghĩ chán phèo.*

*Chủ ruộng chưa quen mặt chữ ngờ*

*Một mình Địch Phật rõ tri cơ*

*Bởi nhân khát ái mà lo sợ*

*Kết sợ lo, nhờ quả Tội sơ*

**DỨT TÍCH ÔNG BÀ LA MÔN THẤT MÙA**





**216. Khô ưu và sợ hãi phát xuất từ khát ái. Không khát ái sẽ không còn khô ưu và sợ hãi.**

## NĂM TRĂM CẬU BÉ DÂNG BÁNH ĐẾN NGÀI KASSAPA (*Sīladassanasampananti*)

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 217)**

“Sīladassanasampanaṃ,      “Đù giới đức, chánh kiến  
Dhammatṭhaṃ saccavedinaṃ;      Trú pháp, chứng chân lý,  
Attano kamma kubbānaṃ,      Tự làm công việc mình,  
Taṃ jano kurute piyaṃ.”      Đượ quần chúng ái kính.”

(Ngài HT Minh Châu)

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến 500 cậu bé dâng bánh.

Một lần nọ, nhằm ngày đại lễ, Đức Thế Tôn cùng 80 vị Đại Trưởng Lão và 500 Tỳ Khưu Tăng ngự vào thành Sāvattihī để khất thực. Ngài gặp 500 đứa trẻ mang 500 giỏ bánh lên vai ra đi khỏi thành, về hướng vườn Thượng Uyển. Thấy Ngài, lũ trẻ đánh lễ Ngài rồi đi luôn chớ không có lời mời vì Tỳ Khưu nào thọ bánh cả.

Khi chúng đã đi qua, Đức Bốn Sư hỏi chư Tăng:

- Này các Tỳ Khưu! Các thầy có muốn độ bánh chăng?

- Bạch Ngài, bánh đâu mà độ.

- Các thầy không thấy 500 đứa trẻ ấy sao? Chúng xách 500 giỏ bánh vừa đi qua đây.

- Bạch Ngài! Lũ trẻ đó không có dâng bánh đến ai cả.

- Nầy các Tỳ Khưu! Mặc dù các đứa trẻ ấy không dâng bánh đến Ta hay các thầy, nhưng vị Tỳ Khưu chủ của bọn trẻ ấy đang đi đến phía sau Ta. Các thầy hãy độ bánh rồi đi.

Chư Phật không hề có tâm ganh tỵ hoặc sân hận đối với một nhân vật nào, bởi vậy Đức Phật đã nói như thế.

Rồi Ngài đưa chư Tăng đến ngồi trong bóng mát của một cội cây bên vệ đường.

Lũ trẻ trông thấy Đại Đức Mahākassapa từ phía sau đi đến, chúng phát tâm hoan hỷ, yêu mến Đại Đức. Do phi lạc phát sanh khắp thân rất lạ, chúng đặt giỏ bánh xong, mọp năm vóc đánh lễ dưới chân Đại Đức, rồi nâng các giỏ bánh lên nói với Đại Đức:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hãy thọ bánh đi.

- Nầy các em! Có Đức Bốn Sư cùng Tăng chúng đang ngự bên cội cây kia. Các con hãy mang lễ vật đi đến chia sót bát cho chư Tăng đi.

- Lành thay! Bạch Đại Đức.

Sau khi đi giáp vòng, bọn trẻ đi đến Đại Đức và dâng bánh đến Ngài, rồi đứng một bên nhìn Đại Đức. Khi bọn trẻ thấy Đức Bốn Sư và chư Tăng độ xong bánh, chúng mang nước đến dâng cúng Đại Đức.

Chư Tỳ Khưu than phiền rằng: “*Mấy cậu bé này dâng cúng cũng chọn mặt. Chính Đấng Chánh Đẳng Giác cùng các vị Đại Trưởng Lão chúng không hỏi, vừa thấy Đại Đức Mahākassapa, chúng liền mang cả giỏ bánh đến cúng dường*”

Đức Bốn Sư nghe chư Tăng bàn tán, bèn giải thích rằng:

- Nầy các Tỳ Khưu! Một Tỳ Khưu như con trai là Mahā kassapa thì Chư Thiên và nhân loại cùng ái mộ. Một người như vậy, ai cũng hoan hỷ cúng dường bốn món vật dụng.

Rồi Ngài nói lên lời kệ ngôn rằng:

“*Siladassanasampannaṃ,            “Đủ giới đức, chánh kiến*  
*Dhammaṭṭhaṃ saccavedinaṃ;    Trú pháp, chứng chân lý,*  
*Attano kamma kubbānaṃ,        Tự làm công việc mình,*  
*Taṃ jano kurute piyaṃ.”        Được quần chúng ái kính.”*

(Ngài HT Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

***Siladassanasampannaṃ:*** Có đầy đủ Tứ thanh tịnh giới và Tương ưng đạo quả, tức là đầy đủ chánh tri kiến.

***Dhammaṭṭhaṃ:*** An trú trong 9 Pháp Thánh, có nghĩa là làm cho thấu rõ Pháp Siêu Thế.

***Saccavedinaṃ:*** Người giác ngộ chân lý, do đã làm thấu rõ 16 chi của Tứ Diệu Đế.

***Attano kamma kubbānaṃ:*** Phận sự của mình là Tam Học: Giới - Định - Huệ. Phải làm cho tròn.

***Taṃ jano:*** Con người ấy, đại chúng phàm phu yêu mến, muốn gặp gỡ muốn lễ bái và muốn dâng cúng tứ vật dụng.

Cuối thời pháp, cả 500 đũa bé đều đắc chứng Tu Đà Hườn.



### **Dịch Giả Cầu Đề**

*Đầu tiên gặp Phật chẳng vui mừng  
Đại Đức đi sau lại cúng dâng  
Tánh trẻ đã ưa nào lựa mặt  
Tăng già không mộ mới xây lưng.  
Ca Diếp đến sau Đức Thích Ca  
Có duyên được bánh họ Tăng già  
Xưa gieo nay gặt tùy nhân quả  
Đáng mến thay, người thật xuất gia.*

**DỨT TÍCH NĂM TRĂM CẬU BÉ DÂNG BÁNH**



**217. Đạt vẹn toàn về đức hạnh và tri kiến, chú tâm vào phận sự của mình, người như vậy được quần chúng ái mộ.**

## ĐẠI ĐỨC A NA HÀM (*Chandajatoti*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 218)

“Chandajāto anakkhāte,      *“Ước vọng pháp ly ngôn*  
Manasā ca phuṭo siyā;      *Ý cảm xúc thượng quả*  
Kāmesu ca appaṭibaddhacitto,      *Tâm thoát ly các dục,*  
Uddhaṃsototi vuccati.”      *Xứng gọi bậc Thượng Lưu.”*

(Ngài HT Minh Châu)

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến vị Đại Đức đã đắc quả A Na Hàm.

Tương truyền rằng: Một ngày nọ, các Tỳ Khưu đệ tử đã hỏi Đại Đức sư phụ câu hỏi rằng: “Bạch Ngài! Ngài đã đắc quả đặc thù chưa?”

Đại Đức tự nghĩ: “Quả Bất lai thì hàng cư sĩ tại gia cũng có thể đắc. Vậy để khi nào đắc quả Vô Sanh (A La Hán) rồi, ta sẽ nói chuyện với các đệ tử ta.”

Đang còn đắn đo e dè, chưa nói gì cả, thì Đại Đức mệnh chung, tái sinh lên cõi Tịnh Cư Thiên.

Khi ấy, các đệ tử khóc lóc thờ than, rồi đến báỉ kiến Đức Bốn Sư, ngồi xuống một bên mà vẫn còn khóc.

Đức Bốn Sư bèn hỏi các vị ấy rằng:

- Nầy các Tỳ Khưu! Có gì mà các thầy lại khóc?
- Bạch Ngài, Tể Độ Sư của các con đã mệnh chung.
- Nầy các Tỳ Khưu! Dầu sao các thầy cũng chớ nên sầu não, vì đó là lẽ thường.

- Bạch Ngài, chúng con vẫn biết như thế, tuy nhiên chúng con có hỏi. Tể Độ Sư của chúng con có chứng đạt quả vị đặc thù nào chưa, Tể Độ Sư không trả lời chi cả, kể đến khi mạng chung. Do đó chúng con mới buồn khổ.

Đức Bốn Sư giải rằng: Nầy các Tỳ Khưu, chớ nên buồn khổ, thầy Tể Độ của các thầy đã đắc A Na Hàm, những tự nghĩ rằng! Quả Bất Lai này, cư sĩ tại gia có thể chứng đạt được, đợi khi nào ta chứng đắc A La Hán rồi, ta sẽ nói cho chúng đệ tử nghe. Đang ngần ngại, chưa kịp nói thì Thầy Tể Độ các người đã mệnh chung, tái sinh về cõi Tịnh Cư. Hãy vui lên đi, nầy các Tỳ Khưu! Thầy của các người đã giải thoát tâm khỏi sự ràng buộc của ngũ trần, thành bậc Thượng Lưu bang rồi.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

“Chandajāto anakkhāte,      *“Ước vọng pháp ly ngôn*  
Manasā ca phuṭo siyā;      *Ý cảm xúc thượng quả*  
Kāmesu ca appaṭibaddhacitto,      *Tâm thoát ly các dục,*  
Uddhaṃsototi vuccati.”      *Xứng gọi bậc Thượng Lưu.”*

(Ngài HT Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Chandajāto:** Do sự ước ao mong mỏi, muốn làm phát sanh, khát cầu mãnh liệt.

**Anakkhāte:** Níp Bàn là pháp ly ngôn, bởi vì không thể nói, hay làm hoặc tả được rằng: Màu sắc như thế này, hình dáng như thế này.

**Manasā ca phuṭo siyā:** Tâm phải thấm nhuần, sung mãn ba đạo quả thấp.



**Appaṭibaddhacitto:** Tâm đã thoát khỏi sự ái luyến ngũ trần do nhờ A Na Hàm đạo.

**Uddhamsoto:** Một Tỳ Khưu như thế, sau khi tái sanh vào Vô Phiền thiên (avihā), từ đó trở đi, do ảnh hưởng của sự liên kết sanh lên tới Sắc Cứu Cánh thiên (Akanittha), gọi là Thượng Lưu Bang. Thầy Tế Độ của các thầy đã đạt được như thế.

Cuối thời pháp, các Tỳ Khưu ấy chứng đắc A La Hán Quả.

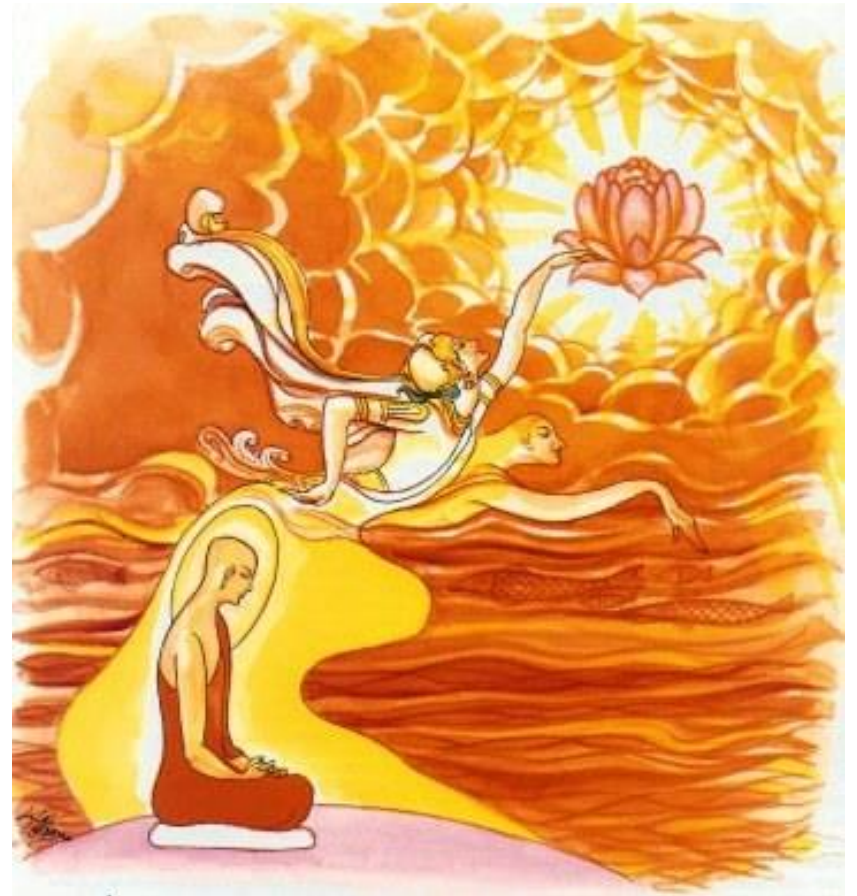
Đại chúng thính pháp đều được hưởng lợi ích Pháp thoại ấy.



### Dịch Giả Cầu Đề

*Cư sĩ tu còn đắc Bất Lai  
Tỳ Khưu cũng vậy, có chi tài.  
Cầu mong quả tột cùng La Hán  
Mới xứng làm gương để dạy ai...  
Thầy tịch mà không trời tiếng chi  
Trò ngu tưởng quấy, lại sầu bi  
Nghe lời Phật giải liền tiêu khổ  
Đắc quả Vô Sanh, lệ cấp kỳ.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC BẤT LAI



**218. Chuyên tâm hướng về Niết bàn, giải thoát mọi dục lạc. Vị ấy được gọi là bậc thượng lưu.**



## NANDIYA VỀ TRỜI (*Cirappavasinti*)

### KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 219-220)

**219. “Cirappavāsiṃ purisaṃ,  
Dūrato sotthimāgataṃ;  
Ñātimitā suhajjā ca,  
Abhinandanti āgataṃ.”**

*“Khách lâu ngày ly hương,  
An toàn từ xa về,  
Bà con cùng thân hữu,  
Hân hoan đón chào mừng.”*

**220. “Tatheva katapuññampi,  
Asmā lokā paraṃ gataṃ;  
Puññāni paṭigaṇhanti,  
Piyam nātīva āgataṃ.”**

*“Cũng vậy các phước nghiệp,  
Đón chào người làm lành,  
Đời này đến đời kia.  
Như thân nhân, đón chào.”*

*(Ngài HT Minh Châu)*

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Isipatana (Chư Tiên Đạo Xứ), đề cập đến chàng Nandiya.

Tương truyền rằng: Tại thành Bārannai, có chàng Nandiya, là con trai của một gia đình có đức tin nơi Tam Bảo. Chàng cũng có đức tin như thế, là người hộ Tăng đắc

lực, đúng theo sở cầu của cha mẹ. Khi trưởng thành, cha mẹ chàng tìm người nữ môn đăng hộ đối với gia tộc, định cưới con gái của cậu chàng tên là Revatī đem về nhà, nhưng nàng này lại là người không có đức tin nơi Tam Bảo, không quen bố thí, thọ trì giới nên chàng Nandiya không ưng cưới nàng làm vợ. Mẹ chàng báo với nàng Revatī rằng:

- Nay con gái cưng, trong nhà này, nơi ngồi của chư Tăng con nên lau chùi sạch sẽ, sắp đặt sẵn ghế ngồi kê hân cho có thứ tự. Khi chư Tăng đến, con hãy xin rước bát, thỉnh chư Tăng ngồi và lọc nước hộ Tăng bằng đồ lọc, chư Tăng độ cơm xong, con hãy rửa bát cho Ngài. Làm được như thế con mới trở nên là người bạn đường của con trai ta.

Nàng Revatī chịu nghe lời mẹ chồng dạy, để cho chàng Nandiya hài lòng nàng, khi ấy bà báo tin cho con trai biết, chàng đáp rằng: *“Lành thay!”*. Được chàng nhận lời rồi, hai họ định ngày lành tháng tốt cử hành lễ hôn phối.

Chàng Nandiya nói với người vợ mới cưới rằng:

- Nếu em chăm lo phục vụ chư Tăng và cha mẹ anh chàng hoàng tử tế, thì em sẽ được trọn quyền ở trong nhà này. Vậy em hãy siêng năng cần mẫn đi nhé.

Nàng Revatī vâng lời chồng, đáp: *“Lành thay!”*

Nàng xử sự được như thế, chỉ trong vài ngày đầu như là người có chánh kiến, có đức tin đầy đủ. Nàng chăm lo quán xuyến hết công việc trong nhà, và có được hai con với chàng Nandiya. Khi cha mẹ chàng qua đời, nàng nắm hết mọi quyền trong nhà, trọn quyền là nữ chủ nhân của gia tộc. Từ ngày cha mẹ khuất bóng, Nandiya trở thành một đại thí chủ, thiết lập việc để bát thường xuyên đến Tỳ Khưu, và đồng thời bày ra việc thì thực tại nhà của mình cho những kẻ nghèo khó và những khách lữ hành đi đến.

Thời gian sau, được nghe Đức Bốn Sư thuyết pháp thoại, chàng Nandiya suy tư đến quả phước của việc bố thí trú xứ là chỗ ngụ đến Tăng, chàng cho xây cất Đại Tự insipatana, bốn nhà khách gồm có bốn căn phòng, lại cho kê giường, ghế, lót chiếu xong rồi, cung thỉnh Đức Thế Tôn cùng với chư Tăng đến cúng dường, cử hành đại lễ thí chỗ ngụ. Ngay khi nước thí vừa rơi vào tay Đức Thế Tôn, thì đồng thời trên cõi Chư Thiên Đạo Lợi nổi lên tòa Thất Bảo Thiên Lâu, cao 100 do tuần, dài và rộng 12 do tuần, làm toàn 7 báu và chứa đầy những nhóm Ngọc Nữ xinh đẹp.

Một lần nọ, Đại Đức Moggallāna du hành lên thiên giới, Ngài dùng chân tại tôn Thất Bảo Lâu ấy và hỏi Chư Thiên đến gần mình rằng: “*Tòa Thiên Lâu này chứa đầy những nhóm Ngọc Nữ, phát sanh lên cho người có phước nào thế?*”

Chư Thiên liền nói cho Đại Đức biết chủ tòa Thiên Lâu ấy:

- Bạch Ngài! Con trai của một gia tộc Trưởng giả tên là Nandiya cất chùa dâng đến Tăng Tứ phương có Đức Bốn Sư làm tọa chủ, nên tòa Thiên Lâu này phát sanh đến y, do phước báu của cậu ấy.

Cả đoàn Thiên Nữ trông thấy Đại Đức bèn đi xuống lầu, ra khỏi lầu đài đến đánh lễ Đại Đức và bạch rằng:

- Bạch Ngài, chúng con là những nàng hầu của thanh niên Nandiya đã sanh lên đây mà không gặp chàng, chúng con rất là vô phước. Vì chúng con rất mong mới gặp chàng, xin Đại Đức hãy khuyên chàng mau về nơi này, ví như người đập bỏ nồi đất để nhận lấy bát bằng vàng, bỏ sản nghiệp nhân giới để hưởng được tài sản cõi Chư Thiên.

Đại Đức từ Thiên giới trở lại cõi người, đến bái yết Đức Bốn Sư, bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài, có phải trong khi con người còn sống ở nhân gian, những thiện nghiệp của họ đã tạo cũng kết quả thành tài sản có sẵn nơi Thiên giới được chăng?

- Này Moggallāna! Chính người đã thấy tận mắt phước báu của Nandiya đã thành tựu cõi Đạo Lợi phải chăng? Tại sao người còn hỏi lại Như Lai.

- Bạch Ngài, quả có thật như thế.

- Này Moggallāna! Vì có gì mà thầy lại nói như vậy? Ví như đứa con trai hay đứa em trai vắng nhà lâu ngày, từ xứ xa trở về, đứng tại cổng làng. Bất cứ ai trông thấy nó, cũng lật đật về báo cho nhà biết tin: “*Có cậu ấy trở về*”. Tức nhiên thân bằng quyến thuộc của người ấy rất vui mừng hơn hở, vội vã ra đi tiếp đón cậu: “*Chào cậu, cậu mới về*”. Cùng như thế ấy, người nữ hoặc nam đã tạo thiện nghiệp ở đây, sau khi từ giả cõi đời này, đi tái sanh ở cảnh giới khác, sẽ được Chư Thiên mang theo 10 thứ lễ vật của trời, hoan hỷ đến tranh nhau tiếp rước, nói rằng: “*Để tôi rước trước, để tôi rước trước*”.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

219. “*Cirappavāsiṃ purisaṃ, “Khách lâu ngày ly hương,*  
Dūrato sotthimāgataṃ; *An toàn từ xa về,*  
Ñātimitā suhajjā ca, *Bà con cùng thân hữu,*  
Abhinandanti āgataṃ.” *Hân hoan đón chào mừng.”*

220. “*Tatheva katapuññampi, “Cũng vậy các phước nghiệp,*  
Asmā lokā paraṃ gataṃ; *Đón chào người làm lành,*  
Puññāni paṭigaṇhanti, *Đời này đến đời kia.*  
Piyam ñātīva āgataṃ.” *Như thân nhân, đón chào.”*

(Ngài HT Minh Châu)



**CHÚ GIẢI:**

**Cirappavāsīṃ: Cūrappavuttham:** Người ly hương ở hải ngoại đã lâu.

**Dūrato sotthimāgataṃ:** Sau khi làm nghề buôn hoặc làm công chức thuê huê lợi, hoặc lãnh tiền lương, lần hồi có nhiều của cải, sống đầy đủ an toàn rồi, từ xứ xa trở về quê cũ.

**Ñātimitā suhajjā ca:** Những quyến thuộc là người cũng một giòng họ và những thân bằng là bạn mới gặp gỡ kết tình thâm giao.

**Abhinandanti āgataṃ:** Khi thấy người cũ, họ nói: “Cậu ấy đã về kìa”, bằng lời nói, hoặc nắm tay chân, hay chấp tay chào, rồi rước về nhà, họ còn hân hoan hậu đãi bằng nhiều cách, như mang quà đến tặng.

**Tatheva:** Bởi lẽ đó, người đã tạo phước từ cõi này sang qua đời khác, sẽ được các phước ở cõi Trời chờ đợi, hoan hỷ tiếp đón như cha mẹ ruột, đem cho 10 thứ tặng phẩm của Trời là tuổi thọ, sắc đẹp, sự an lạc, danh vọng, quyền thế cùng với ngũ dục trường dưỡng cõi Trời là sắc, thanh, hương, vị, xúc.

**Piyaṃ ñātīva:** Giống như những thân nhân trong đời này và tất cả họ hàng quyến thuộc đều đến tiếp rước.

Cuối thời pháp nhiều Tỳ Khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là quả vị Tu Đà Hườn.

**Dịch Giả Cầu Đề**

*Cốc dâng Tạng ngụ lúc sanh tiền  
Phước đã thành ngay ở Thượng thiên  
Ngọc nữ bán khoản chờ khách tục  
Cao lâu sừng sừng đợi người tiên  
Mâm vàng đổi lấy thêm ngàn lượng  
Bát đất quăng đi, bớt mấy tiền.  
Nhân chủ là chàng Nandiya  
Thông qua Đại Đức Mục Kiên Liên.*

DỨT TÍCH CHÀNG NANDIYA



**DỨT PHẨM PHẨM HỖ ÁI - PIYA VAGGA**

**DỨT PHẨM 16**



**219. Những người làm thiện sự được chào mừng đến thiên giới cũng giống như người đi xa lâu ngày được quyến thuộc đón mừng.**

**220. Các phước báo đón chờ người thiện hạnh ở đời sau cũng như các thân nhân chờ đón người trở về cố hương.**

**PHẨM PHẢN NỘ**  
**KODHA VAGGA**



**THÍCH NỮ ROHINĪ**  
**(Kodham Jaheti)**

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 221)**

***“Kodham jahe vippajaheyya  
Mānaṃ, saṃyojanaṃ  
Sabbamatikkameyya;  
Taṃ nāmarūpasmimasajjamānaṃ,  
Akiñcanaṃ nānupatanti dukkhā.”***  
***“Bỏ phẫn nộ, ly mạn,  
Vượt qua mọi kiết sử,  
Không chấp trước danh sắc.  
Khô không theo vô sản”.***

(Ngài HT Minh Châu)

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại chùa Nigrodha, đề cập đến Thích Nữ Rohinī.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, Đại Đức Anuruddha cùng với 500 Tỷ Khuru tùy tùng về thành Kapilavatthu.

Khi hay tin Đại Đức về, những thân quyến của Đại Đức đều đến thăm Đại Đức, trừ ra người em gái của Ngài là Công chúa Rohinī Đại Đức hỏi các quyến thuộc rằng: - “Nàng Rohinī ở đâu rồi?”

- Bạch Ngài, ở nhà.
- Tại sao nàng ấy không đến?
- Bạch Ngài, nàng ấy nói: “*Khắp mình tôi bị bệnh lác*” vì mắc cỡ nên nàng ấy không đến.
- Hãy cho gọi nàng ấy đến đây?

Khi nàng Rohinī vận kín y phục, che khắp mình rồi, đi đến Đại Đức hỏi rằng: - “*Này Rohinī! Vì sao nàng không đến?*”

- Bạch Ngài, khắp mình tôi nổi lác, bởi vậy tôi mắc cỡ không đến nơi này.
- Thế thì nàng cần phải làm phước thiện đi.
- Bạch Ngài! Tôi phải làm gì đây?
- Nàng hãy cất lên một Tăng đường đi.
- Tôi lấy chi để cất lên Tăng đường bây giờ?
- Nàng há chẳng có đồ trang điểm ư?
- Bạch Ngài có, nhưng không đủ.
- Giá có được là bao nhiêu?
- Bạch Ngài, lối chừng 10 ngàn đồng vàng.
- Nếu vậy, nàng hãy xuất hết tiền ấy ra cất Tăng đường đi.
- Bạch Ngài! Tôi sẽ nhờ ai kiến tạo Tăng đường bây giờ?

Đại Đức nhìn những thân bằng đứng cạnh đó bảo rằng:

- Các thân quyến hãy đảm trách việc này với nàng Rohinī đi.

- Còn Ngài, Ngài sẽ làm việc chi?  
- Ta cũng lưu ngụ tại nơi đây. Vậy các thân quyến hãy mang vật liệu đến cho nàng Rohinī.

- Lành thay! Lành thay.

Rồi họ chở vật liệu xây dựng đến, Đại Đức trông coi việc cất Tăng đường, đề nghị cùng nàng Rohinī rằng:

- Nàng hãy cho cất Tăng đường hai tầng. Từ lúc cho đóng ván để xây dựng tầng trên, lập tức nàng hãy quét dọn sạch tẩn dưới, cho lót chỗ ngồi và chăm lo đổ đầy nước vào nơi chứa thường xuyên.

- Lành thay, bạch Ngài.

Nàng Rohinī bỏ ra toàn bộ nữ trang của mình, mướn cất một Tăng đường hai tầng, khi tầng trên bắt đầu xây dựng, nơi tầng dưới nàng thường xuyên quét dọn sạch sẽ, các Tỷ Khưu thường xuyên trú ngụ tại nơi ấy.

Trong khi nàng Rohinī quét dọn Tăng đường thì bệnh lác của nàng giảm bớt. Đến khi cất xong Tăng đường, nàng cung thỉnh Đức Phật và chư tăng ngụ đến Tăng đường, rồi cúng dường vật thực thượng vị cúng, mềm đến chư Tăng có Đức Phật là tọa chủ.

Khi độ xong bữa, Đức Phật hỏi:

- Cuộc trai thí này của ai vậy?
- Bạch Ngài, của nàng Rohinī.
- Cô ấy đâu rồi?
- Bạch Ngài, ở trong nhà.
- Hãy cho gọi nàng ấy đến đây.
- Bạch Thế Tôn, nàng Rohinī không chịu đến.

- Hãy gọi nàng ấy đến, nhân danh Như Lai vậy.

Dù không muốn đến, những vì lệnh của Đức Phật gọi, nên nàng Rohinī phải đến, đánh lễ Ngài xong rồi, ngồi xuống một bên, Ngài phán hỏi rằng:

- Này Rohinī! Vì sao nàng lại không đến đây?

- Bạch Ngài, vì con bị bệnh lác, con mắc cỡ nên không dám đến.

- Nàng có biết vì sao bệnh ấy lại phát sanh lên cho nàng chăng?

- Bạch Ngài! Con không biết.

- Bệnh ấy phát sanh do nương vào sự phẫn nộ của nàng.

- Bạch Ngài, con đã làm cái chi?

- Nếu thế, nàng hãy lắng nghe.

Thế rồi, Đức Bổn Sư thuyết lại Bổn Sanh rằng: Thuở xưa, có bà Hoàng Hậu của Quốc Vương Bārānasī, bà kết oan trái với một cô vũ nữ của Đức Vua. Bà nghĩ rằng: “*Ta sẽ làm cho nó phải khổ*”. Bà sai người đi hái một loại trái cây có chất ngứa (kacchu) đem về, nghiền nát ra thành bột, Hoàng Hậu cho đòi nàng vũ nữ ấy đến cung mình, đồng thời cho người lén rắc bột ngứa lên giường, ghế, áo chàng, mũng, mền... của cô ấy, bà lại giả vờ giỡn chơi, rắc bột ngứa vào mình nàng vũ nữ ấy. Ngay khi ấy, nàng vũ nữ nổi lên nhiều mụn ngứa, cô vừa gãi vừa làm việc hay vũ múa, khi lên giường nằm, cũng bị chất bột ngứa tẩm vào người, mặc áo cũng vướng phải bột ngứa... Nàng chịu đau khổ vô cùng. Hoàng Hậu ấy nay chính là nàng Rohinī.

Sau khi nhắc lại tiền tích, Đức Bổn Sư dạy rằng:



- Nây Rohinī, đó là bất thiện nghiệp mà cô đã tạo trong lúc trước. Quả thật vậy, phần nô hay ghen tỵ, dù cho chút ít, cũng không hề thích đáng cả.

Nói rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

*“Kodhaṃ jahe vippajaheyya  
Mānaṃ, saṃyojanaṃ  
Sabbamatikkameyya;  
Taṃ nāmarūpasmimasajjamānaṃ,  
Akiñcanaṃ nānupatanti dukkhā.”*  
“Bỏ phần nô, ly mạn,  
Vượt qua mọi kiết sử,  
Không chấp trước danh sắc.  
Khổ không theo vô sản”.



### **CHÚ GIẢI:**

**Kodhaṃ:** Tất cả các mức độ của sự phần nô và chín lớp ngã mạn đều bỏ cả (Kho tàng Pháp bảo trang 130)

**Saṃyojanaṃ:** Cả mười kiết sử, nhất là dây ràng buộc về tình dục (Kāmarāga) đều được giải thoát hết.

**Asajjamānaṃ: Alaggamānam:** là không bị dính mắc. Người nào cố chấp sắc của ta, thọ của ta... tức là cố chấp danh sắc và thờ than, khóc lóc khi danh sắc tan rã, người ấy gọi là dính mắc trong danh sắc. Người không cố chấp như thế, gọi là không dính mắc. Người ấy không bị dính mắc do không có tình dục, không gặp nỗi khổ bất ngờ xảy đến cho mình.

Cuối thời Pháp nhiều người chứng đắc Thánh Quả, nhất là Quả Dự Lưu, nàng Rohinī cũng chứng đạt quả Tu Đà hườn. Ngay lúc ấy toàn thân nàng tỏa tực màu vàng y.

Sau khi từ trần, nàng được sanh về cõi Trời Đạo Lợi, chỗ giáp ranh của bốn vị Thiên Tử, nhan sắc nàng mỹ miều, khả ái. Bốn vị Thiên Tử thấy nàng đều phát sanh lòng luyến ái, vị nào cũng nói: “Nàng này sanh trong ranh giới của tôi”. Để giải quyết vụ tranh chấp này, họ đưa nhau đến trước Thiên Vương Đế Thích, yêu cầu phán xử:

- Tâu Thiên Vương! Xin Ngài xét đoán giữ chúng tôi, xem ai đáng được nàng Thiên nữ này.

Đức Đế Thích trông thấy Thiên nữ Rohinī cũng sanh lòng yêu mến, nên phán rằng:

*“Từ khi trông thấy Thiên nữ này, tâm của quý vị sanh khởi ra sao?”*

Một vị Thiên Tử đáp:

*“Từ bây giờ, tâm của tôi rộn ràng như trống trận, không thể nào im lặng được”*

Vị thứ hai đáp: *“Tâm của tôi cuộn cuộn chảy nhanh như thác đổ”*

Vị thứ ba nói: *“Từ lúc thấy nàng này, cặp mắt tôi lồi ra như cua”*

Vị thứ tư đáp: *“Tâm của tôi thì giống như phướn treo trên Thánh tháp, không thể nào đứng yên được”*

Đức Đế Thích bèn nói với bốn vị Thiên tử:

*“Quý vị ơi! Tâm của quý vị thật là nồng nhiệt. Tuy nhiên đối với Trẫm, nếu được Thiên nữ này Trẫm mới sống, còn không được thì Trẫm sẽ băng hà.”*

Chư thiên đồng thanh: “*Tâu Đại Vương, Ngài không cần phải chết*”. Nói rồi, họ nhường thiên nữ lại cho Đức Đế Thích và ra đi.

Thiên nữ là người yêu mến của Đức Đế Thích. Mỗi khi nàng đề nghị:

- Chúng ta hãy đi dự cuộc vui đó.

Đức Đế Thích không thể nào từ chối, bác bỏ lời nói của nàng.



### Dịch Giả Cầu Đề

*Vì nhân hại võ nữ sản mình  
Thích nữ không ngờ quả lúc sinh  
Xấu mặt, ngăn mừng Tạng Đại Đức  
Kổ mảy gặp Phật cao mình  
Quét chùa tẩy sạch lòng sân hận  
Dọn cốc trừ tan ý ghét ganh  
Sắc đẹp khi lên trời Đạo Lợi  
Làm Vua Đế Thích cũng si tình...*

DỨT TÍCH THÍCH NỮ ROHÍNĪ



**221. Hãy từ bỏ ngã mạn và phần nộ; thoát ly mọi trileen phược. Ta sẽ không còn bị khổ trong tâm trí.**

## TỖ KHƯU ĐỐN CÂY RỪNG (*Yo Ve Appatitam Kodhanti*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 222)

***“Yo ve uppatitam kodham,      “Ai chận được phần nộ,  
Ratham bhantamva vāraye,      Như dừng xe đang lăn,  
Tamaham sārathim brūmi,      Ta gọi người đánh xe,  
Rasmiggāho itaro jano.”      Kẻ khác, cầm cương hòe.”***

(Ngài HT Minh Châu)

Kệ ngôn này được Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Tháp Aggālava, đề cập đến một vị Tỳ Khuru nọ.

Từ khi Đức Thế Tôn cho phép chư Tỳ Khuru Tăng ngụ trong các cốc ngoài ranh chùa, các thí chủ nhất là các Trưởng giả ở thành Vương Xá (Rājagaha) lo xây cất cốc cúng dường, một vị Tỳ Khuru ở Alāvī quyết định tự mình cất cốc cho mình, vị ấy tìm thấy một cây rừng thích hợp, nên đốn hạ cây ấy. Nơi ấy là nơi trú ngụ của một vị thiên nữ, nàng có một đứa con trai còn bé thơ. Thiên nữ âm con, hiện ra trước mặt vị Tỳ Khuru, yêu cầu rằng:

- Thưa chủ! Xin chủ đừng đốn phá đền đài của tôi. Tôi không thể âm con đi lang thang vì không có chỗ trú ngụ được.

- Ta không thể nào tìm được cây khác tốt bằng cây này được.

Rồi không cần đếm xỉa gì đến lời của Thiên nữ, vị ấy tiếp tục đốn cây, Thiên nữ suy nghĩ: “Nếu nhìn thấy đứa bé này, chắc Ngài sẽ dừng tay”. Cô bèn để đứa con trai

mình nằm trên nhánh cây. Tuy nhiên vị Tỳ Khuru vung búa lên rồi, và không thể điều khiển kèm lại được, theo đà búa đã chặt đứt cánh tay đứa bé. Thiên nữ nổi giận dữ dội, đưa cao hai tay định đập chết vị Tỳ Khuru, nhưng nàng tự nghĩ:

- Tỳ Khuru này là người có giới đức, nếu ta giết chết người, ta sẽ phải rơi vào địa ngục. Và lại, khi ấy các thọ thần khác thấy vậy sẽ theo gương này, sẽ tự nhủ khi thấy có Tỳ Khuru đốn cây của mình rằng: “Đã có một Thọ thần đó, giết chết vị Tỳ Khuru trong trường hợp như vậy rồi”, rồi họ sẽ sát hại Tỳ Khuru. Và lại, Tỳ Khuru này là người có chủ, vậy ta hãy đem chuyện này nói lại cho chủ của ông ta.

Khi hạ tay xuống, nữ Thọ thần vừa đi vừa khóc, đến đánh lễ Đức Bốn Sư rồi đứng nép qua một bên. Đức Bốn Sư bèn hỏi Thọ thần rằng:

- Có chuyện gì thế, này Thiên nữ.

- Bạch Ngài! Một vị Thinh Văn của Ngài đã làm như thế này, thế này. Con nổi giận toan giết ông ta, nhưng con suy nghĩ lại, dẫn tâm sân hận xuống và đi đến đây trình lên Ngài.

Vị nữ Thọ thần thuật lại trọn vẹn câu chuyện lên Đức Thế Tôn, nghe xong Đức Thế Tôn phán rằng:

- Lành thay! Lành thay! Này Thiên nữ, việc nàng dẫn được tâm sân đang khởi lên như thế, ví như người kèm chế được chiếc xe đang chạy nhanh, thật là tốt đẹp vậy.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

***“Yo ve uppatitam kodham,      “Ai chận được phần nộ,  
Ratham bhantamva vāraye,      Như dừng xe đang lăn,  
Tamaham sārathim brūmi,      Ta gọi người đánh xe,***

Rasmiggāho itaro jano.”

*Kẻ khác, cầm cương hờ.”*

*(Ngài HT Minh Châu)*



### CHÚ GIẢI:

**Uppatitaṃ: Uppannaṃ:** đã nổi dậy, đã sanh khởi.

**Rathaṃ bhantaṃva:** Ví như người đánh xe thông thạo có thể thắng chiếc xe đang chạy rất mau tùy theo ý muốn như thế nào, thì người nào có thể kềm hãm lại được cơn giận dữ đang nổi dậy cũng như thế ấy.

**Tamaḥaṃ:** Người ấy, Ta gọi là người đánh xe.

**Itaro jano:** Người khác, chẳng hạn như Quốc Vương, Phó Vương tuy cũng là người đánh xe, nhưng chỉ xứng đáng là kẻ cầm cương thôi, không phải là người đánh xe thiện xảo.

Cuối thời Pháp, nàng Thiên nữ chứng đạt Thánh Quả Dự Lưu, tứ chúng hiện diện cũng được nhiều lợi ích khi nghe Pháp.

Mặc dầu chứng quả Tu Đà Hườn, nhưng Thiên nữ vẫn đứng khóc. Đức Bốn Sư hỏi nàng:

- Này Thiên nữ, cái gì thế?

- Bạch Ngài! Đền đài của con đã tan nát, bây giờ con sẽ làm gì đây?

- Được rồi, Thiên nữ đừng bi lụy nữa. Ta sẽ cho cô một ngôi đền để ở, Ngài chỉ một cây Đại thọ trong vòng chùa Kỳ Viên, gần Hương thất mà vị Thọ thần nơi ấy vừa mệnh chung hôm qua, nói rằng:

- Ở nơi ấy, là nơi trú của cô, là nơi cô tịch với nàng vậy.

Nữ thọ thần vui mừng đến nơi ấy. Từ đó về sau, Chư Thiên Đại Thần lực có đến cũng không dám chiếm đoạt nơi trú của nàng, vì biết rằng ngôi đền này được Đức Thế Tôn ban cho nàng Thiên nữ ấy.

Nhân dịp này, Đức Thế Tôn chế định học giới, cấm các Tỳ Khưu phá hoại thảo mộc.



### **Dịch Giả Câu Đề**

*Luật cấm Tỳ Khưu việc đốn cây*

*Trước tiên, phạm lỗi tại ông này*

*Con thân bé bỏng đang nằm đó*

*Búa bén to sầm ụt chém đây*

*Nhờ tình, dần tâm thưa thảng Phật*

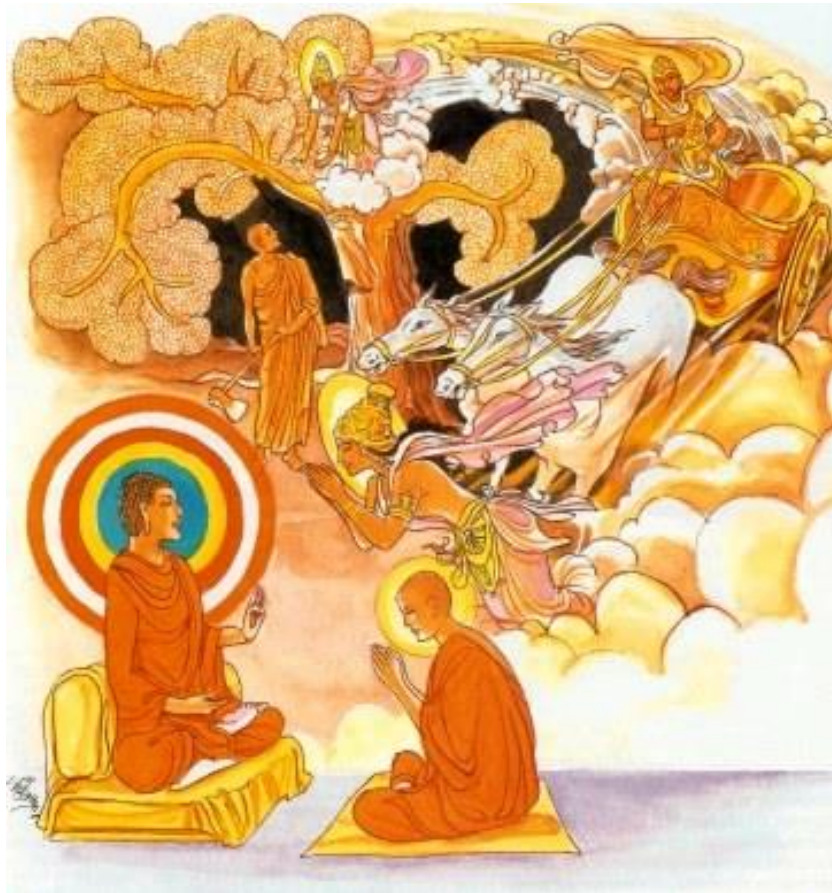
*Nếu mê, nổi giận giết ngay Thầy...*

*Oan gia ráng mở đường nên buộc*

*Trong rủi làm sao cũng có may.*

**DỨT TÍCH TỶ KHƯU ĐỐN CÂY RỪNG**





**222. Người nào kiêu hãnh được phần nộ bưng lên  
tức là tự điều thân với sự chế ngự toàn vẹn.**

## TÍN NỮ UTTARĀ (*Akkodhena jine kodhanti*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 223)

“*Akkodhena jine kodhaṃ*      “*Từ bi thắng sân hận.*  
*Asaadhura saadhunaa jine*    *Hiên thiện thắng hung tàn.*  
*Jine kadariya ṃ daanena*      *Bố thí thắng xan tham.*  
*Saccena alikavaadinaṃ.*”      *Chân thật thắng hư ngụy.*”

(Ngài HT Minh Châu)

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài trú tại Veluvana, khi thọ thực tại nhà của nàng Uttarā, đề cập đến nàng.

Câu chuyện này tuần tự diễn tiến như sau:

Tương truyền rằng: Trong thành Rājagaha, có một người nghèo khổ tên là Punṇa, làm thuê cho Trưởng giả Sumana mà sống qua ngày. Vợ và con của anh đều có tên là Uttarā, đều làm công trong nhà Trưởng giả. Một ngày nọ, trong thành Rājagaha có tin loan truyền rằng:

- Trong bảy ngày liền, mọi người được nghỉ lễ và ăn chơi.

Nghe tin này, sáng hôm sau, Trưởng giả Sumana thấy Punṇa đi đến bèn hỏi anh rằng:

- Này Punṇa! Những công nhân của ta đều nghỉ lễ để vui chơi, còn ngươi thì thế nào?

- Thưa chủ! Việc nghỉ lễ để vui chơi là việc của những người giàu có. Còn trong nhà tôi, ngày mai này không có



gạo để nấu cháo, thì tôi nghỉ lễ làm chi. Tôi sẽ bắt bò đi cày.

- Ở phải! Người hãy bắt bò đi cày đi.

Sau khi bắt một đôi bò khỏe và lấy cái cày, Punṇa đi về nhà bảo vợ: *“này em! Dân thành sẽ vui chơi trong bảy ngày lễ hội, còn mình thì nghèo quá phải đi làm thuê. Vậy hôm nay, em hãy lấy gạo nhiều gấp đôi, nấu cơm rồi mang ra đồng cho anh nhé”*

Dặn vợ xong, anh mang bò ra ruộng cày.

Lúc bấy giờ, sau bảy ngày nhập Đại Định, Trưởng lão Sāriputta vừa xuất định trong ngày ấy, Ngài quán xét rằng: *“Hôm nay ta sẽ tế độ ai đây?”* Hình ảnh Punṇa lọt vào võng trí của Ngài.

*“Anh ta có đức tin và cúng dường đến ta chăng?”*. Được biết rằng có và nhờ đó Punṇa sẽ có quả báo lớn.

Khi quán xét xong rồi, Đại Đức đắp y mang bát đi đến chỗ Punṇa đang cày ruộng, Ngài đứng trên bờ ruộng nhìn về phía lùm cây.

Punṇa trông thấy Đại Đức, phát tâm tịnh tín, bỏ cày xuống đánh lễ Đại Đức với cách ngũ thể đầu địa và nghĩ rằng: *“Chắc Ngài cần dùng cây đánh răng”*. Y liền làm cây đánh răng đúng theo Pháp rồi dâng lên Đại Đức. Khi ấy, Đại Đức trao Bát và đổ lọc nước cho y. Punṇa suy nghĩ: *“Chắc Ngài cần dùng nước”*. Anh đi lấy nước, lọc nước xong cúng dâng đến Đại Đức. Đại Đức suy nghĩ:

- Punṇa này ở nhà cuối xóm, nếu ta đến nhà anh, vợ anh không thể gặp được ta. Chi bằng ta hãy nán chờ nơi này giây lát.

Ngài dùng trí quán xét, khi biết vợ Punṇa đang trên đường mang cơm đến cho chồng, Ngài bèn đi thẳng vào thành Rājagaha.

Nàng Uttarā gặp Đại Đức giữa đường, tự nghĩ rằng:

- Đôi khi ta có vật để Bát mà không gặp Ngài, đôi khi mình gặp Ngài mà chẳng có chi để Bát. Hôm nay vừa được gặp Ngài vừa có vật đặt bát, không biết Ngài có tế độ mình hay chăng?.

Đặt mâm cơm xuống, Vợ Punṇa đánh lễ Đại Đức xong, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài từ bi tế độ cho kẻ tôi đòi của Ngài, đừng lưu ý vật thực này ngon hay dở.

Đại Đức đưa bát ra, nàng Uttarā một tay bưng cơm, một tay sốt cơm vào bát. Khi được nửa phần cơm, Đại Đức bảo:

- Thôi vừa rồi.

Ngài lấy tay che miệng bát lại.

Thí chủ van lơn rằng: *“Bạch Ngài! Một bữa ăn không thể chia làm hai phần được. Ngài khỏi tế độ kẻ tôi đòi này trong đời này, nhưng xin Ngài hãy tế độ trong đời vị lai. Con muốn dâng tất cả cơm này cho Ngài không còn để dư sót lại.*

Nói rồi, thí chủ sốt bát trọn vẹn cho Ngài và phát nguyện rằng:

*“Mong sao con đạt được Pháp mà Ngài đã giác ngộ”*. Đại Đức phúc chúc rằng: *“Mong cho người được như vậy”*. Đại Đức tụng lên bài kệ hoan hỷ phước, rồi Đại Đức đi đến một nơi mát mẻ, có nước uống, nước rửa tay chân, Ngài ngồi xuống độ cơm.



Vợ Punṇa quay về nhà nấu phần cơm khác cho chồng. Punṇa cày được độ nửa mẫu ruộng, y đói bụng quá, bèn mở bò ra thả đi ăn, rồi vào ngồi trong một bóng mát của một cây to, nhìn ra lộ.

Vợ Punṇa mang cơm ra cho chồng, nhìn thấy Punṇa đang ngồi trong một bóng mát, hướng nhìn ra lộ, tự nghĩ rằng: *“Anh ấy đang đói bụng và đang ngồi chờ mình. Nếu anh ấy trách mắng mình”* Sao lâu quá vậy? *“Và dùng roi đánh mình thì sẽ làm mất lợi ích. Vậy ta hãy lên tiếng trước.”* Nàng nói với chồng rằng:

- Anh ơi! Hôm nay anh nên phát tâm trong sạch đừng phá tan phần phước mà em đã tạo. Hồi sang, khi mang cơm ra ruộng cho anh, dọc đường gặp Trưởng lão Sariputta, em đã cúng dường phần cơm ấy đến Ngài, rồi trở về nấu lại phần cơm cho anh. Mong anh hãy phát tâm trong sạch đi.

Punṇa hỏi lại: *“Em vừa nói cái chi thế?”*. Khi nghe vợ lập lại, anh hoan hỷ nói rằng: *“Này em! Việc mình đã làm là cúng dường đến Đại Đức phần cơm ấy là phải lắm. Chính anh cũng đã cúng dường Ngài cây đánh răng cùng nước súc miệng, rửa mặt sáng hôm nay.”*

Với tâm trong sạch thỏa thích khi nghe vợ nói, Punṇa dùng cơm xong, thân mệt mỏi, Punṇa nằm xuống gác đầu lên đùi vợ mà ngủ.

Khi ấy, thửa ruộng mà Punṇa vừa cày được từ ban sáng, tất cả đất nát đều trở thành vàng sáng rực như một đồng hoa Kanikāra.

Khi thức dậy, nhìn thấy cảnh tượng ấy, Punṇa bảo vợ rằng:

- Này em! Thửa ruộng hình như hóa thành vàng cả, có lẽ vì tôi hoa mắt do đói bụng mà thấy như vậy phải chăng?

- Anh à! Chính em cũng thấy như anh vậy.

Punṇa đứng dậy, đi đến thửa ruộng, cầm lấy cục đất đập vào cấn cây, biết đất thành vàng, thì kêu lên: *“May thật. Việc đặt bát cúng dường đến Ngài Pháp Chủ đã trở quả ngay hôm nay. Nhưng bấy nhiêu vàng đây, ta không thể cất hưởng trọn vẹn được”*

Punṇa lấy vàng đựng vào mâm cơm mà vợ anh mang cơm ra cho anh, đi thẳng vào Hoàng cung, chờ được lệnh Vua, anh vào yết kiến Đức Vua. Đức Vua phán hỏi: *“Cái chi đây? Khanh?”*

- Tâu bệ hạ! Hôm nay đất mà thần vừa cày lên bỗng hóa thành vàng xin Bệ Hạ hãy cho chở về Hoàng Cung đi.

- Khanh là ai?

- Dạ! Thần là Punṇa.

- Hôm nay khanh đã làm gì?

- Sáng hôm nay con có cúng dường cây chà răng cùng nước đến Đức Pháp Chủ Sāriputta và vợ con thì cúng dường cơm là phần của con đến Ngài.

Nghe vậy, Đức Vua tán tán rằng: *Vậy thì, việc cúng dường của khanh đến Đức Sāriputta đã trở quả rồi đó. Này khanh! Giờ đây Trẫm phải làm gì bây giờ?”*

- Xin Bệ Hạ cho người mang mấy ngàn cỗ xe bò đến ruộng mà chở vàng về.

Đức Vua cho người đánh xe bò mang vàng về. Trong khi chất vàng lên xe, các viên chức Triều đình bảo nhau

rằng: “*Đây là vàng của Đức Vua*”. Tự nhiên các thỏi vàng biến thành đất hết. Mọi người lạ lùng, trở về báo lại cho Đức Vua biết, Đức Vua phán hỏi rằng:

- Thế các khanh đã nói những gì?

- Tâu Bệ Hạ! Chúng thần chỉ nói là “*Đây là vàng của Đức Vua*”

- Này chư khanh! Đó không phải là tài sản của Trẫm, mà là của Punṇa. Hãy đi, khi cầm lên nói rằng “*Đây là tài sản của Punṇa*”.

Các quan làm theo lời của Đức Vua, tự nhiên những cục đất họ cầm trên tay đều hóa thành vàng. Họ chõ tất cả vàng về đổ thành một đồng giữa sân rộng, cao đến 80 hắc tay. Đức Vua cho triệu tập thị dân vào Hoàng cung và phán hỏi rằng:

- Trong thành này, có ai là người có được số tài sản như vậy chăng?

- Tâu Bệ Hạ! Chẳng có ai cả.

- Vậy nên ban thưởng cái chi cho người có được tài sản như vậy?

- Tâu Bệ Hạ! Nên ban thưởng danh vị Trưởng giả cho người ấy.

- Vậy thì Trẫm phong cho Punṇa tước vị Trưởng Giả Bahudhana (Đa Kim).

Rồi Đức Vua ân tứ cho Punṇa nhiều phẩm vật với chiếc lọng Trưởng giả. Punṇa tâu với Đức Vua rằng:

- Tâu Bệ Hạ! Bấy lâu thần ở nương vào gia tộc của Trưởng giả Sumana. Xin Bệ Hạ hãy ban nơi ngụ cho Thần đi.

Đức Vua chỉ tay về hướng Nam của ngôi nhà Trưởng giả Sumana, ở khoảng đất trống, nói với Punṇa rằng:

- Khanh hãy nhìn theo đây. Về phía tay mặt, khanh thấy có lùm cây rậm rạp. Hãy dọn sạch nơi đó và cất nhà ở đi.

Chỉ vài ngày sau, Punṇa đã cho cất xong ngôi nhà tại chỗ Đức Vua ban cho. Nhân dịp khánh thành ngôi biệt dinh cùng với lễ thọ phong danh vị Trưởng Giả được cử hành cùng một ngày, Trưởng giả Punṇa cho thỉnh chư tăng Tỳ Khưu có Đức Phật là vị Thượng Thủ đến dự, cúng dường vật thực đến Đức Phật và chư Tăng.

Khi thọ thực xong, Đức Thế Tôn tùy hỷ bằng thời pháp thoại Tuần Tự Pháp (Anupubbe katham). Đút thời pháp, Trưởng giả Punṇa cùng vợ và con gái là nàng Uttarā, cả ba người chứng đạt Thánh Quả Tu Đà hườn.

Thời gian sau, Trưởng giả Sumana định cưới Tiểu Thư Uttarā cho con trai mình, nhưng Punṇa từ chối rằng:

- Tôi không gã con đâu.

Ông Trưởng giả thành Rājagaha năn nỉ rằng:

- Xin ông đừng làm vậy, bấy lâu nay Ngài vẫn ở chung với chúng tôi, nay được phú quý vinh hoa rồi! Xin hãy gã con trai tôi đi.

- Ông là người tà kiến. Con gái tôi không thể sống xa Tam Bảo được. Không bao giờ tôi gã con cho con ông được đâu.

Khi ấy, nhiều Công Tử, Trưởng giả... xúm nhau thuyết phục Punṇa:

- Xin Ngài đừng đoạn tình hữu nghị như vậy, hãy gã con gái cho con trai ông ấy đi.

Sau cùng, Trưởng già Punṇa chấp thuận lời yêu cầu của khác, chọn ngày rằm tháng Āsakha (tháng 6 âm lịch) để gã con.

Từ ngày Uttarā về nhà chồng, cô không còn được dịp thân cận chư Tăng hoặc Ni, không được cúng dường, đặt bát đến chư Tăng hoặc được nghe Pháp từ các Ngài.

Trải qua hai tháng rười như thế, cô hỏi những nữ Tỷ rằng:

- Bây giờ, còn bao nhiêu ngày nữa là ngày ra hạ?
- Thưa cô! Còn nửa tháng nữa.

Nghe vậy, Uttarā liền gửi thư cho cha, nói rằng:

- Tại sao vớt con vào một nhà tà như vậy? Thà bắt con mang danh hiệu rồi tuyên bố con là nữ Tỷ của kẻ khác, còn hơn là gã con về một gia đình tà kiến như vậy. Kể từ ngày con về làm dâu đến nay, con không hề gặp được một vị Tỷ Khuru nào cả, hoặc là được cúng dường một lần nào cả.

Khi nhận được thư con gái như thế. Punṇa xót thương nàng Uttarā, than rằng:

*“Khô thân con gái ta thật”*

Trưởng già Punṇa cho con gái mình 15.000 đồng vàng Kahāpana với phong thư có lời dạy rằng: *“Trong thành này có nàng kỹ nữ tên là Sirimā, nhận tiếp khách với giá một ngàn đồng vàng mỗi đêm. Với số tiền này, con hãy rước nàng về hầu hạ chồng con nửa tháng, để con được rảnh rang làm phước thiện.”*

Nàng Uttarā liền cho rước nàng Sirimā đến nhà, bảo vời nàng:

- Này cô! Cô hãy nhận số tiền này và cố gắng tiếp đãi bạn của tôi trong thời gian nửa tháng đi.

- Được thôi.

Nàng Uttarā đưa kỹ nữ Sirimā đến gặp chồng mình. Chồng nàng thấy nàng Sirimā xinh đẹp liền hỏi rằng: *“Có chuyện gì thế?”*

- Thưa anh! Trong nửa tháng này, anh hãy để bạn em hầu hạ anh, còn em muốn được đi nghe Pháp và cúng dường đến Bạc Đạo Sư và Tăng Chúng.

Chồng nàng đắm say nhan sắc của Sirimā, nên nhận lời ngay.

Nàng Uttarā liền cung thỉnh Tỷ Khuru Tăng có Đức Phật là vị Thượng Thủ, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trong nửa tháng này, xin thỉnh Ngài thọ bát tại nhà của con, đừng ngự đến nơi nào khác.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời, nàng Uttarā hoan hỷ, nghĩ rằng:

- Từ đây cho đến ngày Lễ Tự Tứ (Pavāranā). Ta may mắn được phục vụ Đức Thế Tôn cùng Chư Tăng và được nghe Pháp thoại từ các Ngài.

Nàng Uttarā thường đến nhà bếp dọn dồ, chỉ bảo các nữ Tỷ rằng:

*“Hãy nấu cháo như vậy, hãy nướng bánh như vậy...”*

Bấy giờ, còn ngày mai nữa là đến ngày Lễ Tự Tứ, chồng nàng chợt nhớ đến nàng Uttarā, nghĩ thầm rằng:

- Chẳng biết nàng Uttarā đang làm gì nhỉ? Chàng ngó xuống nhà bếp, thấy nàng Uttara đang tất bật, sửa

soán lễ Trai Tăng để cúng dường đến Đức Phật và chur tăng vào ngày mai, mình nàng đâm ướm mồ hôi, đầu cô thì lấm lem tro bụi, chàng nghĩ rằng: “*Cô này thật là lẳng trí, ở nơi như vậy mà không biết hưởng thụ, lại thỏa thích làm việc hầu hạ mấy ông Sa môn*”. Nghĩ vậy, chàng tức cười rồi bỏ đi nơi khác. Thấy vậy, nàng Sirimā hiểu kỳ, đi đến nơi vừa đứng của Công tử, nhìn xuống thấy nàng Uttarā, nàng Sirimā suy nghĩ: “*Chàng ta cười vì thấy được vợ mình là nàng Uttarā, hẳn hai người có tình ý chi đây*” (Người ta nói rằng: Trong thời gian nửa tháng ấy, trong nhà với vai trò Tiểu thiếp nhưng nàng Sirimā đã quên hẳn đi, cứ ngỡ rằng mình bà chủ nhân của ngôi nhà).

Nàng Sirimā liền cột oan trái với nàng Uttarā rằng:

- Ta sẽ làm cho nó khổ sở mới được.

Từ nhà trên, nàng đi xuống bếp đến nơi chiên bánh, nàng múc một muông bơ sôi, đi thẳng đến nàng Uttara. Thấy nàng Sirimā đi đến, nàng Uttarā suy nghĩ rằng: “*Bạn ta đã giúp ta thật hữu ích! Cõi Sa bà này vẫn con chật hẹp. Cõi Phạm Thiên vẫn còn thấp kém so với ân đức của bạn ta đã giúp ta. Nhờ có cô mà ta được tao phước cúng dường chư tăng và nghe Pháp. Nếu như ta có tâm sân hận với nàng thì bơ này sẽ làm hại ta, bằng không thì xin cho ta không bị khổ sở do bơ này*.” Rồi nàng rải từ tâm đến nàng Sirimā. Tuy bị Sirimā tạt bơ sôi lên đầu, nhưng bơ ấy khi chạm vào nàng thì trở nên nguội lạnh. “*Có lẽ bơ này bị nguội*” nghĩ vậy, Sirimā lại múc một muông bơ khác tạt vào người Uttarā. Các nữ Tỳ trông thấy la lên rằng: “*Hãy rút đi, đồ ác độc. Người đã tạt bơ nóng lên người chủ chúng ta thật không phải lễ*.” Vừa la hét, vừa xúm nhau lại, các nữ Tỳ dùng tay chân đánh đá vào người nàng Sirimā, nàng ta ngã xuống đất, quá bất ngờ, nàng Uttarā không ngăn cản kịp, bèn ngã nằm trên người của Sirimā

che cho nàng và đẩy lui bọn nữ Tỳ ra. Và nàng khuyên giải rằng: “*Sao bạn lại tạo ác nghiệp nặng như thế*”

Nàng Uttarā con pha nước ấm tắm cho nàng Sirimā, dùng đầu được tinh chế hằng trăm lần xúc vào những nơi bầm của nàng Sirimā.

Khi ấy, nàng Sirimā mới ý thức được địa vị của mình nơi nhà ấy, tự nghĩ rằng: “*Ta đã gây tội ác nặng nề, khi ta tạt bơ nóng vào người nàng, khi chồng nàng cười với nàng. Thay vì oán hận ta, bảo bọn nữ Tỳ bắt bớ ta, nàng lại dùng thân che chở cho ta, quát lui nhóm nữ Tỳ khi họ đang áp đảo ta, nàng còn pha nước tắm cho ta, thoa xúc đầu. Nếu ta không sám hối tội lỗi với nàng, chắc đầu ta sẽ vỡ thành bảy mảnh*.”

Nàng liền mọp dưới chân của Uttarā, nói rằng:

- Xin cô từ bi xá lỗi cho tôi đi.

- Tôi là con có cha, nếu cha tôi tha thứ cho cô thì tôi sẽ tha thứ cho cô.

- Thưa vâng! Xin cô tha lỗi tôi đi, rồi tôi sẽ tìm đến Trưởng giả Punṇa xin sám hối nữa.

- Này cô! Trưởng giả Punṇa chỉ là cha của tôi trong vòng sinh tử, người cha mà tôi muốn nói là người đã vượt ngoài sinh tử.

- Ai là cha cô? Là người vượt khỏi sanh tử.

- Chính là Đức Chánh Biến Tri.

- Tôi chưa từng được diện kiến với Ngài, tôi phải làm sao đây.

- Ta sẽ đưa nàng đến yết kiến Ngài. Ngày mai Đức Thế Tôn sẽ cùng 500 Tỳ Khưu Tăng đến đây. Hãy mang lễ

vật tùy theo sức mình đến cúng dường và sám hối cùng với Ngài đi.

- Lành thay! Thừa cô chủ.

Nàng Sirimā đứng dậy, trở về nhà của mình, ra lệnh cho 500 nữ Tỳ của nàng phải sẵn sàng chuẩn bị đủ thứ vật thực để cúng dường. Nàng Sirimā đi đến nhà nàng Uttarā nhưng nàng không dám đặt bát cúng dường vật thực đến Đức Phật và chư Tăng. Nàng Uttarā thu nhận tất cả những lễ vật, rồi nàng cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng thế cho nàng Sirimā.

Khi Đức Thế Tôn thọ thực xong, nàng Sirimā cùng 500 nữ Tỳ phủ phục dưới chân Ngài xin sám hối tội lỗi, Ngài phán hỏi:

- Con đã phạm lỗi chi?

- Bạch Ngài! Hôm qua con đã làm như thế này, thế này. Nhưng nàng Uttarā đã ngăn cản nữ Tỳ đang áp đảo và hành hạ con, nàng lại còn giúp đỡ cho con nữa. Khi con hối lỗi, xin sám hối với nàng, thì nàng bảo nếu Ngài tha thứ cho con thì nàng mới tha thứ.

- Này Uttarā! Con có nói như thế chẳng?

- Bạch Ngài có! Hôm qua bạn con đã tạt bơ nóng vào đầu của con.

- Lúc ấy, tâm của con như thế nào?

- Bạch Ngài! Con rãi tâm từ đến nàng Sirimā, tự nghĩ rằng: *“Cõi ta bà này còn hẹp, cõi Phạm thiên còn thấy kém so với ân đức của bạn ta. Nhờ nàng Sirimā, ta được dịp cúng dường và nghe pháp từ nơi Đức Thế Tôn và Tăng chúng trọn nửa tháng nay. Nếu như ta có tâm sân hận với nàng thì bơ này sẽ làm hại ta, còn như tâm ta*

*không có sân hận với nàng thì bơ sôi này không làm phỏng mình ta được.”*

- Lành thay! Lành thay. Này Uttarā, cần phải thẳng phục sự phẫn nộ như vậy. Thật thế, nên thẳng phục người nóng giận bằng sự vô sân, nên thẳng phục kẻ mắng nhiếc, phi báng mình bằng sự từ hòa dịu ngọt. Bên thẳng kẻ bòn xén rít rón bằng sự bố thí tài sản của mình. Nên thẳng kẻ dối trả hư ngụy bằng sự chân thật.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Akkodhena jine kodham	“Từ bi thẳng sân hận.
Asaadhum saadhunaa jine	Hiền thiện thẳng hung tàn.
Jine kadariya m daanena	Bố thí thẳng xan tham.
Saccena alikavaadinam.”	Chân thật thẳng hư ngụy.”

(Ngài HT Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Akkodhena:** Gặp người đang nóng giận, con nên lấy tâm từ hòa mà thẳng họ.

**Asādhū:** Gặp người không tốt, con lấy tâm hiền lành mà thẳng phục họ. Bởi thế ta mới nói: *“Lấy từ thẳng sân hận, ...lấy chơn thẳng hư ngụy.”*

Cuối thời pháp, nàng Sirimā và 500 nữ Tỳ chúng đạt Quả Dự Lưu.



### Dịch Giả Cầu Đề

*Thân nghèo há nghĩ chuyện vui say  
 Ngày lễ, Punno vẫn ráng cày  
 Bụng đói, giờ trưa mong vợ đến  
 Đường xa, gói mồi, sợ chồng đay  
 Hai người áo rách duyên tròn đủ  
 Một đồng vàng y, quả trổ đầy  
 Trường Giả Đa Kim nhờ Pháp Chủ  
 Càng tin tưởng, càng nhớ ơn thầy.*



*Dùng tâm mát mẽ thắng tâm sân  
 Bơ nóng vô mình, chẳng hại thân  
 Tiểu thiệp ganh chồng toan bỏ nghĩa  
 Chánh thê mến bạn, cứ hàm ân  
 Đức lạnh cảm hóa người ngu ác  
 Đạo cả dung thông kẻ độn dần  
 Gửi điểm vào dòng thành Phật tử  
 Nhờ con Bá Hộ giúp tròn nhân.*

DỨT TÍCH TÍN NỮ UTTARĀ



**223. Hãy lấy tình thương thắng hận thù, lấy thiện thắng ác, lấy bố thí thắng xan tham và lấy chân thật thắng dối trá.**



## MOGGALLĀNA VẤN ĐẠO (*Saccam bhāṇe*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 224)

**“*Saccam bhāṇe na kujjheyya,  
Dajjā appampi, yācito.  
Etehi tīhi thānehi,  
Gacche devāna santike.*”**

**“*Nói thật, không phẫn nộ,  
Của ít, thí người xin,  
Nhờ ba việc lành này,  
Người đến gần thiên giới.*”**

(Ngài HT Minh Châu)

Kệ Ngôn Pháp Cú này Đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài ngự tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến câu hỏi của Trưởng Lão Moggallāna.

Một Thuở nọ, Đại Đức đi du ngoạn trên cõi Trời, thấy một Thiên nữ có nhiều oai lực đang đứng tại cửa đền. Thiên nữ ấy đi đến đánh lễ Đại Đức, Đại Đức bèn hỏi rằng:

- Này Thiên nữ! Sự vinh hiển của cô thật lớn thay. Chẳng hay cô đã làm việc chi mà được phước như vậy.

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng hỏi tôi việc phước nhỏ nhen ấy.

(Người ta nói rằng: Vì Thiên Nữ hổ thẹn với phước báu nhỏ nhặt của nàng nên nói thế)

Tuy nhiên, Đại Đức cứ hỏi đi hỏi lại mãi. Sau cùng thiên nữ bèn đáp:

- Tôi chẳng bao giờ biết làm phước bố thí hoặc cúng dường lễ bái, cũng chẳng màng nghe Pháp chi cả. Tất cả việc tôi làm là chỉ giữ lời chân thật mà thôi.

Đại Đức lại lần lượt đi đến các tòa Thiên cung khác và hỏi thăm các Thiên nữ về thiện nghiệp của các nàng. Tuy dẫu quanh như Thiên nữ trước, nhưng cuối cùng các nàng cũng thừa rằng:

- Bạch Ngài! Tôi không có làm phước bố thí chi cả. Trong thời Đức Phật Kassapa, tôi là một nữ nô lệ. Chủ tôi là người hung hãn, bạo ngược. Ông ta luôn có ý nghĩ cầm roi đánh hoặc gây cầm tay đánh bể đầu người khác. Có lần lúc tôi nổi giận, nhưng lại nghĩ rằng: “*Ông ta là chủ của mây, ông ta có quyền hỏi tội mây giữa đại chúng, hoặc xẻo mũi, xẻo tai mây, mây không được quyền giận chủ mây*”. Tôi đã tự nguyện khuyến cáo như thế và đã kèm chế được sự nóng giận. Do đó mà tội được sự vinh hiển này.

Một Thiên Nữ khác bạch rằng:

- Bạch Ngài, thuở trước tôi là người giữ ruộng lúa, tôi có dâng một cây mía đến vị Tỳ Khưu...

Cô khác thì: “*Tôi có dâng một trái Timbarasaka*”<sup>(1)</sup>

Cô khác nói: “*Tôi có dâng trái dưa chuột...*” Cô khác thì: “*Tôi có dâng một nắm trái Nimba*”.<sup>(2)</sup>

Bằng những lời lẽ như vậy, mỗi Thiên nữ cho biết sự cúng dường nhỏ mọn của mình. Tất cả đều kết luận rằng: Do lẽ đó, chúng tôi được sự vinh hiển này.

<sup>(1)</sup> Hay Tinduka, là cây Dinapuroa thường mọc miền nhiệt đới.

<sup>(2)</sup> Cây ở miền Bắc Ấn, trái hột làm dầu thơm.

Khi nghe rõ các tiền nghiệp của Chư Thiên nữ ấy, Đại Đức từ cung Trời trở về, đánh lễ Đức Thế Tôn và bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài! Có thể nào chỉ với lời chân thật, chỉ dập tắt sự nóng giận, chỉ cúng dường vật rất hèn mọn như trái Timbarūsaka...mà được hưởng sự vinh hiển của Chư Thiên Chẳng?

- Này Moggallāna! Tại sao người còn hỏi Như Lai? Vậy các Thiên nữ há chẳng giải rõ cái lý này cho người nghe rồi hay sao?

- Vâng! Bạch Ngài, con tin tưởng rằng chỉ làm bấy nhiêu đó cũng có thể hưởng được phước lộc Chư Thiên.

- Này Moggallāna! Dầu chỉ nói lời chân thật, chỉ dứt bỏ sự sân hận, chỉ cúng dường chút ít. Người ấy cũng có thể thọ sanh lên Thiên giới được như thế cả.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Saccam bhāṇe na kujjheyya, Dajjā appampi, yācito. Etehi tīhi tḥānehi, Gacche devāna santike.”	“Nói thật, không phẫn nộ, Của ít, thí người xin, Nhờ ba việc lành này, Người đến gần thiên giới.”
---	--

(Ngài HT Minh Châu)



### **CHÚ GIẢI:**

**Saccam bhāṇe:** Nói năng, thuyết giảng lẽ thật, trú vững trong sự chân thật.

**Na kujjheyya:** Đừng giận hờn người khác.

**Yācito:** Tiếng người ăn xin đây ám chỉ những người xuất gia, có giới đức. Những người tuy không mở miệng xin “hãy cho chút ít” nhưng đến tại nhà người cũng có nghĩa là đi xin. Gặp người đi xin có giới đức như vậy, dầu cho chút ít vật thí hãy cho theo sức của mình.

**Etehi tīhi:** Trong ba việc lành đó, bất cứ việc nào cũng đưa người lên thiên giới cả.

Cuối thời pháp, nhiều Tỳ Khưu chứng Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

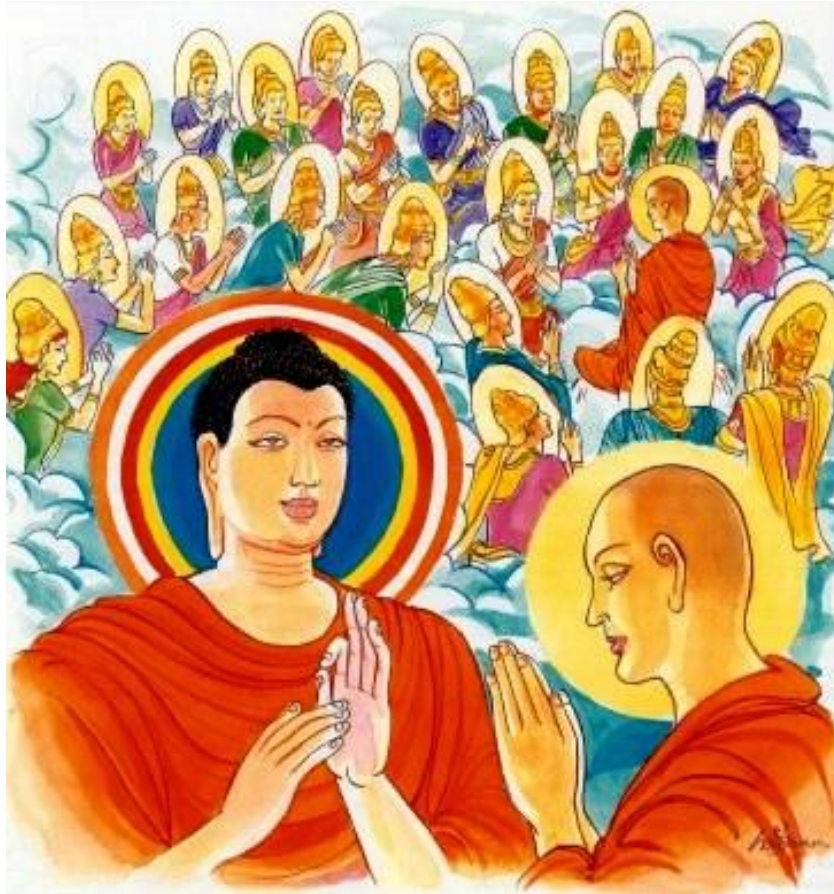


### **Địch Giả Câu Đề**

*Muốn biết làm sao thiện duyên  
Sanh lên hưởng phước lộc Chư Thiên  
Hãy nghe Phật dạy ba điều thiện  
Đúng với lòng tin Đức Mục Liên  
Chân thật là nhân sắp đứng đầu  
Kể là tắt giận, chớ câu mâu  
Sau cùng dâng cúng, tuy rằng ít  
Đến bậc ăn xin chẳng vọng cầu.*

**DỨT TÍCH MOGGALLĀNA VẤN ĐẠO**





**224. Hãy nói chân thật, không phẫn nộ. Khi được câu xin, hãy bố thí dù có ít ỏi. Đây là con đường lên cõi Thiên.**

## CHƯ TĂNG VẤN ĐẠO (*Ahimsakā yeti*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 225)

*“Ahimsakā ye munayo,      “Bậc hiền không hại ai,  
Niccam kāyena              Thân thường được chế ngự  
saṃvutā.                      Đạt được cảnh bất tử,  
Te yanti accutaṃ thānaṃ,      Đến đây, không ưu sầu.”  
Yattha gantvā na socare.”*

(Ngài HT Minh Châu)

Pháp cú này được Đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài ngự tại Añjanavana, gần thành Sāketa, đề cập đến câu hỏi của vị Tỳ Khưu.

Tương truyền rằng: Khi Đức Thế Tôn với đoàn Tăng lữ vào thành Sāketa khát thực, một lão Bà la môn từ trong thanh đi ra, gặp Đức Thập Lực, liền nằm mọp xuống dưới chân Ngài, nắm chặt lấy hai cổ chân Ngài và nói rằng:

- Con ơi! Con há chẳng phải có phận sự phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già ư? Tại sao bấy lâu nay con không về thăm mẹ của con. Mãi đến đây giờ cha mới gặp mặt con. Con hãy trở về thăm mẹ của con.

Ông nắm lấy tay Đức Thế Tôn dắt về nhà mình. Đức Bốn Sư ngự đến đó, ngồi vào chỗ ngồi được soạn sẵn cùng với chư Tỳ Khưu.

Bà vợ ông Bà la môn ấy cũng đi đến nằm trước chân Đức Thế Tôn và nói:

- Này con ơi! Bấy lâu nay con đi đâu? Con há chẳng có bốn phận phải phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già ư?

Rồi bà bảo các con trai, con gái hãy ra đánh lễ: *“Hãy đánh lễ anh các con đi”*. Với tâm thỏa thích, hai ông bà cúng dường đến Tăng chúng có Đức Phật là vị Thượng thủ, rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài thường xuyên thọ bát tại nơi đây.

- Này Bà la môn! Chư Phật không bao giờ thường xuyên thọ bát ở một nơi như vậy.

*“Nếu vậy thì những ai đến thỉnh Ngài, xin Ngài hoan hỷ bảo họ đến với chúng tôi.”*

Kể từ đó, những người đến thỉnh Đức Thế Tôn, Ngài đều dặn họ: *“Hãy báo tin cho ông Bà la môn biết nhé”*. Họ đến báo ông rằng:

- Ngày mai chúng tôi sẽ thỉnh Đức Thế Tôn đến nhà trai tăng.

Hôm sau, ông Bà la môn mang cơm canh từ nhà mình đến nơi ngụ của Đức Thế Tôn. Những ngày không có ai thỉnh thì Đức Thế Tôn ngụ thọ thực tại nhà của ông bà Bà la môn ấy.

Hai ông bà cúng dường Đức Thế Tôn và nghe pháp từ Đấng Như Lai như thế, thời gian sau chúng đắc quả A Na Hàm.

Chư Tỳ Khưu câu hội cùng nhau trong Giảng đường, bàn luận:

- Này các Hiền giả! Ông Bà la môn ấy biết Đức Vua Suddhodana là cha và Hoàng Hậu Māyā là mẹ Đức Như Lai. Đã biết thế, mà ông bà còn gọi Đức Như Lai là *“Con*

*của chúng ta”*. Và Đức Thế Tôn lại chấp nhận như thế chứ? Tại sao vậy nhỉ.

Đức Thế Tôn nghe chư Tăng thắc mắc, bèn giải thích rằng:

- Này các Tỳ Khưu! Hai ông bà gọi Như Lai là con trai của chúng ta, là hai ông bà đã kêu con của mình thật vậy.

Rồi Ngài dẫn tiền tích rằng: Này các Tỳ Khưu! Vào thời quá khứ, Bà la môn này là cha ta liên tiếp 500 kiếp, làm dưỡng ta 500 kiếp liên tiếp, làm ông nội ta 500 kiếp liên tiếp. Còn bà Bà la môn đã 500 kiếp liên tiếp là mẹ ta, 500 kiếp làm cô ta, và 500 kiếp liên tiếp làm bà nội ta. Thế là ta được trưởng dưỡng trong tay ông bà Bà la môn một ngàn năm trăm kiếp như thế.

Sau khi giải rõ tiền tích, Đức Thế Tôn ngâm lên kệ ngôn rằng:

Đức Thế Tôn an cư suốt ba tháng hạ, nhờ gia đình ấy hộ độ. Mãn mùa an cư, hai ông bà chúng đạt A La Hán Quả và viên tịch Vô Dư. Thiệt tín làm ma chạy cúng dường hai ông bà trọng thể, cho xe tang rước thi hài hai ông bà đem ra chỗ hỏa táng. Đức Thế Tôn cũng dắt 500 Tỳ Khưu tùy tùng đi đến lò thiêu xác. Đại chúng nghe tin cha mẹ của Đức Phật đã Níp Bàn, rủ nhau ra khỏi thành, đi theo đưa đám xác. Đức Thế Tôn đứng trong một nhà mồ, gần nơi hỏa táng, nhiều người đến đánh lễ Ngài xong rồi, tỏ lời phân ưu cùng Ngài rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài đừng buồn vị cha mẹ mình đã khuất bóng.

Thay vì phản đối họ rằng: *“Chớ nên nói như thế”* Đức Thế Tôn quán xét duyên lành của hội chúng, rồi Ngài

thuyết lên pháp thoại hợp cơ tánh căn duyên trong hoàn cảnh đặc biệt này rằng:

Đức Thế Tôn thuyết lên Lão Kinh (Jarāsutta). Cuối thời Pháp có tám muôn ngàn chúng sanh chứng đắc Pháp Nhân. Chư Tỳ Khưu không biết ông bà Bà la môn đã viên tịch, nên bạch hỏi Phật:

- Bạch Ngài! Hai ông bà sẽ thọ sanh về nơi nào vậy?

- Này các Tỳ Khưu! Những bậc Tịnh giả Vô Học như thế không còn cảnh giới tái sanh. Những bậc như thế chỉ có Vô Dư Níp Bàn, là Bất diệt (Accutam) là Bất Tử (Amatam)

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Ahimsakā ye munayo,	“Bậc hiền không hại ai,
Niccamaṃ kāyena saṃvutā.	Thân thường đượ chế ngự
Te yanti accutaṃ ṭhānaṃ,	Đạt đượ cảnh bất tử,
Yattha gantvā na socare.”	Đến đây, không ưu sầu.”

(Ngài HT Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Munayo:** Chi bậc Tịnh giả Vô học đã đắc Đạo Quả nhờ lối tu hành hoàn hảo.

**Kāyena:** Lời kinh thì vắn tắt, nhưng theo Lý thì cả ba là thân, khẩu và ý đều phải thu thúc.

**Accutaṃ:** Bất hoại, thường tồn (massatam)

**Ṭhānaṃ:** Chỗ vững bền, không xao động, chỗ vĩnh cửu, trường tồn.

**Yattha:** Nơi đó, ám chỉ Níp Bàn là nơi không còn sầu bi, khóc lóc nữa.

Cuối thời Pháp nhiều vị Tỳ Khưu chứng Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.



### **Dịch Giả Cầu Đề**

*Ba ngàn kiếp sống, rõ lâu xa*

*Ấp ủ tình thâm mẹ với cha*

*Ai dễ nào quên con, cháu cũ*

*Đầu nay cách biết, chẳng chung nhà*

*Phật không phủ nhận tiếng kêu con*

*Tình đã phôi pha nghĩa vẫn còn*

*Độ mẹ cha già xưa khỏi khổ*

*Ba trăng, bốn Quả kịp vương tròn.*

DỨT TÍCH CHU TẶNG VẤN ĐẠO







**225. Thường xuyên chế ngự bản thân và không hại ai, các bậc trí đạt đến Niết bàn bất tử ly sâu.**

## NỮ TỶ PUNṆĀ (*Punṇadāsīvattu*)

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 226)**

*“Sadā jāgaramānaṃ,  
Ahorattānusikkhinaṃ;  
Nibbānaṃ adhimuttānaṃ,  
Atthaṃ gacchanti āsavā.”*

*“Những người thường giác tỉnh,  
Ngày đêm siêng tu học,  
Chuyên tâm hướng Niết bàn,  
Mọi lậu hoặc được tiêu.”*

(Ngài HT Minh Châu)

Kệ ngôn này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại núi Gijjhakūta, đề cập đến cô Punṇā là nữ Tỷ của Trưởng giả trong thành Rājagaha.

Tương truyền rằng: Một hôm chủ giao cho cô Punṇā đãi lúa rất nhiều. Giả lúa đến tối mịt, cô phải đốt đèn lên. Để nghỉ xả hơi, cô bước ra ngoài để hóng gió cho mát, mình mẩy cô đắm đìa mờ hôi.

Thời ấy, Ngài Dabba Mallaputta là người có phận sự sắp xếp chỗ ngụ cho chư Tăng. Sau khi nghe dứt pháp thoại, Ngài nhập hỏa giới, triển khai thần thông ngón tay trỏ của Ngài sáng rực giống như ngọn đuốc cháy sáng, Ngài dẫn đường đưa chư Tăng về nơi chỗ ngụ. Nhờ có ánh sáng từ ngón tay trỏ của Ngài, cô Punṇā trông thấy chư Tăng đi trên núi. Cô tự nghĩ: “*Như ta đây, vì hoàn cảnh*



khô ép ngọt, mãi đến giờ này chưa ngủ được. Còn mây Ngài Đại Đức tại sao cũng chưa đi ngủ?” Rồi nàng kết luận rằng: “Trên đó, chắc có vị Tỳ Kheuru nào bị bệnh hoặc bị tai hại vì rắn rít.”

Với sự lấm tường như vậy, sáng hôm sau cô Punṇā lấy cám nhồi với nước trong lòng bàn tay, làm thành bánh cám nướng lên trên lửa than. Bánh chín, nàng định ăn bánh, nhưng vì con mucus nước nơi bên nước, nên nàng mang theo ra bên nước.

Đức Thế Tôn ngự vào thành khất thực, Ngài gặp nàng Punṇā đang đi ra, nhìn thấy Đức Như Lai, cô nghĩ thầm rằng: “Trong mấy ngày khác khi gặp Ngài thì không có vật đặt bát, khi có vật đặt bát lại không gặp Ngài. Hôm nay ta có vật đặt bát lại vừa gặp Ngài, nếu Ngài đừng chê khen vật thực dở hay ngon, ta sẽ yêu cầu: Xin Ngài hoan hỷ thọ lãnh, con xin dâng bánh này đến Ngài”.

Để vò nước xuống một bên, nàng Punṇā đánh lễ Đức Bốn Sư rồi bạch rằng:

*“Bạch Ngài! Xin Ngài hoan hỷ thọ lãnh vật thí thô kệch này, rồi ban phước tế độ cho con”*

Đức Thế Tôn đưa mắt nhìn Đại Đức Ānanda. Đại Đức liền rút cái bát mà Tứ Đại Thiên Vương đã dâng, trao đến Đức Thế Tôn. Ngài đưa bát ra thọ lãnh bánh.

Sau khi đặt bánh vào bát của Đức Thế Tôn, cô Punṇā đánh lễ Ngài với năm vóc gieo mình xuống đất, nguyện rằng: “Bạch Ngài, mong sao con chứng đạt được Pháp mà Ngài đã chứng ngộ.”

Đức Thế Tôn chúc rằng: “Hãy được như vậy đi”. Rồi Ngài phúc chúc đến nàng Punṇā. Khi ấy, nàng ấy nghĩ thầm rằng: “Mặc dầu Đức Thế Tôn thọ bánh và ban

phước cho ta, nhưng chắc Ngài sẽ không độ bánh đó đâu. Thế nào rồi, khi đến chỗ vắng Ngài sẽ ném bỏ bánh ấy cho quạ hay cho chó ăn. Rồi Ngài ngự đến dinh quan Đại thần nào đó để được cơm ngon quý thượng vị.”

Với tâm thông Đức Thế Tôn quán xét biết rõ ý nghĩ của Punṇā, Ngài đưa mắt nhìn Đại Đức Ānanda, tỏ ý muốn ngồi. Đại Đức bèn xếp y lót làm tọa cụ dâng lên Ngài, Đức Bốn Sư ngồi ngài gần cổng thành mà thọ thực.

Chư thiên khắp cõi Sa bà ép lấy dưỡng tố (ojā) trời, giống như người ép mật ong, rồi trộn vào trong bánh cám cúng dường đến Đức Đạo Sư. Còn nàng Punṇā thì ngẩn ngơ đứng nhìn Đức Thế Tôn thọ thực. Khi Đức Thế Tôn thọ thực xong, Đại Đức Ānanda dâng nước đến Ngài, rồi Ngài gọi Punṇā đến hỏi rằng:

- Này Punṇā! Vì sao cô lại chỉ trích các Thỉnh Văn của Như Lai

- Bạch Ngài! Con đâu dám chỉ trích các Ngài.

- Đêm qua cô đã nghĩ gì khi nhìn thấy Thỉnh Văn của Như Lai?

- Bạch Ngài! Con chỉ nghĩ rằng: “Như ta vì hoàn cảnh ép buộc nên giờ này chưa thể đi ngủ được, còn chư Đại Đức vì sao chưa đi ngủ? Chắc có vị nào bị bệnh hay bị tai hại vì loài bò sát chăng?”

- Này Punṇā! Nàng vị hoàn cảnh không ngủ được, còn Thỉnh Văn của Như Lai sở dĩ không ngủ được là vì phải tinh tấn giác tỉnh luôn luôn.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Sadā jāgaramānānam,

“Những người thường giác tỉnh,

Ahorattānusikkhinam; *Ngày đêm siêng tu học,*  
 Nibbānam adhimuttānam, *Chuyên tâm hướng Niết bàn,*  
 Attham gacchanti āsavā.” *Mọi lậu hoặc được tiêu.”*

(Ngài HT Minh Châu)

### CHÚ GIẢI:

**Ahorattānusikkhinam:** Cả ngày lẫn đêm đều lo tu tập Giới, Định, Tuệ.

**Nibbānam adhimuttānam:** Chú ý trọn vẹn vào đối tượng Níp Bàn.

**Attham gacchanti:** Nơi những người như vậy, tất cả các lậu hoặc đều hoại diệt, trở thành không.

Cuối thời pháp, nữ Tỳ Punṇā chứng đắc Dự Lưu Quả ngay tại chỗ đang đứng. Kỳ dư hội chúng thính pháp đều được hưởng lợi ích.

Sau khi độ xong bữa ngộ với bánh cám nướng trên lửa hồng, Đức Thế Tôn trở về Tịnh xá. Chư Tỳ Khuru câu hội tại Giảng đường, bàn luận cùng nhau rằng:

- Này chư Đạo hữu! Khó thay là việc làm của Đức Chánh Biến Tri đã làm, Ngài đã độ xong bữa ngộ với bánh cám nướng của nàng nữ Tỳ Punṇa cúng dâng.

Đức Bốn Sư ngự đến phán hỏi rằng: “Này các Tỳ Khuru! Hôm nay các thầy đang luận bàn về vấn đề gì thế?”

- Bạch Ngài, chuyện này...

Nghe xong, Đức Thế Tôn dạy rằng: “Này các Tỳ Khuru, không phải chỉ hiện nay thôi. Xưa kia Ta cũng đã thọ thực bằng bánh cám của nàng này dâng cúng như thế rồi”

Nói đoạn, Ngài ngâm lên bài kệ dẫn chứng tích xưa rằng:  
 Đức Bốn Sư thuật lại chi tiết trong Bốn Sanh Kundakssindhavapotaka (Jātaka 234)

### ❀ Dịch Giả Cầu Đề

*Bàn thiền đêm vắng rọi đời cao  
 Tảng chuông giờ khuya vẫn thức thao  
 Nhiên gái Pun ṇālòng thức mặc  
 “Có khi rắn cắn vị Sư nào?”  
 Người tu tinh tấn mãi hành thiền  
 Há dám chờ đêm để ngủ yên  
 Giác ngộ lý này, cô tố gái  
 Tự nhiên đắc quả Nhập Lưu liền.  
 Xuống độ dân nghèo đủ thiện căn  
 Bánh thô, cám nướng Phật ừng ăn  
 Đời nay chiếu lại phim tuồng cũ  
 Nào có chi mà gọi khó khăn.*

DỨT TÍCH NỮ TỶ PUNṆĀ





**226. Luôn luôn tinh giác tu tập suốt ngày đêm, những vị tâm cầu Niết bàn được giải thoát mọi lậu hoặc.**

## THIỆN NAM ATULA (*Porāṇāmatanti*)

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 227-228-229-230)**

*“Porāṇametam atula,  
Netaṃ ajjatanāmiva;  
Nindanti tuṅhimāsinaṃ,  
Nindanti bahubhāṇinaṃ;  
Mitabhāṇimpi nindanti,  
Natthi loke anindito.”*

*“A-tu-la, nên biết,  
Xưa vậy, nay cũng vậy,  
Ngồi im, bị người chê,  
Nói nhiều, bị người chê,  
Nói vừa phải, bị chê.  
Làm người không bị chê,  
Thật khó tìm ở đời.”*

(Ngài HT Minh Châu)

Pháp Cú này Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến cận sự nam Atula.

Atula là một thiện nam cư ngụ trong thành Sāvattihī, cầm đầu một nhóm 500 thiện nam khác. Một hôm, ông ta dẫn đoàn tùy tùng của mình đi chùa nghe pháp. Muốn nghe lại Đại Đức Revata thuyết pháp, ông đến đánh lễ Đại Đức rồi ngồi xuống chờ đợi. Nhưng Đại Đức giữ hạnh độc cư, thỏa thích ở nơi thanh vắng một mình như Sư Tử chúa, bởi thế, Ngài chẳng thuyết chỉ đến thiện nam Atula cả.

Ông ta nổi giận đứng dậy nói: *“Đại Đức này không có gì để thuyết cả”*. Rồi ông ta đến với Đại Đức Sāriputta đứng nép qua một bên sau khi đã đánh lễ Ngài.

- Nay cận sự nam! Ông đến đây với ý gì?

- Bạch Ngài! Con đưa những thiện nam này đi nghe Pháp và dẫn gặp Ngài Revata. Nhưng vị ấy chẳng có chi để

thuyết cho con nghe cả, nên con giận bỏ đi đến gặp Ngài. Xin Ngài hãy thuyết pháp cho chúng con nghe.

- Nếu vậy, các người hãy ngồi xuống, lắng tâm nghe Pháp.

Đại Đức liền thuyết về Vi Diệu Tạng. Atula suy nghĩ: *“A Tỳ Đàm luận rất là sâu xa, tế nhị, thế mà Đại Đức giải dài dòng, nào có ích lợi gì cho chúng ta đâu.”*

Tâm ông phát sân hận, liền dẫn đoàn tùy tùng đi tìm Đại Đức Ānanda. Đại Đức hỏi:

- Cái gì thế? Này ông thiện nam.

- Bạch Ngài! Chúng con tìm đến Đại Đức Revata nghe Pháp, nhưng chẳng nghe được lời nào cả. Chúng con bỏ đi tìm đến Đại Đức Sāriputta, Đại Đức lại thuyết quá nhiều về Vi Diệu tạng, Pháp này rất vi tế sâu xa, có ích gì cho chúng con đâu. Nên chúng con bỏ Ngài Sāriputta đi đến đây. Bạch Ngài! Xin Ngài hoan hỷ thuyết pháp cho chúng con nghe đi.

- Nếu vậy, các người hãy ngồi xuống nghe Pháp đi.

Đại Đức Ānanda thuyết lên thời Pháp ngằn, nhưng giải thật rành mạch cho hội chúng dễ hiểu. Nhưng họ cũng không hài lòng, bỏ đi tìm đến Đức Đạo Sư, đánh lễ Ngài xong rồi, ngồi nép một bên, Đức Thế Tôn phán hỏi:

- Này các cận sự! Vì sao các người đến đây?

- Bạch Ngài, chúng con muốn nghe Pháp.

- Nhưng các người đã được nghe Pháp rồi mà.

- vBạch Ngài! Ban đầu chúng con đến Ngài Revata, nhưng Đại Đức chẳng thuyết chi cả. Giận Đại Đức chúng con tìm đến Đại Đức Sāriputta, thì Đại Đức thuyết quá

nhieu về Vi Diệu Tạng, chúng con nghe không thấu. Chúng con lại tìm đến Đại Đức Ānanda, nhưng Đại Đức lại thuyết cho chúng con nghe thời pháp ngằn ngủi, chúng con lại bất mãn rĩ nhau đến đây.

- Này Atula! Từ xưa đến giờ con người vẫn có thói quen chê trách kẻ lạng thính, kẻ nói nhiều và kẻ ít nói như vậy rồi. Không một ai là khỏi bị chê trách hoặc là khỏi bị khen ngợi. Dầu là Vua chúa đi nữa vẫn có người chê trách và vẫn có người khen tặng. Cho đến địa đại, mặt trăng, mặt trời, hư không hoặc ngay Đấng Chánh Biến Tri đang ngồi thuyết pháp giữa hội chúng, cũng có một số người chê và một số người khen. Sự chê và khen của kẻ ngu si thì không giới hạn. Nhưng các bậc hiền trí, hàng thức giả thì chê đáng gọi là chê, khen đáng gọi là khen.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Porāṇametam atula,  
Netam ajjatanāmiva;  
Nindanti tuṇhimāsinaṃ,  
Nindanti bahubhāṇinaṃ;  
Mitabhāṇimpi nindanti,  
Natthi loke anindito.”

*“A-tu-la, nên biết,  
Xưa vậy, nay cũng vậy,  
Ngồi im, bị người chê,  
Nói nhiều, bị người chê,  
Nói vừa phải, bị chê.  
Làm người không bị chê,  
Thật khó tìm ở đời.”*

(Ngài HT Minh Châu)



### **CHÚ GIẢI:**

***Porāṇametam (Purānakam etam)*** chuyện ấy đã xưa, đã có từ xưa.

***Atula:*** Tên gọi cận sự nam.

**Netam ajjatanāmiva:** Chuyện chê hay khen này không phải vừa mới sanh lên đâu. Quá vậy, người làm thính thì bị chê rằng: Ông đó cứ ngồi làm thính hoài, giống như câm, như điếc, như không biết chi hết vậy. Người nói nhiều cũng bị chê rằng: “Ông này sao cứ nói lòng vòng mãi, không có chỗ tận cùng, giống như gió thổi qua tàu lá thốt nốt vậy”. Người nói quá ít cũng bị chỉ trích rằng: “Ông này nói có một hai tiếng rồi làm thính, tưởng như lời nói của mình là vàng bạc vậy”. Như thế thì khắp nơi trên thế giới, không đâu không có người bị chê trách.

**Na cāhu:** Trong quá khứ không có, trong hiện tại cũng không có, trong tương lai cũng sẽ không có.

**Yañce viññū:** Việc chê hay khen của hạng người ngu xuẩn không giới hạn. Còn việc nào mà bậc hiền trí hằng quán xét biết rõ là việc chê hay khen, rồi mới chê hoặc khen. Đó là việc khen chê đúng đắn.

**Acchiddavattim:** Có đầy đủ sự nuôi mạng thanh tịnh và học giới không sút mẻ. Bậc Trí quả (kedhavī) là bậc có đầy đủ trí tuệ và hương vị chánh pháp. Bậc hiền trí khen ngợi bậc đã thanh lộc, bậc không ô nhiễm, như đồng tiền vàng sáng chói. Ai dám chê bậc ấy?

**Davāpi:** Dầu là Chư Thiên hay nhân loại hiền trí đều tán dương bậc trí giả ấy.

**Bhāṇimpi:** Chẳng những nhân thiên mà thôi, luôn cả Đại Phạm Thiên trong 10 ngàn thế giới cũng khen ngợi vị ấy nữa.

Cuối thời pháp, 500 cận sự nam chứng đắc quả Tu Đà Hườn.



## Dịch Giả Cầu Đề

*Nói nhiều, nói ít, hoặc làm thính  
Đều bị cười chê, chẳng vị tình  
Vị gặp nhà Vua hay Đức Phật  
Nhưng ông ngã mạn vẫn xem khinh  
Miếng thề đem pha khó liệu lường  
Ty Khưu Giới hạnh rắng tìm nương  
Gặp ai cao kiến, nên cầu học  
Hạnh sáng như vàng, Phật tán dương.  
Đắt dẫn người nghe pháp Nhiệm màu  
Sao lòng tị mãn cớ câu mâu  
Năm trăm thánh giả nhờ không giận  
Qua Mặt “ĀGĪĀ” chứng quả màu.*

DỨT TÍCH THIỆN NAM ATULA



**227**

**228**



**NHÓM TỖ KHƯU LỤC SƯ**  
(*Kāyappakopanti*)

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 231-232-233-234)**

231. “Kāyappakoṇaṃ rakkheyya,  
Kāyena saṃvuto siyā;  
Kāyaduccaritaṃ hitvā,  
Kāyena sucaritaṃ care.”  
*“Giữ thân đừng phẫn nộ,  
Phòng thân khéo bảo vệ,  
Từ bỏ thân làm ác,  
Với thân làm hạnh lành.”*
232. Vacipakoṇaṃ rakkheyya,  
Vācāya saṃvuto siyā,  
Vacīduccaritaṃ hitvā,  
Vācāya sucaritaṃ care.  
*Giữ lời đừng phẫn nộ,  
Phòng lời khéo bảo vệ,  
Từ bỏ lời thô ác,  
Với lời, nói dịu lành.*
233. Manopakoṇaṃ rakkheyya,  
Vācāya saṃvuto siyā,  
Vacīduccaritaṃ hitvā,  
Vācāya sucaritaṃ care.

*Giữ ý đừng phẫn nộ,  
Phòng ý khéo bảo vệ,  
Từ bỏ ý nghĩ ác,  
Với ý, nghĩ hạnh lành.*

234. Kāyena saṃvutā dhīvā,  
Atha vācāya saṃvuta dhīrā,  
Manasā saṃvuta dhīrā,  
Te ve supariṣaṃvutā.  
*Bậc trí bảo vệ thân,  
Bảo vệ luôn lời nói,  
Bảo vệ cả tâm tư,  
Ba nghiệp khéo bảo vệ.*

(Ngài HT Minh Châu)

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Veluvana, đề cập đến nhóm Lục Sư Tỳ Khưu.

Một hôm, nhóm Lục Sư mang guốc, tay cầm gậy đi khua trên đường kinh hành. Đức Bốn Sư nghe tiếng guốc khua lộp cộp, Ngài hỏi Đại Đức Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Tiếng kêu chi thế?

- Bạch Ngài! Nhóm Lục Sư mang guốc gõ đi kinh hành, mới có tiếng khua lộp cộp vậy.

Nhân dịp này, Đức Thế Tôn chế định học giới, dạy rằng:

*“Vị Tỳ Khưu cần giữ gìn thân, khẩu, ý của mình”.*

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

231. “Kāyappakopaṃ rakkheyya, *Giữ thân đừng phần nộ,*  
 Kāyena saṃvuto siyā; *Phòng thân khéo bảo vệ,*  
 Kāyaduccaritaṃ hitvā, *Từ bỏ thân làm ác,*  
 Kāyena sucariṭaṃ care.” *Với thân làm hạnh lành.”*
232. Vacipakopaṃ rakkheyya, *Giữ lời đừng phần nộ,*  
 Vācāya saṃvuto siyā, *Phòng lời khéo bảo vệ,*  
 Vaciduccaritaṃ hitvā, *Từ bỏ lời thô ác,*  
 Vācāya sucariṭaṃ care. *Với lời, nói điều lành.*
233. Manopakopam rakkheyya, *Giữ ý đừng phần nộ,*  
 Vācāya saṃvuto siyā, *Phòng ý khéo bảo vệ,*  
 Vaciduccaritaṃ hitvā, *Từ bỏ ý nghĩ ác,*  
 Vācāya sucariṭaṃ care. *Với ý, nghĩ hạnh lành.*
234. Kāyena saṃvutā dhīvā, *Bậc trí bảo vệ thân,*  
 Aṭṭho vācāya saṃvuta dhīrā, *Bảo vệ luôn lời nói,*  
 Manasā saṃvuta dhīrā, *Bảo vệ cả tâm tư,*  
 Te ve supariṣaṃvutā. *Ba nghiệp khéo bảo vệ.*

### CHÚ GIẢI:

**Kāyappakopaṃ:** Hãy ráng giữ ba thân ác hạnh (sát sanh, trộm cắp, tà dâm)

**Kāyena saṃvuto:** Sau khi ngăn chặn lối vào ác hạnh trong thân môn, có được sự thu thúc, sự đóng chặt các môn rồi, là đã dứt bỏ thân ác hạnh, chỉ còn thân thiện hạnh. Con người làm được hai việc (cải ác, từng thiện) một lúc. Bởi vậy mới nói: Xa lìa thân làm ác, dùng thân làm hạnh lành.

Trong những bài kệ tiếp theo về thân khẩu ý ta cũng nên hiểu theo ý như vậy.

**Kāyena saṃvutā dhīrā:** Bậc Hiền trí không phạm giới sát, đạo, dâm, gọi là đã điều phục thân, không phạm giới vọng ngữ, lường thiệt, thô ngữ, hý ngữ gọi là đã điều phục khẩu không tham, sân, tà kiến gọi là đã điều phục ý. Các bậc ấy là những bậc khéo tự điều phục, khéo tự giữ gìn, khéo thu thúc, đóng chặt lục căn trong thế gian này vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ Khưu chứng đạt Thánh Quả.



### **Dịch Giả Cầu Đề**

*Sáu Sư mang guốc, gậy cầm tay.*

*Đạp đá kinh hành, khiêu Phật hay*

*Đạy chúng Tăng gìn thân, khẩu, ý*

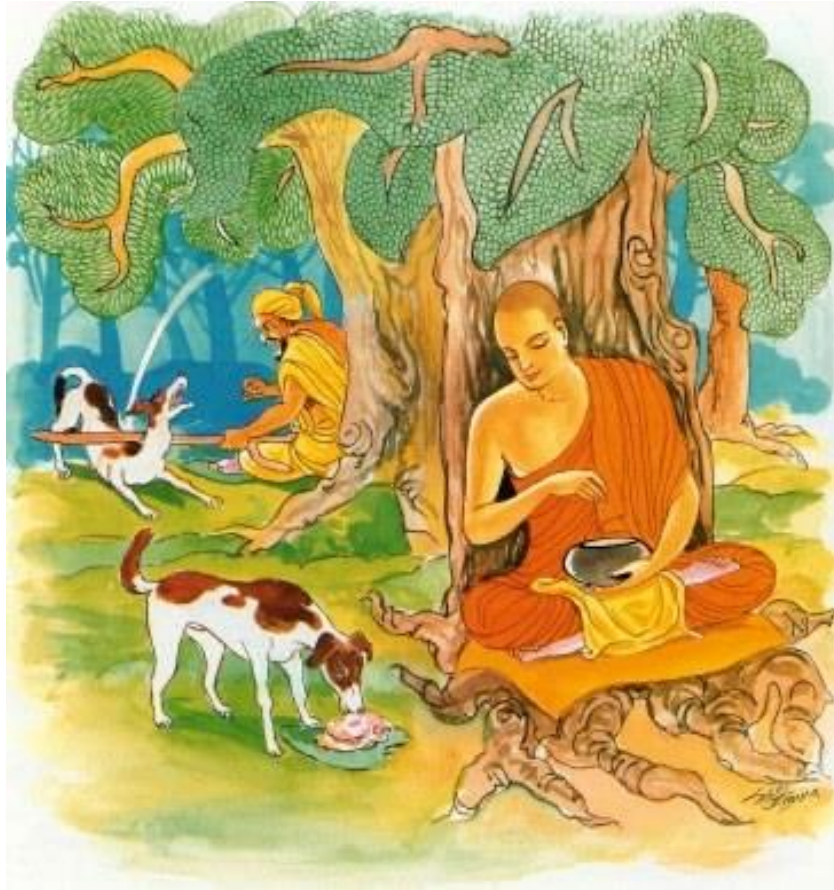
*Ngài ban việc cấm chuyện tà lay.*

DỨT TÍCH NHÓM TỖ KHUƯ LỤC SƯ



**DỨT PHẨM PHẦN NỘ - KODHA VAGGA**

**DỨT PHẨM 17**

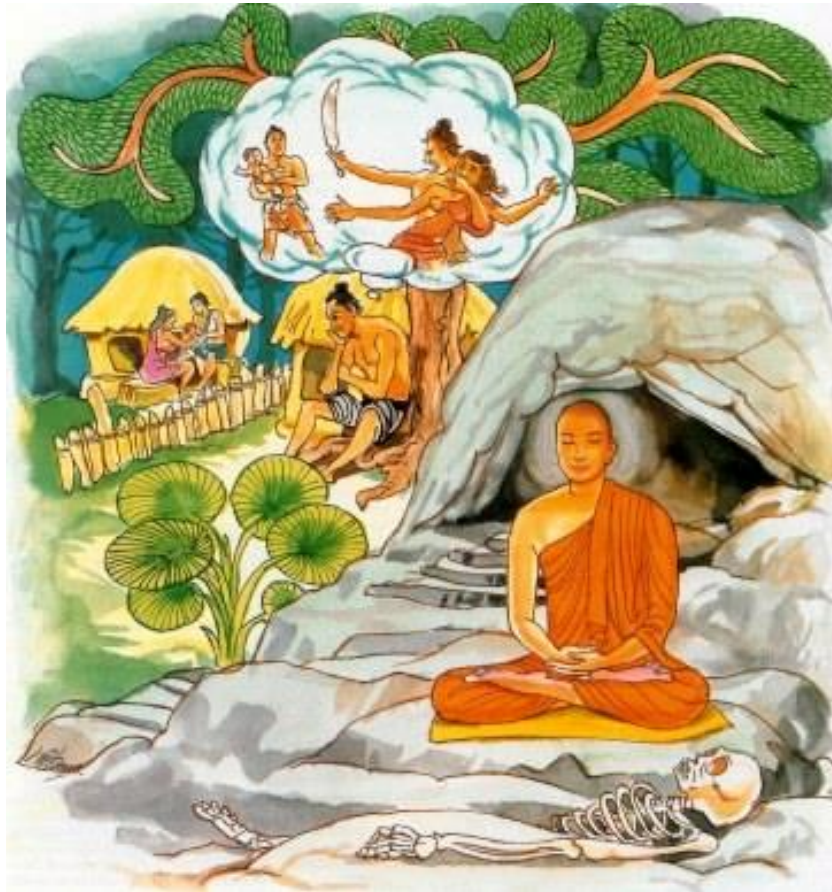


**231. Hãy tránh xa ác hạnh về thân. Hãy sống đời thiện hạnh vẹn toàn.**



**232. Hãy tránh xa ác hạnh về lời. Hãy sống đời chế ngự toàn vẹn về ngôn ngữ.**





**233. Hãy tránh xa ác hạnh về ý. Hãy sống đời chế ngự toàn vẹn về tâm ý.**



**234. Những ai chế ngự về ý tưởng, lời nói và hành động mới thực sự tu tập viên mãn.**

## CON TRAI ÔNG HÀNG HỒ

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 235-236-237-238)

235. “Paṇḍupalāsova dānisi,  
Yamapurisāpi ca te, upaṭṭhitā.  
Uyyogamukhe ca tiṭṭhasi,  
Pātheyyampi ca te na vijjati.”  
*“Người nay giống lá héo,  
Điêm sứ đang chờ người,  
Người đứng trước cửa chết,  
Đường trường thiếu tư lương.”*
236. “So karoḥi dīpamattano,  
Khippaṃ vāyama paṇḍito bhava;  
Niddhantamalo anaṅgaṇo,  
Dibbaṃ ariyabhūmiṃ upehisi”  
*“Hãy tự làm hòn đảo,  
Tinh cần gấp, sáng suốt.  
Trừ cầu uế, thanh tịnh,  
Đến Thánh địa Chư Thiên.”*
237. “Upanītavayo ca dānisi,  
Sampayātosī yamassa santike;  
Vāso, te natthi antarā,  
Pātheyyampi ca te na vijjati.”  
*“Đời người nay sắp tàn,  
Tiến gần đến Diêm Vương.  
Giữa đường không nơi nghỉ,*

*Đường trường thiếu tư lương.”*

238. “So karoḥi dīpamattano,  
Khippaṃ vāyama paṇḍito bhava;  
Niddhantamalo anaṅgaṇo,  
Na punaṃ jātijaraṃ , upehisi.”  
*“Hãy tự làm hòn đảo,  
Tinh cần gấp, sáng suốt.  
Trừ cầu uế, thanh tịnh,  
Chẳng trở lại sanh già.”*

(Ngài HT Minh Châu)

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến người con trai của ông hàng bò.

Tương truyền rằng: Ở thành Sāvattḥī có ông hàng bò, sau khi giết bò lấy thịt ngon đem cho người nấu nướng, rồi cùng vợ con ngồi ăn thịt ấy. Phần thịt còn dư ông mới bán lấy tiền. Trong suốt 15 năm hành nghề như thế, ông không hề có được một lần nào cúng dường một muống cháo hoặc một muống cơm đến Đức Bốn Sư đang ngự trong một ngôi chùa gần đó. Ông ta có một tật xấu là: Vắng thịt thì không dùng cơm được.

Một hôm, sau khi lấy phần thịt dành cho mình, giao cho vợ để nấu vật thực cho mình. Phần thịt còn lại ông bán hết cả, rồi ông đi tắm. Khi ấy có một người bạn đi đến báo với vợ ông ta rằng:

- Chị hãy bán cho tôi một chút ít thịt. Tôi vừa có khách.

- Thịt bán không còn. Bạn anh đã bán hết rồi, hiện giờ anh đang đi tắm.

- Chị đừng nên từ chối, còn cục thịt nào thì hãy để cho tôi đi.

- Trừ thịt dành cho ảnh ra, không còn thịt nào khác nữa.

Bạn người đồ tể suy nghĩ: *“Không còn thịt ngoài thịt dành cho anh ta. Mà bạn ta không có thịt thì không dùng cơm, chắc chắn anh ta không nhường thịt này cho ta đâu.”* Thế là, người bạn ấy lấy ngay phần thịt ấy đi, không hỏi han gì cả.

Khi người đồ tể tắm xong, trở về, vợ ông dọn cơm và vật thực là vài thức rau nấu với gia vị. Ông ta hỏi rằng:

- Còn thịt đâu?

- Không có ông à.

- Trước khi đi, tôi há không đưa thịt cho bà rồi còn gì?

- Bạn của ông đến nói rằng: Nhà có khách, và cần thịt. Mặc dầu tôi đã nói rằng hết thịt rồi, đây là phần thịt dành cho ông dùng nhưng bạn ông vẫn cứ lấy đi mất rồi.

- Không có thịt, tôi không ăn cơm, bà hãy dọn cơm đi.

- Biết làm sao bây giờ, thôi ông hãy dùng cơm đi.

- Tôi không ăn cơm đâu.

Bảo vợ dọn dẹp cơm rồi, ông đồ tể cầm dao nhỏ ra đi phía sau nhà. Nơi đó có con bò đang bị cột đứng tại đó. Ông đến gần con bò, thọc tay vào miệng, kéo lưỡi bò ra, đưa con dao cắt phăng khúc lưỡi bò, xách vào bảo vợ nướng cho mình dùng. Bà vợ nướng lưỡi bò trên lửa, ông dùng mỗi vắt cơm với một miếng lưỡi bò vừa nướng chín. Đột nhiên lưỡi ông ta chọt đứt ngang, rớt xuống đĩa cơm.

Ngay lúc ấy ông thọ quả ác trong hiện tại xứng với việc làm của mình, máu từ miệng chảy ra như suối, ông bò lê vào nhà, rống lên như bò bị hành hình.

Cậu con trai của ông đang đứng gần đó, bà mẹ bảo cậu rằng:

- Này con! Hãy nhìn xem, ác nghiệp của ông đồ tể đã hiện, con khỏi lo cho mẹ, hãy bỏ chạy đi hầu cứ vẫn hạnh phúc của mình.

Cậu con trai vì quá sợ chết, liền lạy từ giả mẹ rồi chạy trốn, thoát khỏi nơi ấy, cậu đi đến xứ Takkanllā. Ông đồ tể thì bò quanh trong nhà, rống lên như bò rống, khi chết bị rơi vào địa ngục A Tỳ.

Khi đến Takkasilā, cậu học nghề thợ bạc. Một hôm, thầy có việc đi xa làng, bảo học trò rằng: *“Con hãy làm một món nữ trang như thế này, thế này...”*. Cậu làm đúng theo lời chỉ của thầy, khi trở về nhìn thấy món trang sức của ta làm, người thầy suy nghĩ:

- Thanh niên này, giờ đây đến nơi nào sống cũng được rồi.

Khi cậu tới tuổi thành nhân, thầy cậu gả cho cậu con gái của mình. Về sau, gia tộc cậu sung mãn, có đầy đủ con trai, con gái. Các người con khi trưởng thành, lại tìm về thành Sāvattthī sinh sống, với sự thành thạo nghiệp nghề, và trở nên những người có chánh tín trong sạch. Cha của họ thì vẫn ở tại thành Takkasilā đến tuổi già mà không có chút phước thiện nào cả. Các người con bàn tính:

- Cha chúng ta đã già rồi, chúng ta hãy rước người về ở với chúng ta đi.



Rồi họ lại rũ nhau: “*Chúng ta hãy làm phước trai tăng để cầu an cho cha chúng ta*”. Họ cung thỉnh chư Tỳ Khưu có Đức Phật là vị tọa chủ đến nhà thọ bát.

Qua ngày sau, khi Đức Phật và chư Tăng ngự đến tư gia, họ cúng dường vật thực như cơm, nước, bánh trái... đến Tăng. Chờ Tăng thọ thực xong, họ thưa với Đức Bốn Sư rằng: “*Bạch Ngài! Cuộc lễ Tăng thí này, chúng con làm để cầu an cho cha chúng con được sống lâu, xin Ngài hoan hỷ tụng kinh phúc chúc cho cha chúng con.*”

Đức Bốn Sư bèn kêu ông lão mù rằng: “*Nầy thiện nam! Nay ông tuổi thọ đã cao, xác thân đã chín mùi như chiếc lá vàng, ông không có phước lành làm tư lương để sang qua thế giới khác. Ông hãy tự nương nhờ lấy mình để gắng trở nên bậc hiền trí, đừng làm kẻ ngu si.*”

Rồi Ngài tụng kinh phúc chúc như sau:



235. “*Paṇḍupalāsova dānisi,  
Yamapurisāpi ca te, upaṭṭhitā.  
Uyyogamukhe ca tiṭṭhasi,  
Pātheyyampi ca te na vijjati.*”  
“*Ngươi nay giống lá héo,  
Diêm sứ đang chờ ngươi,  
Ngươi đứng trước cửa chết,  
Đường trường thiếu tư lương.*”

236. “*So karoḥi dīpamattano,  
Khippaṃ vāyama paṇḍito bhava;  
Niddhantamalo anaṅgaṇo,  
Dibbaṃ ariyabhūmiṃ upehisi*”

“*Hãy tự làm hòn đảo,  
Tinh cần gấp, sáng suốt.  
Trừ cầu uế, thanh tịnh,  
Đến Thánh địa Chư Thiên.*”

237. “*Upanītavayo ca dānisi,  
Sampayātosī yamassa santike;  
Vāso, te natthi antarā,  
Pātheyyampi ca te na vijjati.*”  
“*Đời ngươi nay sắp tàn,  
Tiến gần đến Diêm Vương.  
Giữa đường không nơi nghỉ,  
Đường trường thiếu tư lương.*”

238. “*So karoḥi dīpamattano,  
Khippaṃ vāyama paṇḍito bhava;  
Niddhantamalo anaṅgaṇo,  
Na punaṃ jātijaraṃ, upehisi.*”  
“*Hãy tự làm hòn đảo,  
Tinh cần gấp, sáng suốt.  
Trừ cầu uế, thanh tịnh,  
Chẳng trở lại sanh già.*”

(Ngài HT Minh Châu)

### CHÚ GIẢI:

***Paṇḍupalāsova dānisi:*** Nầy Thiện nam, ông giờ đây chẳng khác gì lá vàng khô đã lìa cành, rụng gần tới đất rồi.

**Yamapurisā:** Sứ giả của Diêm Vương. Thành ngữ này ám chỉ sự chết, câu này có nghĩa là sự chết đang chờ người.

**Uyyogamukhe:** Người đang đứng trước cửa của sự sụp đổ, của diệt vong.

**Pātheyyam:** Tư lương là vật thực đem theo ăn dọc đường của khách lữ hành. Câu này có nghĩa là: người sang qua cảnh giới khác mà không có việc lành để làm tư trang, tư lương.

**So karohi:** Bởi vậy, như người bị đắm thuyền giữa biển khơi mà thiết lập được một hòn đảo để trú vững trên đó, người hãy cố gắng làm các việc lành cho thật mau lẹ, để tự tạo một hòn đảo giữa biển đời, hãy ráng tu hành cho mau thành bậc thông minh. Người nào tránh được Tử thần, có thể tùy thời làm các việc lành, người đó xứng danh là bậc hiền trí, hãy ráng làm người thông minh như vậy, chớ đừng để làm kẻ dốt nát ngu si.

**Dibbaṃ ariyabhūmiṃ:** Một khi đã hành tinh tấn như vậy rồi, các thứ phiền não như ái dục (rāga), cấu uế (mala) đều trừ bỏ được, thành người không cấu uế, do không có sự nhơ bẩn tinh thần, thành người vô nhiễm (amangano) vô phiền (nikkilesa) thì người sẽ đạt đến năm tầng Trời Tịnh Cư (Suddhāvāsa) chẳng sai.

Cuối thời Pháp, ông thiện nam chứng quả Tu Đà Hườn. Kỳ dự thính chúng đều được hưởng lợi ích của thời Pháp.

Các thí chủ lại thỉnh Đức Bốn Sư qua ngày sau đến thọ bát. Sau buổi lễ, Đức Bốn Sư thọ thực xong, Ngài sắp tùy hỷ phước thì gia chủ bạch rằng:

- Bạch Ngài! Cuộc lễ này chúng con làm để cầu an cho thân phụ chúng con, chúc thọ đến thân phụ. Xin Ngài hoan hỷ tụng phúc lành cho người.

Và Đức Bốn Sư lại thuyết lên tiếp hai kệ ngôn rằng:

**Upanītavayo:** Upa, tiếp đầu ngữ có nghĩa là rơi xuống, đi xuống, tàn tạ, 5 Nitavayo là tuổi thọ đã luống qua, đã mất đi. Bây giờ người đã trải qua ba lứa tuổi (ấu, trung và lão niên), người đã đứng trước mặt sự chết rồi.

**Sampayātosī yamassa santike:** Người đã đứng giáp mặt với sự chết rồi

**Vāso, te natthi antarā,:** Những người đi đường xa mà làm công việc nọ, việc kia, họ tạm cư trú dọc theo đường. Nhưng người đi qua cảnh giới khác thì không được như thế. Thật vậy, không thể nào đi qua cảnh giới khác, các người có thể nói xin trì hoãn lại vài ba ngày để cho tôi kịp làm phước bố thí, để cho tôi kịp nghe Pháp...Tự nhiên, vừa chết nơi đây đã thọ sanh nơi cảnh giới khác lập tức. Do đó mới nói: Giữa đường không có trạm nghỉ ngơi.

**Pātheyyam:** Danh từ này tuy có đề cập đến rồi, nhưng Đức Bốn Sư đã lập đi lập lại cốt để nhấn mạnh ý nghĩa của nó cho ông thiện nam lưu ý.

**Jātijaram:** Sanh lão. Chỗ này nên hiểu có thêm bệnh và tử nữa cho đủ tứ khổ.

Hai kệ ngôn trước thuyết về A Na Hàm đạo. Hai câu kệ này là nói về A La Hán Đạo. Ở đây, chẳng khác nào nhà Vua vất cơm vào miệng trao tặng cho con. Nhưng Hoàng Tử chỉ cầm lấy vất cơm vừa với miệng mình thôi. Cũng như thế, đầu Đức Bốn Sư có thuyết pháp đề cập đến đạo cao, nhưng thiện nam ấy cũng tùy theo duyên, theo sức mà chứng đắc quả thấp là Tu Đà Hườn. Lần sau thì ông chứng

A Na Hàm, kỳ dư đại chúng đều hưởng được lợi ích của thời Pháp.



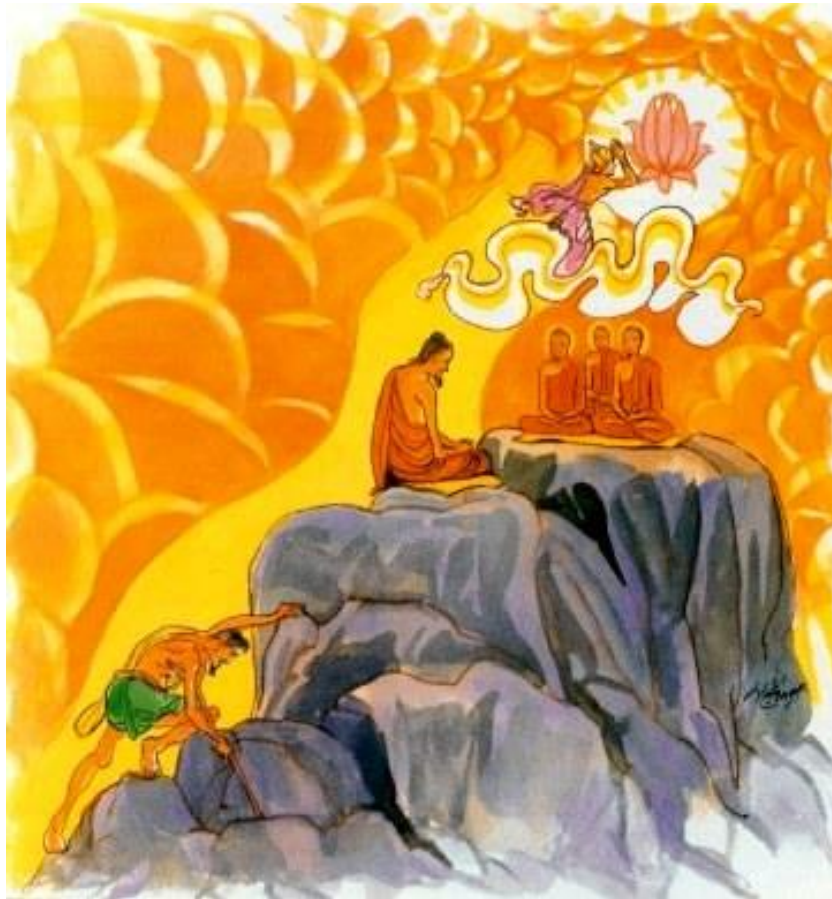
### Dịch Giả Cầu Đề

*Mồ bò, khi chết hiện thân bò  
Quả ác hành cha, khiến mẹ lo  
Xui trẻ bỏ nhà qua đất khách  
Thay nghề thợ bạc, phát tài to  
Đời ông dẫn xuống đến đời cha  
Tiền của gom vào chẳng thí ra  
Con cái sau tìm nương chánh pháp  
Quy y Phật Bảo hộ Tăng Già.  
Hai buổi cầu an chúc thọ ông  
Phật ban Tam quả dễ như không  
Ý bình cha ác cùng con thiện  
Học đủ ba thầy, đạo lý thông*

DỨT TÍCH CON TRAI ÔNG HÀNG BÒ



**235. Những người không chuẩn bị trước thân chết cũng như ngọn lá héo tàn, phải từ giã cuộc đời với bàn tay trắng.**



**236. Hãy sáng suốt nỗ lực tinh cần. Hãy tự mình làm hòn đảo cho chính mình. Chư vị tất nhiên sẽ đến nơi thanh tịnh.**



**237. Nay đến lúc đời sắp tàn trước cửa thần chết, người lại không chuẩn bị gì để lên đường không có chận dừng nghỉ.**





**238. Hãy nhanh chóng sáng suốt tự làm hòn đảo cho chính mình, đoạn trừ cấu uế và thoát ly lão tử.**

## ÔNG BÀ LA MÔN TUÂN TỰ

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 239)**

*“Anupubbena medhāvī,  
Thokaṃ thokaṃ khaṇe khaṇe;  
Kammāro rajatasseva,  
Niddhame malamattano.”*

*“Bạc trí theo tuần tự.  
Từng sát na trừ dần  
Như thợ vàng lọc bụi  
Trừ cấu uế nơi mình.”*

(Ngài HT Minh Châu)

Kệ Pháp Cú này Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến ông Bà la môn nọ.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, ông Bà la môn ấy vào sáng tinh sương, đã ra khỏi thành, chợt ông trông thấy chư Tỳ Khưu đang đắp y. Ngay tại chỗ đứng đắp y chư Tỳ Khưu, cỏ mọc rậm rì, khi ấy một đường viền y của một vị Tỳ Khưu đang đắp bị kéo lê trên cỏ và bị thấm ướt bởi những giọt sương đêm. Thấy vậy, Bà la môn nghĩ thầm: *“Cần phải là sạch cỏ chỗ này mới được”*. Qua ngày sau, ông mang cuốc đến làm sạch cỏ nơi ấy và san bằng phẳng như cái sân phơi lúa.

Qua ngày sau, ông đến nơi ấy lại thấy đường viền y của chư Tỳ Khưu kéo lê trên đất, lấm bụi vào y, ông suy nghĩ: *“Cần phải rải cát lên nơi này mới được”*. Và ông đã thực hiện việc ấy.

Một lần khác, nhìn thấy chư Tỳ Khưu bị nóng bức, mồ hôi chảy tươm ra khi đứng đắp y. Ông suy nghĩ: *“ta cần cất một cái rạp che mắt tại nơi này mới được”*. Ông thuê

người đến che thành một rạp che mắt tại nơi ấy. Hôm sau, khi ông đến thì trời đang vân vu, mưa tạt vào y của chư Tỳ Khưu đứng trong rạp ấy, ông lại suy nghĩ: “*Nơi đây, ta cần cho người dựng lên một gian phòng kín đáo và lớn*”. Sau khi mướn người dựng xong đại sảnh, ông suy nghĩ rằng: “*Giờ đây, ta nên làm lễ khánh thành gian phòng lớn này*”

Ông thỉnh Tỳ Khưu Tăng có Đức Phật là vị Thượng Thủ đến ngồi vào nơi được soạn sẵn trong Đại sảnh ấy, dâng vật thực cúng dường xong, chờ Đức Bốn Sư thọ thực xong, ông thỉnh bát Ngài và mong Ngài phúc chúc cho ông. Ông bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài! Trong khi con đứng tại chỗ này, đã trông thấy chư Tỳ Khưu đã như thế... như thế này. Và con đã làm như thế này...như thế này...

Ông thuật lại mọi việc đến Đức Thế Tôn. Khi nghe dứt câu chuyện, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này Bà la môn! Bậc được gọi là hiền trí vẫn giữ mực chậm rãi, từ tốn, tuần tự làm việc lành để giải trừ sự cấu uế của các ác hạnh của mình như thế đó.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“ <i>Anupubbena medhāvī,</i>	“Bậc trí theo tuần tự.
<i>Thokaṃ thokaṃ khaṇe khaṇe;</i>	Từng sát na trừ dần
<i>Kammāro rajatasseva,</i>	Như thợ vàng lọc bụi
<i>Niddhame malamattano.”</i>	Trừ cấu uế nơi mình.”

(Ngài HT Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

***Anupubbena:*** Lần lượt theo thứ tự.

***Medhāvī:*** Bậc viên mãn trí, nếm được hương vị của Chánh Pháp rồi.

***Khaṇe khaṇe:*** Từng dịp, từng dịp làm lành.

***Kammāro rajatasseva:*** Cũng như người thợ vàng, không thể nào chỉ một lần mở nung đốt, nghiền nát, lọc bỏ chất dơ được của vàng để làm thành món nữ trang được, nhiều lần lượt bỏ chất bẩn lẫn trong vàng mới có thể làm thành món nữ trang. Cũng như thế ấy, bậc hiền trí phải làm lành nhiều lượt để tổng trừ những ô nhiễm, cấu uế, nhất là tham ái từ nơi mình. Có như thế mới giải trừ được những ô nhiễm, phiền não, uế trước.

Cuối thời Pháp, ông Bà la môn chứng đắc Quả Tu Đà Hườn, đại chúng thánh Pháp cũng được nhiều lợi ích.

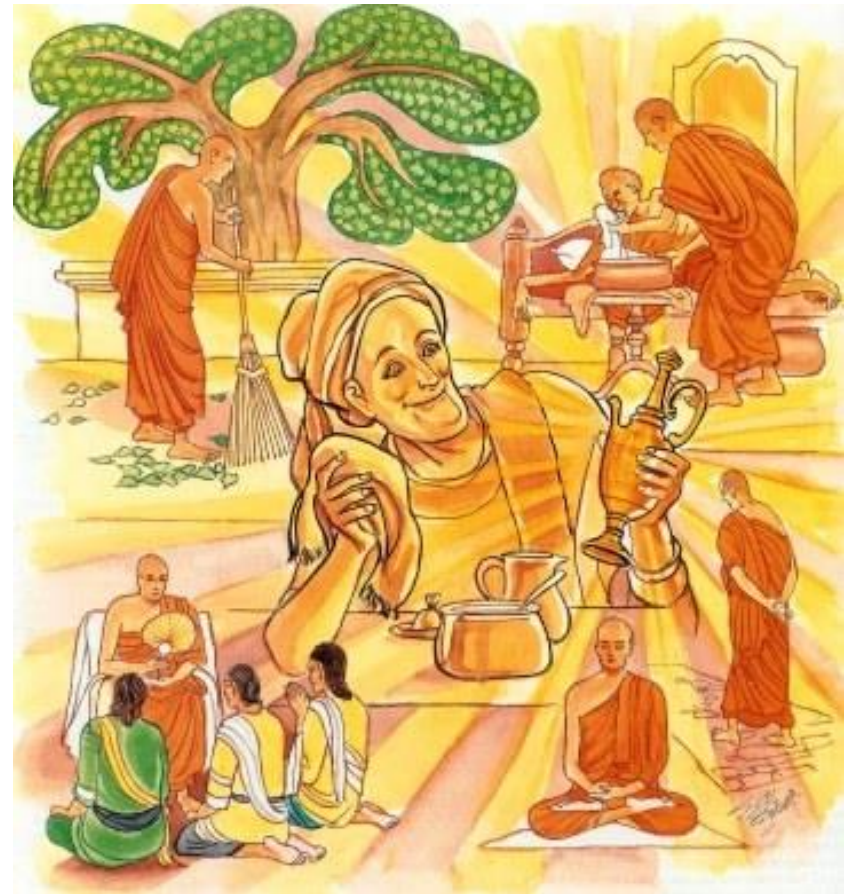




## Dịch Giả Cẩn Đề

*Từ từ chậm rãi tiến dần lên  
Việc nhỏ an bài, việc lớn lên  
Bậc trí kiên tâm trừ cầu uế  
Đầu tiên lập chí phải cho bền  
Như ông Phạm Chí trước ban nền  
Dẩy cỏ vĩa xong, rải cát lên  
Cát rạp tiện bề Sư đút nắng  
Cho làm phòng rộng, cũng không quên  
Nhân lễ khánh thành nghe Pháp Phật  
Thời lai Tuệ Nhãn tự nhiên thông.*

DỨT TÍCH ÔNG BÀ LA MÔN TUẦN TỰ



**239. Hãy đoạn trừ cầu uế dần dần từ tí một, giống như người thợ bạc lọc bụi dơ.**

**ĐẠI ĐỨC TISSA GIỮ Y**  
*(Ayasāva malaṃ samuṭṭhāyāti)*

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 240)**

“*Ayasā'va malaṃ samuṭṭhitam,  
Taduṭṭhāya taṃ'eva khādati .  
Evaṃ atidhonacāriṇam,  
Sakakammāni nayanti duggatiṃ .*”

“*Như sét do sắt sanh,  
Trở lại ăn thân sắt,  
Ác nghiệp mình tự tạo,  
Dẫn mình đến cõi ác.*”

Kệ Pháp Cú này được Đức Bốn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại Đức Tissa.

Tương truyền rằng: Một thiện gia tử con nhà lễ giáo, sau khi xuất gia thọ Cụ túc giới, được gọi là Đại Đức Tissa.

Thời gian sau, Đại Đức an cư mùa mưa trong một ngôi chùa miền quê và được dâng tấm vải thô dài tám tấc (hattha). Khi mãn mùa an cư, xong lễ Tự Tứ rồi, Đại Đức mang tấm vải ấy gởi người chị. Người chị lại nghĩ rằng: “*Tấm vải này không xứng với em trai ta.*” . Nàng dùng dao rọc vải ra từng mảnh, rồi bỏ vào cối giã nhuyễn, sau đó se chỉ lại, gởi thợ dệt dệt thành tấm vải mịn. Phần Đại Đức Tissa đi tìm kim chỉ rồi rủ vài vị Sa di trẻ biết may y đi đến nhà chị, báo rằng:

- Chị hãy đưa vải cho tôi, tôi sẽ may thành y để mặc.
- Người chị rút tấm vải mịn chín hắc tay, trao cho Đại

Đức. Đại Đức trải y ra, nói rằng:

- Tấm vải của tôi thô và chỉ có tám hắc. Còn tấm này mịn mà lại dài chín hắc, đây không phải là tấm vải của tôi, tôi không dùng đến nó. Hãy đưa tôi tấm vải mà tôi đã trao cho chị.

- Bạch Ngài! Đó chính là tấm vải của Ngài, Ngài hãy lấy đi.

Đại Đức không chịu nhận, khi ấy người chị mới bày tỏ sự thật các việc mình làm và dâng vải đến Đại Đức rằng:

- Bạch Ngài, tấm vải này thuộc về Ngài, xin Ngài cứ lấy đi.

Đại Đức mang vải về chùa, khiến Sa di may y. Chị Ngài cúng dường vật thực đến các vị Sư may y. Khi y may xong, nàng còn dâng cúng thêm một bữa ăn thịnh soạn.

Đại Đức nhìn lá y mới sanh tâm ưa thích nó lắm, nghĩ thầm rằng: “*Ngày mai ta sẽ mặc tấm y này.*” . Đại Đức xếp y lại, phơi y trên sào phơi y.

Đêm ấy, Đại Đức bị trúng thực, đau bụng mà chết, tái sanh làm con rắn trong chiếc lá y ấy. Người chị hay tin Đại Đức chết, nàng khóc than lẫn lộn dưới chân chư Tỳ Khưu.

Sau khi hỏa táng xác Đại Đức Tissa xong, chư Tăng quyết định: “*Vì Đại Đức không có người nuôi bệnh nên chiếc y này thuộc về Tăng chúng. Vậy chúng ta hãy bắt thăm đi.*” .

Con rắn trong lá y chạy lảng xảng qua lại, kêu rằng:

- Mấy ông này cướp đoạt tài sản của ta.

Mặc dầu đang an tọa trong Hương thất, Đức Thế Tôn với thiên nhĩ, nghe được tiếng kêu thét của con rắn, Ngài dạy Đại Đức Ananda rằng:

- Này Ānanda! Hãy bảo chư Tỳ Khuru giữ chiếc y của Tissa lại, qua bảy ngày sau hãy chia nhau.

Đại Đức Ānanda làm theo lời Đức Bốn Sư dạy.

Đến ngày thứ bảy, con rận chết tái sanh lên cung trời Đâu Suất, qua ngày thứ tám Đức Bốn Sư ra lệnh:

- Các Tỳ Khuru hãy chia nhau lá y của Tissa đi.

Chư Tỳ Khuru vâng lệnh. Thế rồi trong Giảng đường, chư Tỳ Khuru cùng nhau bàn luận rằng: *“Tại sao Đức Bốn Sư bảo phải giữ y lại bảy ngày, đến ngày thứ tám mới cho phép sử dụng?”*.

Đức Bốn Sư ngự đến hỏi:

- Này các Tỳ Khuru! Hôm nay các thầy ngồi đây thảo luận về vấn đề gì?

- Bạch Thế Tôn, về chuyện như vậy... như vậy...

Nghe vậy, Đức Thế Tôn giải rằng:

- Này các Tỳ Khuru! Thầy Tissa đã tái sanh làm con rận trong chiếc y của mình. Khi các thầy chia y ấy, con rận chạy lảng xảng, la lên rằng: *“Những ông này cướp giết y của tôi.”* Nếu các thầy lấy chiếc y ấy, nó sẽ phát sanh tâm oán hận rồi phải sa địa ngục. Do đó, ta bảo giữ y lại sau bảy ngày rồi hãy chia. Bây giờ Tissa đã thọ sanh về cõi trời Tusitā rồi, cho nên ta cho phép thầy sử dụng chiếc y ấy.

- Bạch Ngài! Thật là đáng sợ cho tâm tham ái (taṇhā)

- Thật vậy! Này các Tỳ Khuru, đối với các chúng sanh, tham ái thật là đáng sợ. Như sét sanh từ sắt lại ăn mòn ngay cả sắt, làm cho hư hoại, trở thành vật vô dụng như thế nào thì tham ái (taṇhā) sau khi sanh khởi giữa những chúng sanh, làm cho họ phải rơi vào đọa xứ địa ngục, đẩy họ xuống họ xuống hố diệt vong như thế ấy.

Nói rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn:

“*Ayasā'va malaṃ samuṭṭhitaṃ,  
Taduṭṭhāya taṃ'eva khādati .  
Evaṃ atidhonacāriṇaṃ,  
Sakakammāni nayanti duggatiṃ .*”

*“Như sét do sắt sanh,  
Trở lại ăn thân sắt,  
Ác nghiệp mình tự tạo,  
Đẫn mình đến cõi ác.”*



### CHÚ GIẢI:

**Ayasā : Ayato** : Do nơi, từ nơi sắt.

**Samuṭṭhāya : Samuṭṭhāhitvā** : Sau khi pháp sanh lên.

**Taduṭṭhāya** : Sau khi sanh lên từ nơi đó.

**Atidhonacāriṇaṃ** : Tiếng Dhonā chỉ những người khôn ngoan, sáng suốt, biết dùng trí tuệ quán tưởng rồi mới thọ tứ sự. Atidhonacāriṇaṃ là những người vi phạm giới quán tưởng.

Đại ý bài kệ này nói rằng: Ví như sét từ nơi sắt sinh ra, lúc sinh ra như vậy rồi, sét sẽ trở lại ăn mòn sắt.

Cũng như thế, những người thọ tứ vật dụng mà không quán tưởng. Trong khi thọ dụng mà không quán tưởng, họ đã tạo ra ác nghiệp từ nơi ấy, do họ phát khởi lên ngã sở, ngã mạn. Chính nó đưa nó đến khổ cảnh.

Cuối thời Pháp nhiều vị Tỳ Khuru chứng đắc Thánh

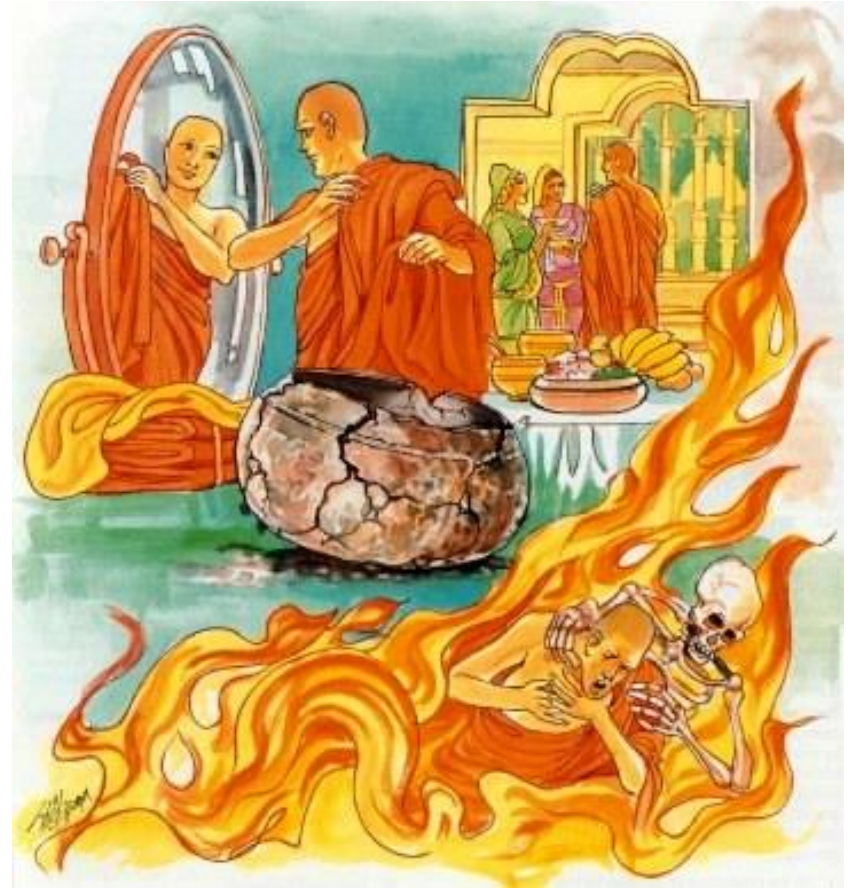
Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.



### Dịch Giả Cầu Đề

*Chuyến kiếp còn tham giữ lá y  
Bây hôm làm rận quả sân si  
Thầy thương đợi đến Trời Đâu Suất  
Bạn sợ e sa ngục Đại Ty  
Rẻ thế vẫn tưởng: Sinh hữu hạn  
Người tu chưa biết: Tiê vô kỳ  
Làm chung một phút quên tưởng niệm  
Khổ cảnh luân hồi, khó thoát ly.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC TISSA GIỮ Y



**240. Ri sét ăn mòn sắt đân, giống như ác nghiệp  
ăn mòn người phạm giới đức.**

## ĐẠI ĐỨC LOḶUDĀYI ĐỐT PHÁP

(*Assajjhāyamalā mantati*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 241)

*“Asajjhāyamalā mantā,  
Anuṭṭhānamalā gharā;  
Malaṃ vaṇṇassa kosajjaṃ,  
Pamādo rakkhato malaṃ.”*

*“Không tụng làm nhóp kình,  
Không siêng làm bần nhà,  
Biếng nhác làm như thân,  
Biếng nhác làm như thân,  
Phóng dật làm tâm uế.”*

(HT Thích Minh Châu)

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Tinh xá Jetavana, đề cập đến Đại Đức Loḷudāyi.

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattihī có đến 50 triệu Thánh Thinh Văn, trước buổi ngộ thì cúng dường trai thực, sau ngộ thì mang lễ vật như là bơ trong, dầu ăn, mật ong, mật mía... đi đến chùa cúng dường và nghe Pháp. Khi nghe Pháp xong, trên đường về, các vị ấy ca tụng ân đức của hai Ngài Sāriputta và Moggallāna.

Bấy giờ Đại Đức Udāyi nghe các thánh giả đàm luận cùng nhau, đã xen vào nói rằng:

- Các ông chỉ nghe pháp hai vị ấy thuyết mà đã tán tụng như thế. Nếu được nghe pháp từ nơi ta thì còn tán thán đến chừng nào nữa.

Mọi người nghe lời của Đại Đức như thế, nghĩ rằng:

- Ngài này hẳn là một Pháp Sư, chúng ta cũng nên nghe Pháp từ nơi Ngài vậy.

Một hôm, các thánh giả trên yêu cầu Đại Đức:

- Bạch Ngài! Hôm nay sau khi cúng dường trai thực xong, buổi chiều chúng tôi sẽ đến chùa nghe Pháp. Xin Ngài hãy hoan hỷ thuyết pháp đến chúng tôi.

Đại Đức im lặng nhận lời. Đến giờ thính pháp, thính giả cung thỉnh Đại Đức:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hoan hỷ thuyết pháp cho chúng tôi nghe đi.

Đại Đức Loḷudāyi lên Pháp tọa ngồi, phe phẩy quạt lông, nhưng không nhớ ra một câu Pháp Cú nào cả, bèn nói rằng:

- Ta sẽ tụng chú, vị khác hãy lên thuyết pháp đi.

Rồi Đại Đức leo xuống Pháp tọa.

Khi vị Pháp Sư thuyết pháp xong, thiện tín thỉnh Đại Đức lên Pháp tọa tụng chú thuật. Một lần nữa, Đại Đức lại bí lối nên thối thác rằng:

- Ta sẽ tụng vào ban đêm. Bây giờ vị khác hãy tụng trước đi.

Nói rồi Đại Đức bước xuống khỏi Pháp tọa.

Khi vị tụng kinh ban ngày dứt rồi, đến thời ban đêm thính giả thỉnh Đại Đức Loḷudāyi. Té ra vị ấy cũng chẳng nhớ được chi nên nói rằng:

- Ta sẽ tụng vào lúc hừng sáng. Bây giờ vị khác tụng đi.

Rồi lại rời khỏi Pháp tọa.

Và khi trời hừng sáng, thính chúng lại thỉnh Đại Đức. Lúc ấy Đại Đức cũng chẳng nhớ được chút chi cả. Đại chúng phẫn nộ, cầm lấy gậy đá hăm dọa Đại Đức rằng:

- Nay ông sư dốt, khi chúng tôi tán dương hai Ngài Sāriputta và Moggallāna thì ông nói thế này thế nọ. Bây giờ sao ông không giỏi thuyết pháp đi.

Thấy dáng hùng hổ của đại chúng, Đại Đức kinh sợ bỏ chạy, bị đại chúng rượt theo bén gót. Trong lúc hoảng hốt, Đại Đức hụt chân té xuống hầm phần. Đại chúng bàn luận rằng:

- Khi nghe chúng ta tán thán ân đức của hai Ngài Sāriputta và Moggallāna, Đại Đức Loḷudāyi ganh tỵ, khoác loác khoe khoang tài thuyết pháp của mình. Đến khi người ta thỉnh cầu, nói rằng: “*Chúng tôi muốn nghe pháp.*”. Đại Đức lên Pháp tọa cả bốn lần mà không tìm được pháp chi để thuyết cả. Giờ đây, Đại Đức lại rơi xuống hầm phần như thế.

Đức Thế Tôn ngự đến, phán hỏi rằng:

- Nay các Tỳ Khưu! Các Thầy đang bàn luận việc chi thế?

- Bạch Ngài, chuyện này ... chuyện này ...

Nghe xong, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay chư Tỳ Khưu! Chẳng phải chỉ bây giờ, mà xưa kia thầy ấy cũng bị lún chìm trong phần rồi vậy.

Rồi Ngài ngâm kệ bốn sanh rằng:

“*Catuppado ahaṃ samma tvappaṃ samma  
catuppado*

*Ehi sīha nivattassu kinnu bhīto palāyasi*

*Asuci pūtilomosi duggandho vāyasi sūkara*

*Sace yujjhītukāmosi jayaṃ samma dadāni teti .”*

“*Chúa ơi! Chúa có bốn chân*

*Tôi cũng có bốn chân, ta gần ngang nhau*

*Lại đây, Sư tử anh hào*

***Có chi mà sợ chạy nhiều thế kia***

*Heo ơi! Mình chú thúi tha*

*Lông chú dơ dáy thật là quá hôi*

*Xin nhường chú thắng cho rồi*

*Nếu như chú muốn cùng tôi tranh tài.”*

Sau khi thuyết xong Bốn sanh, Đức Bốn Sư cho biết rằng Sư tử khi trước nay là Đức Sāriputta, còn con heo chính là Đại Đức Loḷudāyi. Xong rồi Đức Thế Tôn phán dạy rằng:

- Nay các Tỳ Khưu! Loḷudāyi chỉ học rất ít Pháp mà không bao giờ lo ôn tập. Pháp nào đâu học ít, một khi đã học được nếu không ôn tập ắt trở thành nhớt nhúa vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn như sau:

“*Asajjhāyamaṃ mantā,*

*Anuṭṭhānamalā gharā;*

*Malaṃ vaṇṇassa kosajjaṃ,*

*Pamādo rakkhato malaṃ .”*

“*Không tụng làm nhớt kinh,*

*Không siêng làm bẩn nhà,*

*Biếng nhác làm nhơ thân,*

*Biếng nhác làm nhơ thân,*

*Phóng dật làm tâm uế.”*

(HT Thích Minh Châu)



### **CHÚ GIẢI:**

***Asajjhāyamaṃ*** : Bất luận là Kinh pháp hoặc học nghề nghiệp chi nếu không thường ôn tập, thực hành, thì



nó sẽ tiêu lần hoặc đứt đoạn không dễ nhớ ra, bởi vậy mới nói: “Không tụng làm nhớt kinh”.

Người là cư sĩ hoặc bậc xuất gia mà biếng nhác không lo chăm sóc, gìn giữ thân thể hoặc đồ vật dụng, thì thân sẽ có màu sắc xấu xa, bởi vậy mới nói: “Biếng nhác làm nhơ thân”.

Người chần giữ bò cái mà để đuôi, cứ lo ngủ hoặc lo chơi thì bầy bò không phát triển, dễ bị hao hụt vì thú dữ, trộm cướp làm thiệt hại. Hoặc bỏ vào ăn mất lúc ruộng của người khác, chủ bị bắt bớ, đền bồi. Chính mình là người chần cũng bị hành phạt hoặc bị mắng nhiếc.

Cũng vậy, bậc Xuất gia không lo thu thúc lục căn, để đuôi để cho phiền não làm sa đọa, rồi phải hoàn tục xa lìa giáo pháp. Bởi vậy mới nói: “Phóng dật làm tâm uế”. Vì lẽ nó dẫn dắt người ấy đến chỗ hư hỏng, dơ bẩn nên gọi là nhờ uế vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ Khưu chứng đắc Thánh Quả Tu Đà Hườn

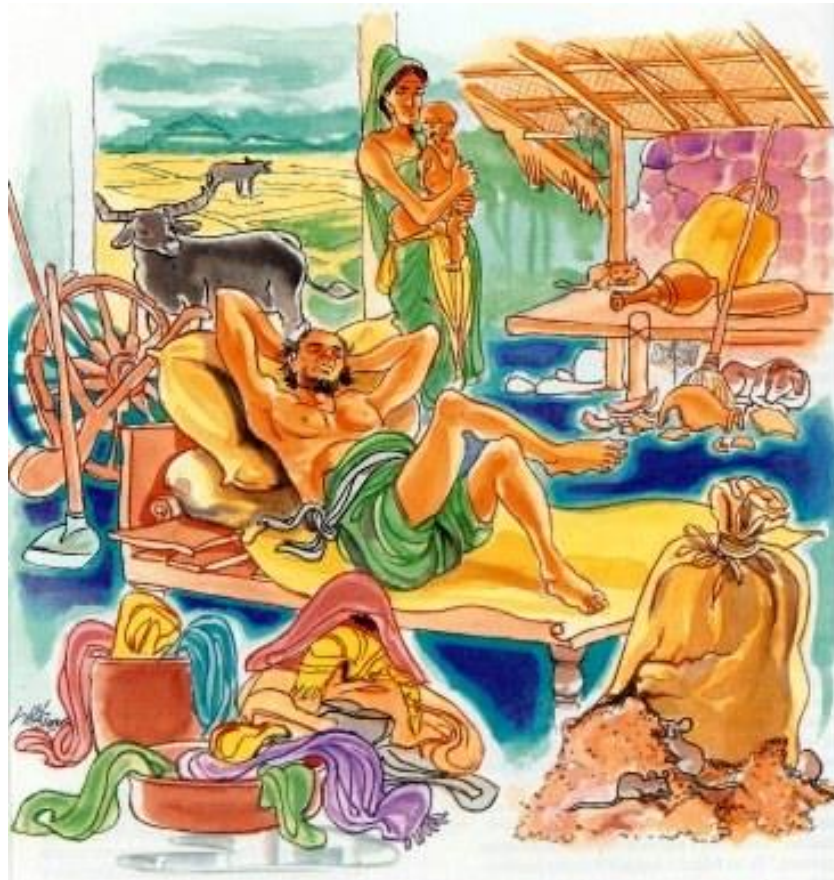


### **Dịch Giả Cầu Đề**

*Nếu đốt thì cam chịu đốt đi  
 Huênh hoang bịp chúng có hay gì  
 Bốn lần thỉnh Pháp, chưa thềm thuyết  
 Một trận ăn đòn, đã chạy thi  
 Vì thích cầu cao, sa hố phân  
 Bởi ưa tạt đó, mất màu y  
 Gàn thầy sao chẳng chuyên cần học  
 Lại móng hư danh, nghĩ cũng kỳ! ...*

**DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC LO LUDĀYI**





**241. Không trì tụng kinh làm hồng kiến thức. Giải đãi phá hại đời sống gia đình. Thiếu quan tâm làm hại dung sắc.**

## MỘT CÔNG TỬ BỊ CẬM SỪNG (*Malitthiyā duccaritanti*)

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 242-243)**

**242. *Mal'itthiyā duccaritaṃ, Tà hạnh như đàn bà,*  
*Maccheraṃ dadato malaṃ; Xan tham như kẻ thí,*  
*Malā ve pāpakā dhammā, Tội ác là vết như,*  
*Asmiṃ loke paramhi ca . Đời này và đời sau.***

**243. *Tato malā malataraṃ, Trong hàng cấu uế ấy,*  
*Avijjā paramaṃ malaṃ; Vô minh như tối thượng,*  
*Etaṃ malaṃ pahatvāna, Hãy trừ bỏ như ấy,*  
*Nimmalā hotha bhikkhavo . Thành Tỳ kheo vô cấu.***

(HT Thích Minh Châu)

Pháp Cú này được Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Veluvana, đề cập đến chàng Công tử nọ.

Tương truyền rằng: Công tử ấy đã cưới vợ là một Tiểu thư môn đăng hộ đối. Từ ngày về nhà chồng, cô vợ cứ tà hạnh mãi, Công tử xấu hổ về việc làm của vợ, không thể đến gặp gỡ tiếp xúc cùng ai cả, nên cắt đứt luôn cả sự viếng thăm và hộ độ cúng dường Đức Phật. Thế rồi, sau vài ngày chàng lại viếng thăm Đức Bốn Sư, sau khi đánh lễ Ngài xong rồi, ngồi qua một bên, Ngài hỏi Công tử:

- Này Công tử! Đạo này sao người ít đến đây vậy?

Công tử liền đem việc nhà ra giải bày cùng Đức Thế Tôn, Ngài dạy rằng:

- Này Công tử! Xưa kia ta đã từng dạy rằng: Đàn bà giống như sông rạch và bậc hiền trí không nên giận nữ

nhân. Nhưng vì người do cỗi luân hồi khuất lấp nên không thấu đáo đó thôi.

Công tử thỉnh Ngài thuyết giảng Bốn Sanh, Ngài ngâm lên rằng:

*“Yathānadī ca pantho ca pānāgāraṃ sabbā papā  
Evaṃ lokitthiyo nāma velā tālaṃ navijjatīti .”*

*“Đàn bà như thể rạch, sông  
Đường đi, động đá, nhà công, quá chớ  
Đàn bà thế tục bần nhơ  
Lãng loàn xá kẻ ngày giờ chi đâu.”*

Sau khi thuyết xong Bốn Sanh, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay Công tử! Tà hạnh trác nết là vết nhơ của nữ nhân, sự bòn rít là vết nhơ của tín thí, nghiệp ác là vết nhơ làm hại chúng sanh cả đời này và đời sau. Vô minh là vết nhơ tối thượng của tất cả vết nhơ.

Nói rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

242. Mal'itthiyā duccharitaṃ,	<i>Tà hạnh nhơ đàn bà,</i>
Maccheraṃ dadato malaṃ;	<i>Xan tham nhơ kẻ thí,</i>
Malā ve pāpakā dhammā,	<i>Tội ác là vết nhơ,</i>
Asmiṃ loke paramhi ca.	<i>Đời này và đời sau.</i>

243. Tato malā malataraṃ,	<i>Trong hàng cầu ướ ấy,</i>
Avijjā paramaṃ malaṃ;	<i>Vô minh nhơ tối thượng,</i>
Etaṃ malaṃ pahatvāna,	<i>Hãy trừ bỏ nhơ ấy,</i>
Nimmalā hotha bhikkhavo.	<i>Thành Tỳ kheo vô cầu.</i>

(HT Thích Minh Châu)

### CHÚ GIẢI:

**Duccharitaṃ : Aticaro** : Tà hạnh, chỉ sự lãng loàn trác nết, gian dâm, ngoại tình. Phạm đàn bà ngoại tình bị chồng đuổi trở về cùng cha mẹ, cũng bị mắng rằng: *“Này không nên làm ô nhục, tôi bại gia phong, nhục nhã tông đường...”* . Rồi bị cha mẹ đuổi ra khỏi gia tộc, nữ nhân ấy sống bơ vơ khổ sở vô cùng. Do đó mới nói rằng: *“Tà hạnh là nhơ nữ nhân”*.

**Dadato** : Đến thí chủ (dāyakassa). Người nào khi mới cày ruộng đã lập nguyện rằng *“Nếu lúa trúng kỳ này, ta sẽ làm phước trai Tăng hoặc rút thẻ để bát chảng hạn.”* . Nhưng khi gặt hái có kết quả tốt đẹp, lại phát sanh tâm bòn xén, ngăn chặn tâm bố thí. Do ảnh hưởng tâm bòn xén thắng được tâm xả ly, người ấy không được hưởng ba phước lộc là nhân sản, thiên sản và Níp Bàn. Do đó mới nói rằng: Sự bòn xén là vết nhơ của bố thí.

Trong các câu khác đều có một lý chung như vậy.

**Pāpakā dhammā** : Chỉ những pháp bất thiện, là vết nhơ của chúng sanh từ đời này đến những đời sau.

**Tato** : Từ vết nhơ đã nói trên.

**Malataraṃ** : Ta sẽ thuyết về vết nhơ tối thượng cho các người nghe.

**Avijjā** : Vô minh, dốt nát, các thầy dốt bỏ vết nhơ Vô minh mà thành bậc Vô nhiễm (nimmalā).

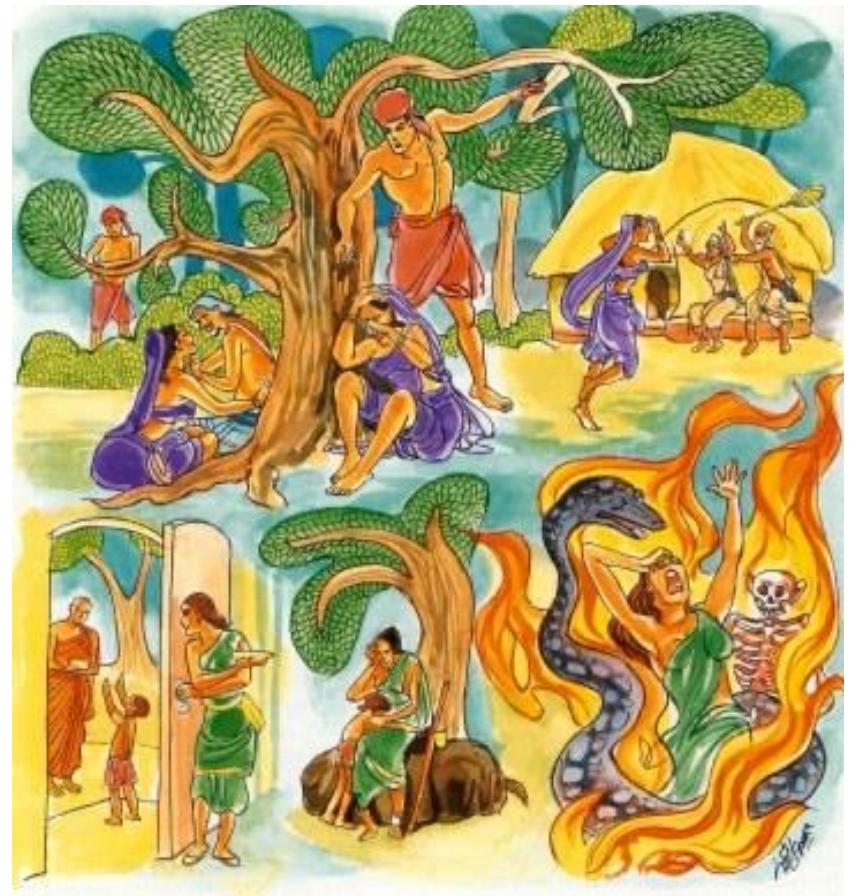
Cuối thời Pháp, nhiều thánh giả chứng đắc Thánh Quả, nhất là Quả Dự Lưu.



## Dịch Giả Cẩn Đề

*Không may vớ phải thú đàn bà  
Trắc nết, lãng loàn thật xấu xa  
Tội phận lảng giềng không tiếp xúc  
Buồn duyên bạn lữ, chẳng giao hòa...  
Chơn ngôn Phật dạy bình tâm xét  
Chánh lý thầy khuyên mở tuột ra  
Nghịch báo, cửa nhà, con ấy nợ  
Đa tình, trẻ đẹp, vợ oan gia.*

DỨT TÍCH CÔNG TỬ BỊ CẠM SỪNG



**242. Tà hạnh làm hồng đàn bà. Tính keo kiệt làm hồng người bố thí. Mọi ác pháp phá hoại đời này lẫn đời sau.**





**243. Vô minh là cầu uế nguy hiểm nhất. Này các Tỳ kheo, hãy đoạn trừ vô minh và trở thành các bậc vô cầu.**

## TỶ KHƯU CŪLASĀRI TÀ MẠNG (*Sujīvaṃ ahirikenāti*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 244-245)

244. “Sujīvaṃ ahirikena, *“Sống không biết tầm quý,*  
Kākasūrena dhamsinā; *Sống lỗ mãng như quạ,*  
Pakkhandinā pagabbhena, *Sống chê bai khoác lác,*  
Saṃkiliṭṭhena jīvitam .” *Sống ngạo mạng nhiễm ô.”*

245. “Hirīmatā ca dujjīvaṃ *“Sống vô cầu khiêm tốn,*  
Niccaṃ sucigavesinā *Sống thường cầu thanh tịnh,*  
Alīnen'appagabbhena *Sống thanh tịnh sáng suốt,*  
Suddhājīvena passatā .” *Khó thay đời sống ấy.”*

(HT Thích Minh Châu)

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Tỳ Khưu Cūlasāri là đệ tử theo hầu Đại Đức Sāriputta.

Tương truyền rằng: Một ngày nọ, sau khi làm nghề thầy thuốc, Tỳ Khưu Cūlasāri được dâng cúng thực phẩm ngon quý, đang ôm bát ra cổng thành, giữa đường gặp Đại Đức, bèn thưa rằng:

- Bạch Ngài, vật thực này con có được nhờ làm y sĩ. Ở nơi khác Ngài sẽ không có được loại vật thực này đâu. Xin thầy hãy thọ dụng vật thực này. Với nghề thầy thuốc, con sẽ cúng dường Ngài vật thực ngon quý như vậy luôn luôn.

Đại Đức nghe dứt mấy lời của đệ tử, Ngài im lặng bỏ đi luôn. Chư Tỳ Khưu về đến chùa, đem chuyện này bạch với Đức Thế Tôn. Ngài dạy rằng:

- Này các Tỳ Khuru, người xuất gia mà vô tâm vô quý, giống như con quạ, sống theo 21 pháp tà mạng để được sung sướng. Còn bậc có đầy đủ tâm quý thì hằng sống vất vả cực khổ.

Nói rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn:

244. “Sujīvaṃ ahirikena,      *“Sống không biết tầm quý,*  
Kākasūrena dhamṣinā;      *Sống lỗ mãng như quạ,*  
Pakkhandinā pagabbhena,      *Sống chê bai khoác lác,*  
Saṃkiliṭṭhena jīvaṃ .”      *Sống ngạo mạng nhiễm ô.”*
245. “Hirīmatā ca dujjīvaṃ      *“Sống vô cầu khiêm tốn,*  
Niccaṃ sucigavesinā      *Sống thường cầu thanh tịnh,*  
Alīnen'appagabbhena      *Sống thanh tịnh sáng suốt,*  
Suddhājīvena passatā .”      *Khó thay đời sống ấy.”*

(HT Thích Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Ahirikenā** : Sống mà không có sự hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi. Tỳ Khuru không có tầm quý, gặp người nữ không phải mẹ cũng nhận làm mẹ mình, người nam không phải cha cũng nhận là cha mình, hoặc dùng lối nói hay hành vi tung bợ người thế theo 21 pháp tà mạng, có thể sống sung sướng.

**Kākasūrena** : Sống bạo dạn như con quạ, như là con quạ lỗ mãng (sūrakāko) muốn xớt vật thực như cháo ... trong nhà khá giả, thường đậu lên trên mái nhà cao như đầu tường..., sợ người ta biết ý đồ của mình nên giả vờ như không có ý nhìn vật chi cả, hoặc giả vờ ngủ, chờ người ta sơ ý, không lưu tâm gìn giữ, nói chuyện cùng nhau, nó bay

xuống cực nhanh xớt đồ ăn đầy miệng rồi bay vụt đi. Cũng như thế, kẻ vô tâm vô quý cùng các Tỳ Khuru vào làng để biết những nơi nào có cúng dường tứ vật dụng. Sau khi khát thực về, chư Tỳ Khuru quán tưởng, rồi tham thiền chú tâm trên đề mục thiền định, hoặc quét sạch Tăng đường. Kẻ vô tâm vô quý thì chẳng làm việc ấy, chỉ thừa cơ Tăng vào làm, sợ chư Tăng để ý mình, dẫu đang nhìn cũng giả cách không nhìn, giả vờ như ngủ hoặc như đang thắt dây lưng, đang xếp y... rồi nói rằng: “*Tôi bận việc này...*” . Từ chỗ ngồi đi vào làng, đến một nhà trong số những nhà được Tăng chỉ định từ sáng sớm. Mặc dầu gia chủ đã khép kín cửa, vị ấy cũng đưa tay mở cửa để đi vào. Khi thấy vị Sa môn, dù muốn dù không, gia chủ cũng phải mời ngồi, tiếp hộ cơm cháo, dâng cúng vật theo khả năng có được của mình. Sau khi thọ thực rồi, còn tàn thực thì kẻ vô tâm vô quý bỏ vào bát mang về. Kẻ vô tâm vô quý sống một cách sung sướng như thế, thật đáng gọi là con quạ lỗ mãng.

**Dhamsinā** : Khi nghe chư Tăng nói: “*Đại Đức tên đó là vị Tỳ Khuru tri túc, thiếu dục...*” thì lại chê rằng: “*Như vậy có gì đáng khen đâu? Chúng ta há chẳng phải cũng là những Sa môn tri túc thiếu dục sao?*” cốt ý hạ bớt giá trị ân đức của kẻ khác và tự đề cao mình. Mọi người nghe vậy, tưởng lầm rằng: “*Vị này cũng là bậc có giới đức trong sạch, tri túc, thiếu dục.*” . Rồi họ nghĩ đến sự cúng dường. Nhưng từ đó về sau, kẻ hay chê bai cũng không lấy được niềm tin của hàng thức giả, vì thế lợi lộc cũng suy tàn. Kẻ hay chê bai (dhamsī) phá hoại lợi lộc của chính mình và của người khác như thế đó.

**Pakkhandinā** : (Sống khoác lác), kẻ khoác lác thì hay mạo nhận những công việc của người khác là công việc chính mình. Như buổi sáng sớm chư Tăng chia nhau thành từng nhóm làm công việc nọ việc kia, như quét sân Thánh tháp chẳng hạn, làm xong việc rồi, ngồi tịnh tham thiền



giây lát mới đứng dậy vào làng khất thực. Lúc bấy giờ kẻ khoác lác mới dậy súc miệng rửa mặt khoác y vàng lên mình, nhỏ thuốc vào hai mắt, xúc dầu... trang điểm thân thể xong, giả vờ lấy chổi quét sân chùa, nhưng chỉ quét qua loa vài cái thôi.

Ngay trước cổng chùa, những người đến từ sáng sớm với ý định “*Chúng ta sẽ lễ bái Thánh tháp, chúng ta sẽ dâng cúng tràng hoa.*”. Trông thấy vị Sa môn đang quét thì nghĩ rằng: “*Nhờ có vị này chăm nom, sân sóc ngôi chùa mới được sạch sẽ như vậy, chúng ta chớ nên lãng quên vị ấy.*”. Nói rồi, họ làm phước cúng dường đến ông ta. Do khéo giả vờ mà kẻ khoác lác sống được an vui hạnh phúc.

**Pagabbhena** : Nhờ có đủ tư cách bạo dạn bằng thân, khẩu, ý do dám liều lĩnh.

**Sankilitt̄hena jīvitam** : Con người sống nếp sống như thế, đáng gọi là sống nhiệm ô. Sống như thế là sống xấu xa tội lỗi.

**Hiramatā ca** : Người có đầy đủ tám quý thì sống khó khăn. Thật vậy: Những ai không phải là cha mẹ ruột, người ấy không mạo nhận: “*Đây là cha mẹ của tôi.*”. Tứ vật dụng không hợp lẽ đạo, người ấy thị như phần uế. Khi đói khát, người ấy đi khất thực với tâm bình đẳng đi bát từng nhà mà nuôi mạng sống và sống một nếp sống đậm bạc, thô sơ.

**Sucigavesinā** : Sống thường cầu thanh tịnh cả ba nghiệp thân, khẩu, ý.

**Alīnena** : Sống hoạt động, không làm biếng.

**Suddhājīvena passata** : Người như thế đáng gọi là người sống trong sạch. Do nếp sống thanh bạch như thế,

người ấy càng nhớ rõ, hiểu rành nếp sống thanh bạch, rồi cam chịu sống vất vả khổ cực với nếp sống đậm bạc thô sơ.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ Khưu đắc Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.



## Dịch Giả Cầu Đề

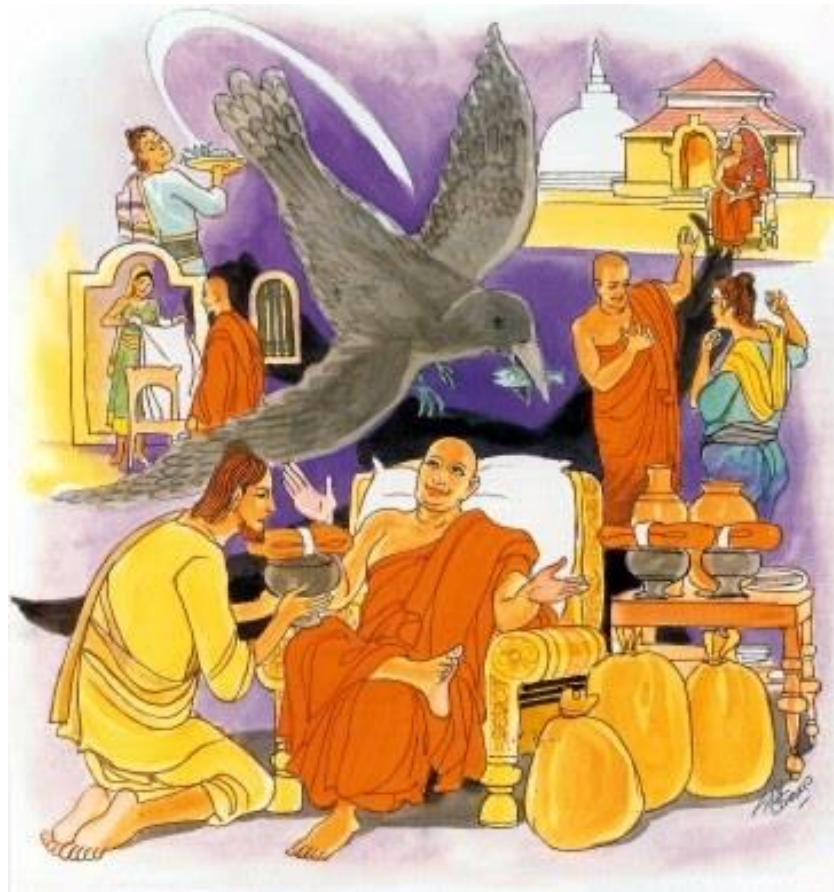
*Tu thật, làm sao cũng chịu nghèo  
Giả thì hồng mắt hạnh Tỳ Khưu  
Mỗi ngày quán tưởng, tùy duyên sống  
Khang bữa tham thiền, liệu sự đeo  
Tà mạng<sup>1</sup>, lòng no ăn giống quạ  
Chánh tâm, bụng đói hời như mèo  
Thánh phàm hai hạng, xừ tình vậy  
Rằng khổ, rằng vui chớ trả treo...*

### DỨT TÍCH TỖ KHƯU CŪLASĀRI

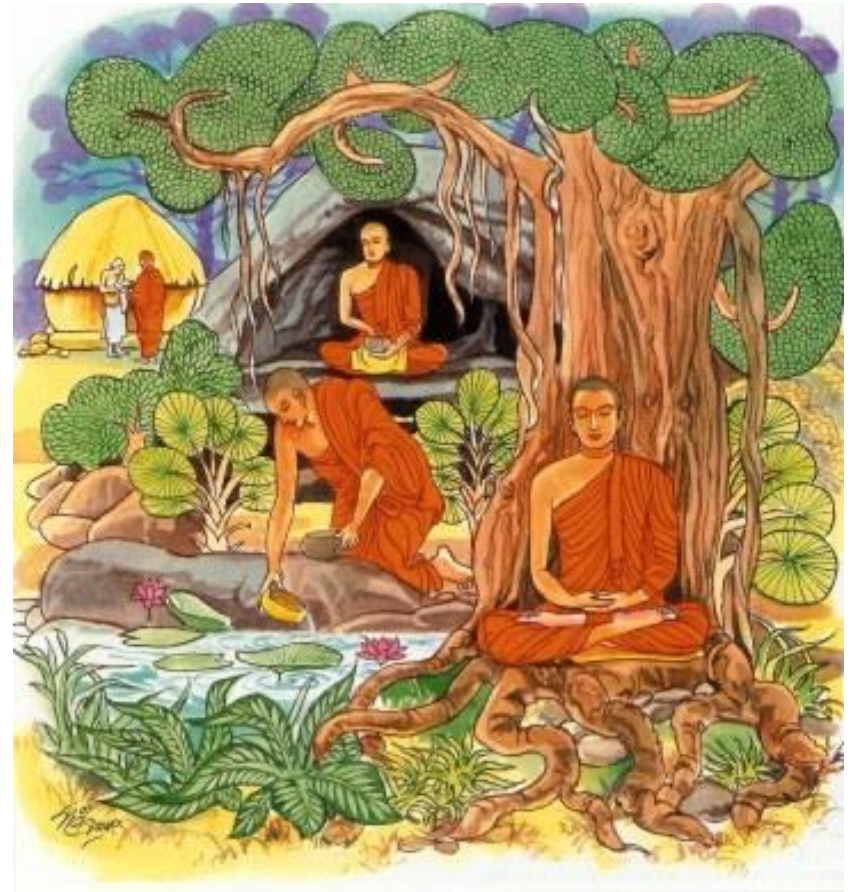


<sup>1</sup> Hai mươi một pháp tà mạng của vị Tỳ Khưu, có ghi trong Tứ Thanh Tịnh giới của Ngài Bửu Chơn. Đây kể sơ lược:

1- Cho tre, 2- Cho lá, 3- Cho hoa, 4- Cho trái, 5- Cho cây đánh răng, 6- Cho nước rửa mặt, 7- Cho vật tắm gội, 8- Cho phấn sáp, 9- Cho đất sét, 10- Nịnh bợ, 11- Nói nửa thật nửa đùa, 12- Giúp đỡ, 13- Làm công nhân, 14- Làm thầy thuốc, 15- Đem tin, 16- Làm tay sai, 17- Cho ăn bất trước, 18- Cho qua cho lại, 19- Làm thầy địa lý, 20- Xem thiện văn, 21- Xem tướng coi tay.



244



245

## NĂM CẬN SỰ NAM (VỚI NĂM GIỚI)

*(Yo pāṇamatimāpetīti)*

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 246-247-248)

246. “Yo pāṇaṃ atiteti Musāvādañ ca bhāsati Loke adinaṃ ādiyati Paradārañ ca gacchati”	“Ai sống hại sinh linh, Nói láo trong đời này, Lấy của người không cho, Qua lại với vợ người,”
247. “Surāmerayapānañ ca Yo naro anuyuñjati Idh’evam eso lokasmiṃ Mūlaṃ khaṇati attano”	“Lại rượu chè say sưa, Người sống đời sống ấy, Tất chính ngay đời này, Tự đào bỏ thiện căn.”
248. “Evaṃ bho purisa jānāhi Pāpadhammā asannnatā Mā taṃ lobho adhammo ca Ciraṃ dukkhāya randhayuṃ”	“Vậy người hãy nên biết, Chế ác chẳng dễ gì, Chớ tham lam phi pháp, Mà trường khổ lụy thân.”

*(HT Thích Minh Châu)*

Pháp cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài trú tại Tinh xá Jetavana, đề cập đến năm ông thiện nam.

Trong năm ông, có một vị giữ giới sát sanh, bốn vị kia mỗi vị giữ một giới khác nhau.

Một hôm cả năm người tranh luận cùng nhau rằng: “Tôi giữ được giới khó giữ nhất.” . Rồi họ mang câu chuyện trình lên Đức Thế Tôn. Nghe xong câu chuyện, Đức Thế Tôn không xác định là giới nào khó giữ nhất, là kém nhất mà Ngài lại dạy rằng:

- Tất cả năm giới đều khó hành trì như nhau.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

246. “Yo pāṇaṃ atiteti Musāvādañ ca bhāsati Loke adinaṃ ādiyati Paradārañ ca gacchati”	“Ai sống hại sinh linh, Nói láo trong đời này, Lấy của người không cho, Qua lại với vợ người,”
247. “Surāmerayapānañ ca Yo naro anuyuñjati Idh’evam eso lokasmiṃ Mūlaṃ khaṇati attano”	“Lại rượu chè say sưa, Người sống đời sống ấy, Tất chính ngay đời này, Tự đào bỏ thiện căn.”
248. “Evaṃ bho purisa jānāhi Pāpadhammā asannnatā Mā taṃ lobho adhammo ca Ciraṃ dukkhāya randhayuṃ”	“Vậy người hãy nên biết, Chế ác chẳng dễ gì, Chớ tham lam phi pháp, Mà trường khổ lụy thân.”

*(HT Thích Minh Châu)*



### CHÚ GIẢI:

**Yo pāṇaṃ atiteti** : Bằng một lối nào trong sáu payoga (phương thế) bằng thân, khẩu hoặc ý cắt đứt mạng căn của kẻ khác.

**Musāvādaṃ** : Người nào nói lời dối trá và phá nát lợi ích của những người khác.

**Loke adinaṃ ādiyati** : Bằng một cách nào trong các cách trộm cắp trong thế gian này mà lấy cắp vật người khác gìn giữ.

**Paradārañ ca gacchati** : Làm điều sai quấy khi xâm phạm những tài vật có kẻ khác bảo vệ.

**Surāmerayapānaṃ** : Bất cứ thứ rượu hay thứ nước có chất say nào.

**Anuyuñjati** : Hằng sống nương vào, hằng thực hành làm cho phát sanh, phát triển.

**Mūlaṃ khaṇati** : Khỏi cần nói đến đời sau, chính trong kiếp hiện tại đây, tài sản nào như ruộng vườn, nhà cửa ... đã tạo được bằng tiền, không biết khuếch trương thêm lại tuôn ra bán lần mà uống rượu là tự mình đang đào gốc tài sản của chính mình để rồi trở thành kẻ bần cùng, nghèo khổ xin ăn.

**Evam bho** : Người vi phạm năm giới cấm được kêu gọi thân mật là bho.

**Pāpadhammā** : Những pháp thấp hèn tội lỗi.

**Asaññatā** : Người vô độ, không tiết chế thân, khẩu lại mãi miết trong sự buông lung, người vô tư lự (acittako).

**Lobho adhammo ca** : Tham và sân hận đều là bất thiện cả hai.

**Ciraṃ dukkhāya randhayuṃ** : Chớ phạm ngũ giới nhất là sát sanh, để khỏi sa vào cảnh khổ như địa ngục, lâu dài không được siêu thoát.

Cuối thời pháp cả năm thiện nam đều chứng đạt Tu Đà Hườn quả. Thính chúng câu hội cũng đạt được nhiều lợi ích.



## Dịch Giải Cửu Đề

*Năm giới đầu tiên nếu chẳng gìn*

*Đường hòng thoát khỏi ngục U minh*

*Sát sanh, trộm cắp đều nên sợ*

*Uống rượu, tà dâm thầy đáng kính*

*Nói dối, cười chơi, thường uống tiếng*

*Rửa ngay, thọc xéo chỉ làm thinh*

*Cư gia khó bước vô dòng Thánh*

*Lỗi tại tham sân, khiến lụy mình.*

DỨT TÍCH NĂM THIỆN NAM GIỮ GIỚI







246



248

**TISSA NHÀ SƯ TRẺ (HAY CHÊ)***(Dadāti ve yathasaddhanti)***KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 249-250)****249. “Dadāti ve yathāsaddham****Yathāpasādanam jano****Tattha yo yathāsaddham****Paresam pānabhojane****Na so divā vā rattim vā****Samādhim adhigacchati .”***“Do tín tâm, hỷ tâm,**Loài người mới bố thí,**Kẻ sanh lòng đố kỵ,**Vật thực cúng đến người,**Ngày đêm không an tịnh.”***250. “Yassa c’etaṃ sammucchinnaṃ****Mūlagacchaṃ samūhātaṃ****Save diva vā rattim vā****Samādhim adhigavvhati .”***“Những ai đã đoạn tận**Dứt trừ tâm ganh tỵ,**Ban ngày lẫn ban đêm,**Tâm hằng được tịnh lạc.”**(HT Thích Minh Châu)*

Pháp Cú này Đức Bổn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Tỳ Khuru Tissa.

Người ta nói rằng: Vị Sa môn trẻ này thường hay chê sự cúng dường, bố thí của Trưởng giả Anāthapiṇḍika, của Bà Visākhā, chê luôn cả sự bố thí của 50 triệu Thánh Thỉnh Văn, cho đến cuộc Vô song thí của Đức Vua Pasenadi cũng bị vị ấy chê tuốt. Vào trong Phước xá, nếu được vật nguội thì vị ấy chê là vật thực quá nguội, được vật thực nóng thì lại chê là đồ nóng. Thí chủ đặt bát ít thì bị vị ấy quở rằng: “Sao lại đặt bát ít thế?”. Còn nếu dâng nhiều thì bị nói rằng: “Có lẽ trong nhà này không còn chỗ cất giữ vật thực sao? Nên họ không biết cúng dường vừa phải để tỳ khuru vừa đủ nuôi mạng thôi, lại dâng cúng quá nhiều cháo cơm như thế này, thật là phí phạm quá.”.

Tuy nhiên, khi nói đến quyền thuộc của mình, nhà sư lại đổi giọng khen ngợi rằng: “Ồ! Ngôi nhà của quyền thuộc chúng tôi thật là quán nước, tha hồ chư Khách Tăng từ bốn phương tựu đến.”

Thật sự thì, vị sư trẻ này vốn là con của người gác cổng thành, nhân đi chung với nhóm thợ mộc, phiên du khắp nơi, đến thành Sāvattihī, rồi y xin xuất gia.

Khi chư vị Tỳ Khuru thấy vị sư trẻ này cứ chê sự bố thí cúng dường của người khác thì nghĩ rằng: “Chúng ta hãy tìm hiểu sự thật về ông sư này đi.” Chư khách tăng hỏi vị ấy rằng:

- Này hiền giả! Quyền thuộc của hiền giả ở đâu?
- Ở nơi làng ấy, nơi trú xứ ấy.

Chư vị Tỳ Khuru phái vài vị Tỳ Khuru trẻ đi dò hỏi. Các vị đi đến làng ấy, được thôn dân cung thỉnh vào ngôi trong Kỳ túc xá. Chờ đợi họ cúng dường vật thực xong, các vị hỏi rằng:



- Có vị sư trẻ tên Tissa, gốc người ở làng này đi xuất gia. Ở đây, ai là thân nhân của vị ấy?

Những người dân nghĩ rằng: “Làng này không có ai là con nhà vọng tộc đi xuất gia cả, vì sao các vị này lại hỏi như thế?”

Họ bạch rằng:

- Bạch Ngài! Chúng tôi có nghe rằng một cậu con trai của người giữ cổng thành, sau khi phiêu lưu cùng với nhóm thợ mộc đã xuất gia rồi. Có lẽ Ngài hỏi về vị ấy phải chăng?

Các vị Tỳ Khuru biết được vị Sa môn trẻ Tissa kia không có quyền thuộc giàu sang, thế lực ở tại đó, nên trở về thành Sāvattthī thuật lại với Tăng chúng rằng:

- Bạch các Ngài! Thầy Tissa không phải nói thật, đã bày chuyện vô cớ, nói nhảm nhí mà thôi.

Chư Tăng mang câu chuyện bạch trình lên Đức Thế Tôn, Ngài phán dạy rằng:

- Nay chư Tỳ Khuru! Chẳng phải bây giờ Tissa mới khoe khoang khoác lác. Thước xưa, y cũng đã từng như thế rồi.

Chư Tỳ Khuru thỉnh cầu Đức Bổn Sư thuyết giảng Bốn sanh, Ngài thuật lại tiền tích với kệ ngôn rằng:

*“Bahumpi so vikattheyya aññaṃ janapadaṃ gato  
Anvāgantvāna dūseyya bhuñja bhoge kaṭāhakāti .”*

*“Khoe khoang khoác lác lung tung  
Đã qua xứ lạ ai lòng mà lo  
Hại thay, bị kẻ theo dò...  
Kaṭāhaka, ăn no đi nò! ...”*

Sau khi thuật xong Bốn sanh Kaṭāhaka, Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Này các Tỳ Khuru! Nếu vị nào cảm thấy hổ thẹn vì được người dâng cúng ít hoặc nhiều, thô đạm hoặc thanh quý, hoặc không được cúng dường sau khi mình đã dâng phần mình cho những người khác, thì thiên định (ghānaṃ) hoặc Minh sát (Vipassanā) hoặc Đạo quả (Maggaphalāni) không phát sanh đến vị ấy.

Nói rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

249. “*Dadāti ve yathāsaddhaṃ “Do tín tâm, hỷ tâm,  
Yathāpasādanaṃ jano Loài người mới bố thí,  
Tattha yo yathāsaddhaṃ Kẻ sanh lòng đổ kỹ,  
Paresaṃ pānabhojane Vật thực cúng đến người,  
Na so divā vā rattim vā Ngày đêm không an tịnh.”  
Samādhim adhigacchati .”*

250. “*Yassa c’etaṃ “Những ai đã đoạn tận,  
sammucchinnaṃ Dứt trừ tâm ganh tỵ,  
Mūlaghacchaṃ samūhātaṃ Ban ngày lẫn ban đêm,  
Save diva vā rattim vā Tâm hằng được tịnh lạc.”  
Samādhim adhigavvhati .”*

(HT Thích Minh Châu)

### CHÚ GIẢI:

**Dadāti ve yathāsaddhaṃ** : Con người ta khi dâng cúng món chi đâu thô bạc hay thanh quý cũng đều tùy theo đức tin của mình mà dâng cúng cả.

**Tathā padānaṃ** : Người phát tâm trong sạch đối với các vị Đại Đức Trưởng Lão... Khi dâng cúng đến các vị ấy là dâng cúng tùy tâm trong sạch của mình.

**Tattha** : Trong sự bố thí (vật thí) của người khác, có trạng thái hổ thẹn sanh lên, nghĩ rằng: “*Ta được ít, ta được đồ thô bạc.*”

**Samādhim** : Ban ngày hoặc ban đêm, người ấy không đặc thiên định như cận định, chánh định hoặc Đạo quả.

**Yassa cetam** : Người nào đã cắt đứt, đã nhổ bật gốc rễ trạng thái bất thiện, có tên là sự hổ thẹn trong những chỗ ấy và đặc A La Hán đạo tuệ. Người ấy là người chứng đạt thiên định ấy.

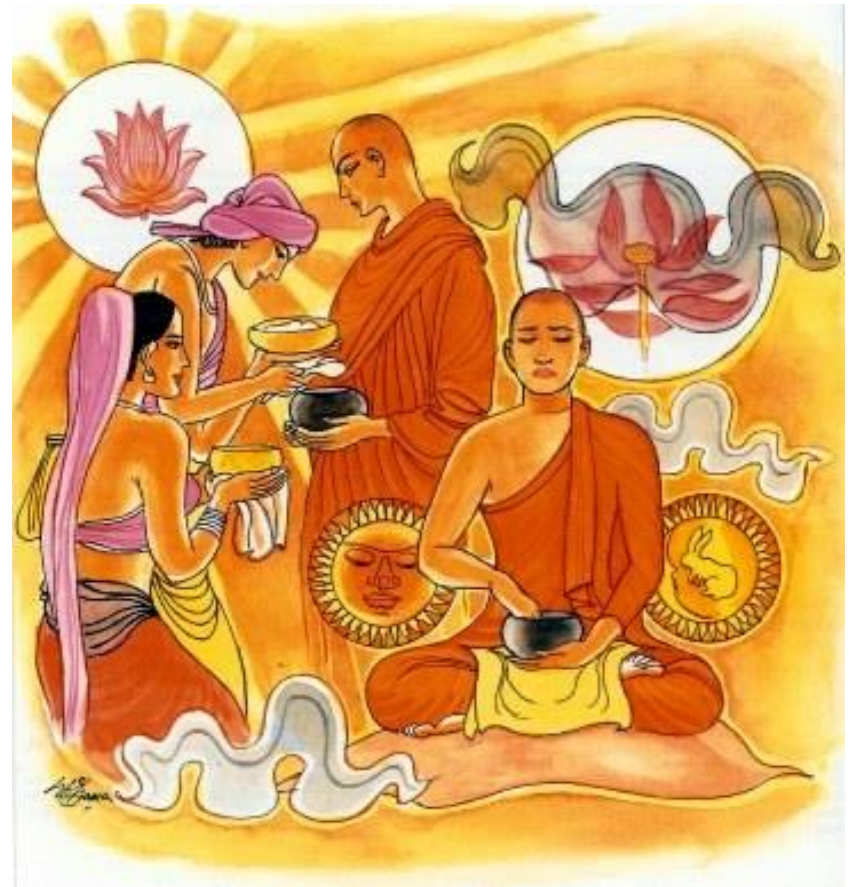
Cuối thời Pháp nhiều vị Tỳ Khưu chứng Thánh Quả, nhất là quả vị Tu Đà Hườn.



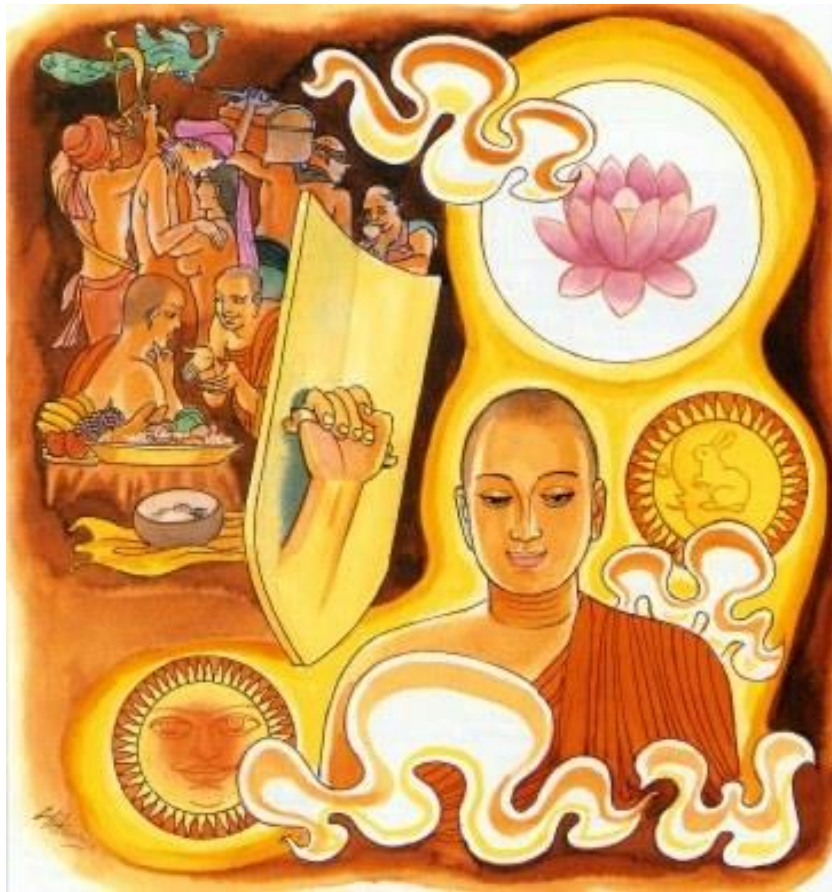
### Dịch Giả Cầu Đề

*Ài ngờ Sư trẻ gốc nhà quê  
Lại giả làm sang có những trẻ  
Thọ ít, than phiền dằng ít quá  
Dằng nhiều, trách móc: thọ nhiều ghê  
Bày điều quyền thuộc ta giàu có  
Đặt chuyện anh em tớ bọn bé  
Rót cuộc để lòi gương mặt mốc  
Ghê người, sao khỏi bị người chê? ...*

DỨT TÍCH NHÀ SƯ TRẺ HAY CHÊ



249



250

## NĂM CẬN SỰ NAM THÍNH PHÁP (*Natthi rāgasamo aggīti*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 251)

“*Natthi rāgasamo aggī*            “*Không lửa nào bằng tham!*  
*Natthi dosasamo gaho*        “*Không chấp nào bằng sân!*  
*Natthi mohasamaṇ jālam*    “*Không lưới nào bằng si!*  
*Natthi taṇhāsamā nadi .*”    “*Không sông nào bằng ái!*”

(HT Thích Minh Châu)

Pháp cú này được Đức Bốn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến năm cận sự nam.

Năm cận sự nam này muốn đi nghe Pháp, bèn rủ nhau đến chùa, đánh lễ Đức Bốn Sư rồi ngồi nép lại một bên nghe pháp. Tâm bậc Chánh Đẳng Giác không bao giờ khởi lên, nghĩ rằng: “*Đây là Sát Đế Ly, đây là Bà La Môn, người này là Trưởng Giả, kẻ ấy là Thủ Đà La (giòng nô lệ). Đây là người giàu, nọ là kẻ nghèo. Đối với người này ta sẽ thuyết pháp cao siêu, đối với người kia ta sẽ thuyết trung bình. Còn đối với người này ta sẽ không thuyết.*” . Dầu bất cứ đối tượng nào, thuyết pháp nào, Ngài vẫn giữ lấy Pháp làm trọng yếu, thuyết Pháp như Thiên hà đổ từ cao xuống vậy (*ākāsaṅgā*).

Trong khi Đức Như Lai đang thuyết giảng Pháp như thế: Năm cận sự nam có năm trạng thái khác nhau: Một ông thì ngủ gật, một ông thì dùng ngón tay xúi dưới đất, ông kia thì ngồi lắc một cái cây, một ông nhìn lên trời, chỉ có một vị ngồi chăm chú lắng nghe Pháp mà thôi.

Đang quạt hầu Đức Thế Tôn, Đại Đức Ānanda nhìn

thấy những hành động ấy, bèn bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài, Ngài thuyết pháp cho các người này nghe, Ví như trời sấm sét trong trận mưa to, thế mà họ lại hành động như thế này thế nọ trong khi Ngài đang thuyết giảng Pháp.

- Này Ānanda! Người không biết gì về những cận sự nam này ư?

- Bạch Ngài! Con không biết.

- Trong những ông ấy, người ngồi ngủ gật đã từng là rắn năm trăm kiếp và mỗi kiếp đều tựa đầu lên mang mà ngủ. Bây giờ ông ta vẫn mê ngủ như thế. Không có tiếng nói nào của ta lọt vào tai ông ta cả.

- Bạch Ngài! Xin Ngài giải rõ sự tái sanh của ông a tuần tự diễn tiến hay là có bị gián đoạn?

- Này Ānanda! Có khi ông sanh làm người, có khi ông sanh làm Chư Thiên, có khi làm Long Vương. Sự tái sanh của ông ta nhiều vô số kể, không thể biết chính xác số lượng. Nhưng trong năm trăm kiếp liên tục, ông đã sanh làm Rắn và cứ mê ngủ như thế, cho đến kiếp này vẫn còn mê ngủ như thế.

Người dùng tay xùi đất kia, đã sanh làm con trùn năm trăm kiếp liên tục, cứ lo đào đất mãi. Bây giờ do thói quen từ trước, ông ta cứ lo xùi đất như thế, tiếng của Như Lai không vào tai ông ta được.

Ông đang ngồi lắng cây, thì đã từng là khi liên tục năm trăm kiếp, vì thói quen tạp nhiễm như thế, ông ta cứ lo lắng cây chớ không lắng nghe Pháp Như Lai.

Còn ông Bà La Môn nhìn trời do đã từng là nhà thiên văn trọn năm trăm kiếp liên tục. Giờ đây do thói quen tạp

nhiệm nên cứ ngồi nhìn trời như thế. Tiếng nói của ta không lọt vào tai của ông.

Vị Bà La Môn ngồi nghe pháp chăm chú kính cẩn, thì đã từng sanh liên tiếp năm trăm kiếp là vị Bà La Môn trì tụng Tam Phệ Đà, chuyên việc tham thiền niệm chú, bây giờ cũng ngồi kính cẩn nghe Pháp, giống như đang niệm chú vậy.

- Bạch Ngài! Pháp của Ngài thuyết banh da xẻ thịt, thẩu tậm xương tủy. Tại sao trong khi Ngài thuyết pháp, mấy ông này lại không chăm chú nghe?

- Này Ānanda! Người ngỡ rằng Pháp Như Lai thuyết là dễ nghe lắm sao? dễ lãnh hội lắm sao?

- Bạch Ngài! Ngài cho rằng Pháp ấy khó lãnh hội lắm sao?

- Thật như vậy, này Ānanda.

- Tại sao vậy? Bạch Ngài.

- Này Ānanda! Những chúng sanh này đã trải qua vô số trăm ngàn kiếp trái đất, chưa từng nghe tiếng Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, cho nên bây giờ không thể nghe được Pháp của ta thuyết đây.

Trong vòng luân hồi vô thủy, những chúng sanh này chỉ thường nghe ngôn ngữ của cầm thú dưới mọi hình thức, bởi vậy họ quen la cà tại những nơi mà người ta ăn uống vui chơi, ca hát, nhảy múa. Họ không thể nào nghe Pháp được.

- Bạch Ngài! Tại cơ nào mà họ không thể nghe Pháp được?

- Này Ānanda! Không thể nghe Pháp được tại vì tham (Rāga), tại vì sân (Dosa), tại vì si (Moha). Không có

lửa nào bằng lửa tham, một thứ lửa không thấy tro than mà hằng thiêu đốt chúng sanh. Lửa nung từ bảy mặt trời sanh lên trong Hoại kiếp của trái đất để thiêu đốt cháy tan thế gian này, thứ lửa ấy có lúc thiêu đốt, có lúc không có để thiêu đốt. Còn lửa tham thì không lúc nào là không thiêu đốt cả. Bởi thế mới gọi rằng: *“Không có lửa nào bằng lửa tham, không chấp nào bằng sân, không lưới nào bằng si, không sông nào bằng sông ái.”*

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

Natthi rāgasamo aggi	<i>“Không lửa nào bằng tham!</i>
Natthi dosasamo gaho	<i>Không chấp nào bằng sân!</i>
Natthi mohasamaṃ jālaṃ	<i>Không lưới nào bằng si!</i>
Natthi taṇhāsamā nadi .”	<i>Không sông nào bằng ái!”</i>

(HT Thích Minh Châu)



### **CHÚ GIẢI:**

**Rāgasamo aggi** : Mặc dầu bên ngoài không thấy có khói, nhưng sức thiêu đốt của tham phát khởi bên trong không có lửa nào sánh bằng.

**Dosasamo** : Mặc dầu Dạ xoa, con trăn, con sấu... có thể cầm giữ quấn chặt, gập cái xác thân này, nhưng so với sự sân thì sự nắm chắc hay cố chấp, không có chấp nào sánh bằng.

**Mohasamaṃ jālaṃ** : Nói về sự bao vây, trùm kín, không chừa lối thoát thì không có lưới nào bằng lưới si.

**Taṇhā samā** : Các sông rạch, khi nước lớn, khi nước ròng và khi cạn hết cũng đều có thể thấy rõ được. Còn khát ái (taṇhā) không có khi đầy tràn hoặc khô cạn.

Luôn luôn lúc nào cũng thấy nó thiếu thốn. Về sự khó làm cho đầy của khát ái, không có sông nào sánh bằng.

Cuối thời Pháp ông cận sự namchăm chú nghe Pháp chứng đắc quả Tu Đà Hườn. Hội chúng cũng được hưởng nhiều sự lợi ích.



### **Dịch Giả Cầu Đề**

- Ông ngồi nhắm mắt ngáy o o...  
 Mặc Pháp cao siêu cứ ngủ khò  
 Thử trước đã từng quen tánh rắn  
 Năm trăm kiếp ngủ ít buồn lo.  
 Ông ngồi xử đất chẳng nghe kinh  
 Tánh cũ thường quen lười xuống sinh  
 Sợ đói đêm ngày, trùn kiếm đất  
 Ngờ đâu đất vẫn ở quanh mình  
 Ông lủ cây kia giữ tánh xưa  
 Năm trăm kiếp khi nứt không chừa  
 Ngồi nghe thuyết Pháp tai dương điếc  
 Tâm động, người ông cứ đẩy đưa.  
 Ông này ngồi cứ ngó trên không  
 Quen tánh xem trời, đoán kiết hung



*Tai chẳng buồn nghe Kinh Phật thuyết  
Tâm còn bận nghĩ chuyện mông lung.  
- Gòn ông kính cẩn rưng nghe kinh  
Do biết tham thiền, đắc quả linh  
Được Phật nhắc vài câu Pháp Cú  
Năm trăm kiếp đạo đủ công trình.*

**DỨT TÍCH NĂM ÔNG THIỆN NAM NGHE PHÁP**





## TRƯỞNG GIẢ MENḌAKA (*Sudassaṃ vajjamaññesanti*)

### KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 252)

*“Sudassaṃ vjjaṃ aññesaṃ    “Thấy lỗi người thì dễ,  
Attano pana duddasaṃ        Thấy lỗi mình mới khó,  
Paresaṃ hi so vajjāni        Lỗi người ta phanh tìm,  
Opunāti yathā bhusaṃ        Như tìm trấu trong gạo.  
Attano pana chādeti        Còn lỗi mình thì dẫu,  
Kalim'va kitavā saṭho .”      Như thợ săn dẫu mình.”*

*(HT Thích Minh Châu)*

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jātiyā gần thành Bhaddiya, đề cập đến Trưởng Giả Menḍaka (Miên Dương).

Tương truyền rằng: Trong khi đi vân du trong xứ Aṅguttara, Đức Thế Tôn quán thấy: Ông Trưởng giả Menḍaka cùng vợ là Candapadumā (Nguyệt Liên), con trai Dhanañjaya (Tài Thắng), người dâu Sumanadevī (Tổ Tâm Nương Tử), cô cháu gái Visākhā (Thiện Chi) và người đầy tớ Puṇṇa (Viên Mãn), tất cả đều có duyên lành với Thánh Quả Tu Đà Hườn. Nên Ngài ngự đến thành Bhaddiya, an cư trong rừng Jātiyā, Trưởng giả Neḍdaka hay tin Đức Thế Tôn đã ngự đến rồi.

Vì sao có tên là Neḍdaka? Người ta đồn rằng: Phía sau nhà của Trưởng giả, trong một khoảng đất rộng tám Karīsa (lối 8 mẫu) có nhiều con trùu (Miên dương) bằng vàng, lớn cỡ con voi, con ngựa và con bò mộng, đội đất hiện ra đứng nối đuôi nhau, đầu lưng cùng nhau chập cả khoảng

đất. Trong miệng chúng có những cuộn chi. Khi nào cần dùng năm món thuốc như bơ, sữa, mật, đường, dầu hoặc vải vóc, y phục hay vàng ròng, vàng thô... người ta móc cuộn chi trong miệng con dê ra, chỉ một con cũng đủ số lượng sữa, bơ, đường... hay vàng ròng, vàng thô cần dùng đủ cho tất cả dân trong cõi Diêm Phù Đề. Nên Trưởng giả có tên gọi là Menḍaka (Miên Dương).

Ông đã tạo thiện nghiệp gì trong quá khứ?

Theo truyền thuyết, vào thời Đức Phật Vipassī, ông có người cậu là Trưởng giả Avarajava và ông cũng đồng tên như cậu của mình.

Bấy giờ, người cậu dự kiến xây dựng một Hương thất. Ông đến gặp mặt cậu và đề nghị:

- Thưa cậu, hai cậu cháu mình hợp tác nhau mà làm nhé.

- Cậu không muốn làm chung với ai cả. Cậu chỉ làm một mình thôi.

Bị cậu từ chối không cho hợp tác, ông nghĩ thầm: *“Khi nào Hương thất này cất xong thì ta sẽ cất thêm một cái Tượng đình (Kuñjarasāla).”* Thế rồi, ông khiến người mang vật liệu từ rừng về, dựng thành một cây trụ cần vàng, một cây cần bạc, một cây cần ngọc Maṇi. Tất cả những cột kèo, đòn tay, ngạch cửa cái, cửa sổ, mái hiên, nóc, mái lợp ông cũng đều cho cần bằng vàng, bạc và ngọc Maṇi như thế. Rồi đối diện với Hương thất, ông cho dựng lên ngôi tượng đình của Đức Như Lai toàn bằng bảy báu. Trên nóc Tượng đình có ba cái tháp nhọn bên dưới bằng vàng khối, bên trên bằng ngọc San hô. Ngay chính giữa tượng đình, ông cho làm một cái nhà bằng Bảo ngọc và cho đặt Pháp toạ trong đó. Bốn chân Bảo tháp, ông cho thợ làm bốn con trùu bằng vàng kê dưới chân Pháp toạ. Làm thêm hai con

trừa để làm ghế kê chân và sáu con khác cũng bằng vàng bao quanh ngôi Giảng Pháp đường. Bên dưới Pháp toạ ông chop dẹt bằng chi thường, lớp giữa là chi vàng và bên trên là chi bạc, còn chỗ dựa lưng của Pháp toạ là gỗ Chiên đàn.

Khi hoàn tất ngôi Tượng đình, ông tổ chức lễ khánh thành, cung thỉnh Đức Thế Tôn cùng với sáu triệu tám trăm ngàn Tỳ Khưu đến dự lễ, rồi cúng dường vật thực suốt bốn tháng. Đến ngày cuối, ông cúng dường Tam y đến toàn thể Chư Tăng, mỗi bộ có giá trị là cả ngàn đồng Kahāpana.

Trong thời Đức Phật Vipassī, ông đã tạo phước lành như thế, nên luân chuyển hai cõi nhân thiên cho đến hiền kiếp (bhaddakappa) này. Ông tái sanh vào một đại gia tộc Trưởng giả ở thành Bārāṇasī và được phong chức Trưởng giả nơi thành ấy.

Một hôm, trong lúc vào cung hầu Đức Vua, ông gặp vị Quân Sư tế tự, hỏi rằng:

- Thưa Quân Sư! Ngài vẫn thường xem Thiên văn để tiên đoán Quốc sự đấy chứ?
- Phải rồi, tôi vẫn thường làm việc này, ngoài ra tôi còn có đảm nhận việc gì khác đâu.
- Xin Quân Sư cho biết tình hình trong nước như thế nào?
- Sẽ có một thiên tai nặng nề.
- Thiên tai chi thế?
- Nạn đói sẽ hoành hành, Trưởng giả ạ.
- Chừng nào mới có nạn đói?
- Kể từ nay cho đến ba năm nữa

Được nghe lời tiên đoán của vị Quân Sư tế tự, Trưởng giả thành Bārāṇasī đốc thúc người nhà làm thật nhiều ruộng, xuất hết tiền của hiện đang có mua trữ thóc gạo, cho xây dựng 2500 kho, vừa chứa lúa, đồ đầy kho vừa ấy. Khi kho hết chỗ chứa lúa, ông cho đổ đầy các lu, hũ... và cho đào hố chôn dưới đất. Số còn dư sau cùng ông cho nhào trộn cùng đất sét rồi trét lên vách nhà.

Thời gian sau, khi có nạn đói, ông cho lấy số lúa được tích trữ ra mà dùng. Khi số lúa để dành trong các kho lấm, các đồ đựng đã hết sạch. Trưởng giả cho triệu tập tất cả gia nhân đến, bảo:

- Các người hãy vào trong núi mà sống chung với nhau. Đến thời hết nạn đói thì trở về, ai muốn về với ta thì về, bằng không thì cứ ở luôn nơi đó đi.

Bấy giờ, chỉ còn có người nô lệ tên Punṇa là ở lại phục dịch hầu hạ chủ mà thôi. Gia tộc chỉ còn lại tổng cộng là năm người: hai ông Bà Trưởng giả, cậu Công tử, Cô dâu và người tớ Punṇa. Dùng số lúa chôn dưới đất đã hết, Bà Trưởng giả đập số đất sét trét tường ra, lọc lấy những hạt thóc để nấu cơm, cháo sống qua ngày. Khi nạn đói kéo dài, số hạt thóc trét tường cũng hết, chỉ còn lại độ nửa ālahaka lúa, giả ra được một lon gạo. Bà Trưởng giả tự nghĩ: *“Trong thời đói kém, kẻ trộm cướp rất nhiều.”* Vì sợ trộm cướp bà bỏ gạo vào cái vò, đem chôn dưới đất.

Khi Trưởng giả đi châu Vua về, ông bảo vợ rằng:

- Bà ơi! Tôi đói bụng quá, có chi cho tôi ăn không?

Thai vì nói *“Không có chi”*, vợ ông lại nói:

- Thưa ông! Còn một lon gạo.

- Bà để ở đâu?

- Tôi chôn dưới đất vì e sợ trộm cắp.
- Vậy bà hãy đào lên lấy chút ít nấu cơm đi.
- Nếu tôi nấu cháo thì sẽ dùng được hai bữa. Còn nấu cơm thì chỉ dùng được một bữa thôi. Vậy tôi sẽ nấu cái chi đây thưa ông?
- Chúng ta chỉ còn nước ăn cơm rồi chờ chết, chớ còn làm cái chi nữa đâu. Bà hãy nấu cơm đi.

Bà trưởng giả lấy gạo nấu cơm, rồi chia làm năm phần, rồi chia làm năm phần, xúc trong nồi ra một phần đây một bát của ông Trưởng giả, để trước mặt ông.

Bấy giờ, trong núi Gandhamādana (Hương Đàn) có vị Độc Giác Phật vừa xuất thiên Diệt. Theo truyền thuyết, trong lúc nhập Đại Định, vị Độc Giác Phật không bị sự áp bức của đói khát do nhờ mãnh lực thiên định. Nhưng khi xuất khỏi định, sự đói khát phát khởi mãnh liệt, như có lửa đốt phía bụng dưới các Ngài. Bởi thế, các Ngài quán xét nơi nào có được vật thực là Ngài sẽ đến ngay nơi đó để thọ nhận vật thực. Trong ngày ấy, người cúng dường đến vị ấy sẽ được quả sanh khởi ngay trong hiện tại mau chóng, chẳng hạn như sẽ trở thành vị Trưởng giả hay trở thành quan Đại Thần... Khi Đức Phật Độc Giác dùng thiên nhãn quán xét cõi Diêm Phù, thấy nạn đói đang hoành hành và hình ảnh năm người trong gia tộc Trưởng giả lọt vào võng trí của Ngài, thấy cả năm người chỉ còn có một lon gạo để nấu cơm. Ngài tự hỏi: *“Những người này có đức tin và cúng dường đến ta chăng?”*. Khi quán thấy họ có đức tin và có sự cúng dường vật thực đến mình. Đức Phật Độc Giác từ núi Gandhamādana ngự xuống, đứng trước nhà ông Trưởng giả.

Thấy Ngài, trưởng giả phát tâm trong sạch, nghĩ rằng: *“Vì kiếp trước ta không làm phước bố thí, nên kiếp*

*này gặp phải cảnh đói khát như thế này. Phần cơm này chỉ hộ trì ta sống được một bữa, nhưng nếu ta cúng dường nó đến Ngài, nó sẽ có lợi ích cho ta vô số kiếp trái đất.”*.

Thế rồi, Trưởng giả dời bát cơm qua một bên, đánh lễ dưới chân Đức Độc Giác với ngũ thể đầu địa, đoạn rước Ngài vào nhà, thỉnh Ngài ngồi nơi được soạn sẵn, dùng nước rửa chân Ngài, đặt ghế thấp bằng vàng cho Ngài gác chân. Xong rồi đem cúng dường bát cơm của mình đến Đức Độc Giác Phật. Khi ông sốt được phân nửa bát cơm thì Đức Độc Giác dùng tay ngăn lại. Trưởng giả thưa rằng:

- Bạch Ngài! Một lon gạo nấu thành cơm, được chia cho năm người, đây là phần của con, không thể xẻ phần này ra làm hai được. Con không xin Ngài ban phước trong hiện tại, con chỉ cúng dường Ngài cả phần cơm này để lợi ích trong vị lai.

Nói rồi, Trưởng giả cúng dường trọn bát cơm đến Đức Độc Giác Phật, xong rồi ông phát nguyện rằng:

- Bạch Ngài! Trong các cảnh giới Luân hồi, xin cho con đừng bao giờ gặp lại cảnh nạn đói như đây. Hơn nữa, từ nay về sau cho con có đủ phương tiện, khả năng bố thí lúa gạo cho tất cả cư dân trong toàn cõi Diêm Phù. Xin cho con khỏi phải làm lụng vất vả để nuôi sống. Sau khi cho người quét sạch 2500 kho lúa, con gọi đầu ngay trước những kho lúa ấy, khi ngẩng lên trời thì trận mưa lúa Sālī đổ từ trên hư không tràn ngập vào các kho vựa. Và trong những cảnh giới tái sanh, xin cho những người này sẽ là vợ, là con trai, là con dâu, là nô nhân như trong hiện tại đây.

Bà Trưởng giả suy nghĩ: *“Trong khi chồng ta nhịn đói xót ruột. ta không thể nào no bụng riêng mình được.”*.

Rồi bà cũng đem phần cơm của mình cúng dường đến Đức Độc Giác, phát nguyện rằng:

- Bạch Ngài! Xin cho con từ nay trở đi, dầu tái sanh ở cảnh giới nào, đừng bao giờ cho con gặp lại cảnh đói khủng khiếp như vậy nữa. Xin cho con có quyền năng bố thí cơm đến tất cả cư dân trong toàn cõi Diêm Phù, bằng cách đặt một nồi cơm trước mặt, con xúc cơm bố thí cách mấy nồi cơm vẫn đầy tràn lại như cũ, cho đến khi con đứng dậy mới thôi. Xin cho những người này sẽ là chồng con, con trai con, con dâu con và nô bộc của con y như quan hệ bây giờ.

Công tử con Trưởng giả cũng dâng phần cơm của mình lên Đức Phật Độc Giác và phát nguyện rằng:

- Xin cho con đừng bao giờ gặp nạn đói như vậy nữa. Xin cho con có quyền năng, chỉ với một túi tiền đặng ngàn đồng, con có thể bố thí cho tất cả cư dân trên cõi Diêm Phù, dầu cho con có bố thí bao nhiêu, túi tiền vẫn không vơi. Xin cho những người này hãy là cha, là mẹ, là vợ, là nô bộc của con như quan hệ trong hiện tại này mãi mãi.

Cô dâu của Trưởng giả cũng dâng cúng phần cơm của mình đến Đức Phật Độc Giác và nguyện rằng:

- Xin cho con đừng bao giờ gặp nạn đói như vậy nữa. Xin cho con có quyền năng bố thí cho tất cả mọi người trên cõi Diêm Phù này, xin cho thúng mễ cốc mà con dùng bố thí chẳng bao giờ vơi. Trong các cảnh giới con tái sanh xin cho những người này là cha chồng, mẹ chồng, là chồng và nô bộc của con như trong hiện tại đây.

Người tớ Punṇa cũng dâng phần cơm của mình đến Đức Phật Độc Giác, phát nguyện rằng:

- Xin cho con đừng gặp cảnh đói như vậy nữa. Xin cho tất cả những người này hãy là chủ của con mãi mãi. Khi con cày một đường cày thì mỗi bên lại có thêm ba đường cày rộng rộng một aminaṇa.

Trong ngày ấy, người tớ Punṇa có thể nguyện kết quả là vị Đại Thần được nhưng vì lòng mến chủ nên tự nguyện “Xin cho những người này mãi là chủ của con” như vậy.

Khi mọi người cúng dường và phát nguyện xong rồi, Đức Phật Độc Giác chúc phúc:

- Mong cho được như vậy.

Rồi tụng lên kệ ngôn mà chư Độc Giác hằng tụng chúc phúc khi thọ thực. Ngài suy nghĩ rằng: “*Ta có phận sự khiến cho những gia chủ này phát tâm hoan hỷ và tịnh tín hơn nữa. Mong cho những người này trông thấy ta về đến núi Gandhamādana.*”. Ngài theo đường hư không về núi. Cả năm người chứng kiến như đang diễn ra trước mắt mình. Về đến núi Ngài mang phần cơm ra cúng dường đến 500 vị Độc Giác Phật. Nhờ thần lực của Ngài, cả 500 vị Độc Giác dùng cơm ấy vẫn không hết. Cả năm người chứng kiến quang cảnh ấy càng tịnh tín và hoan hỷ thêm lên.

Qua khỏi giờ ngọ rồi, Bà Trưởng giả đem nồi đi rửa, xong rồi đem cất. Ông Trưởng giả vì bụng cồn cào do đói nên đi ngủ, đến xế chiều ông thức giấc nói với vợ rằng:

- Bà ơi! Tôi đói quá, bà coi dưới đáy nồi còn dư sót cơm chăng?

Dầu biết rằng đã rửa nồi cất rồi nhưng Bà Trưởng giả không nói là “*Không còn gì đâu*”, mà lại nói:

- Để tôi giờ coi thử.

Bà đứng dậy đi đến cái nồi, giờ nắp nồi ra. Lại thay! Trong nồi đầy ắp cơm trắng, mùi thơm như nụ hoa lài. Cơm nở vun lên đầy nắp nồi lên cao.

Thấy vậy, toàn thân Bà Trưởng giả phát sanh phi lạc, bảo rằng:

- Ông ơi! Hãy dậy xem này, tôi đã rửa nồi cất đi rồi. Thế mà bây giờ trong nồi, cơm trắng xuất hiện thơm như những nụ hoa lài. Việc phước thiện quả thật đáng nên làm, việc bố thí thật đáng nên làm. Ông hãy ăn cơm đi.

Rồi bà mang cơm cho cả Trưởng giả, mình, Công tử, con dâu và nô lệ Puṇṇa dùng. Mặc dầu cơm được xúc dùng no đủ nhưng vẫn đầy tràn trở lại như cũ không hề vơi đi một muống nào cả.

Cũng ngay trong lúc ấy, những kho lức của Trưởng giả khi trước tràn đầy như thế nào, thì nay lại tràn đầy như thế đó. Trưởng giả cho người loan truyền khắp thành Bārāṇasī rằng:

- Trong nhà Trưởng giả có cơm trắng phát sanh. Ai thiếu hạt lúa gạo hãy đến đó mà lãnh đi.

Thế là, tất cả dân trong cõi Diêm Phù nhờ ông Trưởng giả mà thoát khỏi nạn đói, được sống còn.

Sau khi mệnh chung, tất cả sanh về Thiên giới. Đến thời hiện tại, từ nơi Thiên giới Trưởng giả hạ sanh vào một gia tộc Trưởng giả trong thành Bhaddiya. Bà Trưởng giả cũng tái sanh vào một gia đình cự phú. Khi trưởng thành, hai người được thành gia tộc với nhau như quan hệ trong thủa trước. Do phước của tiền nghiệp, phía sau nhà Trưởng giả nổi lên những con trều bằng vàng như đã nói ở trước. Cậu Công tử, cô dâu và chàng nô bộc Puṇṇa cũng sum họp trong gia tộc như lời nguyện ước khi xưa.

Một hôm, để trải nghiệm quả phước của mình, sau khi cho người quét sạch một ngàn năm trăm kho lúa, ông gọi đầu tại cửa kho, xong rồi ngược mắt nhìn lên hư không. Tất cả các kho lúa tự nhiên đầy ắp lúc Sāli đỏ như đã thuật ở trước.

Ông Trưởng giả muốn trải nghiệm phước của Bà Trưởng giả nên bảo rằng:

- Các người hãy thử nghiệm quả phước của mình xem sao?

Bà Trưởng giả trang điểm thật xinh đẹp, đeo tất cả những nữ trang lên mình, ngay trước mặt đại chúng, bà đong một đấu gạo đầy đủ nấu một nồi cơm, bà ngồi lên chỗ đã soạn sẵn tại phòng khánh tiết, tay cầm muống vàng, bà gọi lớn rằng:

- Ai cần dùng cơm hãy đến nơi đây.

Bất cứ người nào mang chén, tô... bà đều múc đầy cơm trắng vào cả. bà cho cơm như thế suốt cả ngày mà nồi cơm trắng không hề vơi, vẫn tràn đầy như cũ

Trong những kiếp trước nàng Candapadumā đã từng cúng dường đến chư Tỳ Khưu Tăng của các vị Cổ Phật, cũng như bây giờ, bà tay trái bưng nồi cơm, tay phải cầm muống sốt cơm đầy bát dâng đến chư Tăng. Nhờ vậy mà lòng bàn tay trái của bà có hình hoa sen, còn lòng bàn tay phải có hình mặt trăng tròn, nên bà có tên là Candapadumā. Hơn nữa, bà đã từng cầm đồ lọc nước đi tới đi lui, lọc nước hộ chư Tỳ Khưu Tăng. Nhờ vậy lòng bàn chân phải của bà có hình mặt trăng, còn lòng bàn chân trái thì có hình cánh hoa sen.

Bấy giờ, Công tử tên là Dhanañcaya cũng gọi đầu, lấy túi tiền có đựng ngàn đồng vàng của mình ra, tuyên bố

rằng:

- Những ai cần tiền hãy đến đây.

Tất cả mọi người đến, cầm các thứ đồ đựng, đều được cậu cho đầy đủ, nhưng túi tiền vẫn còn nguyên vẹn ngàn đồng Kahāpana.

Đến nàng dâu Sumanadevī, cô cũng trang điểm và đeo tất cả nữ trang rồi bung thúng lúa ra ngồi ngoài sân trống rạo lớn:

- Những ai cần dùng mẽ cốc hãy đến đây.

Mọi người cầm thúng, đồ đựng đưa ra, tất cả đều được nàng cho đầy đủ, nhưng thúng lúa không hề rơi đi chút nào cả.

Người tớ Puṇṇa cũng trang điểm bằng đủ thứ đồ trang sức, rồi mặc bỏ vào ách vàng, dây giàng vàng, tay cầm roi vàng, in dấu năm ngón tay của bàn tay xoè có thoa hương liệu lên mình bò và buộc dây lên sừng con bò những chén chung bằng vàng. Xong rồi, anh mới dắt bò ra ngoài ruộng, bắt đầu cày. Lập tức lớp đất mặt lật lên thành bảy luống cày: ba luống bên này, ba luống bên kia và một luống ngay chính diện.

Thế là, từ nơi Trường giả, chúng dân cõi Diêm Phù được lãnh nào là mẽ cốc, nào là vàng thô, vàng ròng, đủ thứ tùy theo nhu cầu, sở thích.

Khi Trường giả là người đại phúc như thế, hay tin Đức Thế Tôn ngự đến, ông quyết định: “*Ta sẽ đi nghinh tiếp Đức Bốn Sư.*” . Ra khỏi nhà, dọc đường ông gặp các nhóm du sĩ ngoại đạo. Họ hỏi ông:

- Này gia trưởng! tại sao ông là người theo thuyết hữu vi mà lại đi tìm Sa môn Gotama là người chủ trương thuyết Vô vi?

Dầu họ có ngăn cản, Trường giả cũng không màng nghe theo họ, cứ thế đi đến gặp Đức Bốn Sư, đánh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, Đức Bốn Sư thuyết lên tuần tự Pháp cho ông ta.

Cuối thời Pháp, Trường giả Menḍaka đặc quả Tu Đà Hườn. Ông kể lại chuyện các nhóm ngoại đạo nói xấu Đức Thế Tôn, cốt để ngăn cản không cho ông giảng Đức Thế Tôn.

- Này gia trưởng, đối với những chúng sanh này, đầu lỗi của họ có lớn đến đâu họ cũng không thấy. Còn người khác không có lỗi gì, họ cũng bịa đặt ra mà nói như là sàng sẩy trâu vậy.

Nói rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Sudassaṃ vjjaṃ aññesaṃ	“Thấy lỗi người thì dễ,
Attano pana duddasaṃ	Thấy lỗi mình mới khó,
Paresaṃ hi so vajjāni	Lỗi người ta phanh tìm,
Opuṇāti yathā bhusaṃ	Như tìm trấu trong gạo.
Attano pana chādeti	Còn lỗi mình thì dẫu,
Kalim'va kitavā saṭho .”	Như thợ săn dẫu mình.”

(HT Thích Minh Châu)





**CHÚ GIẢI:**

**Sudassam** : Một mây may tội lỗi của người khác cũng dễ thấy, ta có thể thấy được dễ dàng. Trái lại, tội lỗi của chính mình đâu hết sức to lớn ta cũng cũng khó thấy được.

**Paresam hi** : Bởi lẽ đó, Tỳ Kheuru ở giữa Tăng chúng hằng nêu lên những tội lỗi của những vị khác mà bắt bẻ, y như người ta sàng sảy trấu trong gạo vậy.

**Kalim'va kitavā saṭho** : Ở đây tiếng Kali ám chỉ xác thân con người mà loài chim sợ, không dám đến gần, tiếng Kitvā chỉ sự nguy trang như dùng nhánh, lá cây cho dấu thân mình, là xảo thuật của người săn chim. Người thợ săn chim muốn bắt chim làm thịt phải nguy trang, che dấu thân mình như thế nào, thì người che dấu lỗi mình cũng như thế đó.

Cuối thời pháp, nhiều người chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

**Dịch Giả Cầu Đề**

*Năm người nhìn đối chẳng rời nhau  
 Rời chết mà còn nhẹ khổ đau  
 Kiếp trước chung tình giờ khốn khổ  
 Đời sau hiệp mặt buổi sang giàu  
 Bạc vàng bỏ thí hoài không hết  
 Lúa thóc quy hoàn mãi, rất mau  
 Chồng, vợ, con cháu, thêm tớ giỏi  
 Gương ông Trưởng giả sáng lâu lâu  
 Rề nói xấu người để tự khoe  
 Miên Dương có trí chẳng thềm nghe  
 Xưa tình Hộ Pháp nay tìm Phật  
 Chứng quả ban đầu thật khỏe re.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG GIẢ MENḌKA





252

## ĐẠI ĐỨC UJJHĀNASĀÑÑĪ (*Paravajjānupassissāti*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 253)

*“Paravajjānupassissa,  
Niccaṃ ujjhānasaññino,  
Āsavā tassa vaḍḍhanti,  
Ārā so āssvakkhayā .”*

*“Ai thấy rõ lỗi người,  
Thường sanh lòng nóng giận,  
Lậu hoặc ắt tăng trưởng,  
Rất xa lậu hoặc trừ.”*

(HT Thích Minh Châu)

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến vị Đại Đức Ujjhānasaññī (Ưa Bắt Lỗi).

Tương truyền rằng: Vị Đại Đức này hay đi đây đi đó, tìm lỗi chư Tỳ Khưu, nói rằng: “Ông này mặc y như thế này, ông kia khoác y vai trái như thế kia.”. Chư Tỳ Khưu mách với Đức Bốn Sư rằng:

- Bạch Ngài! Có vị Đại Đức Ujjhānasaññī thường hành động như thế đó.

- Này các Tỳ Khưu! Người đứng ở địa vị trưởng, khi ban huấn từ để giáo hoá thì không gọi là người ưa bắt lỗi. Còn người có tâm đi tìm lỗi người để chỉ trích, là người vạch lá tìm sâu thì trong tám bậc thiên, đâu một bậc cũng

không phát sanh đến người đó, mà toàn là lậu hoặc tăng trưởng lên thôi.

Nói rồi, Đức Bốn Sư ngâm lên kệ ngôn rằng:

“Paravajjānupassissa,      *“Ai thấy rõ lỗi người,*  
Niccaṃ ujjhānasaññino,   *Thường sanh lòng nóng giận,*  
Āsavā tassa vaḍḍhanti,    *Lậu hoặc ắt tăng trưởng,*  
Ārā so āssvakkhayā .”      *Rất xa lậu hoặc trừ.”*

(HT Thích Minh Châu)

### CHÚ GIẢI:

**Ujjhānasaññino** : “*Phải mặc y nội như vậy, phải mặc y vai trái như vậy ...*” Người nào mà ưa đi tìm lỗi người để chỉ trích thế nọ, thế kia, thì một trong tám bậc thiền định không phát triển đến người đó mà các lậu hoặc lại tăng trưởng. Bởi lẽ đó, người ấy rất xa cái gọi là A La Hán lậu tận. Cuối thời Pháp, nhiều người chứng đắc quả Thánh, nhất là Tu Đà Hườn quả.

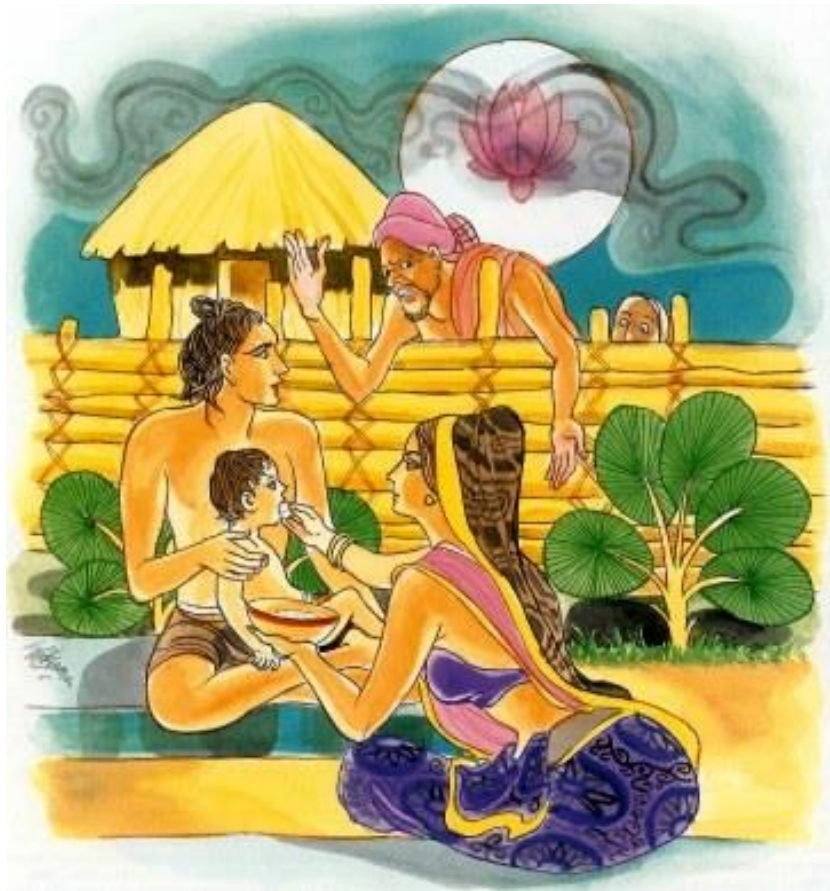


### **Dịch Giả Cầu Đề**

*Phải được làm Sư mới dạy trò  
Không thì chớ để nặng lòng lo...  
Càng hay chỉ trích tâm càng động  
Lỗi nhỏ nơi người lại thấy to  
Bắt lỗi ai chi tự xét mình  
Tâm từ thanh tịnh, miệng làm thinh  
Tám thiền, tám quả, may còn đạt  
Lậu hoặc nhờ đây hết tái sinh.*

**DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC ƯA BẤT LỖI**





253

**DU SĪ SUBHADDA**  
**(Ākāseva padaṃ natthīti)**

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 254-255)**

**254. “Ākāse padaṃ natthi  
 Samaṇo natthi bāhire  
 Papañcābhiratā pajā  
 Nippapañcā tathāgatā .”**

**“Hư không không dấu vết  
 Ngoại đạo không Sa môn  
 Chúng anh thích hư vọng  
 Như Lai vọng diệt trừ.”**

**255. “Ākāse padaṃ natthi  
 Samaṇo natthi bāhire  
 Saṅkhārā sassatā natthi  
 Natthi Buddhānaṃ iñjitaṃ.”**

**“Hư không không dấu vết  
 Ngoại đạo không Sa môn  
 Hữu vi không thường trú  
 Chư Phật không loạn động.”**

(HT Thích Minh Châu)

Pháp Cú này Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại rừng Ta la xứ Kusināra, đề cập đến su đĩ Subhadda, khi Ngài ngoạ thiên trên giường của xứ Malla, tại Upavattana.

Tương truyền rằng: Trong thời quá khứ, khi em trai của Subhadda trong một mùa lúa đã làm phước cúng

dường chín lần những sản phẩm đầu tiên thì chính Subhadda không thích làm phước, nên cứ trì hoãn mãi, nhưng rốt cuộc cũng làm phước. Do đó, ông không gặp được Đức Phật trong thời giác ngộ đầu tiên và thời giác ngộ khoảng giữa của Ngài. Tuy nhiên vào lúc Hậu Thời Giác, khi Đức Bốn Sư sắp Níp Bàn, Subhadda tự nghĩ:

- Ta vẫn thắc mắc về ba nghi vấn mà ta chưa hỏi Sa môn Gotama, vì ta cho là ông ta còn trẻ quá. Nhưng giờ đây, là thời Sa môn Gotama sắp viên tịch, nếu ta không hỏi ông thì sau này ta phải hối tiếc.

Khi ông vào gần Đức Bốn Sư, Đại Đức Ānanda tìm lời ngăn cản ông, nhưng Đức Bốn Sư đã cho phép ông được dịp may gặp Ngài. Ngài bảo:

- Nay Ānanda đừng cản ngăn Subhadda, hãy để cho thầy ấy vào gặp Như Lai.

Nghe vậy, Subhadda vén màn bước vào trong, ngồi tại chân giường và hỏi Đức Bốn Sư ba câu rằng:

- Thưa Sa Môn Gotama, trên hư không có dấu vết gì chẳng? Ngoài Phật giáo có Sa Môn chẳng? Pháp hữu vi có thường tồn chẳng?

Đức Thế Tôn chỉ rõ nhưng vật ấy là không thật hữu rồi Ngài dạy hai kệ ngôn rằng:

254. “Ākāse padaṃ natthi Samaṇo natthi bāhire Papañcābhiratā pajā Nippapañcā tathāgatā .”	“Hư không không dấu vết Ngoài đạo không Sa môn Chúng anh thích hư vọng Như Lai vọng diệt trừ.”
--	---

255. “Ākāse padaṃ natthi Samaṇo natthi bāhire	“Hư không không dấu vết Ngoài đạo không Sa môn
--	---

Saṅkhārā sassatā natthi Natthi Buddhānaṃ iñjitaṃ .”	Hữu vi không thường trú Chư Phật không loạn động.”
--	---

(HT Thích Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Padam** : Trên hư không này không có vết tích của ai cả, ví như ta không thể làm hiển lộ vật gì không có màu sắc, hình dáng ra sao cả.

**Bāhino** : Ngoài Giáo Pháp của Như Lai, không có hạng Sa Môn chứng đắc Bốn Đạo và Bốn Quả.

**Pajā** : Chúng sanh trên thế gian này vui thích trong những Pháp chướng ngại cho sự giải thoát, nhất là ái dục (Taṇhā) .

**Nippapañca** : Như Lai không còn chướng ngại vì đã cắt đứt tận và mọi chướng ngại trong bờ giác ngộ dưới cội Bồ Đề.

**Saṅkhārā** : Trong ngũ uẩn, không có một uẩn nào là thường tồn cả.

**Iñjitaṃ** : Trong các tâm vọng động, cố chấp rằng các pháp hữu vi là thường tồn, như tâm ái dục, ngã mạn, tà kiến... Chư Phật không có một vọng tâm nào cả.

Cuối thời Pháp, du sĩ Subhadda đắc quả A Na Hàm, Tứ chúng hiện diện nơi ấy cũng hưởng được lợi ích.





### Dịch Giả Cử Đề

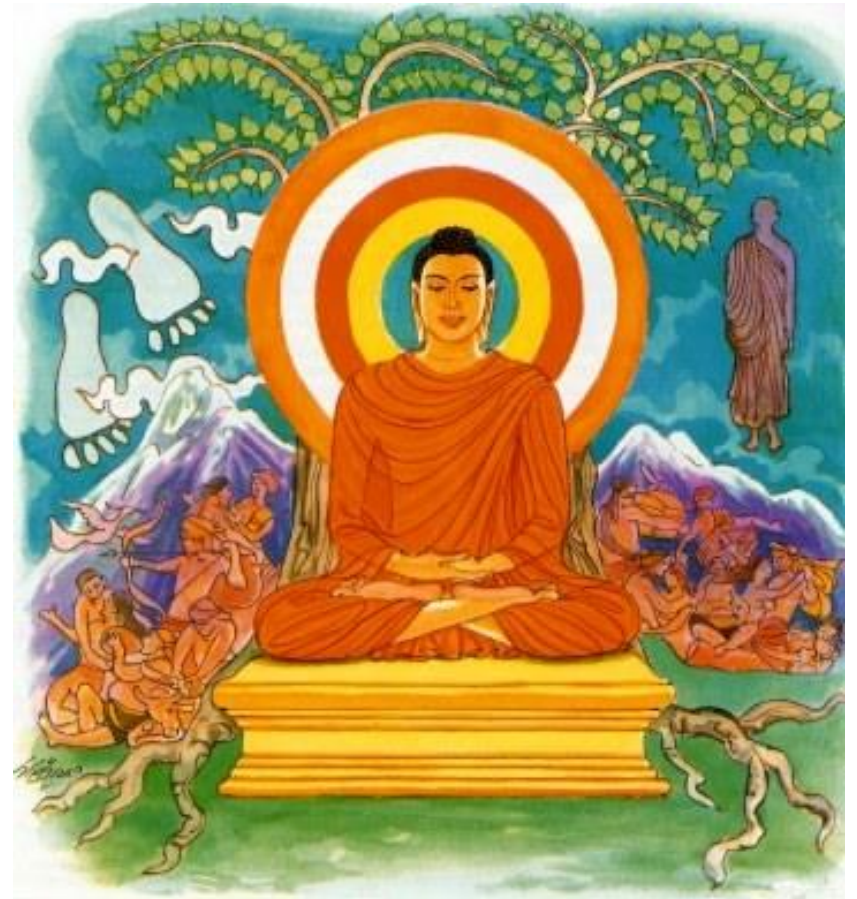
*Chần chờ, chậm gặp Đức Như Lai  
 Những thắc mắc này biết hỏi ai  
 Phật sắp Níp Bàn, cơ hội chót  
 Bỏ qua, sau sẽ hận lâu dài  
 Phật vẫn trông chàng Sú Phách Đa  
 “Thỉnh Văn tối hậu của đời ta,  
 Ānanda cứ để chàng vào hỏi  
 Dứt hết hoài nghi đấng quả đā”  
 “Kìa không không giữ dấu chân bay  
 Chẳng có Sa môn ngoài đạo này  
 Ngũ uẩn thường tồn không thể có  
 Tam không, Phật đã giải cho thầy!” ...*

DỨT TÍCH DU SĨ SUBHADDA



DỨT PHẨM CÂU UẾ - MALA VAGGA

DỨT PHẨM 18



254





255

## PHẨM PHÁP TRỤ (*Dhammaṭṭha Vagga*)



### CÁC QUAN TÒA (*Na tena hoti dhammaṭṭhoti*)

#### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 256-257)

256. “Na tena hoti dhammaṭṭhe  
Yen'atthaṃ sahasā naye  
Ye ca atthaṃ anattañ ca  
Ubho nicchayya paṇḍito .”  
*“Người đâu phải Pháp trụ  
Nếu xử sự khinh suất  
Kẻ trí cần phân biệt  
Đâu chánh đâu tà vậy.”*
257. “Asāhasena dhammena  
Samena nayatī pare  
Dhammassa gutto medhavī  
Dhammaṭṭho'ti pavuccati .”  
*“Không khinh suất, đứng pháp  
Công bằng dẫn đến người  
Kẻ trí hộ trì Pháp  
Thật xứng danh Pháp trụ.”*

(HT Thích Minh Châu)

Pháp Cú này Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến các quan Thẩm Phán

Một ngày nọ, chư Tỳ Khuru đi khất thực ở cổng thành phía Bắc của Sāvattthī, khi đi bát xong, các vị ấy xuyên qua trung tâm thành phố và đi về chùa. Ngay lúc ấy, trời kéo mây vần vũ rồi đổ mưa. Vào ngay trong tòa án phía trước mặt, chư Tăng thấy các quan tòa ăn hối lộ rồi tước đoạt quyền làm chủ của các sở hữu chủ, thì nghĩ rằng: *“Than ôi! Mấy ông này làm việc trái đạo. Vậy mà bấy lâu nay ta cứ tưởng là mấy ông xử đoán công minh chánh trực chớ.”*

Tạnh mưa, Chư Tăng về chùa đánh lễ Đức Bốn Sư, ngồi xuống một bên và tường thuật việc mình đã mục kích. Đức Bốn Sư phán rằng:

- Này các Tỳ Khuru! Người nào chịu theo tham dục xấu xa, xử đoán một cách thô bạo, thì không đáng gọi là Pháp Trụ. Người nào thấu triệt tội lỗi tùy theo tội nặng nhẹ mà xử phạt công minh, không thô bạo, thì đáng gọi là Pháp trụ vậy.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

256. “Na tena hoti dhammatṭhe Yen'atthaṃ sahasā naye Ye ca atthaṃ anatthañ ca Ubho nicchayya paṇḍito .”	“Người đâu phải Pháp trụ Nếu xử sự khinh suất Kẻ trí cần phân biệt Đâu chánh đâu tà vậy.”
257. “Asāhasena dhammena Samena nayatī pare Dhammassa gutto medhavī Dhammatṭho'ti pavuccati .”	“Không khinh suất, đúng pháp Công bằng dẫn đến người Kẻ trí hộ trì Pháp Thật xứng danh Pháp trụ.”

(HT Thích Minh Châu)

### CHÚ GIẢI:

**Tena** : Do những lẽ trên đây

**Dhammatṭho** : Người là quan tòa mà xử phạt thiên vị, theo ý riêng mình, thì không xứng danh là Pháp trụ (người công bình).

**Yena** : Do lẽ nào.

**Atthaṃ** : Cần phải xử đoán rồi quyết định là có.

**Sahasā naye** : Người chịu theo tham dục, dùng cách thô bạo như nói dối mà xử phạt Như người chịu theo ái dục mà binh vực bà con, bạn hữu của mình, nói dối rằng họ là sở hữu chủ, khi họ không phải là sở hữu chủ thật. Người chịu theo sân hận gặp kẻ thù của mình thì cũng nói dối phủ nhận quyền làm sở hữu chủ của họ.

Còn người chịu theo si mê, sau khi đã ăn của đút lót, hối lộ rồi, ngồi xử kiện, giả tuồng như tâm đang bận nghĩ đến việc khác, nhìn bên này bên kia và nói dối rằng: *“Người này thắng, người này bại.”* Còn người thiên vị vì sợ hãi thì cho dù người quyền cao chức trọng thất thế chẳng nữa, cũng tuyên bố cho người ấy được kiện bằng cách thô bạo, ức hiếp như vậy. Người xử kiện như vậy không phải là Pháp trụ.

**Yo ca atthaṃ anatthañca** : Hữu lý và vô lý hay phi lý, chơn và ngụy, chánh và tà.

**Ubho niccheyya** : Nếu là bậc hiền trí, sau khi kết đoán cả hai bên nguyên và bên bị, xem bên nào chân thật, bên nào giả trá rồi mới quyết định.

**Asāhasena** : Không dùng cách nói dối.

**Dhammena** : Xử đoán đúng theo lẽ công, không có sự thiên vị nhất là vì tham.

**Samena** : Bằng lẽ công dặt dẫn người, ai thắng nói thắng, ai bại nói bại, tùy theo tội mà lên án xử phạt.

**Dhammassa gutto** : Bạc hiền trí đã chứng đắc Pháp hỷ, là người hộ trì pháp, gìn giữ pháp, hằng xử đoán đúng theo lẽ công bằng, đáng gọi là Pháp trụ.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ Khưu đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



### Dịch Giả Cần Đề

*Làm tòa xử đoán chẳng công minh  
 Bởi bốn điều tu phải vị tình  
 Thương, ghét, sợ, mê chưa dứt bỏ  
 Gài cân bên trọng lại bên khinh  
 Bạc trí không hề bỏ lẽ công  
 Thân, sơ, quý, tiện cũng xem đồng  
 Chánh tà thấu triệt, tâm bình đẳng  
 Pháp trụ là người đạo lý thông.*

DỨT TÍCH CÁC QUAN TÒA







257

## NHÓM LỤC SƯ GÂY RỐI (*Natena Paṇḍito Hotīti*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 258)

258. “Na tena paṇḍito hoti      *“Không phải vì nói nhiều*  
 Yāvataḥ bahu bhāsati      *Mới xứng danh kẻ trí*  
 Khemī averī abhaya      *An tịnh, không oán sợ*  
 Paṇḍito'ti pavuccati .”      *Mới xứng danh kẻ trí.”*

(HT Thích Minh Châu)

Pháp cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết khi ngự tại Jetavana, đề cập đến nhóm Tỳ Khưu Lục Sư.

Tương truyền rằng: Nhóm sáu Tỳ Khưu này hằng đi la cà đến các chùa hoặc các làng, gây sự rối loạn trong trai đường.

Một hôm, sau khi thọ thực trong làng trở về chùa, chư Tăng hỏi các vị Tỳ Khưu trẻ và các Sa di rằng:

- Này các đạo hữu, các đạo hữu thấy trai đường này ra sao?

- Bạch Ngài! Xin các Ngài đừng hỏi.

Nhóm Lục Sư bàn luận cùng nhau rằng: “Chỉ có chúng ta là khôn khéo, chỉ có chúng ta là bậc hiền trí. Chúng ta sẽ đánh, sẽ đổ rác lên đầu mấy ông này rồi đuổi tống họ đi.”

Thế rồi, nhóm ấy nắm lấy lưng chúng tôi, đổ rác lên đầu chúng tôi, làm rối loạn cả trai đường.

Chư Tăng đến gặp Đức Bốn Sư, phúc trình lên Ngài

chuyện ấy. Đức Bốn Sư dạy rằng:

- Nay các Tỳ Khưu! Ta không gọi kẻ nói nhiều và làm phiền người khác là bậc hiền trí. Ta chỉ gọi người an tịnh, không oán thù, không sợ sệt là bậc hiền trí mà thôi.

Nói rồi, Ngài ngâm kệ ngôn rằng:

258. “Na tena paṇḍito hoti	“Không phải vì nói nhiều
Yāvatā bahu bhāsati	Mới xứng danh kẻ trí
Khemī averī abhaya	An tịnh, không oán sợ
Paṇḍito'ti pavuccati .”	Mới xứng danh kẻ trí.”

(HT Thích Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Yāvatā** : Kẻ nào vì mình mà nói nhiều ở giữa Tăng chúng, kẻ ấy không phải là bậc hiền trí. Kẻ nào tự mình an tịnh, không có năm sợ oán hận, là kẻ không oán hận, đã hết sợ sệt, đâu gặp Đức Vua cũng không sợ, kẻ ấy đáng gọi là kẻ trí.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ Khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

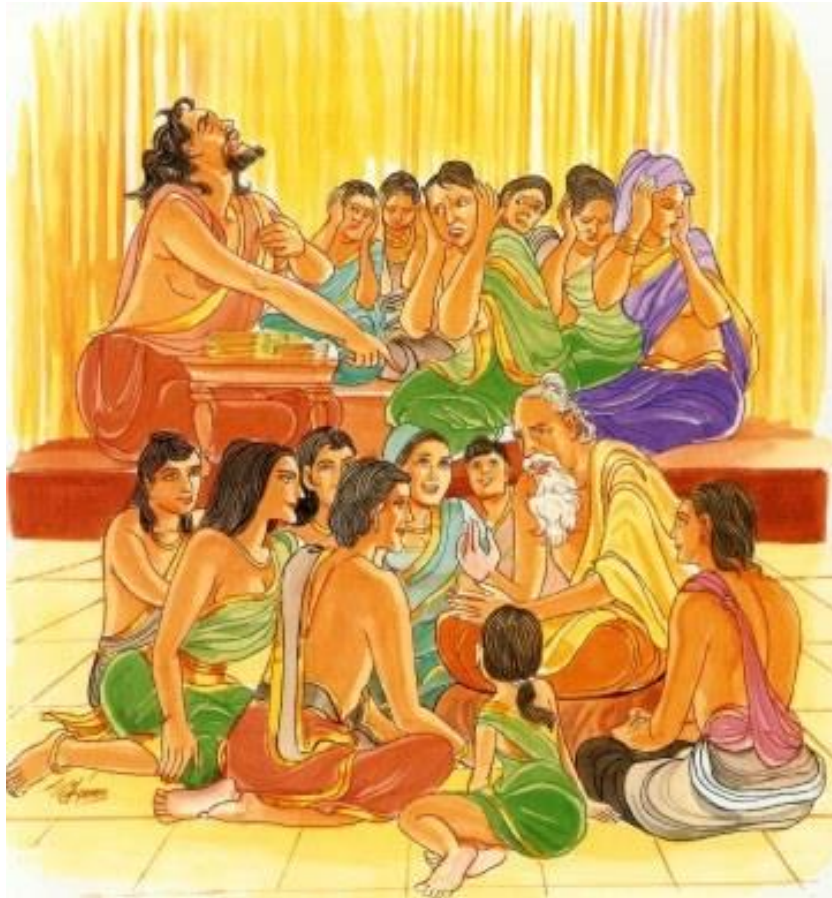


### **Địch Giả Cầu Đề**

*Nhóm sáu Tỳ Khưu quấy rối chùa  
 Kiếp nhiều Tăng khách, sợ hơn thua  
 Ý mình Đại Đức xưng hiền trí  
 Đuổi chúng Sa di chẳng thẹn thua  
 Hà phải nói nhiều gọi trí đâu?  
 Trí hiền, tâm tịnh, sạch lo âu  
 Không hay ganh ty, không thù oán  
 Không để cho ai phải khổ sầu.*

**DỨT TÍCH NHÓM LỤC SƯ GÂY RỐI**





258

## ĐẠI ĐỨC EKUDĀNA (*Na tāvatā dhammadharoti*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 259)

“*Na tāvatā dhammadharo  
Yāvatā bahu bhāsati  
Yo ca appaṃ pi sutvāna  
Dhammaṃ kāyena passati  
Sa ve dhammadharo hoti  
Yo dhammaṃ nappamajjati .*”

“*Không phải vì nói nhiều  
Mới xứng danh Pháp Hộ  
Nhưng ai tuy nghe ít  
Nhưng tâm hành chánh Pháp  
Không buông lung chánh Pháp  
Mới xứng danh Pháp Hộ.*”

(HT Thích Minh Châu)

Pháp Cú này được Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana. Đề cập đến vị Lộ Tận Minh có tên Ekudāna.

Tương truyền rằng: Đại Đức một mình tịnh cư trong khu rừng nọ. Ngài chỉ thuộc lòng một kệ ngôn “Tự thuyết (Udāna)” như vậy:

“*Adhicetaso appamajjato munino monapathesu  
sikkhato*

“*Sokāna bhavanti tādino upasantassa sadā satīmototi .*”

“Với tâm cao thượng, chí cần chuyên  
Học tập đường tu tịnh, định thiền



Bậc đặc tâm hình, thường chánh niệm  
Như trên những chỗ chứa ưu phiền.”

Tương truyền rằng: Trong ngày lễ Phát Lộ, Đại Đức lớn tiếng kêu gọi người nghe Pháp, rồi đọc bài kệ trên đây. Chư Thiên đồng thanh tán dương, tiếng vang rền như nổ tung cả địa đại.

Về sau cũng trong ngày lễ Phát Lộ, có hai vị Tỳ Kheu thuộc lòng Tam Tạng, mỗi vị dắt theo 500 tùy giả, đi đến chỗ ngụ của Đại Đức. Thấy chư khách Tăng đến, Đại Đức rất hoan hỷ, nói rằng:

- Lành thay hôm nay được chư Tăng quang lâm đến đây. Chúng tôi sẽ được nghe Pháp trong dịp được gần gũi với các Ngài.

- Nhưng này Hiền giả! Ở đây có thánh giả chăng?

- Bạch các Ngài! Trong ngày thuyết pháp, khu rừng này vang dội tiếng hoan hô của Chư Thiên.

Hai vị Pháp sư Tam Tạng thuyết pháp nhưng không có vị thiên nhân nào tán dương cả. Hai vị trách Đại Đức rằng:

- Này Hiền hữu! Hiền hữu nói trong Ngài lễ Phát Lộ, Chư Thiên trong khu rừng này đã tán dương vang dội. Nhưng thế này là nghĩa làm sao?

- Bạch các Ngài, trong những ngày khác quả có như thế. Nhưng hôm nay tôi cũng không biết tại sao vậy.

- Nếu thế thì, Hiền giả thử thuyết pháp xem sao?

Đại Đức cầm quạt ngời trên Pháp tọa thuyết bài kệ đã thuộc lòng như trước. Chư Thiên đồng thanh hoan hô vang dậy. Khi ấy, hai đoàn Tăng lữ của hai Đại Đức Tam Tạng Pháp Sư trách móc rằng:

- Trong khu rừng này, Chư Thiên chỉ coi mặt mà tán thán, ca tụng. Hai Ngài Tam Tạng Pháp Sư thuyết bằng ấy Pháp mà Chư Thiên chẳng có một lời khen ngợi, còn vị Đại Đức già này chỉ thuyết có một bài kệ mà Chư Thiên lại lớn tiếng hoan hô.

Khi trở về chùa, chư Tăng đem sự kiện này bạch với Đức Bổn Sư, Ngài dạy rằng:

- Này các Tỳ Kheu, người học được nhiều hoặc thuyết ra nhiều Pháp, Ta không gọi là Pháp Hộ (Dhammadharo). Người chỉ thuộc lòng một câu kệ mà thấu triệt chơn lý, mới xứng danh là Pháp Hộ vậy. Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

259. “Na tāvatā dhammadharo  
Yāvatā bahu bhāsati  
Yo ca appaṃ pi sutvāna  
Dhammaṃ kāyena passati  
Sa ve dhammadharo hoti  
Yo dhammaṃ nappamajjati .”  
“Không phải vì nói nhiều  
Mới xứng danh Pháp Hộ  
Những ai tuy nghe ít  
Nhưng tâm hành chánh Pháp  
Không buông lung chánh Pháp  
Mới xứng danh Pháp Hộ.”

(HT Thích Minh Châu)

### **CHÚ GIẢI:**

**Yāvatā** : Không phải do nơi học nhớ cho nhiều Phật ngôn và Chú giải... rồi đem thuyết giảng cho nhiều mà

xứng đáng gọi là Pháp Hộ. Người bảo tồn giòng giống của mình mới là người giữ gìn gia phong.

**Appampi** : Người đầu chỉ nghe ít Pháp, nhưng chú ý theo dõi nghĩa lý của Pháp, rồi vâng giữ hành theo Pháp, do danh sắc (nāmakāya) mà hiểu rõ các trạng thái vui, khổ... Thấy được Pháp Tứ Đế, người ấy chính là Pháp Hộ vậy.

**Yo dhammaṇṇappamajjati** : Người nào từng mong mỏi : Hôm nay ta sẽ giác ngộ, rồi chuyên cần tinh tấn mãi, không để duôi Pháp, người ấy cũng là Pháp Hộ nữa.

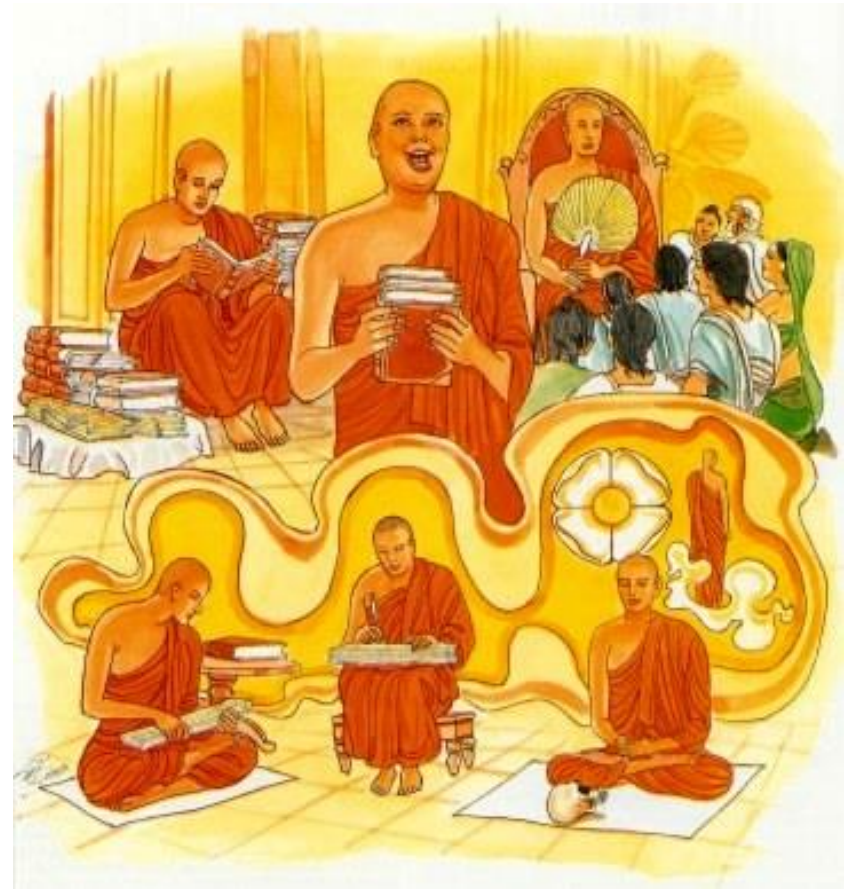
Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ Khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.



### Dịch Giả Cầu Đề

*Tuy thuộc một bài kệ bốn câu  
Nhưng hành chứng đức tuệ cao sâu  
Còn hơn giải thích rành Tam Tạng  
Mà chỉ phôn trương pháp khấu đầu  
Nhà Sư sợ khổ, chẳng đi hành  
Đeo nịu chùa chiền, bám lợi danh  
Học hỏi cho nhiều Kinh Pháp thuyết  
Thua Ngài nhất Kệ ở rừng xanh.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC EKUDĀNA



**ĐẠI ĐỨC LAKUṆṬAKA BHADDIYA***(Na tena thero hotīti)***KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 260-261)****260. “Na tena thero hoti****Yanassa palitaṃ siro****Paripakko vayo tassa****Moghajīṇṇoti vuccati .”***“Không phải vì bạc đầu**Mà được gọi là Trưởng Lão**Chỉ có tuổi tác cao**Danh chỉ xứng "Lão ngu" .”***261. “Yamhi saccaṅ ca dhammo ca****Ahiṃsā saññamo damo****Sa ve vantamalo dhīro****Thero iti pavuccati .”***“Ai chân thật đúng pháp**Bất hại biết chế phục**Kẻ trí không cấu uế**Mới xứng danh Trưởng lão.”**(HT Thích Minh Châu)*

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại Đức Lakuṇṭaka Bhaddiya.

Một hôm nọ, khi vị Đại Đức ấy đến hầu hạ Đức Thế Tôn, Ngài vừa đi ra thì có ba mươi vị Tỳ Khưu ở rừng về, thấy Đại Đức các Tỳ Khưu vào đánh lễ Đức Bốn Sư rồi ngồi

xuống.

Thấy duyên lành đặc quả A La Hán của nhóm Tăng này, Đức Bốn Sư nêu lên một câu hỏi như vậy:

- Các thầy có gặp vị Đại Đức từ nơi đây vừa đi ra chăng?

- Bạch Ngài! Chúng con không thấy.

- Các thầy há chẳng thấy vị ấy ư?

- Bạch Ngài, chúng con có trông thấy một Sa di.

- Này các Tỳ Khưu, đó là một vị Đại Đức, chứ không phải là Sa di đâu.

- Bạch Ngài! Ông ta còn quá trẻ mà.

- Này các Tỳ Khưu! Ta không gọi Thera<sup>1</sup> (Đại Đức hay Trưởng Lão) vì lẽ tuổi cao hạ lớn, vì lẽ được ngồi ở chỗ ngồi của các Thượng tọa. Ai thấu triệt Tứ Diệu Đế, không có tâm não hại đại chúng, người ấy mới xứng danh Thera đó thôi.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

260. “Na tena thero hoti

Yanassa palitaṃ siro

Paripakko vayo tassa

Moghajīṇṇoti vuccati .”

*“Không phải vì bạc đầu*

*Mà được gọi là Trưởng Lão*

<sup>1</sup> Danh từ này ngày xưa đồng nghĩa với bhikkhu, đầu mới thọ Cụ Túc cũng được gọi là Thera. Về sau, chư Tăng tu lâu lại chỉ định Thera là Tỳ Khưu 10 hạ, Anuthera là Tỳ Khưu dít 10 hạ và Mahāthera là Tỳ Khưu trên 10 hạ.

*Chỉ có tuổi tác cao  
 Danh chỉ xứng "Lão ngu" .”*

261. “Yamhi saccañ ca dhammo ca  
 Ahimsā saññamo damo  
 Sa ve vantamalo dhīro  
 Thero iti pavuccati .”

*“Ai chân thật đúng pháp  
 Bất hại biết chế phục  
 Kẻ trí không cấu uế  
 Mới xứng danh Trưởng lão.”*

(HT Thích Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Paripakko** : (Chín mươi) là già nua, đã đến tuổi lão rồi.

**Moghajjīṇṇo** : Người không có những pháp hành trong Pháp vị Thượng nhân thì chỉ là già suông, là lão rỗng (Tucchajjīṇṇo) .

**Saccañca** : Nơi người nào đã hiểu rõ 16 lý, đã dùng trí tuệ làm cho thấu rõ bốn chân lý, ắt phải có Chín pháp Siêu thế.

**Ahimsa** : Trạng thái vị nào, không làm hại, không bạo động. Phải có thiên chứng về Tứ vô lượng tâm là Từ, Bi, Hỷ, Xả.

**Saññamo namo** : Người có sự kèm chế, thu thúc trong Giới Luật và thu thúc lục căn.

**Vantamalo** : Đã tẩy sạch sét như bản.

**Dhīro** : Người có đầy đủ nghị lực, quả quyết.

**The ra** : Người có điều để xứng danh là Trưởng lão.

Cuối thời Pháp, nhóm Tỳ Khưu ấy chứng đắc A La Hán

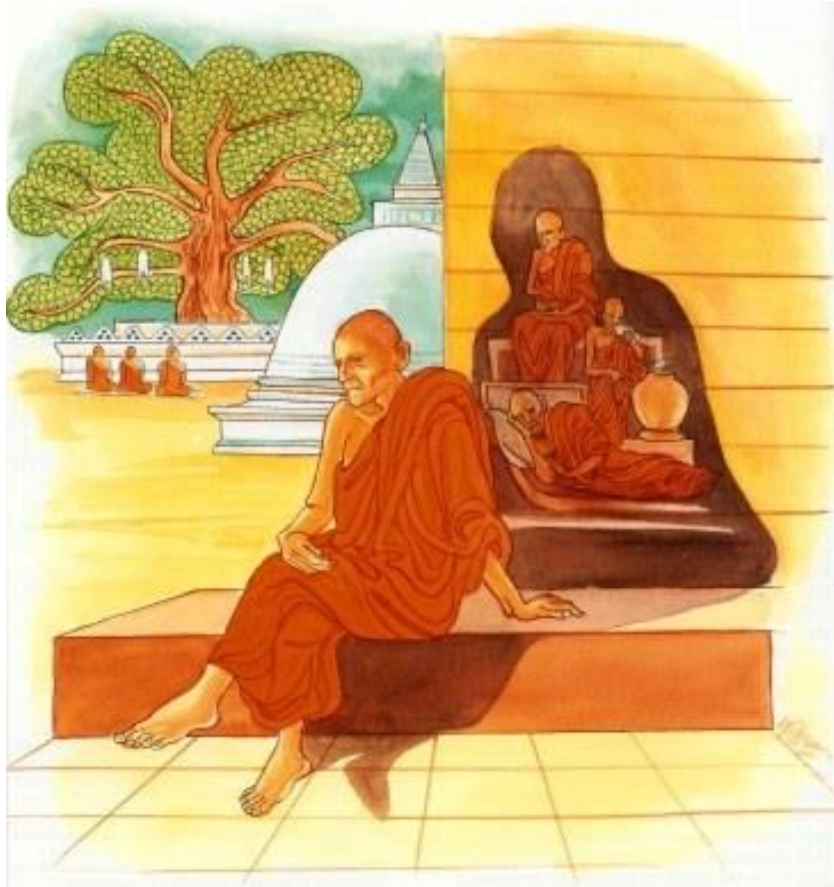


### **Dịch Giả Cầu Đề**

*Chẳng đợi già nua mới xứng danh  
 Thủ tòa, Đại Đức, bậc đàn anh  
 Già nua, ngu dốt, tên già rỗng  
 Dầu bạc không, sao gọi lão thành  
 Trẻ, nhưng Tứ Đế hiểu thật rành  
 Vô não, không làm hại chúng sanh  
 Lậu Tận, Phật khen, kêu Trưởng Lão  
 Níp Bàn tu chứng lúc đầu xanh.*

**DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC LAKUṆṬAKA BHADDIYA**





260



261



## NHIỀU VỊ TỖ KHUU THAM VỌNG

*(Na vākkaraṇamattenāti)*

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 262-263).

262. “Na vākkaraṇamattena  
Vaṇṇapokkharatāya vā  
Sādhurūpo naro hoti  
Issukī maccharī saṭho .”

*“Không phải nói lưu loát  
Không phải sắc mặt đẹp  
Mà thành người lương thiện  
Nếu con người ganh tỵ*

263. “Yassa c’etaṃ samucchinaṃ  
Mūlagacchaṃ samūhataṃ  
Sa vantadoso medhavī  
Sādhurūpo’ti vuccati .”

*Xan tham và dôi trá.”  
“Chỉ những ai cắt tuyệt  
Nhờ tận gốc đoạn trừ  
Người trí tận diệt sân  
Mới phải người lương thiện.”*

*(HT Thích Minh Châu)*

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhiều vị Tỳ Khưu.

Một thuở nọ, khi nhìn thấy các Tỳ Khưu trẻ và các vị Sa di lo hầu hạ các vị A Xà Lê (Ācariya) của mình như:

giặt, nhuộm y, và làm việc lật vật hộ các Ngài, thì một số Đại Đức đề nghị với nhau rằng: “Chúng ta tuy có tài thuyết pháp nói đạo nhưng rốt cuộc chẳng được ai phục dịch cả... Hay là bây giờ chúng ta hãy đến bạch với Đức Bốn Sư như vậy: “Bạch Ngài, chúng con thông thạo về Kinh điển, Phật ngôn. Xin Ngài ra chỉ thị cho các Tỳ Khưu trẻ và các Sa di rằng: “*Dầu học Pháp với thầy khác, các con cũng phải đến nhờ các thầy này bỏ túc cho rồi mới nên ôn tập.*” Làm như vậy, ắt lễ lộc chúng ta sẽ tăng trưởng.”

Thế rồi, các Đại Đức ấy đến bạch với Đức Bốn Sư như vậy.

Sau khi nghe lời các Đại Đức bạch, Đức Bốn Sư biết ngay rằng: “*Theo Giáo Pháp này, nếu theo truyền thống là đúng. Nhưng các vị này chỉ chú trọng phần lễ lộc mà thôi.*” Do đó, Ngài phán dạy rằng:

- Ta không gọi các thầy là Lương thiện (sādhupūpā) chỉ vì các thầy có tài biện thuyết thiện xảo. Người nào đã cắt đứt các pháp bất thiện, nhất là ganh tỵ bằng A La Hán đạo, người ấy thật là người lương thiện.

Nói rồi Ngài ngâm lên hai bài kệ rằng:

262. “Na vākkaraṇamattena Vaṇṇapokkharatāya vā Sādhurūpo naro hoti Issukī maccharī saṭho .”	<i>“Không phải nói lưu loát Không phải sắc mặt đẹp Mà thành người lương thiện Nếu con người ganh tỵ</i>
--	---

263. “Yassa c’etaṃ samucchinaṃ Mūlagacchaṃ samūhataṃ Sa vantadoso medhavī Sādhurūpo’ti vuccati .”	<i>Xan tham và dôi trá.” “Chỉ những ai cắt tuyệt Nhờ tận gốc đoạn trừ Người trí tận diệt sân Mới phải người lương thiện.”</i>
--	---



(HT Thích Minh Châu)

**CHÚ GIẢI:**

**Na vākkaraṇamattena** : Không phải bằng lời nói, không phải bằng cái tướng có đầy đủ thiện xảo về khoa nói như hùng biện...

**Vaṇṇapokkharatāya vā** : Hoặc dung nhan có đầy đủ sắc đẹp mỹ miều khả ái.

**Naro** : Do các lễ trên đây, người có tâm ganh tỵ lợi lộc của kẻ khác, có đủ cả năm pháp bòn xén (là āsāve, kula, lābha, vaṇṇa, dhamma macchariyaṃ) nhập theo phe phái xảo trá, lường gạt, không phải là người lương thiện.

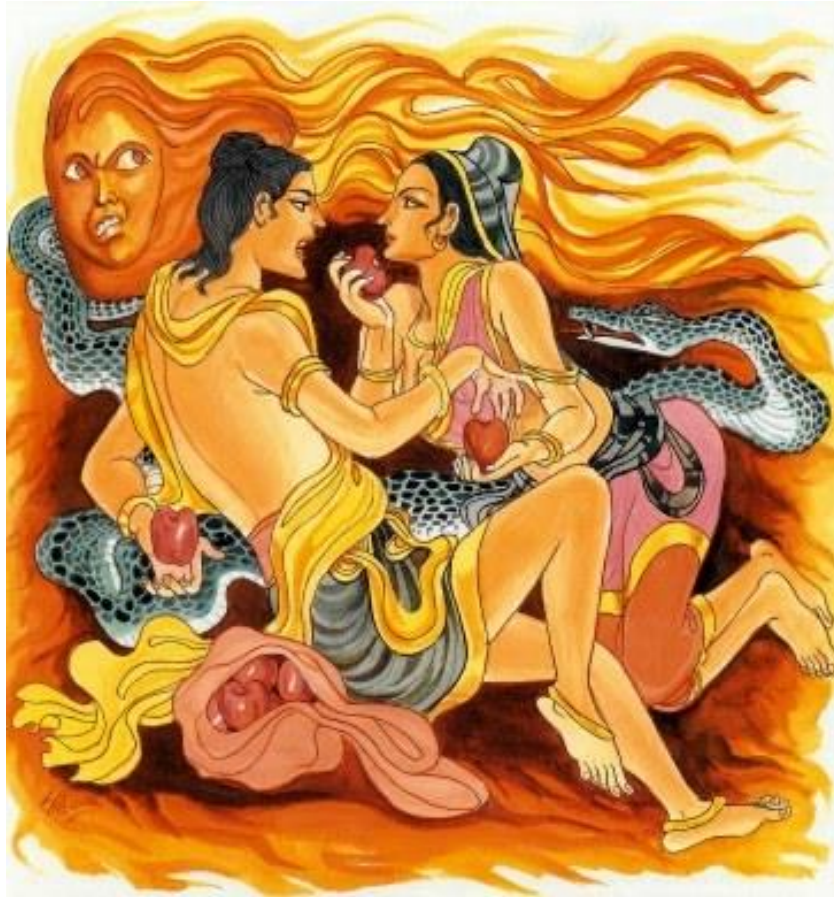
**Yassa cetam** : Người chứng A La Hán đạo tuệ cắt đứt tận gốc rễ các tội lỗi nhất là ganh tỵ, không tái sanh, người đã xa lìa tội lỗi, có đầy đủ trí tuệ hưởng thụ pháp hỷ, gọi là người lương thiện.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ Khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn.

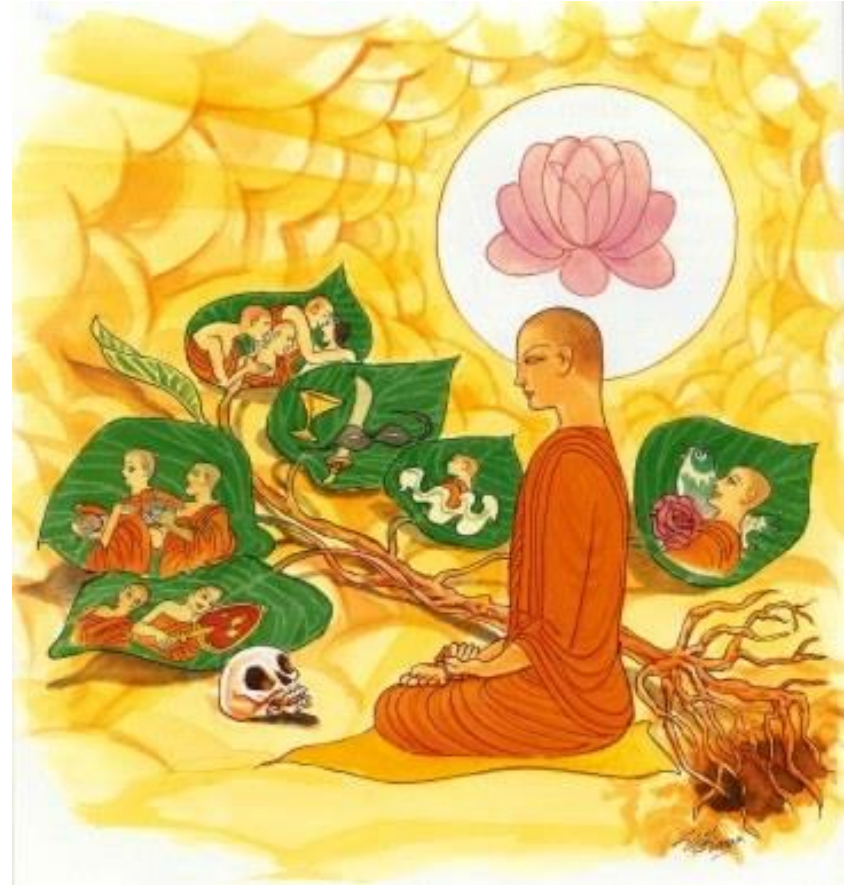
**Dịch Giả Cầu Đề**

*Lương thiện là tâm chánh thiện lương  
 Không do môi miệng khéo trăm đường  
 Tỳ Khưu mặt đẹp lòng đen xấu  
 Chẳng phải Tạng đồ Phật tán dương  
 Ai khéo trừ tận gốc rễ phàm  
 Đoạn lìa sân hận với xan tham  
 Không tâm dối trá cùng ganh tỵ  
 Thật xứng danh là Phật hiệu nam.*

**DỨT TÍCH NHIỀU TỶ KHƯU THAM VỌNG**



262



263

## HATTHAKA TRỚ TRÊU *Na muṇḍakena samaṇoti*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 264-265)

264. “Na muṇḍakena samaṇo  
Abbato alikaṃ bhaṇaṃ  
Yechālobhasamāpanno  
Samaṇo kiṃbhavissati .”

*“Không tự chế, nói láo  
Dầu cạo tóc trọc đầu  
Ai còn đây dục ái  
Sao được gọi Sa môn.”*

265. “Yo ca sameti pāpāni  
Aṇuṃ thūlāni sabbaso  
Samitattā hi pāpānaṃ  
Samaṇo'ti pavucceti .”

*“Ai trừ tiệt điều ác  
Không luận nhỏ hay lớn  
Điều phục được ác pháp  
Xứng danh là Sa môn.”*

(HT Thích Minh Châu)

Pháp Cú này được Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Hatthaka.

Tương truyền rằng: Mỗi khi tranh luận với ngoại đạo mà đuối lý thì Hatthaka đề nghị rằng:

- Máy người hãy đến nơi đó, vào giờ đó, rồi chúng ta sẽ tiếp tục bàn cãi với nhau.

Thế rồi, vào giờ đó thầy đến nơi hẹn trước và nói với mọi người rằng:

- Hãy coi đó, nhóm ngoại đạo quá sợ tôi nên không dám đến, thấy chưa. Như vậy, đủ chứng minh rằng họ chịu thua.

Hatthaka dùng cách trớ trêu như vậy mà xử sự với đối phương mỗi lần tranh luận khi bị đuối lý, lẽ ra thì Hatthaka nên nhận mình thua.

Đức Bốn Sư nghe chuyện Hatthaka trớ trêu như thế, bèn cho gọi đến và phán hỏi rằng:

- Này Hatthaka ! Nghe nói thầy đã hành động như thế có thật chăng?

- Bạch Ngài! Có thật như vậy.

- Tại sao thầy làm như vậy? Người nói dối như thế, nếu đi đây đi đó với cái đầu trọc thì không xứng danh là bậc Sa môn. Người nào làm yên lặng các ác pháp đầu nhỏ hoặc lớn, người ấy mới thật sự là một Sa môn.

Nói rồi, Đức Bốn Sư thuyết lên kệ ngôn rằng:

264. “Na muṇḍakena samaṇo Abbato alikaṃ bhaṇaṃ Yechālobhasamāpanno Samaṇo kiṃbhavissati .”	<i>“Không tự chế, nói láo Dầu cạo tóc trọc đầu Ai còn đây dục ái Sao được gọi Sa môn.”</i>
---	--

265. “Yo ca sameti pāpāni Aṇuṃ thūlāni sabbaso Samitattā hi pāpānaṃ Samaṇo'ti pavucceti .”	<i>“Ai trừ tiệt điều ác Không luận nhỏ hay lớn Điều phục được ác pháp Xứng danh là Sa môn.”</i>
---	---

**CHÚ GIẢI:**

**Muṇḍakena** : Chi với đầu trọc thôi.

**Abbato** : Trống rỗng, không có Giới luật và pháp hành đầu đà chi cả.

**Alikaṃ bhaṇaṃ** : Nói vọng ngữ trong những cảnh giới thiền chưa đạt đến, lòng còn đầy tham xan, chỉ đạt tới cảnh ái dục thì làm sao gọi là Sa môn.

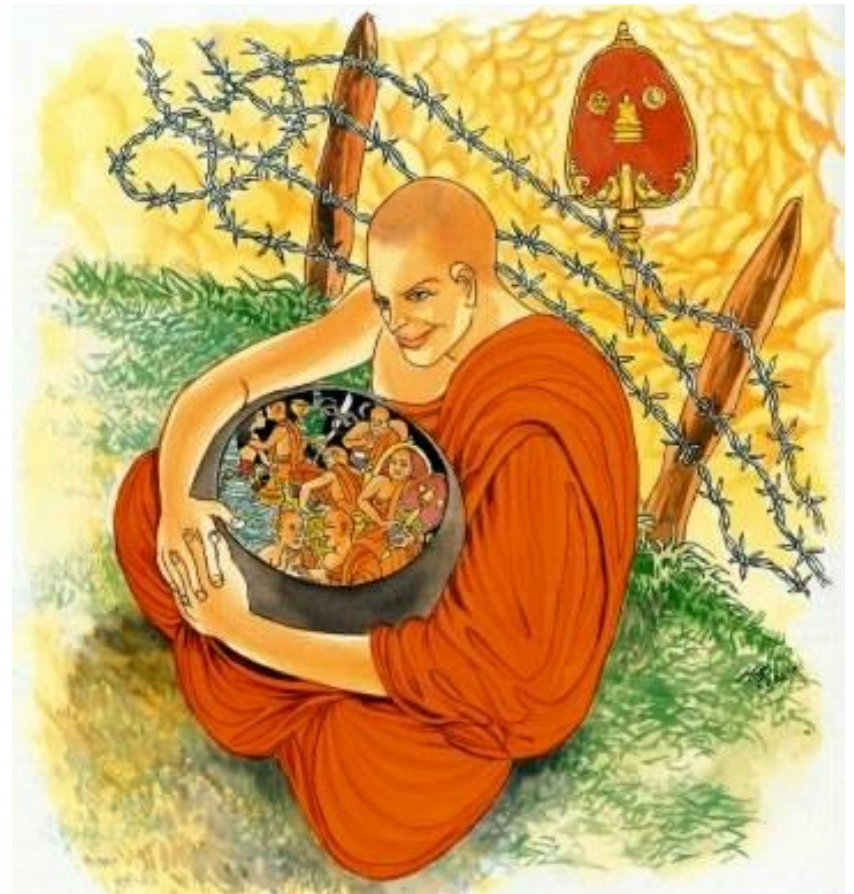
**Sameti** : Người nào làm yên lặng các ác pháp, đầu nhỏ hoặc lớn, người ấy mới đáng gọi là Sa môn.

Cuối thời Pháp, nhiều người chứng đắc Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

**Dịch Giả Cầu Đề**

*Tên Hatthaka thật đúng thay  
Miệng mồm tráo trở bàn tay  
Đến nơi hẹn trước người tranh luận  
Để nói: “Người thua, sợ đến đây.”  
Phật quở: “Ty Như nghịch lối này  
Tăng già cả đám chịu như lây  
Sa môn phải nói lời chân thật  
Đầu trọc không, chưa đủ gọi thầy.”*

DỨT TÍCH HATTHAKA TRỚ TRÊU







265

## THẦY BÀ LA MÔN KHẤT SĨ (*Na tena bhikkhu so hotīti*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 266-267)

266. “Na tena bhikkhu hoti  
Yāvatā bhikkhate pare  
Vissaṃ dhammaṃ samādāyā  
Bhikkhu hoti na tāvatā .”

*“Chỉ mang bình khất thực  
Đâu phải là Tỳ Kheu  
Phải theo Giới pháp bốn  
Mới xứng danh Tỳ Kheu.”*

267. “Yo'dha puññañ ca pā pañca  
Bāhetvā brahmacariyavā  
Sañkhāya loke carati  
Sa ve bhikkhū'ti vuccati .”

*“Ai bỏ cả thiện ác  
Chuyên tu hành thanh tịnh  
Lấy hiệu biết ở đời  
Mới xứng danh Tỳ Kheu.”*

(HT Thích Minh Châu)

Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến một thầy Bà la môn nọ.

Tương truyền rằng: Thầy Bà la môn này đã xuất gia tu theo Giáo phái ngoại đạo. Lúc đi khất thực, thầy tự nghĩ: “Sa môn Gotama gọi các Thỉnh Văn hàng đi khất thực

của mình là Tỳ Khuru. Vậy thì ta đây cũng phải được gọi là Tỳ Khuru.”. Thầy ấy đến gặp Đức Bốn Sư nói rằng:

- Thừa Sa môn Gotama, tôi cũng đi khất thực và nuôi mạng, vậy thầy cũng nên gọi tôi là Bhikkhu.

- Nầy Bà la môn! Ta không gọi là Tỳ Khuru chỉ vì việc đi khất thực mà thôi. Không phải một người thọ trì đủ các pháp về mặt hình thức mà xứng danh là Tỳ Khuru đâu. Người hằng suy xét tất cả pháp hữu vi, người ấy mới xứng danh là Tỳ Khuru.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

266. “*Na tena bhikkhu hoti*      “Chi mang bình khất thực  
*Yāvatā bhikkhate pare*      Đâu phải là Tỳ Khuru  
*Vissaṃ dhammaṃ samādāyā*      Phải theo Giới pháp bốn  
*Bhikkhu hoti na tāvatā .”*      Mới xứng danh Tỳ Khuru.”

267. “*Yo'dha puññaṃ ca pā pañca*      “Ai bỏ cả thiện ác  
*Bāhetvā brahmacariyavā*      Chuyên tu hành thanh tịnh  
*Saṅkhāya loke carati*      Lấy hiệu biết ở đời  
*Sa ve bhikkhū'ti vuccati .”*      Mới xứng danh Tỳ Khuru.”

(HT Thích Minh Châu)



### **CHÚ GIẢI:**

**Yāvatā** : Chi bấy nhiêu đó, là chỉ có một việc ôm bát đi khất thực thì không đáng gọi là Tỳ Khuru.

**Visaṃ** : Các Pháp khác nhau. Đây ám chỉ cho toàn thể giới hạnh mà một vị Tỳ Khuru phải thọ trì, chớ chỉ một hạnh đi khất thực không thôi, chưa đủ được gọi là Tỳ Khuru.

**Yodha** : (Yo idha) : Người nào trong Giáo Pháp này, vượt qua cả phước và tội, đi trên con đường phạm hạnh cao thượng.

**Saṅkhāya** : Bằng trí tuệ sáng suốt.

**Loke** : Trong thế gian nhất là ngũ uẩn : Đây là nội uẩn, đây là ngoại uẩn. Tất cả pháp đều thông suốt như vậy, người dùng trí tuệ mà phá vỡ phiền não, đáng gọi là Tỳ Khuru.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ Khuru đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



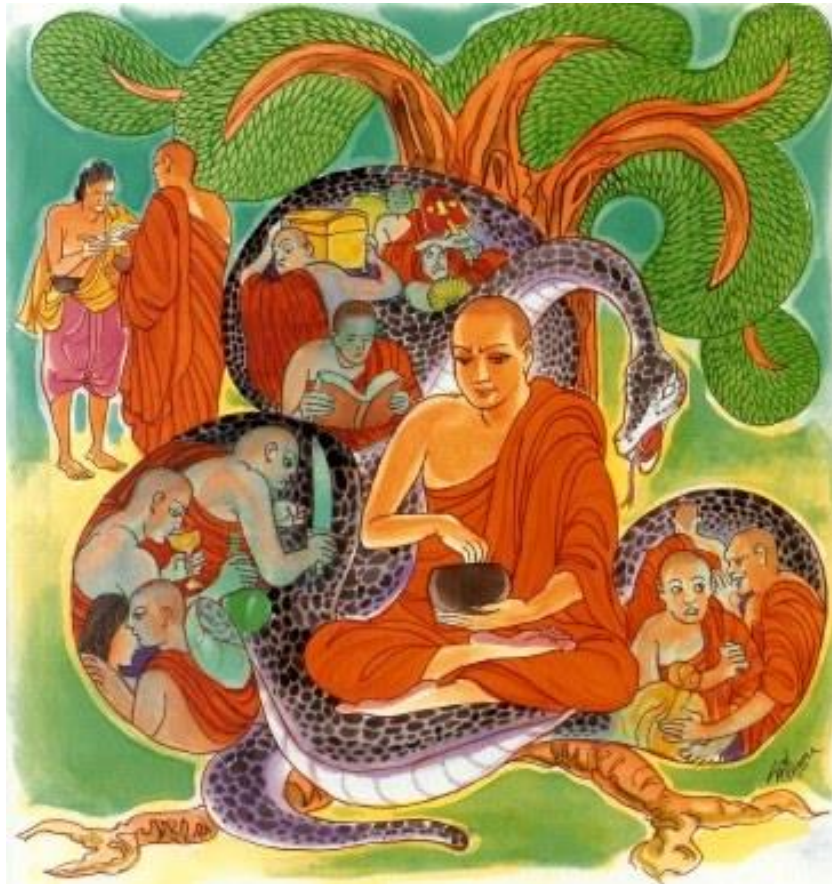
### **Dịch Giả Cầu Đề**

*Tỳ Khuru có nghĩa kẻ xin ăn  
Nhưng phải tu thiện, giữ giới răn  
Chẳng giống Bàn môn cùng Khất cái  
Biết mình cao thượng, bậc Thánh Văn  
Ngoại đạo trì bình nhận bạc tiền  
Món ăn sống sít chẳng hề kiêng  
Thọ nhiều, tích trữ rồi đem bán  
Phá giới, làm hoen ố cửa thiền...*

**DỨT TÍCH KHẤT SĨ BÀ LA MÔN**







## NGOẠI ĐẠO LÀM THINH (*Na manenāti*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 268-269)

268. “*Na monena munī hoti*      *Im lạng nhưng ngu dân*  
*Mūḷharūpo aviddasu*      *Đâu được gọi Tịnh giả*  
*Yo ca tulaṃ'va paggayha*      *Như người cầm cán cân*  
*Varaṃ ādāya paṇḍito .”*      *Kẻ trí chọn điều lành.”*

269. “*Pāpāni parivajjeti*      *Từ bỏ các ác pháp*  
*Sa munī tena so munī*      *Mới thật là Tịnh giả*  
*Yo munāti ubho loke*      *Ai thật hiểu hai đời*  
*Munī tena pavuccati .”*      *Mới xứng danh Tịnh giả.”*

(HT Thích Minh Châu)

Pháp Cú này được Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến các ngoại đạo.

Tương truyền rằng: Sau khi thọ thực ở một nơi nào, các tu sĩ ngoại đạo thường chúc phúc cho thí chủ như vậy: “*Xin cho người được bình yên, xin cho người được hạnh phúc, xin cho người tăng thêm tuổi thọ. Ở nơi nọ có sinh lây, ở nơi nọ có gai góc, người không nên đi đến chỗ như vậy...*”

Trong thời kỳ Giác ngộ đầu tiên, sự tụng kinh phúc chúc chưa được Đức Thế Tôn cho phép, nên các Tỳ Khưu sau khi thọ thực tại nhà gia chủ là ra đi, chớ không chúc phúc cho gia chủ chi cả. Các tín gia bất mãn than phiền rằng: “*Gần các tu sĩ ngoại đạo, chúng ta còn được nghe chúc phúc. Riêng các Sa môn Thích Tử đây chỉ làm thỉnh*

*ra đi.*” .

Chư Tỳ Khưu đem việc này bạch trình với Đức Bốn Sư, Ngài dạy rằng:

- Này các Tỳ Khưu! Từ rày về sau ở trong Trai đường hoặc nơi nào khác, Ta cho phép các thầy phúc chúc tùy theo sở thích và trò chuyện cởi mở với thí chủ khi ngồi gần bên họ.

Chư Tăng tuân theo lời dạy như vậy. Khi các thiện tín được nghe những lời phúc chúc, họ càng tinh tấn thêm hàng mời thỉnh và cúng dâng lễ vật đến Chư Tăng.

Các nhóm ngoại đạo than phiền rằng: “*Chúng ta là những bậc Tịnh giả. Chúng ta giữ sự im lặng. Còn các Thinh Văn của Sa môn Gotama hay thuyết giảng dài dòng trong các trai đường hoặc những chỗ khác tương tự như vậy.*” .

Khi nghe những lời chỉ trích của nhóm ngoại đạo, Đức Bốn Sư nói:

- Này các Tỳ Khưu, ta không gọi là Tịnh Giả (Muni) chỉ vì người ấy giữ sự im lặng. Quả thật, có một số người vì không biết mà không nói, một số khác vì thiếu sự tín nhiệm và một số khác nữa lại cống cao ngã mạn sợ e người khác học được những tri kiến quan trọng của họ. Là vì họ bòn xén pháp. Bởi vậy, Ta không gọi là Tịnh giả chỉ vì lẽ họ giữ sự im lặng. Theo ta, ai làm Tịnh giả, làm im lặng được các pháp bất thiện, người ấy mới xứng danh Tịnh giả.

Rồi Ngài thuyết lên hai kệ ngôn rằng:

268. “*Na monena munī hoti*      *Im lạng nhưng ngu dân*  
*Mūḷharūpo aviddasu*      *Đâu được gọi Tịnh giả*  
*Yo ca tulaṃ'va paggayha*      *Như người cầm cán cân*

Varam ādāya paṇḍito .”

269. “Pāpāni parivajjeti

Sa munī tena so munī

Yo munāti ubho loke

Munī tena pavuccati .”

*Kẻ trí chọn điều lành.”*

*“Từ bỏ các ác pháp*

*Mới thật là Tịnh giả*

*Ai thật hiểu hai đời*

*Mới xứng danh Tịnh giả.”*

*(HT Thích Minh Châu)*



### CHÚ GIẢI:

**Na monena** : Tịnh Giả là người đã làm im lặng tình dục bằng sự im lặng của Đạo tuệ, bằng sự im lặng của Pháp hành (patipadā). Ở đây ám chỉ sự làm thính, không nói.

**Mūlharūpo** : Là người rỗng không.

**Aviddasa** : Là người vô trí.

Người như vậy dầu có im lặng chẳng nữa cũng không phải là Tịnh giả. Hoặc là người mà chỉ có sự rỗng không, vô trí thì không đáng gọi là Tịnh giả.

**Yo ca tulaṃ'va paggayha** : Ví như người cầm cân lấy ra bên dư đưa vào bên thiếu như thế nào, thì cũng như thế ấy, bậc hiền trí lấy bên dư là ác pháp bỏ ra, chêm đây thiện pháp vào bên thiếu. Nói cách khác, bậc hiền trí hằng bỏ tức các pháp cao nhân quý báu là Giới, Định, Tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến và mang theo mình, đồng thời xa lánh các tội ác, các nghiệp bất thiện.

**Sa munī** : Bậc ấy đáng gọi là Tịnh Giả.

**Tena so munī** : Tại sao bậc ấy gọi là Tịnh giả ?

Vì mấy lẽ đã giải trên, nên bậc ấy gọi là Tịnh giả vậy.

**Yo munāti ubho loke** : Người nào đã cân chắc kỹ mọi thế giới, nhất là ngũ uẩn. Theo cách này biết rõ cả hai thế gian pháp.

Munī tena pavuccati : Do lý lẽ trên mà gọi bậc ấy là Tịnh Giả vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ Khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



### **Dịch Giả Cầu Đề**

*Tận trừ tam độc, tuệ cao thâm*

*Không vì danh lợi phê tuồng giả*

*Một mực làm thính, giống kẻ câm*

*Tịnh khẩu thì không nói bá xàm*

*Nói điều hữu ích, chớng sân tham*

*Nường theo chánh mạng, xa tà kiến*

*Cầm khẩu là xa lánh tục phạm.*

*Tịnh giả, người tu tịnh nơi tâm*

**DỨT TÍCH NGOẠI ĐẠO LÀM THÍNH**







268



269

**NGƯỜI DÂN CHÀI TÊN ARIYA***(Na tena ariyo hotīti)***KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 270)**

<b>“Na tena ariyo hoti</b>	<b>“Còn sát hại chúng sanh</b>
<b>Yena pāṇāni hiṃsati</b>	<b>Đâu được gọi Hiên Thánh</b>
<b>Ahiṃsā sabbapāṇānam</b>	<b>Không hại mọi chúng sanh</b>
<b>Ariyo'ti pavuccati .”</b>	<b>Xứng danh bậc Hiên Thánh.”</b>

*(HT Thích Minh Châu)*

Pháp Cú này Đức Bốn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến người dân chải tên Ariya.

Một hôm, quán thấy Ariya này có duyên lành đặc quá Tu Đà Hườn. Đức Bốn Sư dẫn chư Tỳ Khưu đi khất thực trong làng ở phía Bắc thành Sāvattthī rồi trở về chùa.

Ngay lúc bấy giờ, người dân chải đang lo câu cá. Khi trông thấy Tỳ Khưu Tăng có Đức Phật cầm đầu, người ấy buông bỏ cần câu và đứng im.

Đức Bốn Sư dừng chân không xa chỗ Ariya đứng và quay lại hỏi Đại Đức Sāriputta và các vị khác rằng:

- Thầy tên gì?

Chư Tỳ Khưu lần lượt đáp tên mình như là: “Con là Sāriputta, con là Moggallāna...” .

Người câu cá tự nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn hỏi tên các vị Tỳ Khưu, có lẽ Ngài sẽ hỏi đến tên ta chẳng sai.” .

Đức Thế Tôn biết được tâm ý của y, liền hỏi rằng:

- Này thiện nam, ông tên là chi?
- Bạch Ngài! Con tên Ariya (Thánh nhân).

Nghe vậy, Đức Bốn Sư cải chính rằng:

- Này thiện nam sát sanh như ông không xứng danh là Ariya. Bậc Ariya thì tâm đầy đủ từ bi, không bao giờ có lòng nào hại chúng sanh.

Nói rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

“Na tena ariyo hoti	“Còn sát hại chúng sanh
Yena pāṇāni hiṃsati	Đâu được gọi Hiên Thánh
Ahiṃsā sabbapāṇānam	Không hại mọi chúng sanh
Ariyo'ti pavuccati .”	Xứng danh bậc Hiên Thánh.”

*(HT Thích Minh Châu)***CHÚ GIẢI:**

Bằng sự vô não hại. Như trên đã nói, người nào nào hại chúng sanh thì vì lẽ đó không phải là Ariya (Bậc Thánh Nhân). Còn người nào bằng cách vô hại, không dùng tay chân, gậy gộc... mà đối với tất cả chúng sanh, trú tâm trong thiện định nhất là niệm tâm từ mà xa lìa được não hại (bạo động), người ấy chính là bậc Ariya vậy.

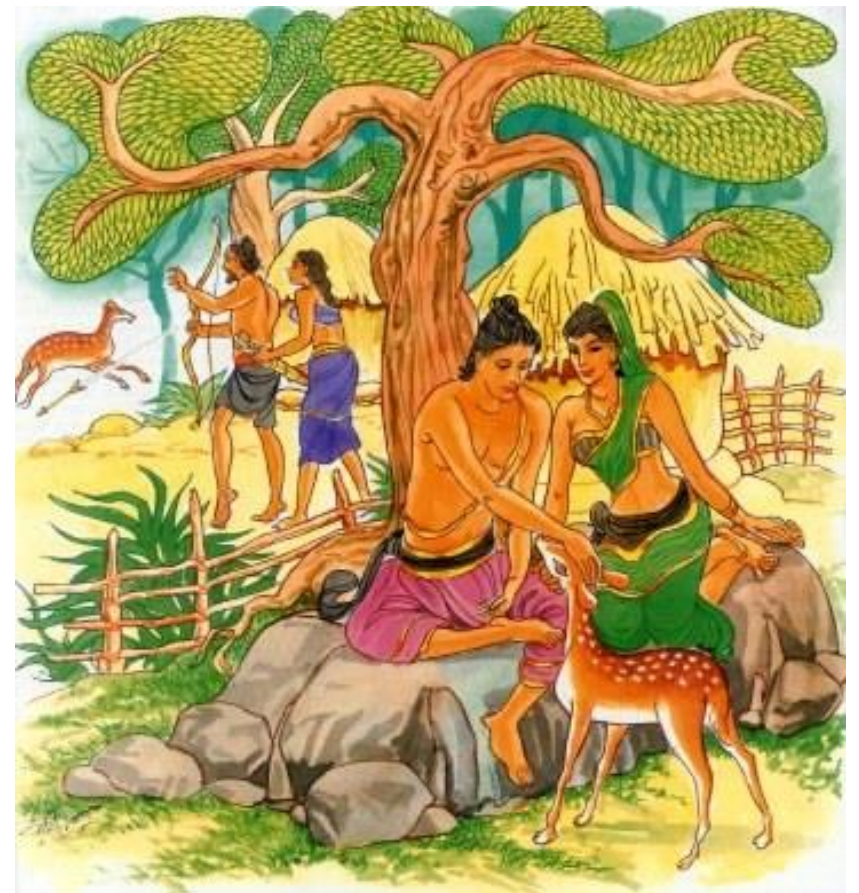
Cuối thời Pháp, người câu cá chứng quả Tu Đà Hườn, Thính chúng hiện diện cũng được nhiều lợi ích.



## Dịch Giả Cầu Đề

*Ariya là bậc Thánh Nhân  
Giống như Vô Nã đã dùng chân  
Không còn sát hại sinh linh nữa  
Bỏ kiếm quay về với Phật thân  
Ariya này ném cá câu  
Dừng im nghe Phật hỏi cơ mầu  
Dứt liền niệm ác, tâm Vô nã  
Hiệp đủ nhân duyên, đắc quả đầu.*

DỨT TÍCH NGƯỜI DÂN CHÀI TÊN ARIYA





## NHIÊU VỊ TỖ KHƯU TỰ MÃN

(*Na sīlabbata mattenāti*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 271-272)

271. “Na sīlabbatamattena  
 Bāhusaccena vā puna  
 Atha vā samādhilābhena  
 Vivicca sayanena vā .”  
*“Chẳng phải giữ giới cấm  
 Cũng chẳng phải nghe nhiều  
 Hoặc chúng được thiên định  
 Sống cô độc một mình .”*
272. “Phusāmi nekkhammasukhaṃ  
 Aputhujjanasevitam  
 Bhikkhu vissāsam āpādi  
 Appatto āsavakkhayaṃ .”  
*“Tự xem đã thọ hưởng  
 Hạnh phúc giải thoát lạc  
 Phàm phu chưa hưởng được  
 Tỳ Khưu chớ bằng lòng  
 Nếu lậu hoặc chưa diệt.”*

(HT Thích Minh Châu)

Pháp Cú này Đức Bốn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhiều vị tỳ lưu đầy đủ giới hạnh.

Tương truyền rằng: Trong các Tỳ Khưu này có một số

nghĩ rằng: “Chúng ta là bậc Cụ túc giới, chúng ta là bậc Đa Văn, chúng ta cư ngụ nơi xa xôi hẻo lánh, chúng ta đã chứng đắc thiên định. Đối với chúng ta quả A La Hán không khó đắc. Ngày nào chúng ta muốn, chúng ta sẽ đắc A La Hán trong ngày đó.”

Cùng một lối như vậy, các Tỳ Khưu đắc A Na Hàm cũng tự nghĩ rằng: “Bây giờ, đối với chúng ta quả A La Hán không khó đắc.”

Tuy nhiên, một ngày nọ, tất cả các Tỳ Khưu đều đến yết kiến Đức Bốn Sư. Đánh lễ xong rồi ngồi xuống, Đức Bốn Sư bèn hỏi:

- Này các Tỳ Khưu! Các thầy đã đạt đến mục đích cứu cánh của bậc xuất gia giải thoát chưa?

- Bạch Ngài! Chúng con đã đạt đến trình độ như thế, như thế... Bởi vậy, chúng con có thể đạt đến quả vị A La Hán ngay lúc nào mà chúng con muốn. Với ý nghĩ như vậy, chúng con sống bình an.

Nghe chư Tăng phúc đáp như thế, Đức Bốn Sư cảnh cáo rằng:

- Này các Tỳ Khưu! Một Tỳ Khưu xứng đáng không nên chỉ ý thị vào chỗ mình đã thọ trì đầy đủ Tứ thanh tịnh giới, hoặc hạnh đầu đà, hoặc chỉ ý thị vào chỗ đã hưởng hỷ lạc cả A Na Hàm quả mà vội cho rằng: “Hiện nay đời sống của ta ít có khổ não.” Ngày giờ nào chưa đạt đến mức lậu tận thì chớ nên khơi lên cái tâm nghĩ rằng: “Ta được an vui.”

Nói rồi, Ngài ngâm kệ rằng:

271. “Na sīlabbatamattena  
 Bāhusaccena vā puna  
 Atha vā samādhilābhena

Vivicca sayanena vā .”

“*Chẳng phải giữ giới cấm  
Cũng chẳng phải nghe nhiều  
Hoặc chứng được thiên định  
Sống cô độc một mình .”*

272. “Phusāmi nekkhammasukhaṃ

Aputhujjanasevitaṃ

Bhikkhu vissāsam āpādi

Appatto āsavakkhayaṃ .”

“*Tự xem đã thọ hưởng  
Hạnh phúc giải thoát lạc  
Phàm phu chưa hưởng được  
Tỳ Khuru chớ bằng lòng  
Nếu lậu hoặc chưa diệt.”*

(HT Thích Minh Châu)

### CHÚ GIẢI:

**Sīlabbatamattena** : Do nơi sự giữ Tứ Thanh Tịnh giới hoặc thọ trì mười ba chi đầu đà, hoặc là do sự nghe nhiều học rộng, hoặc thuộc lòng cả Tam Tạng Kinh

**Samādhilābhena** : Do đắc tám tầng thiền.

**Nekkhammasukhaṃ** : Hỷ lạc của Bạc A Na Hàm. Bởi vậy mới nói ta hưởng hạnh phúc của A Na Hàm.

**Apputhukkanasevitaṃ** : Phàm phu không được hưởng, nhưng Thánh nhân thì hưởng được.

**Bhikkhu** : Này Tỳ Khuru! Đây là gọi một Tỳ Khuru nào trong đó.

**Vissāsamāpādi** : Chớ tin cậy, bằng lòng. Như trên đã nói: Này Tỳ Khuru, việc thọ trì Cụ Túc Giới và đắc thiên định, theo Ta vẫn còn ít oi, nhỏ nhen, nếu chưa đắc quả Lậu Tận.

Chưa đắc A La Hán, một Tỳ Khuru xứng đáng chưa bằng lòng. Ví như phấn, đầu chỉ chút ít cũng có mùi hôi thúi như thế nào thì biết là cảnh giới tái sanh đầu nhỏ nhen chút ít cũng là khổ.

Cuối thời Pháp, các Tỳ Khuru ấy đều đắc quả A La Hán. Thính chúng câu hội nơi đó cũng hưởng được lợi ích của thời Pháp.

### ❁ Dịch Giả Cử Đề

*Chưa đến tận cùng mục đích tu*

*Chớ nên hưỡn dài việc công phu*

*Bao giờ đắc quả A-La-Hán*

*Mới chắc từ đây thoát ngục tù...*

*Giữ giới tu thiền chẳng đủ đâu*

*Đầu đà thêm học vấn cao sâu*

*A-Na-Hàm hỉ làm chi đó*

*Nếu vẫn còn vương “hữu” khổ sầu.*

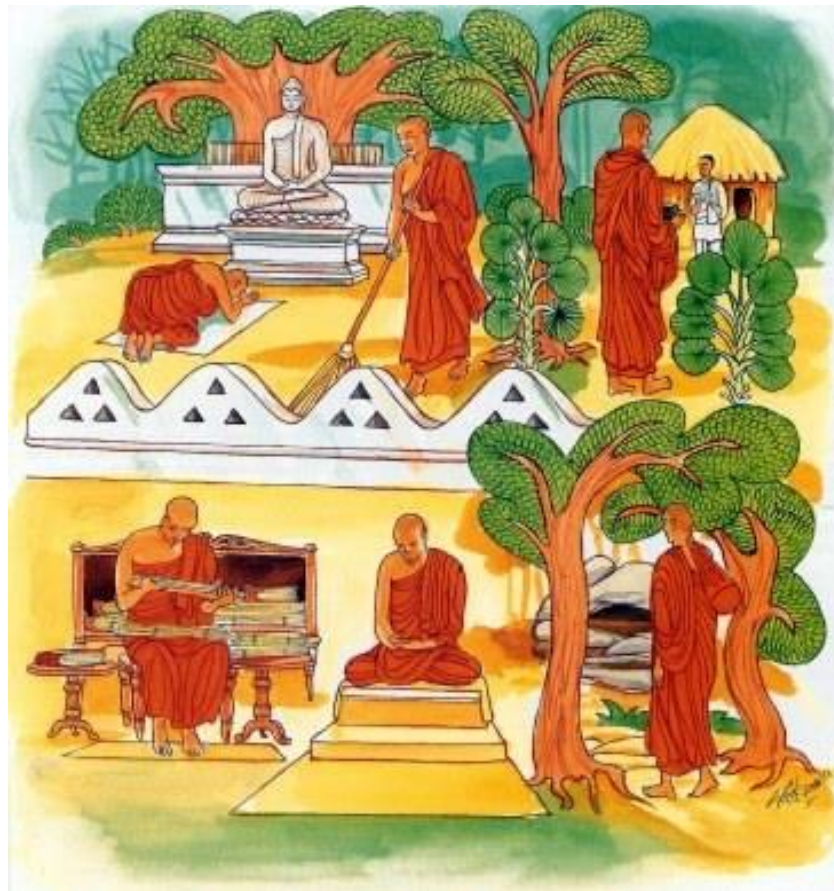
DỨT TÍCH NHIỀU VỊ TỖ KHƯU TỰ MÃN



DỨT PHẨM PHÁP TRỤ - DHAMMADAṬṬHA VAGGA

DỨT PHẨM 19





271



272

**PHẨM ĐẠO**  
**(MAGGA VAGGA)**



**NĂM TRĂM TỶ KHUƯ LUẬN ĐẠO**  
**(Pañcatabhikkhu)**

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 273.....276)**

273. “Maggān'eṭṭhaṅgiko seṭṭho  
Saccānaṃ caturo padā  
Virāgo seṭṭho dhammānaṃ  
Dipadānañ ca cakkhumā .”  
*“Bát chánh đường thù thắng  
Bốn đế lý thù thắng  
Ly dục pháp thù thắng  
Giác nhân người thù thắng.”*
274. “Eso'va maggo natth'añño  
Dassanassa visudhiyā  
Etamhi tumhe pat.ipajjatha  
Mārass'etaṃ pamohanaṃ .”  
*“Chi đường này độc nhất  
Khiến tri kiến thanh tịnh*

*Nếu người theo đường này  
Ma quân sẽ mê loạn.”*

275. “Etamhi tumhe paṭipannā  
Dukkhasantaṃ karissatha  
Akkhāto ve mayā maggo  
Aññāya sallasanthanaṃ .”  
*“Nếu người theo đường này  
Đau khổ được diệt trừ  
Hiểu được diệt gai chướng  
Ta dạy người con đường.”*
276. “Tumhehi kiccaṃ ātappaṃ  
Akkhātāro tathāgatā  
Paṭipannā pamokkhanti  
Jhāyino māra bandhanā .”  
*“Người hãy tự nỗ lực  
Như Lai chỉ thuyết dạy  
Người thiên định tu đạo  
Thoát khỏi lưới ma quân.”*

*(HT Thích Minh Châu)*

Pháp Cú này Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến cập đến năm trăm vị Tỷ Khưu.

Tương truyền rằng: Sau khi theo Đức Bốn Sư đi vân du khắp xứ rồi trở về thành Sāvattthī, chư Tỷ Khưu ngồi trong Hội trường đàm luận về đường xá, nói rằng: “Con

đường từ làng nọ sang làng kia bằng phẳng, con đường qua làng khác thì không bằng phẳng, con đường này có sạn sỏi, con đường kia không sạn sỏi...” . Bằng cách ấy, chư Tăng nhắc lại lộ trình mình đã trải qua. Đức Thế Tôn quán thấy duyên lành A La Hán Quả của chư Tỳ Khưu, bèn ngự đến giảng đường, ngồi lên trên chỗ ngồi đã soạn sẵn và hỏi:

- Này các Tỳ Khưu! Hôm nay các thầy nhóm họp thảo luận về chuyện gì đây?

- Bạch Ngài! Chuyện như thế, như thế...

Nghe vậy, Đức Bốn Sư phán dạy rằng:

- Này các Tỳ Khưu, đó là con đường bên ngoài (ngoại đạo), một Tỳ Khưu chính danh cần phải công tác trên con đường thánh. Có làm như thế, thầy mới được giải thoát khỏi mọi đau khổ.

Nói rồi, Ngài thuyết lên các kệ ngôn rằng:

273. “Maggān'eṭṭhaṅgiko seṭṭho

Saccānaṃ caturo padā

Virāgo seṭṭho dhammānaṃ

Dipadānañ ca cakkhumā .”

“Bát chánh đường thù thắng

Bốn đế lý thù thắng

Ly dục pháp thù thắng

Giác nhân người thù thắng.”

274. “Eso'va maggo natth'añño

Dassanassa visudhiyā

Etamhi tumhe pat.ipajjatha

Mārass'etaṃ pamohanam .”

“Chỉ đường này độc nhất

Khiến tri kiến thanh tịnh

Nếu người theo đường này

Ma quân sẽ mê loạn.”

275. “Etamhi tumhe paṭipannā

Dukkassantaṃ karissatha

Akkhāto ve mayā maggo

Aññāya sallasanthanam .”

“Nếu người theo đường này

Đau khổ được diệt trừ

Hiểu được diệt gai chướng

Ta dạy người con đường.”

276. “Tumhehi kiccaṃ ātappaṃ

Akkhātāro tathāgatā

Paṭipannā pamokkhanti

Jhāyino māra bandhanā .”

“Người hãy tự nỗ lực

Như Lai chỉ thuyết dạy

Người thiên định tu đạo

Thoát khỏi lưới ma quân.”

(HT Thích Minh Châu)

**CHÚ GIẢI:**

***Maggānatthaṅgiko*** : Dầu kể tất cả những con đường, nhất là con đường của sáu mươi hai chủ thuyết tà kiến, khi đem ra so sánh bằng tám chi đạo. Tuân tự lấy chánh kiến dẹp bỏ tà kiến... tám lần như thế cho đến chỗ diệt tuyệt các đối tượng để giác ngộ khổ đế trong Tứ Đế, thì thấy rằng Bát Chánh Đạo là con đường tối thượng thù thắng nhất.

***Saccānaṃ caturo padā*** : Không nên nóng giận với lời chân thật. Xin cho có sự chân thật trong lời nói ngày vị lai. Người Bà La Môn thật, người Sát Đế Ly thật theo sự phân chia giai cấp ở Ấn Độ, tất cả sự thật (sacca) này chỉ là giả định, thuộc về Tục đế sự thật (Sammutisacca) hay chỉ là chân lý của thế gian, chỉ là không tưởng (Moghaṃ aññaṃ) là chân lý tà kiến hoặc là Tứ Đế nhất là Khổ Đế. Con đối với bậc Thánh thì sự thật ở đây chính là sự thật cùng tột hay Thánh Đế, hay Đệ nhất nghĩa đế (Paramatthasaccaṃ).

Nói cách khác, trong hai thứ chân lý: Tục Đế và Chân Đế thì Chân Đế là điều cần phải thực thi như: Khổ đế cần phải thắng tri, Tập đế cần phải đoạn trừ, Diệt đế cần phải tác chứng và Đạo đế cần phải tu tiến. Chân lý hay Tứ Đế ấy là tối thượng.

***Virāgo saṭṭho dhammānaṃ*** : Có Phật ngôn rằng : Này các Tỳ Khuru khi so sánh với các hữu vi hoặc vô vi thì sự ly dục là cao siêu hơn cả các pháp ấy. Do đó, ly dục gọi là Níp bàn thù thắng.

***Dīpadānañ ca cakkhumā*** : Trong tất cả các chúng sanh nhất là về phía Chư Thiên và nhân loại là giống lưỡng túc (hai chân), chỉ có Đức Như Lai là thù thắng trong thân sắc, ngay cả trong vô sắc pháp hay danh pháp thì Đức Như Lai cũng thù thắng tối thượng (hơn cả Phạm Thiên Vô sắc).

***Dassanassa visuddhiyā*** : Con đường nào khiến ta hưởng được lợi ích của đạo quả tri kiến tịnh, chính đó là con đường độc nhất vô nhị.

***Etamhi*** : Bởi thế, các thầy hãy hành trì theo như vậy.

***Mārassetam pamohanaṃ*** : Ma Vương sẽ mê loạn, sẽ bị phỉnh lừa, sẽ ngơ ngác.

***Dukkhasantaṃ*** : Hãy đoạn tuyệt toàn thể cái vòng luân hồi khổ.

***Sallasanthaṃ*** : Các mũi nhọn, nhất là mũi nhọn của tình ái, các dao bén, các sự đè ép, trói buộc. Con đường đó không có ai chỉ dạy ta cả, chỉ tự ta giác ngộ lấy một mình, nay ta chỉ dạy cho các thầy. āḷy giờ, con đường đó đã được chỉ dạy, các thầy đang bị phiền não thiêu đốt. Muốn mau giác ngộ con đường đó, các thầy phải nỗ lực, chuyên cần làm các phận sự cần thiết mà Như Lai đã chỉ dạy toàn bộ rồi. Bởi vậy, những hành giả nào nương theo những điều chỉ dạy, hành thiền Chi quán, những hành giả ấy sẽ thoát khỏi những trói buộc của Ma Vương, có tên là cái vòng luân hồi trong Tam giới.



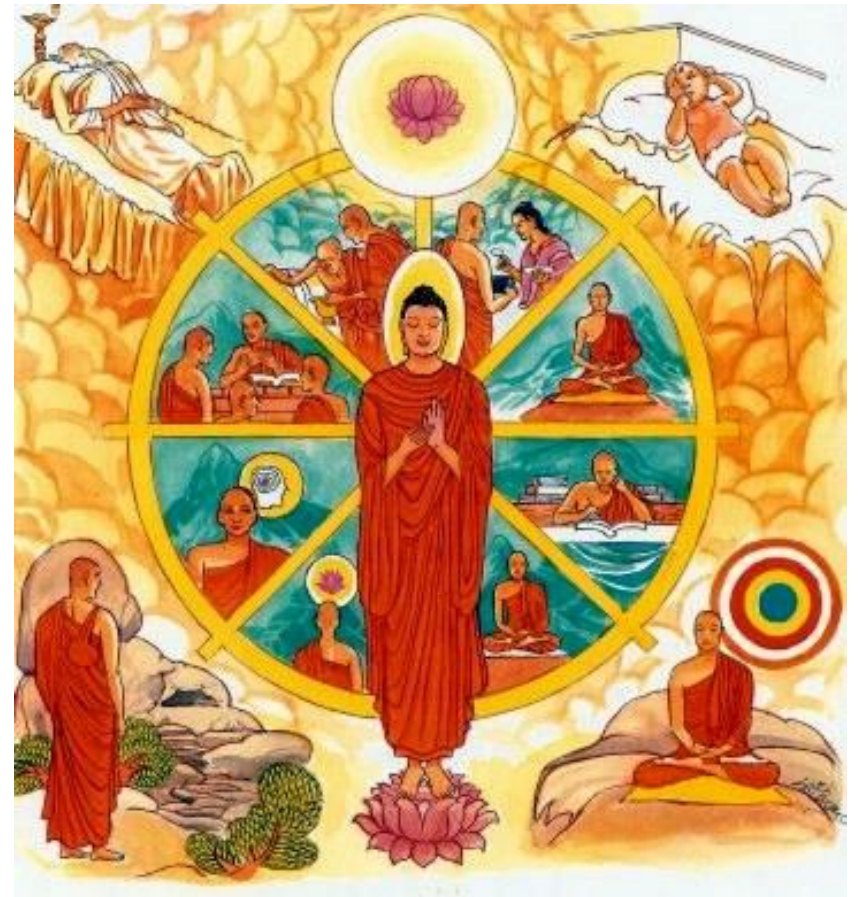
Cuối thời Pháp, năm trăm Tỷ Khuru đều đắc quả A La Hán. Kỳ dư thính chúng cũng được hưởng sự lợi ích của thời Pháp.



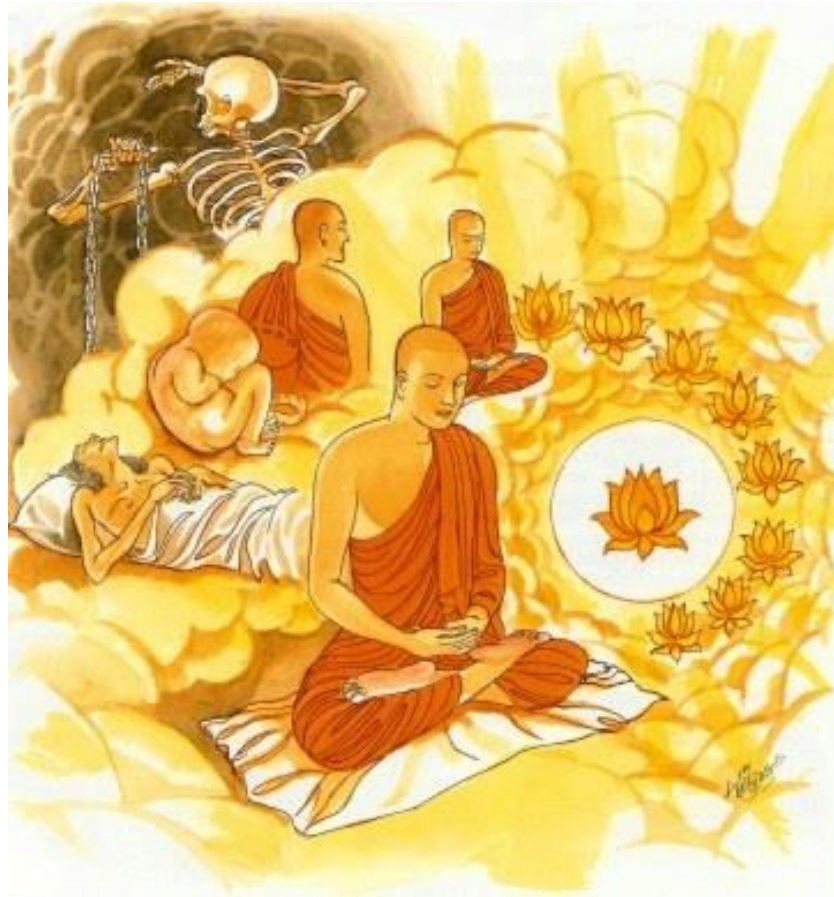
### Dịch Giả Căn Đề

*Con đường Bát Chánh Phật tìm ra  
 Dẫn chúng sanh lên khỏi ái hà  
 Lấy Khổ làm đầu trong Tứ Đế  
 Vô vi khắc phục chúng quân ma  
 Là đường độc nhất cả xưa nay  
 Có sẵn nhưng không được hiển bày  
 Phật tự giác rồi đem giáo hóa  
 Chư Tăng hưởng ứng bước theo ngay  
 Chẳng phải đường đi của thế nhân  
 Ngựa xe rộn rịp khách quen chân  
 Hoặc đường đạo khác theo tà kiến  
 Đường Níp Bàn xa hản bụi trần ...*

DỨT TÍCH NĂM TRĂM TỶ KHURU LUẬN ĐẠO



273



274



275





276

## NĂM TRĂM TỶ KHƯU QUÁN VÔ THƯỜNG (*Aparampañcasatabhikkhu*)

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 277)**

<i>“Sabbe saṅkhāra aniccāti</i>	<i>“Cách hành là vô thường</i>
<i>Yadāpaññāya passati</i>	<i>Nhờ trí quán xét vậy</i>
<i>Atha nibbindati dukkhe</i>	<i>Sẽ nhàm chán thống khổ</i>
<i>Esa maggo visuddhiyā .”</i>	<i>Chính là đạo thanh tịnh.”</i>

(HT Thích Minh Châu)

Pháp Cú này Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến 500 vị Tỷ Khưu.

Tương truyền rằng: Sau khi thụ huấn đề mục thiền (Chi - Quán) nơi Đức Thế Tôn, nhóm Tỷ Khưu này đã vào rừng hành đạo, nhưng đầu tinh tấn cách nào cũng không đắc quả A La Hán, nên tự nghĩ rằng:

- Chúng ta nên trở về học đề mục khác thích hợp hơn.

Rồi chư Tăng lên đường trở về bái yết Đức Thế Tôn, Ngài quán xét rằng: *“Ta nên chọn đề mục nào thích hợp với duyên lành của chư Tỷ Khưu này?”*. Ngài thấy rằng: Trong thời Đức Phật Kassapa chư Tỷ Khưu này đã từng chú niệm án xứ Vô thường tương suốt hai mươi ngàn năm. Bởi vậy, Ta nên thuyết về Pháp môn Vô thường tương là thích hợp.

Suy xét xong, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳ Khưu! Trong các cảnh giới, nhất là Dục giới tất cả pháp hữu vi là không có thật, là không vững bền, là vô thường.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Sabbe saṅkhāra aniccāti	“Cách hành là vô thường
Yadāpaññāya passati	Nhờ trí quán xét vậy
Atha nibbindati dukkhe	Sẽ nhàm chán thống khổ
Esa maggo visuddhiyā .”	Chính là đạo thanh tịnh.”

(HT Thích Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Sabbe saṅkhārā** : Trong các cõi nhất là cõi Dục, các uẩn sanh lên tại đâu thì diệt tại nơi đó, nên nói: “*Cách hành là vô thường.*” Nhờ Minh sát tuệ (Vipassanāñña) thấy được như vậy, mới sanh tâm nhàm chán trong khổ do vì bảo dưỡng thân ngũ uẩn này. Người đang nhàm chán do sự từng trải kinh nghiệm cái khổ mà thấu triệt các lẽ thật (của Thánh nhân).

**Esa maggo visuddhiyā** : Chính đó là con đường để Thánh hóa, làm cho trở nên trong sạch thanh tịnh vậy.

Cuối thời Pháp, cả nhóm Tỳ Khưu ấy đều đắc quả A La Hán. Tứ chúng hiện diện cũng hưởng được lợi ích của thời Pháp.

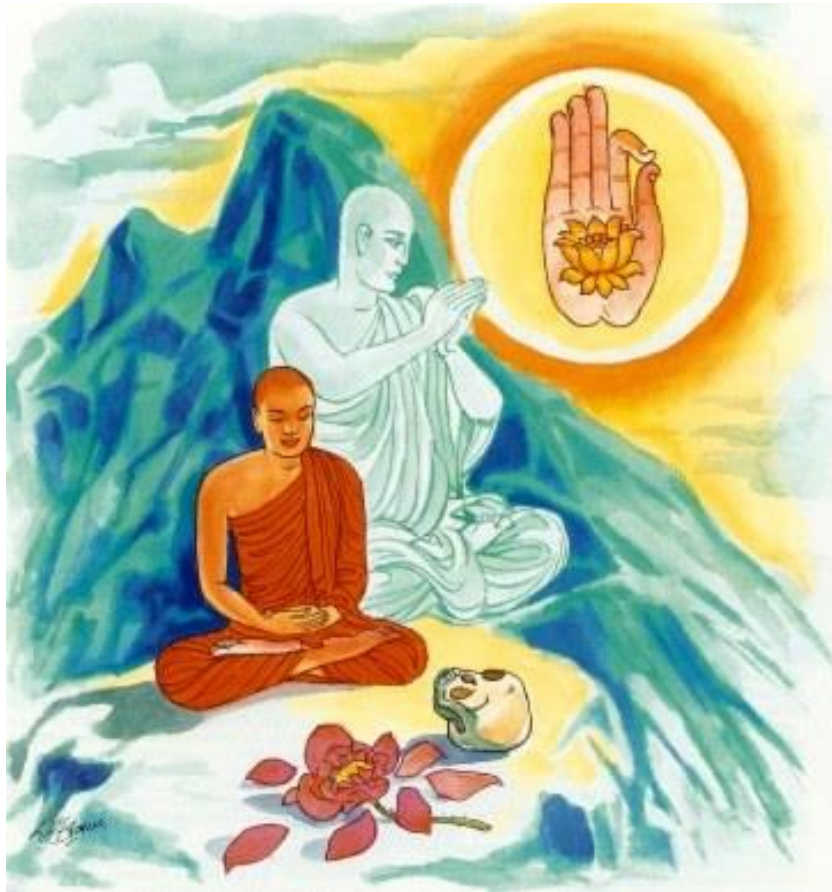


### **Dịch Giả Cản Đề**

*Năm trăm Tạng lẽ quán vô thường  
Thấy rõ thân sanh đáng chán chường  
Giác ngộ đầu tiên chân lý khổ  
Xả ly ngã chấp, khỏi sầu thương.*

**DỨT TÍCH NĂM TRĂM VỊ TỖ KHƯU QUÁN VÔ THƯỜNG**





277

## QUÁN KHỔ NÃO

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu )

*“Sabbe saṅkhārā dukkhāti      “Chư hành là khổ não*  
*Yadā paññaya passati        Nhờ trí quán xét vậy*  
*Atha nibbindati dukkhe      Sẽ nhàm chán thống khổ*  
*Esa maggo visuddhiyā .”      Chính là đạo thanh tịnh.”*

(HT Thích Minh Châu)

Kệ ngôn này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi ngự tại Jetavana.

Cũng như trong ý nghĩa kệ ngôn trước, Đức Thế Tôn thấy duyên lành đạo quả của 500 vị ty khưu, do quán xét Khổ não tướng, nên Ngài phán dạy rằng:

*“Sabbe saṅkhārā dukkhāti      “Chư hành là khổ não*  
*Yadā paññaya passati        Nhờ trí quán xét vậy*  
*Atha nibbindati dukkhe      Sẽ nhàm chán thống khổ*  
*Esa maggo visuddhiyā .”      Chính là đạo thanh tịnh.”*

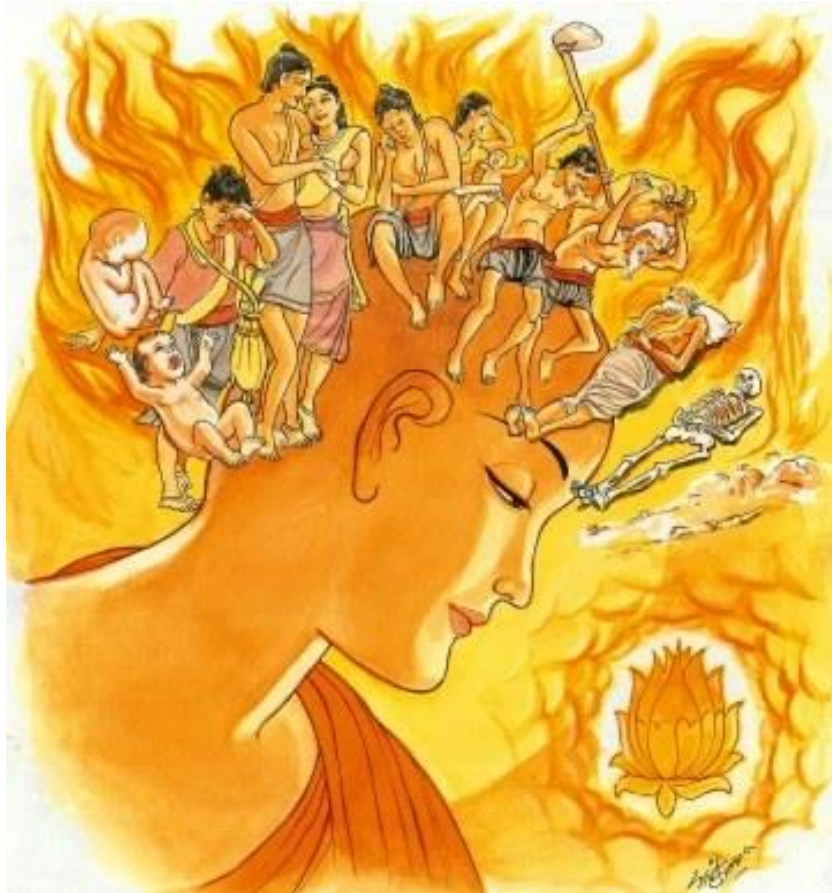
(HT Thích Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Dukkha:** nghĩa là khổ não, hằng bị áp bức.

Những câu sau có ý nghĩa như đã giải ở kệ ngôn trên.



278

## QUÁN PHI NGÃ

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 279)

“*Sabbe dhammā anattāti*      “*Các Pháp là vô ngã*  
*Yadā paññāya passati*      *Nhờ trí quán xét vậy*  
*Atha nibbindeti dukkhe*      *Sẽ nhàm chán thống khổ*  
*Esa maggo visuddhiyāti .”*      *Chính là đạo thanh tịnh.”*

(HT Thích Minh Châu)

Bài kệ thứ ba này cũng đồng một sự tích và cùng ý nghĩa, chỉ khác chút ít là: Ở đây Đức Thế Tôn biết chư Tăng đã từng quen niệm đề mục Phi ngã tướng, nên dạy rằng:

- Nay các Tỳ Kheu, tất cả ngũ uẩn đều là Phi ngã, do ý nghĩa ta không thể điều hành gì được nơi chúng cả.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Sabbe dhammā anattāti*      “*Các Pháp là vô ngã*  
*Yadā paññāya passati*      *Nhờ trí quán xét vậy*  
*Atha nibbindeti dukkhe*      *Sẽ nhàm chán thống khổ*  
*Esa maggo visuddhiyāti .”*      *Chính là đạo thanh tịnh.”*

(HT Thích Minh Châu)

### Chú thích:

**Sabbe dhammā** : Đây là ngũ uẩn mà giải rộng như vậy.

**Anattā** : Phi ngã, không phải là ta, không phải của



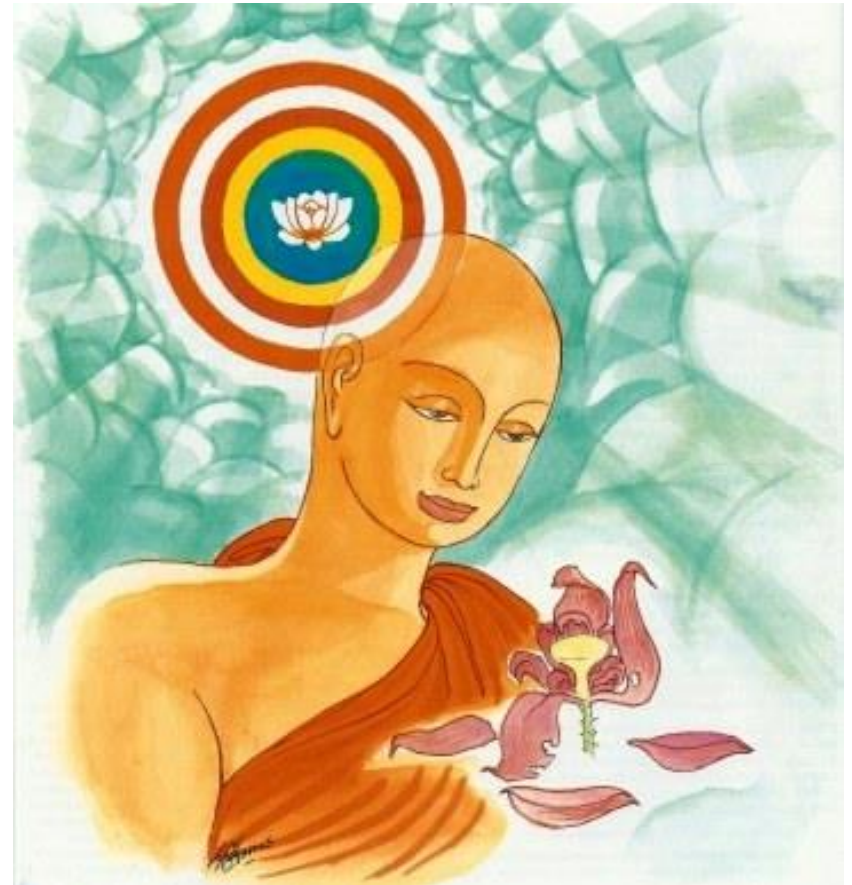
ta. Do cái lý ra lệnh, bảo nó: Đừng sống nữa, đừng sống nữa. Mà bắt nó phải làm theo ý ta, không ai có thể làm chủ, sai khiến được nó cả.

Mấy câu kia cũng giống như trước.



### **Dịch Giả Càn Đề**

*Phi ngã là không phải của mình  
Không quyền bảo nó: Hãy đừng sinh  
Thân ta chớ tưởng là ta nhé  
Chính “NGÃ” là “không”, chẳng tướng hình  
Đừng nghĩ không, là không có chi  
“Không” là đẹp tróng nộ, dâm, si  
Không còn ngã chấp hay duy kỷ  
Giới, định kiện toàn, tuệ đủ y.*



## ĐẠI ĐỨC TISSA NÔN TU (*Padhānakammikatissatthera*)

### KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 280)

**“Uṭṭhānakālamhi anutthāno  
 Yuvā balī ālasiyaṃ upeto  
 Samsannasaṅkappamano kusīto  
 Paññāya maggaṃ alaso na vindati .”**  
*“Khi cần không nỗ lực  
 Tuy trẻ mạnh, nhưng lười  
 Chỉ tiêu trầm nhu nhược  
 Sao có trí ngộ đạo.”*

*(HT Thích Minh Châu)*

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại Đức Tissa Padhāna kammika (Tinh Cần khổ hạnh).

Tương truyền rằng: Có năm trăm Công tử con nhà gia thế, cư ngụ trong thành Sāvattthī, sau khi xuất gia với Đức Bốn Sư, đã thụ huấn đề mục Chỉ quán và đi vào rừng hành đạo. Trong số đó có một số rút lại phía sau, kỳ dư đều hành Sa môn pháp trong rừng và chúng đặc A La Hán Quả. Các Ngài trở về thành Sāvattthī với ý nghĩ:

- Chúng ta sẽ báo tin mừng đặc quả cho Đức Bốn Sư hay.

Khi về còn cách Sāvattthī độ một do tuần, các Ngài đi trì bình ở một thôn trang, một cận sự nam trông thấy Ngài, đã hộ độ cơm, cháo, bánh trái... Sau khi nghe kinh phúc

chúc, lại thỉnh chư Tỳ Khuru nhận vật thực vào ngày mai.

Trong ngày ấy chư Tỳ Khuru về đến thành Sāvattthī, sau khi cất dẹp y bát, vào xế chiều đến yết kiến Đức Thế Tôn, dâng lễ rồi ngồi xuống một bên. Đức Bốn Sư rất hoan hỷ đối với đoàn khách Tăng, niềm nở tiếp đãi, chuyện trò thân mật với chư Tăng. Khi ấy có vị Tỳ Khuru là bạn cũ của chư Tăng này, nhưng vì giải đãi mà rút lại phía sau, tự nghĩ rằng:

- Đức Bốn Sư không đủ lời lẽ để tiếp đãi, chuyện trò thân mật với các vị này. Còn đối với ta, có lẽ vì ta chưa đặc Đạo quả nên Ngài không nói lời nào cả. Nội ngày mai ta sẽ hành cho đặc quả A La Hán để được Ngài nói chuyện với ta.

Đoàn Tăng khách sau cuộc hàn huyên, cáo từ Đức Thế Tôn lui ra, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trên đường về chùa, chúng con được một thiện nam cung thỉnh nhận vật thực vào ngày mai. Vạy sáng sớm mai, chúng con sẽ đi đến đó.

Khi ấy, một vị Tỳ Khuru của chư Tăng vì thức đi kinh hành suốt đêm, đến khuya mòn mỏi, phát sanh hôn trầm, té xuống một tảng đá bằng phẳng ở đầu đường kinh hành và bị gãy xương bắp vè. Vị ấy kêu thét lên một tiếng lớn. Các Tỳ Khuru khách nhận ra tiếng kêu của Đại Đức Tissa, nên đốt đèn lên, tìm thuốc, săn sóc, băng bó vết thương cho Đại Đức Tissa. Khi công việc đã xong thì mặt trời đã lên cao, chư Tăng không còn đủ thời giờ đi đến làng ấy khát thực nữa.

Đức Bốn Sư thấy vậy, hỏi chư Tăng rằng:

- Này các Tỳ Khuru! Các thầy không đi đến làng nhận vật thực ư?

- Bạch Ngài, không ạ. – Chư Tăng thuật chuyện đến Đức Thế Tôn.

- Này các Tỳ Khưu! Không phải đây chỉ là lần đầu mà vị ấy làm trở ngại việc nhận thực thí của chư Tăng. Mà xưa kia thấy ấy cũng đã từng thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tăng, Ngài thuyết lên tiền tích rằng:

“Yo pubbe karaniyāni  
Paccha so kātumicchāti  
Varanakattham bhañjova  
Sa pacchā anutappatīti .”

“Ai việc phải làm trước  
Về sau mới muốn làm  
Như bẻ củi Varana  
Nó về sau bị khô.”

Rồi Ngài giảng rộng Bốn sanh rằng: Theo truyền thuyết: Thuở xưa, chư Tăng này cũng là năm trăm thanh niên, chàng trai lười biếng hay là Tỳ Khưu Tissa, Giáo Sư năm xưa nay là Đấng Như Lai vậy.

Để kết thúc câu chuyện, Đức Bốn Sư dạy rằng:

- Này chư Tỳ Khưu! Kẻ không thức dậy khi đến thời cần thức dậy, kẻ lười biếng, ý chí nhu nhược, kẻ ấy không bao giờ phát triển được Thiền Định hay giác ngộ Đạo quả Níp Bàn cùng các pháp Thượng nhân khác.

Rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

“Uṭṭhānakālamhi anutthāno  
Yuvā balī ālasiyaṃ upeto

Saṃsannasaṅkappamano kusīto  
Paññāya maggaṃ alaso na vindati .”

“Khi cần không nỗ lực  
Tuy trẻ mạnh, nhưng lười  
Chỉ tiêu trầm nhu nhược  
Sao có trí ngộ đạo.”

(HT Thích Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Anutthāno : Anutthahanto** : là không tinh tấn.

**Yuvā balī** : Trong thời trai tráng ó đây đủ sức mạnh.

**Ālasiyaṃ upeto** : Sanh tật lười biếng, ăn no lại nằm.

**Saṃsannasaṅkappamano** : Cái tâm tốt đẹp trở thành nhu nhược vì ba thứ tư tưởng tà kiến (Thimicchāvitakkehi) (Câu này theo bản dịch của ông Phạm Kim Khánh dịch từ Ngài Nārada là: Tinh thần suy nhược, trong ấy các tâm chân chánh bị suy đồi.) .

**Kusīto** : Không tinh tấn.

**Alaso** : Uể oải, lười biếng, kẻ đại lãn (mahā-alaso) ấy không giác ngộ, không đắc vì không thấy Thánh Đạo cần phải thấy bằng trí tuệ.

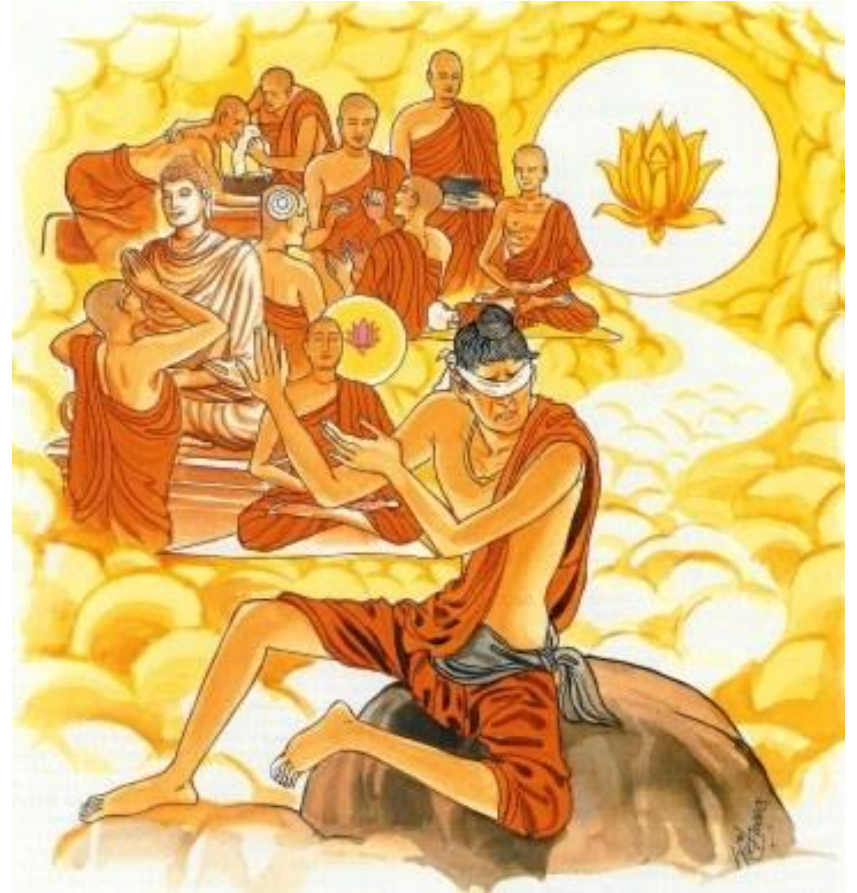
Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ Khưu chứng đắc Thánh Quả như Tu Đà Hườn.



## Dịch Giả Cẩn Đề

*Xưa đã từng quen nét biếng lười  
 Nay tu chẳng tiến kịp theo người  
 Nồn nao muốn gấp hầu bên Phật  
 Hằng hái hành khuya, sợ sáng trời  
 Mệt mỏi thành ra tâm ý muội  
 Hồn trăm mới để xác thân rơi  
 Xương đùi Sư gãy, làm Tăng dối  
 Một phút Vô minh, tật suốt đời.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC TISSA NÔN TU



## NGẠ QUỶ HEO (*SūRarapeta*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 281)

**“Vācānurakkhī manasā susaṃvuto  
Kāyena ca akusalamnakayirā  
Ete tayo kammapathe visodhaye  
Ārādhaya maggaṃ isippaveditaṃ.”**  
**“Ý điều lời thận trọng  
Thân không làm điều ác  
Ba nghiệp này thanh tịnh  
Chúng đạo Thánh nhân dạy.”**

*(HT Thích Minh Châu)*

Một ngày nọ, lúc đang đi xuống núi Gijjhakūṭa (Kỳ Xà Quật) với Đại Đức Lakkhaṇa, đến một nơi Đại Đức Moggallāna bỗng mỉm cười. Thấy vậy, Đại Đức Lakkhaṇa bàn hỏi:

- Này Đạo hữu, do nhân gì mà hiền giả lại mỉm cười?

- Này Hiền giả! Không phải thời để trả lời câu hỏi này. Khi về trước Đức Thế Tôn Hiền giả hãy hỏi tôi việc ấy.

Nói rồi hai vị Đại Đức cùng vào thành Sāvattihī khất thực. Vào xế chiều hai vị đến Veluvana đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, ngồi xuống một bên, khi ấy Đại Đức Lakkhaṇa hỏi về sự mỉm cười của Đại Đức Moggallāna vào ban sáng rằng:

- Này hiền giả Moggallāna! Do nhân gì duyên gì vào ban sáng hôm nay hiền giả lại mỉm cười?

- Này hiền giả Lakkhaṇa! Tôi đã thấy con nọ quỉ heo, mình dài ba dậm (tigāvuta), mình như người nhưng đầu lại là heo, trong miệng nó mọc ra cái đuôi, từ đó giò bò ra lúc nhúc, tôi nghĩ thầm rằng: “Từ trước đến nay ta chưa từng thấy một chúng sanh có hình tướng như thế.” nên tôi mỉm cười.

Đức Thế Tôn xác nhận rằng:

- Thật vậy, này chư Tỳ Khưu! Các Thánh Văn của Ta hằng là bậc có chánh kiến (tức Thiên Nhân: Cakkhubhutta)! Chính Như Lai đã từng thấy loại chúng sanh như thế khi Như Lai đắc quả Vô Thượng Chánh Giác dưới cội Bồ Đề, nhưng không tuyên thuyết vì chưa có ai trông thấy, Như Lai suy nghĩ: “*Những ai không tin lời Như Lai sẽ có nhiều bất lợi cho họ.*” Nay có được Moggallāna làm chứng, nên ta xác nhận như thế: Này các Tỳ Khưu! Moggallāna đã nói đúng sự thật.

- Bạch Thế Tôn! Chẳng hay trong tiền kiếp chúng sanh ấy đã tạo ác nghiệp gì?

- Này các Tỳ Khưu! Các thầy hãy lắng nghe.

Rồi Ngài thuật tiền nghiệp của con nọ quỉ heo như sau:

Tương truyền rằng: Trong thời Đức Phật Kassapa, trong một thôn nọ có hai vị Đại Đức sống hòa hợp cùng nhau. Vị lớn được 60 tuổi, vị nhỏ thì 59 tuổi. Mỗi khi hai vị đi đâu, vị nhỏ cũng mangy bát theo hầu vị lớn, làm tất cả mọi công việc phục dịch y như vị Sa di theo hầu thầy. Giống như hai anh em cùng cha mẹ sinh ra. Hai vị Đại Đức thuận hòa êm ấm, cho đến một hôm có một vị khách Tăng



Pháp Sư ghé vào chùa của hai Đại Đức. Hôm ấy là ngày Pháp lễ. Hai vị Đại Đức hoan hỷ cho vị khách Tăng trú ngụ trong chùa, nói rằng:

- Thưa bậc Thiện trí thức! Xin hãy thuyết Pháp cho chúng tôi nghe đi.

Vị Pháp Sư thuyết Pháp, hai vị Đại Đức hoan hỷ với ý nghĩ rằng: “Chúng ta thỉnh được vị Pháp Sư rồi.”.

Qua hôm say, hai vị Đại Đức dẫn vị khách Tăng đi khất thực trong làng. Sau khi thọ thực nời ấy, hai Ngài bảo vị Pháp Sư rằng:

- Thưa Hiền giả! Hãy thuyết Pháp đến tín gia đi.

Hai vị Đại Đức thỉnh cầu vị Pháp Sư thuyết Pháp cho dân chúng nghe như thế. Sau khi nghe Pháp, mọi người cung thỉnh ba vị sáng mai đến thọ thực tại nơi ấy. Cứ đều đều như thế, hai vị Đại Đức cùng vị Pháp Sư đi khất thực khắp các làng quanh chùa, thọ bát hai ngày liền ở một nơi nhà thí chủ.

Vị Pháp Sư suy nghĩ: “Hai ông này nhu nhược quá. Ta phải làm sao cho họ bỏ trú xứ này đi, ta sẽ chiếm ở luôn trong chùa này mới được.”

Buổi chiều, vị Sư khách đến phục dịch hai vị Đại Đức, khi hai vị trở về phòng riêng thì vị ấy quay lại nơi ngụ của vị Đại Đức lớn và thưa rằng:

- Bạch Ngài! Con có chút chuyện cần phải bạch với Ngài.

- Hiền giả cứ nói.

Vị Pháp Sư suy nghĩ đôi chút, rồi nói rằng:

- Bạch Ngài, chuyện này nếu con nói ra e phạm lỗi nặng lắm.

Rồi vị ấy từ giã ra đi, đến phòng vị Đại Đức nhỏ, ông cũng làm như thế. Ngày hôm sau, vị Pháp Sư cũng làm y như cũ. Qua ngày thứ ba, sự tò mò của hai vị Đại Đức lên cực độ, khi vị Pháp Sư đến gặp riêng vị Đại Đức lớn rằng:

- Bạch Ngài, con có chút chuyện cần phải bạch, nhưng trước mặt Ngài con không dám nói ra.

- Không sao đâu, Hiền hữu cứ nói ra đi.

Sau cùng, làm như bị nầy ép quá, vị Pháp Sư hỏi rằng:

- Bạch Ngài! Vị Đại Đức nhỏ có điều chi xích mích với Ngài chăng?

- Nầy Bậc thiện trí thức! Vì sao hỏi vậy? Chúng tôi chẳng khác nào như anh em ruột từ một cha một mẹ sanh ra. Hễ người nầy được lợi lộc thì người kia cũng được lợi lộc. Từ trước đến nay tôi chưa hề thấy Sư đệ tôi làm lỗi gì cả.

- Thật thế ư? Bạch Ngài.

- Nầy Hiền hữu! Thật như vậy.

- Bạch Ngài! Vị Sư đệ của Ngài nói với con rằng: “Nầy Bậc thiện trí thức, người là con nhà gia thế, còn vị Đại Đức lớn kia, nếu người ngỡ là thanh tịnh, có tài có quý thì làm đầy, khi tiếp xúc với vị ấy, người nên cẩn thận thân và khẩu đi.”. Vị Sư đệ của Ngài nói với con như thế, từ khi con vừa đến nơi này.

Nghe vậy, vị Đại Đức lớn phát sanh sân hận, tâm thần bấn loạn như cái bát sành bị gậy đập nát vậy. Rồi vị Pháp Sư đi ngay đến vị Đại Đức nhỏ và cũng nói y như trước. Vị sau cũng phát sanh sân hận, tâm thần bấn loạn như vị kia.

Suốt thời gian chung sống trước đây, không bao giờ

hai vị vào làng riêng nhau, nhưng qua việc này, ngày hôm sau vị Đại Đức nhỏ một mình vào làng khất thực, rồi trở về trước đứng ở nơi Giàng đường, vị Đại Đức lớn khất thực về sau, đi đến Giàng đường. Vị nhỏ suy nghĩ: *“Ta có nên rước bát Ngài hay không?”*. Mặc dầu có ý nghĩ: *“Sẽ không rước bát.”*, nhưng vị Đại Đức nhỏ suy nghĩ: *“Từ trước giờ ta chưa từng làm như thế, thôi ta không nên bỏ qua phận sự của mình.”*

Khi tự làm tâm dụ xuống, vị Đại Đức nhỏ để gần vị lớn nói:

- Bạch Ngài! Cho con thỉnh y bát.

- Hãy đi đi! Người không xứng đánh thỉnh y bát của ta.

Vừa nói, vị ấy khoát tay xua đuổi, tỏ vẻ bất cần.

- Dạ phải rồi! Thưa Ngài, con cũng có ý nghĩ là không rước y bát của Ngài nữa đâu.

- Này Hiền giả! Có lẽ người nghĩ rằng ta quyến luyến ngôi chùa này lắm phải chăng?

- Bạch Ngài! Xin Ngài cũng đừng tưởng lầm rằng con quyến luyến ngôi chùa này. Đây là chùa của Ngài mà.

Nói rồi, vị Đại Đức nhỏ mang lấy y bát ra đi. Vị Đại Đức lớn cũng bỏ chùa đi luôn. Hai vị không cùng đi một đường, vị đi cửa sau, vị đi cửa trước. Vị Pháp Sư giả vờ rằng:

- Bạch hai Ngài! Các Ngài chớ nên làm như thế.

Hai vị Đại Đức bảo rằng:

- Thôi hiền giả hãy ở lại đi.

Qua ngày sau, vị Pháp Sư đi vào làng kế cận. Các

thiện tín hỏi:

- Bạch Ngài! Còn hai vị Đại Đức nữa đâu?

- Thôi các tín gia đừng hỏi nữa. Hôm qua hai vị Đại Đức của quý vị tranh chấp cùng nhau, rồi bỏ đi cả rồi. Ta đã hết lời yêu cầu các Ngài ở lại mà không được.

Trong số ấy, những người thiếu trí thì làm thỉnh, trái lại các bậc có trí suy nghĩ rằng: *“Hai Đại Đức ấy, từ bấy lâu nay chẳng hề phạm lỗi lầm chỉ gọi là nhỏ nhặt. Nếu có điều kinh sợ, tai hại phát sanh đến hai Ngài, chắc hẳn là do nơi vị Sư mới này vậy.”*

Còn hai vị Đại Đức, đâu đi đến nơi nào tâm trí cũng không hề an vui. Đại Đức lớn suy nghĩ: *“Than ôi! Nặng thay là việc hành quấy của vị mới tu kia, vừa mới gặp khách Tăng trong giây phút đã nói: *“Đừng tiếp xúc thân thiện với Đại Đức lớn.”*”*

Còn vị Đại Đức nhỏ cũng nghĩ rằng: *“Ôi! Nặng thay là việc làm sai quấy của vị Đại Đức lớn. Vừa gặp khách Tăng trong giây lát mà đã dặn đừng nên tiếp xúc thân thiện với ông Sư này.”*

Cả hai đều không còn tâm trí để ôn tập kinh điển hay thiền định chi cả. Một trăm năm trôi qua. Một hôm, cả hai vị cùng đến một ngôi chùa ở phía Tây và cùng vào một Đạo trường. Vừa nhìn thấy vị Đại Đức nhỏ, vị lớn không cầm được lòng, nước mắt tuôn trào. Vị Đại Đức nhỏ cũng nhận thấy vị lớn, hai mắt đầy lệ nhỏ, tự nghĩ rằng: *“Ta nên nói trước hay là không?”*. Rồi nghĩ rằng: *“Điều này cũng chẳng có chi là hệ trọng.”*. Nên đánh lễ vị lớn, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Từ trước đến lúc chia tay, con hằng rước y bát của Ngài, đi chung với Ngài. Ngài có thấy con làm điều chi lầm lỗi với Ngài chăng?

- Ta chưa hề trông thấy, này Hiền giả.

- Thế sao Ngài lại bảo với vị Pháp Sư rằng: “*Đừng nên tiếp xúc thân thiện với con.*”

- Này Hiền giả! Ta không hề nói như thế đâu. Nhưng ta được nghe rằng Hiền giả cũng nói với vị Pháp Sư về ta như thế đó.

- Bạch Ngài! Con không bao giờ nói như thế.

Khi ấy, hai vị mới vỡ lẽ ra, biết rằng: “*Chắc vị Pháp Sư có ý muốn ly gián chúng ta, nên nói như thế?*”. Rồi hai vị xin sám hối với nhau về chuyện đã hiểu lầm nhau.

Suốt một trăm năm không thể làm cho tâm được an vui, ngày hôm ấy hai vị hòa hợp cùng nhau, và quyết định: “*Chúng ta sẽ tống cổ vị Pháp Sư ra khỏi chùa.*”. Thế rồi, hai vị Đại Đức khởi hành lần hồi về ngôi chùa cũ. Vị Pháp Sư trông thấy hai vị Đại Đức trở về, bèn rước y bát. Hai vị Đại Đức khoát tay rằng:

Thầy là người không xứng đáng ở trong ngôi chùa này nữa.

Không thể nán lại, vị Pháp Sư liền ra khỏi chùa ngay và đi nơi khác. Mặc dầu đã hành Sa môn Pháp hết 2 muôn năm, nhưng vị ấy không thể chịu đựng sự trách mắng. Đến lúc xuống chết phải sa xuống A Tỳ địa ngục, bị thiêu đốt suốt cả thời gian một vị Phật. Bây giờ, quả còn dư sót, vị ấy còn thọ khổ với thân hình ngựa quỳ heo trên núi Gijjhakūta như đã nói ở phía trước.

Sau khi thuật lại tiền nghiệp của ngựa quỳ heo, Đức Thế Tôn dạy rằng:

Này các Tỳ Khuru! Vị Tỳ Khuru chánh danh cần phải có thân, khẩu, ý thanh tịnh.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

“*Vācānurakkhī manasā susaṃvuto  
Kāyena ca akusalaṃnakayirā  
Ete tayo kammaṃpathe visodhaye  
Ārādhaya maggaṃ isippaveditaṃ.*”

“*Ý điều lời thận trọng  
Thân không làm điều ác  
Ba nghiệp này thanh tịnh  
Chứng đạo Thánh nhân dạy.*”

(HT Thích Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

Vācānurakkhī : Giữ gìn lời nói, đừng để phạm giới vọng ngữ, lường thiệt, ác ngữ, ý ngữ.

Manasā : Thu thúc ý đừng cho tham, sân, tà kiến.

Kāyena : Giữ thân đừng làm ba hạnh bất thiện là sát sanh, trộm cắp, tà hạnh

Hãy làm thanh tịnh thân, khẩu như vậy. Người làm thanh tịnh thân, khẩu như thế, sẽ thành tựu được Bát Chánh Đạo mà chư Phật và các Đạo sĩ hằng chỉ dạy.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ Khuru chứng Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



### Dịch Giả Cầu Đề

*Hai Sie hòa hợp sống chung vui  
 Tín khách đường xa, thọc mũi dùi  
 Một sớm rời nhau tâm đã khô  
 Trăm năm gặp lại, lệ còn rơi  
 Đoạt chùa, trách kẻ lòng danh đá  
 Nghĩ bạn, thương ai dạ ngấm ngùi...  
 Núi trọc chưa mờ gương Ngạ quỷ  
 Thân người, đầu lợn, miệng lòi đuôi  
 Thân tịnh, miệng đầu chẳng tịnh theo  
 Làm con Ngạ quỷ mọc đầu heo  
 Lưỡi trong, thêm lưỡi ngoài: đuôi thú  
 Ăn nói làm sao? Rõ ngật nghèo.*

**DỨT TÍCH NGẠ QUỶ HEO**



## ĐẠI ĐỨC POTHILA (*Pothilatthera*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 282)

<i>“Yogā ve jāyati bhūri Ayogā bhūrisaṅkhayo Etaṃ dvedhā pathaṃ nātvā Bhavāya vibhayāya ca That'attānaṃ niveseyya Yathā bhūri pavaḍḍhati .”</i>	<i>“Tu thiên trí tuệ sanh Bỏ thiên trí tuệ diệt Biết con đường hai ngã Hướng đến lợi và hại Hãy tự mình nỗ lực Khiến trí tuệ tăng trưởng.”</i>
---	--

*(HT Thích Minh Châu)*

Pháp Cú này được Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại Đức Pothila.

Tương truyền rằng: Vị Đại Đức này đã từng là Tam Tạng Pháp Sư suốt cả 7 đời vị Phật Tổ và hằng thuyết giảng kinh điển cho một nhóm 500 vị Tỳ Khưu nghe.

Một hôm, Đức Bốn Sư tự nghĩ: *“Tỳ Khưu này không có tâm nghĩ đến sự giải thoát khỏi khổ. Ta sẽ làm cho y kinh cảm mới được.”* Từ ấy về sau, mỗi khi Đại Đức ấy đến hầu Đức Bốn Sư, Ngài gọi: *“Hãy đến, này Pothila rỗng không! Hãy ngồi xuống, này Pothila rỗng không!”*. Đại Đức làm chi cũng dùng danh từ Pothila rỗng không mà gọi Đại Đức cả. Đại Đức suy nghĩ: *“Ta thông suốt Tam Tạng luôn cả Sớ giải. Hơn thế nữa, ta là Giảng sư dạy Pháp cho 500 Tỳ Khưu và đứng đầu mười tám đoàn Tăng lữ. Thế mà Đức Bốn Sư cứ gọi ta là Pothila rỗng không mãi. Chắc tại ta không xúc tiến Pháp hành, tham thiên nhập định, cho nên Ngài mới gọi ta như thế.”* Sanh tâm kinh

cảm, Đại Đức quyết định: *“Ta sẽ vào rừng hành Sa Môn Pháp ngay bây giờ.”* Sau khi đã tự mình sắp đặt sẵn y bát, lúc rạng đông, Đại Đức ra đi chung với Tỳ Khưu sau cùng, là vị Pháp Sư dở nhất. Các Tỳ Khưu ngồi trong lớp ấy đang đọc dượt Kinh tụng, không lưu ý thấy đó là “Thầy A Xà Lê” của mình.

Sau khi vượt qua một trăm hai mươi do tuần (Visamyojanasatam) Đại Đức đến một thiên thất trong rừng: Có ba mươi vị Tỳ Khưu trú nơi ấy. Vào gần chư Tăng, Đại Đức đành lễ vị Tăng trưởng nhóm và bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài từ bi tế độ cho con.

- Này Đạo hữu, Hiền giả là một Pháp Sư danh tiếng, chính tôi còn có điều cần học nơi Hiền giả. Sao Hiền giả lại nói như thế?

- Bạch Ngài! Xin Ngài đừng nói thế, xin Ngài từ bi tế độ cho con.

Thật sự thì, chư Tăng thiên Sư nơi ấy đều là bậc Lậu Tận. Vị Đại Đức Tăng trưởng nghĩ rằng: *“Vị này ỷ vào Pháp học của mình, còn có tâm ngã mạn cống cao.”* Nên Ngài bảo Pothila đến bạch với vị Phó Tăng trưởng và xin nương nhờ. Pothila đến bạch với vị Phó Tăng trưởng và cũng được giới thiệu tiếp đến vị kế. Cứ như thế, Pothila được giới thiệu đến vị trẻ nhất là Sa di bảy tuổi, Ngài đang ngồi vá y nơi chỗ tham thiên ban ngày. Thế là Thiên Sư triệt hạ tánh ngã mạn của Pothila. Áp chế được tâm ngã mạn, Pothila đến gần vị Thánh Sa di, chấp tay kính cẩn:

- Xin Bạc Thiện trí thức từ bi tế độ cho tôi.

- Thầy A Xà Lê ơi! Sao thầy lại nói như thế, thầy niên cao kỳ trưởng, quăng kiến đa văn. Chính tôi phải tìm thầy mà học hỏi điều gì cần nên hiểu biết chứ.

- Bạc Trí thức ơi! Ngài đừng làm như thế. Xin hãy là thầy tế độ của tôi đi.

- Bạch Ngài! Nếu Ngài nhẫn nại làm theo lời huấn từ, thì tôi sẽ tế độ Ngài.

- Bạc Thiện trí thức ơi! Tôi xin vâng lệnh Ngài. Nếu Ngài khiến tôi nhảy vào lửa đỏ, tôi cũng sẽ nhảy vào lập tức.

Khi ấy, ông Sa di chỉ một ao nước ở gần đó và nói với Pothila rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài để nguyên bộ y đang mặc mà lội xuống ao này đi.

Mặc dầu, Sa di vẫn biết Pothila đang mặc thượng y, y nội và y hai lớp loại đắt giá, nhưng Ngài vẫn bảo như thế để xem tâm của Pothila có nhẫn nại theo huấn từ hay không. Ngài Sa di vừa dứt lời thì Pothila đã đi xuống ao ngay.. Khi các đường viền y của Đại Đức bị thấm ướt, vị Sa di gọi:

- Bạch Ngài, hãy đến đây.

Vị Sa di vừa dứt lời, Đại Đức đã đến trước mặt ông Sa di. Vị Sa di lại nói:

- Bạch Ngài! Ví như trong một gò mồi có sáu lỗ ngách và một con kỳ đà theo một lỗ ngách nào đó mà chui vào trong gò mồi. Người ta muốn bắt được con kỳ đà đó, phải bít cả năm cửa ngách, chừa lại chỉ có một cửa mà thôi, và bắt con kỳ đà tại cái lỗ ngách mà nó đã chui qua. Đối với lục căn môn, Ngài cũng phải làm như thế, hãy đóng chặt hết năm căn môn và định tâm vào ý căn môn.

Mấy lời của Sa di vừa dứt, khiến tâm tư Pothila đa văn vụt bật sáng như đèn cây vừa được thắp lên. Pothila nói:

- Bạc Trí giả ơi! Bấy nhiêu đây cũng đủ rồi.

Hạ thấp sự hiểu biết trong thân bất tịnh này xuống, vị Tỳ Khưu Đa văn hướng tâm đến Sa môn Pháp.

Đức Bổn Sư đang ngồi cách xa 120 do tuần, nhìn theo dõi vị Tỳ Khưu ấy và tự nghĩ rằng: “Tỳ Khưu này phải tự mình hành đạo như thế để trở bên Bạc Trí tuệ quảng bác.” Nghĩ rồi, Đức Bổn Sư phóng hào quang, thị hiện như đang nói chuyện với Pothila và nói lên kệ ngôn rằng:

“Yogā ve jāyati bhūri	“Tu thiên trí tuệ sanh
Ayogā bhūrisaṅkhayo	Bỏ thiên trí tuệ diệt
Etaṃ dvedhā pathaṃ ñatvā	Biết con đường hai ngã
Bhavāya vibhāvāya ca	Hướng đến lợi và hại
That'attānaṃ niveseyya	Hãy tự mình nỗ lực
Yathā bhūri pavaḍḍhati .”	Khiến trí tuệ tăng trưởng.”

(HT Thích Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Yogā** : Chú tâm trên ba mươi tám đối tượng.

**Bhūri** : Có trí tuệ rộng lớn như địa đại.

**Savi khayo** : Tiêu diệt.

**Etaṃ dvedhā pathaṃ** : Con đường hai ngã là có tu thiên.

**Bhavāya vibhāvāya ca** : Có lợi và bất lợi.

**Tath'attānaṃ niveseyya** : Tự mình hãy nỗ lực thế nào để trí tuệ phát triển đến mức gọi là trí quảng bác như mặt đất.



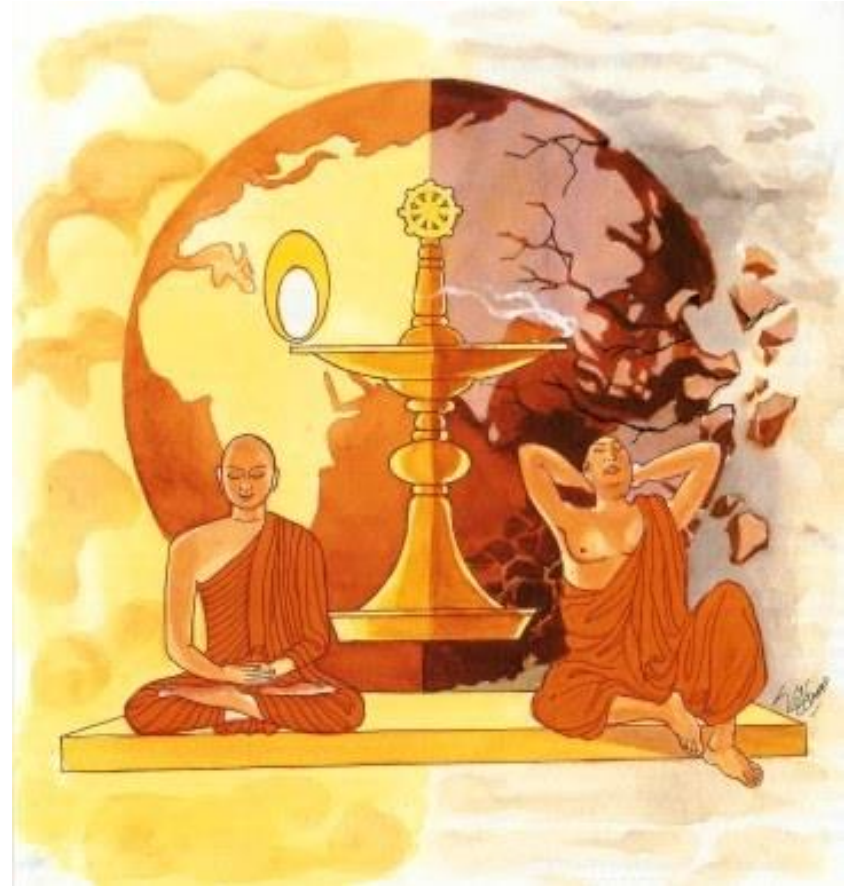
Cuối thời kê, Đại Đức Pothila đặc quả A La Hán.



### Dịch Giả Cầu Đề

*Pháp thuyết học rồi thật lắm công  
Mà sao Phật cứ gọi “Đầu không”?  
Bực mình Đại Đức Bồ Thí Lã  
Lặn lội vô rừng kiếm “NỘI TỒN”  
Ngũ mạn vì: Ta cũng bậc cao  
Gặp Thiên Sư trưởng mới xin vào  
Các Ngài Đại Đức không ai nhận  
Phải lại Sa di, hết tự hào  
Ngờ đâu bảy tuổi đã Vô sanh  
Dạy Pháp Sa Môn gắng thực hành  
Phật ở xa đường nhưng cũng độ  
ĐẦU KINH, đạo quả kịp viên thành.*

**DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC POTHILA RỒNG KHÔNG**



## CÁC ĐẠI ĐỨC GIÀ (*Mahallakathera*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 283-284)

283. “Vanam chindatha mā rukkham  
Vanato jāyati bhayam  
Chetvā vanañ ca vanathañ ca  
Nibbanā hotha bhikkhavo .”

*“Đốn rừng không đốn cây (dục vọng)  
Từ rừng sinh sợ hãi  
Đốn rừng và củi gỗ (dục)  
Tỳ kheo hãy thoát ly.”*

284. “Yāvam hi vanatho na chijjati  
Aṇumatto'pi narassa nārisū  
Patibaddhamano va tāva so  
Vaccho khīrapako'va mātari .”

*“Khi nào chưa dứt sạch  
Dây tình giữa trai gái  
Tâm ý vẫn buộc ràng  
Như bò con vú mẹ.”*

(HT Thích Minh Châu)

Pháp Cú này Đức Bốn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhiều vị Tỳ Khưu già.

Tương truyền rằng: Trong thời gian còn là cư sĩ, các vị ấy là những Trưởng giả trong thành Sāvattthī thuộc hạng cự phú. Là những bạn thân, họ thường rủ nhau đi làm phước và nghe Đức Bốn Sư thuyết pháp. Rồi họ tự hỏi lẫn nhau rằng: “Chúng ta đã già rồi. Chúng ta còn nán lại nơi nhà làm gì nữa?” .

Sau khi xuất gia với Đức Bốn Sư, vì tuổi già nên họ không thể học thuộc lòng Pháp thuyết. Do đó họ cho cất một thảo am, ở sát ranh chùa rồi sống chung ở đó. Khi đi trì bình xong, họ ghé qua nhà để vợ con họ thêm vật thực mà độ.

Trong nhóm các vị Sư ấy, có một bà vợ cũ của một vị, có tên là Madhurapanikā (Mādhurapacikā) (Bàn tay thiện xảo), là người hộ độ cho tất cả nhóm. Cho nên các vị ấy thường mang vật thực khát thực được đến nhà bà mà ngồi độ, và bà tùy tiện nấu nướng thêm canh với thức ăn vào vật thực các vị ấy.

Ít lâu sau, bà lâm trọng bệnh và mệnh chung, Khi ấy các vị Sư già ấy ngồi tụ hội lại cùng nhau tại thảo am, ôm cổ nhau mà khóc than, kể lể rằng:

- Bà tín nữ có tay thiện xảo nay mất rồi.

Chư Tỳ Khưu khắp nơi đi đến hỏi thăm rằng:

- Có việc chi thế, này các hiền giả?

- Bạch các Ngài! Bà vợ cũ của bạn chúng tôi đã mất rồi. Một tay bà đã hộ độ chúng tôi thật nhiều. Nay bà mất đi, chúng tôi tìm đâu ra được một bà hộ tăng như thế đó nữa. Do đó, chúng tôi khóc.

Chư Tỳ Khưu đem việc này ra thảo luận tại Giảng đường. Đức Thế Tôn ngự đến phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ Khuru! Hôm nay các thầy tụ hội thảo luận việc chi vậy?

- Bạch Ngài, việc như thế... như thế...

- Này các Tỳ Khuru! Không phải bây giờ, mà trước kia bà ấy là con quạ mái. Một hôm đi kiếm ăn dọc bờ biển, bị một lượn sóng kéo lôi xuống biển mà chết. Các vị Tỳ Khuru này khi ấy là những con quạ trống, chúng cũng đã từng khóc than trước cái chết của con quạ mái, thở than cùng nhau rằng: *“Chúng ta sẽ vớt nàng lên.”* . Rồi chúng dùng mỏ định rút hết nước biển lớn, nhưng chỉ nhọc công vô ích.

Nói rồi, Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

“*Api na bahukā santā  
Mukhañca Parisassati  
Cramāma na pārema  
Pūrateva mahodathati .*”  
*“Quai hàm ta đã mới  
Miệng mồm ta đã khô  
Ta không tát vơi nước  
Biển lớn lại đầy tràn.”*

Sau khi thuật xong Bốn sanh con quạ, Đức Thế Tôn gọi chư Tỳ Khuru già đến bảo rằng:

Này các Tỳ Khuru! Sở dĩ các thầy gặp phải khổ này là tại vì khu rừng tham, sân, si. Phải đốn tuyệt khu rừng ấy đi thì các thầy sẽ thoát khỏi khổ.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

283. *“Vanaṃ chindatha mā rukkhaṃ  
Vanato jāyati bhayaṃ*

*Chetvā vanañ ca vanathañ ca  
Nibbanā hotha bhikkhavo .”*

*“Đốn rừng không đốn cây (dục vọng)*

*Từ rừng sinh sợ hãi*

*Đốn rừng và củi gỗ (dục)*

*Tỳ kheo hãy thoát ly.”*

284. *“Yāvaṃ hi vanatho na chijjati*

*Aṇumatto'pi narassa nārisū*

*Patibaddhamano va tāva so*

*Vaccho khīrapako'va mātari .”*

*“Khi nào chưa dứt sạch*

*Dây tình giữa trai gái*

*Tâm ý vẫn buộc ràng*

*Như bò con vú mẹ.”*

(HT Thích Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Nā rukkhaṃ** : Nghe Đức Bốn Sư bảo : Hãy đốn rừng. Những vị mới tu ngỡ rằng: Đức Bốn Sư bảo ta hãy dùng búa, lấy rìu đi đốn rừng, rồi khởi lên ý đốn cây.

Thật ra, Đức Bốn Sư ngụ ý nói đến khu rừng phiền não nhất là tình ái, chứ không ám chỉ các cây, nên nói rằng: “Đừng đốn cây.” .

**Vanato** : Ví như từ khu rừng thông thường hằng có sự sợ hãi do thú dữ trú ẩn như sư tử... Cũng vậy, những sợ hãi khởi lên từ khu rừng dục vọng phiền não, phát sanh bốn sự sợ nhất là sự sợ sanh.

**Vanaṃ hi vanatthañ ca** : Ở đây, những cây to gọi là rừng (vana), những cây mọc sau gọi là củi gỗ. Cũng vậy, những đại phiền não dẫn đi thọ sanh các cảnh giới gọi là rừng, còn các phiền não cho quả dị thực, gọi là củi gỗ. Cả hai thứ này cần nên chặt đứt bằng Bốn Đạo, nên mới có câu: “Đốn rừng và củi gỗ.” .

**Nibbānā hotha** : Hãy dập tắt phiền não.

**Kāvaṃ hi vanatho** : Dầu nhỏ như hạt bụi của các củi gỗ ấy, là dây luyến ái giữa nam và nữ chưa cắt đứt đến chừng nào tâm còn bị dính mắc buộc ràng, như bò con chưa rời vú mẹ.

Cuối thời Pháp, các vị Tỳ Kheu già đấng quả Tu Đà Hườn. Thính chúng cũng được hưởng nhiều lợi ích.



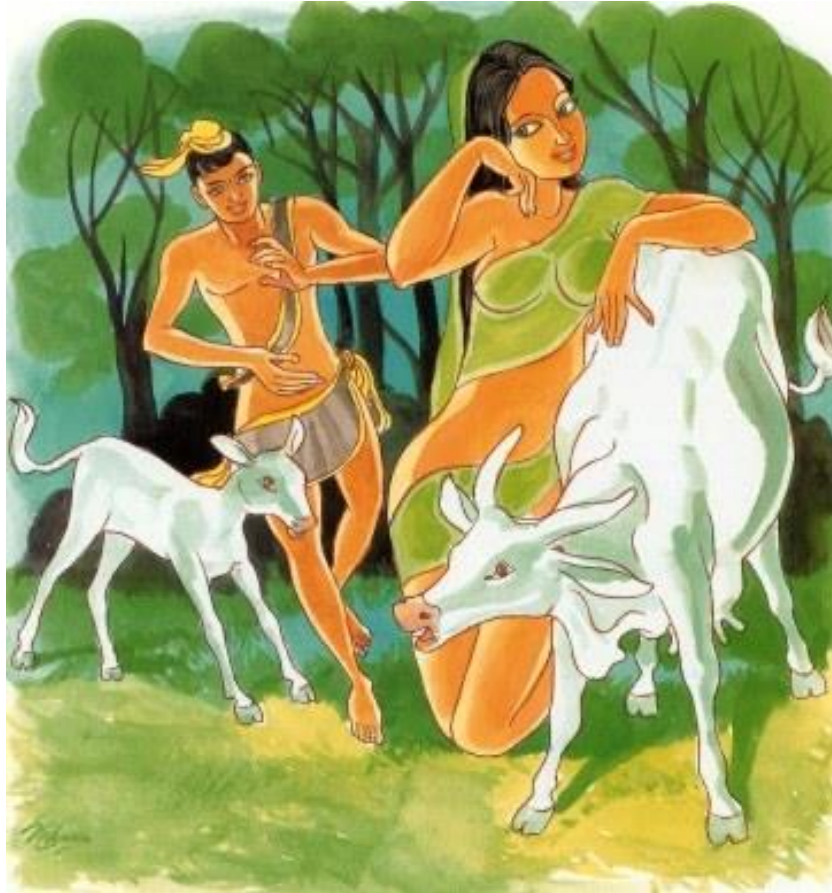
### Dịch Giả Câu Đề

*Bà hộ Tăng nay đã mất rồi  
 Sie già khóc tợ trẻ mồ côi  
 Vắng người dâng phụng đồ ăn uống  
 Thiếu kẻ lau qua chỗ đứng ngồi  
 Khát sữa bò con mơ tưởng vú  
 Thèm cơm quạ trông ước ao mỗi  
 Dây tình trai gái còn miên viễn  
 Biển khổ trầm luân mãi mãi trôi.*

DỨT TÍCH CÁC ĐẠI ĐỨC GIÀ







**284**

## **ĐỆ TỬ ĐẠI ĐỨC SĀRIPUTTA** **(Saṅgīttattherassasaddhivihāri)**

**KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 285)**

*“Ucchinda sineham attano  
Kumudaṃ sāradikaṃ'va pāṇinā  
Santimaggam eva brūhaya  
Nibbānaṃ sugatena desitaṃ.”*

*“Tự cắt dây tình ái  
Như tay bẻ sen thu  
Hãy tu đạo tịch tịnh  
Níp Bàn, Thiện Thế dạy.”*

*(HT Thích Minh Châu)*

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến đệ tử Ngài Sāriputta.

Tương truyền rằng: Một thanh niên con nhà làm nghề thợ bạc, đẹp trai đã xin xuất gia với Đại Đức Sāriputta. Đại Đức nghĩ: “*Các thanh niên thì tình ái rất mạnh.*” Thế rồi, Đại Đức cho đệ tử mình đề mục niệm tử thi (bất tịnh), gõ hầu chống lại tình xuân. Đề mục này không thích hợp với vị đệ tử. Bởi vậy, khi vào rừng hành thiền suốt cả ba tháng, vị này chẳng đạt đến trạng thái định tâm (citta ekaggatā), bèn trở về bạch với Đại Đức. Đại Đức hỏi:

- Này Hiền giả! Hiền giả đã đạt được đề mục chưa?
- Vị trò liền đem chuyện mình bạch lại với thầy. Khi ấy,

Đại Đức nói với đệ tử rằng:

- Hành giả không nên bỏ cuộc, nói rằng: “*Đề mục thiên của ta không thành tựu.*” .

Rồi Đại Đức giảng giải thật kỹ về đề mục Bất tịnh này cho đệ tử. Nhưng lần thứ hai, vị đệ tử cũng không đạt được pháp Thượng nhân nào cả, nên lại trở về bạch với thầy. Lần này Đại Đức Sāriputta cũng vẫn dạy đề mục cũ, dùng nhiều ví dụ để vạch rõ những lý do then chốt. Rốt cuộc lại cũng chẳng có kết quả chi.

Đại Đức nghĩ thầm: “*Vị Tỳ Khưu đang hành đạo, nếu trong tâm có phiền não dục vọng thì biết rằng có, không có thì biết rằng là không có. Tỳ Khưu này hành đạo tinh tấn, không phải là không tinh tấn. Đi trên chánh lộ chứ không phải tà lộ, trịch ngoại tà lộ. Chắc có lẽ người này có duyên được Đức Thế Tôn chuyển hóa.*” . Vào xế chiều, Đại Đức dắt vị đệ tử đến yết kiến Đức Bốn Sư và tường trình hết mọi việc, nói rằng:

- Bạch Ngài! Đây là vị Tỳ Khưu đệ tử của con. Do đó con đã truyền dạy vị ấy đề mục quán bất tịnh.

- Này Sāriputta! Tuệ hiểu biết rõ những khuynh hướng và tùy miên phiền não của chúng sanh chỉ có nơi Đấng Chánh Đẳng Giác, là bậc đã viên mãn Pháp Độ, chúng đắc Toàn Giác quả khiến cho mười ngàn thế giới hoan hô vang dội.

Đức Thế Tôn quán xét nội tâm của vị Tỳ Khưu trẻ rằng: “*Tỳ Khưu này từ gia tộc nào xuất gia?*” . Khi biết vị này từ gia đình thợ bạc đi xuất gia, Đức Thế Tôn tiếp tục quán tiền kiếp của vị ấy, thấy được rằng: “*Vị này đã tái sanh trong gia đình thợ bạc 500 kiếp liên tục rồi.*” .

Đức Bốn Sư suy nghĩ rằng: “*Tỳ Khưu này đã từng*

*sống trong gia đình thợ bạc 500 kiếp, đã nhiều lần nói: “Ta sẽ làm ra những cánh hoa Kannikā (bông đeo tai), những đóa hoa sen...”* và quanh quẩn chi tiếp xúc với chất vàng ròng mà thôi. Những đề mục bất mỹ, như thể trước không thích hợp với Tỳ Khưu này. Nên cho Tỳ Khưu ấy niệm những đề mục khả ái hơn. Đức Bốn Sư bảo rằng:

- Này Sāriputta! Đề mục của người khiến Tỳ Khưu này mệt mỏi, dụng công trong bốn tháng mà chẳng có kết quả chi. Hôm nay, sau bữa thọ trai ngày mai đệ tử thầy sẽ chúng A La Hán. Thôi thầy hãy về đi.

Đại Đức Sāriputta ra về. Vào sáng hôm sau, Đức Thế Tôn dùng thần thông tạo ra một đóa hoa sen vàng lớn như bánh xe bò, khiến cho những cánh hoa và cuống sen có vẻ như có nước nhiều ra từng giọt và dẫn người đệ tử ấy ra bờ hồ, trao đóa sen ấy cho thầy, bảo rằng:

- Này Tỳ Khưu! Hãy cầm lấy đóa sen này đi đến tận ranh chùa và đặt nó lên một đồng cát. Ngồi kiết già, lưng thẳng trước cánh hoa sen, khởi niệm đề mục “*Lohitakaṃ! Lohitakaṃ!*” (Đỏ! Đỏ!).

Cầm lấy cánh hoa sen từ tay Đức Phật trao cho, thầy Tỳ Khưu trẻ bỗng phát sanh tâm tịnh tín. Thầy ra tận ranh chùa, vun cát thành đồng rồi cắm cuống sen lên đó, ngồi kiết già đối diện với cánh hoa sen, niệm đề mục “*Lohitakaṃ! Lohitakaṃ!*”.

Ngay khi đó, năm pháp cái (Nīvaraṇa) đều bị vệt ra và Cận định (upacārajhāna) sanh lên. Không gián đoạn, vị Tỳ Khưu liền nhập Sơ Định, xuất Sơ Thiền, đi kinh hành cho đến khi thuần thục năm pháp Vasī, rồi lại ngồi hành đạo chứng đắc Nhị Thiền, rồi Tam Thiền. Sau khi thuần thục trong Tứ Thiền, vị ấy tâm thỏa thích với thú vui Thiên định (jhānakitamkilanto nisīdi).



Đức Bốn Sư biết vị Tỳ Khuu trẻ đắc các tầng thiên rồi, nhưng Ngài quán xét thêm rằng: “*Tỳ Khuu này có thể tự lực phát triển Quán minh để chứng đạt đạo quả cao siêu chăng?*”. Khi Ngài thấy rằng: “*Không thể được.*”. Ngài liền khiến cho cánh hoa sen từ từ héo úa, trở thành đen giống như bị vò nát trong hai bàn tay vậy.

Vị Tỳ Khuu trẻ xuất thiên, nhìn thấy đóa hoa sen hiện rõ tướng vô thường như vậy, tự nghĩ rằng: “*Đóa sen này sao lại lộ vẻ như là bị già nua đánh đập vậy? Rất đối những vật không có sự bám víu vào thế gian (anupādinna) mà còn phải già nua như vậy huống chi những chúng sanh có sự bám víu vào thế gian sẽ bị già nua thẳng phục.*”. Đồng thời với sự thấy rõ Vô thường tướng (Aniccālakkaṇa), hành giả cũng thấy khổ não tướng (dukkhālakkaṇa) và phi ngã tướng (anattālakkaṇa). Bấy giờ ba tướng hiện lên giống như đang thiêu đốt cả Tam giới và ghê tởm như xác chết buộc vào cổ vậy.

Ngày lúc ấy, cách vị Tỳ Khuu trẻ không xa, một đứa con trai lội xuống ao, hái những cánh hoa sen trắng chất đống trên bờ. Vị Tỳ Khuu ngắm những đóa Bạch liên dưới nước và trên bờ, thì thấy những cánh dưới nước có vẻ tuyệt đẹp giống như chúng đang vươn lên đầm nước mát, còn những cánh sen nằm trên bờ thì dần héo tàn.

Vị ấy tự nghĩ: “*Với những vật không có thủ hữu mà sự già nua còn đánh đập như thế, huống hồ gì những vật có thủ hữu nó lại không buông tha (không đánh những chúng sanh bám víu vào thế gian) hay sao?*”

Càng suy xét, vị ấy càng thấy rõ bản chất các tướng vô thường, khổ não và phi ngã hơn bao giờ hết. Đức Bốn Sư biết rõ rằng: “*Bây giờ, những đê mục của Tỳ Khuu này được thấu triệt đến nguồn cội.*”. Ngồi trong hương thất,

Ngài phóng hào quang đến ngay trước mặt vị Tỳ Khuu trẻ. Vị ấy suy nghĩ: “*Cái chi thế?*”. Ngước mắt nhìn lên thấy hình ảnh Đức Thế Tôn, vị ấy đứng dậy đánh lễ Ngài. Khi ấy Đức Thế Tôn suy xét đến pháp tánh thích hợp cho vị ấy rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Ucchinda sineham attano	“ <i>Tự cắt dây tình ái</i>
Kumudaṃ sārādikaṃ'va pāṇinā	<i>Như tay bẻ sen thu</i>
Santimaggam eva brūhaya	<i>Hãy tu đạo tịch tịnh</i>
Nibbānaṃ sugatena desitaṃ.”	<i>Níp Bàn, Thiện Thệ dạy.</i> ”

(HT Thích Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Ucchinda** : Cắt đứt bằng A La Hán đạo.

**Sārādikaṃ** : Mọc trong mùa thu.

**Santimaggam** : Bát Chánh Đạo, đường đến Níp Bàn.

**Brūhaya** : Phát triển gia tăng.

**Nibbānaṃ** : Níp Bàn, Đức Thiện Thệ đã thuyết giảng rồi, bởi vậy hãy tu theo Đạo của Ngài.

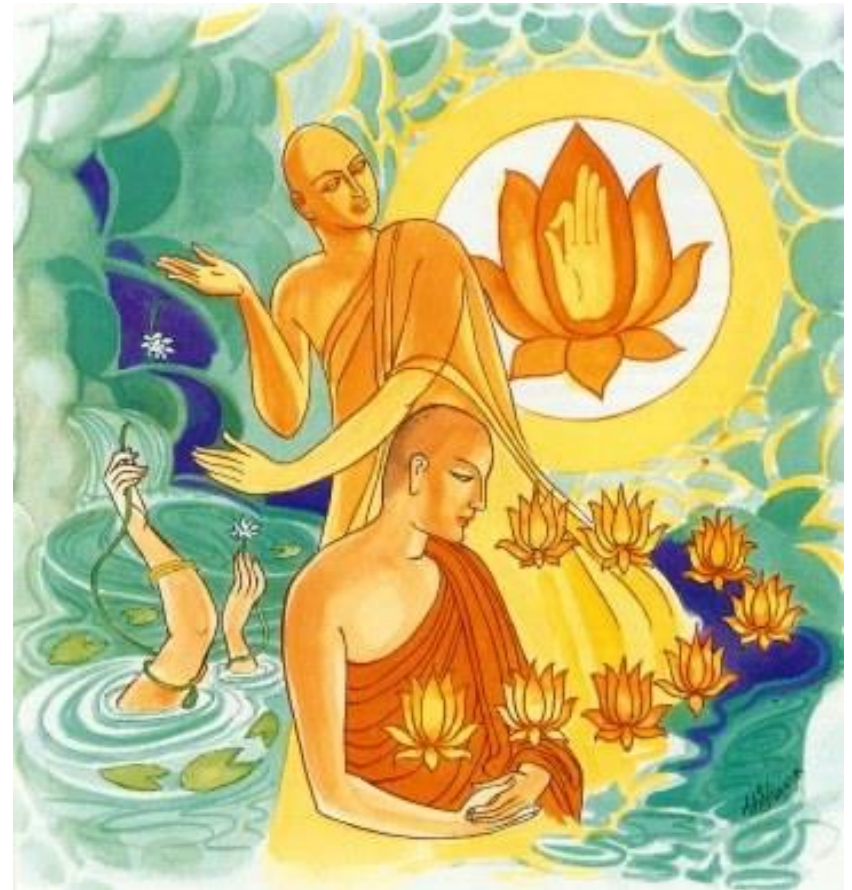
Cuối thời Pháp, vị Tỳ Khuu chứng đắc A La Hán Quả.



### Dịch Giả Cầu Đề

*Bốn tháng nguyên đề niệm chẳng thông  
 Đói đề, một ngộ đã nên công  
 Truy ra chỉ tại năm trăm kiếp  
 Thợ bạc ưa vàng, thích chạm bông  
 Tuy nhiên vạn vật thầy vô thường  
 Sắc đẹp khi già hết chỗ nương  
 Tình ái như sen thu sắp úa  
 Đoạn tình, mới dứt được sầu vương.*

DỨT TÍCH ĐỆ TỬ ĐẠI ĐỨC SĀRIPUTTA



PC.285

## ĐẠI PHÚ THƯƠNG (*Mahādhana vāṇja*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 286)

*“Idha vassaṃ vasissāmi      Mùa mưa ta ở đây  
Idha hemantagimhisu      Đông, Hạ cũng ở đây  
Iti bālo visinteti          Người ngu tâm tưởng vậy  
Antarāyaṃ na bujjhati .”      Không tự giác hiểm nguy.”*

*(HT Thích Minh Châu)*

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết tại Jetavana, để cập đến ông phú thương Mahādhana.

Tương truyền rằng: Đại phú thương này cho chất đầy 500 cỗ xe bò vật dụng như vải nhuộm vàng, đồ... từ thành Bārāṇamī đi buôn bán. Trên đường trở về thành Sāvattthī, khi đi đến bờ sông, ông nghĩ thầm: “Ngày mai ta sẽ sang sông.” Ông cho mở bò, dùng xe tại nơi ấy. Ban đêm trời bỗng nổi giông to bão lớn suốt cả bảy ngày, nước sông dâng cao. Dân chúng trong thành mở lễ hội vui chơi, thế là số vải đỏ, vàng không có dịp bày ra bán. Ông lái buôn thầm nghĩ: “Ta từ phương xa đến đây, nếu trở về thì phí mất nhiều ngày. Chi bằng ta hãy lưu lại nơi này cả mùa mưa, mùa lạnh và mùa nóng. Vừa làm công việc của ta, vừa bán các hàng vải này.”

Đức Bốn Sư đang đi khất thực trong thành Sāvattthī, biết được tâm của người thương buôn nên Ngài mỉm cười. Đại Đức Ānanda thấy lạ liền bạch hỏi Ngài về lý do sự mỉm cười. Ngài hỏi rằng:

- Này Ānanda! Thầy có thấy người thương buôn này chẳng?

- Bạch Ngài! Có.

- Vì không biết có sự tai hại đến sinh mạng của mình, nên ông ta quyết định ở lại nơi này trọn năm để bán hàng hóa.

- Bạch Ngài! Ông ta gặp tai nạn gì?

- Phải! Này Ānanda! Ông ta chỉ còn sống được bảy ngày nữa thôi, rồi ông ta sẽ rơi vào bụng cá.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn rằng:

*“Ajjeva kiccaṃ ātappaṃ  
Kojaññā maranaṃ suve  
Nahino savigarantena  
Mahāsenena maccunā  
Taṃ ve bhaddekarattoti  
Santo ācikkhate munīti .”*

*(Hãy gấp rút làm việc phải làm trong ngày hôm nay. Ai đâu biết ngày mai tử thân có thể đến. Vì chúng ta chưa chiến đấu với Tử thân và đội hùng binh của nó?*

*Hạnh phúc thay! Người hằng tinh cần ngày đêm như vậy không biết mệt mỏi. Dầu người chỉ sống một đêm thôi. Bậc Tịnh giả đã tuyên bố như thế.)*

- Bạch Ngài! Xin Ngài cho phép con báo cho ông ta biết.

- Lành thay! Này Ānanda! Thầy cứ đi tự do.

Đại Đức đi đến vòng rào xe bò và trì bình nơi ấy, người lái buôn cúng dường vật thực đến Đại Đức. Đại Đức

hỏi ông ta rằng:

- Ông còn định ở đây bao lâu nữa?

- Bạch Ngài! Con từ phương xa đến, nếu con quay về thì phí thời giờ, bất tiện lắm. Con sẽ lưu lại đây trọn năm nay và chừng nào con bán hết hàng hóa rồi con mới ra đi.

- Này thiện nam, cho dầu là phút lâm chung cũng khó biết được. Ông nên tinh cần mới được.

- Bạch Ngài! Chắc là có tai nạn gì cho con chăng?

- Phải, này thiện nam, ông chỉ còn sống thêm bảy ngày nữa mà thôi.

Sanh tâm kinh cảm, ông lái buôn cung thỉnh Tỳ Kheo có Đức Phật là vị Thượng Thủ đến thọ trai thực suốt cả bảy ngày liền, rồi rước bát Đức Thế Tôn, thỉnh cầu Ngài ban phúc. Ngài tùy hỷ bằng những lời rằng:

Này cận sự nam! Bậc hiền trí không bao giờ nghĩ rằng: Ta sẽ ở đây trọn cả mùa mưa, mùa lạnh và mùa nóng. Ta sẽ làm công việc này, công việc kia. Trái lại, vị ấy hằng quán tưởng rằng: “Phút lâm chung của mình”. Rồi Đức Thế Tôn ngâm kệ ngôn rằng:

“Idha vassaṃ vasissāmi	Mùa mưa ta ở đây
Idha hemantagimhisu	Đông, Hạ cũng ở đây
Iti bālo visinteti	Người ngu tâm tưởng vậy
Antarāyaṃ na bujjhati .”	Không tự giác hiểm nguy.”

(HT Thích Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Idha vassaṃ** : Trong chỗ này ta sẽ kết hạ an cư trong bốn tháng, vừa làm việc này vừa làm việc nọ.

**Hemantagimhisu** : Trong bốn tháng lạnh và bốn tháng nóng, ta sẽ ở đây làm việc này, việc nọ. Kẻ ngu cứ nghĩ như vậy, chớ không hiểu biết sự lợi ích hiện tại và vị lai.

**Antarāya** : Không biết trước giờ lâm chung của mình. Như ta sẽ chết tại một địa điểm nào, vào thời nào, ở xứ nào, chừng tuổi nào...

Cuối thời Pháp, lái buôn chúng đặc quả Tu Đà Hườn. Thỉnh chúng câu hội hưởng được sự lợi ích của thời Pháp.

Thương nhân theo tiền chân Đức Phật, khi quay trở lại, ông kêu:

- Tôi nhưc đầu quá. Rồi ông lên giường nằm và mệnh chung, tái sanh về cõi Tusitā.



### **Dịch Giả Cầu Đề**

*Điều cần hãy gấp rút làm đi*

*Chớ để dầy dưa trễ hạn kỳ*

*Ai chắc ngày mai ta vẫn sống*

*Hay là chết đọa xuống A Ty*

*Phú thương định ở trọn năm nay*

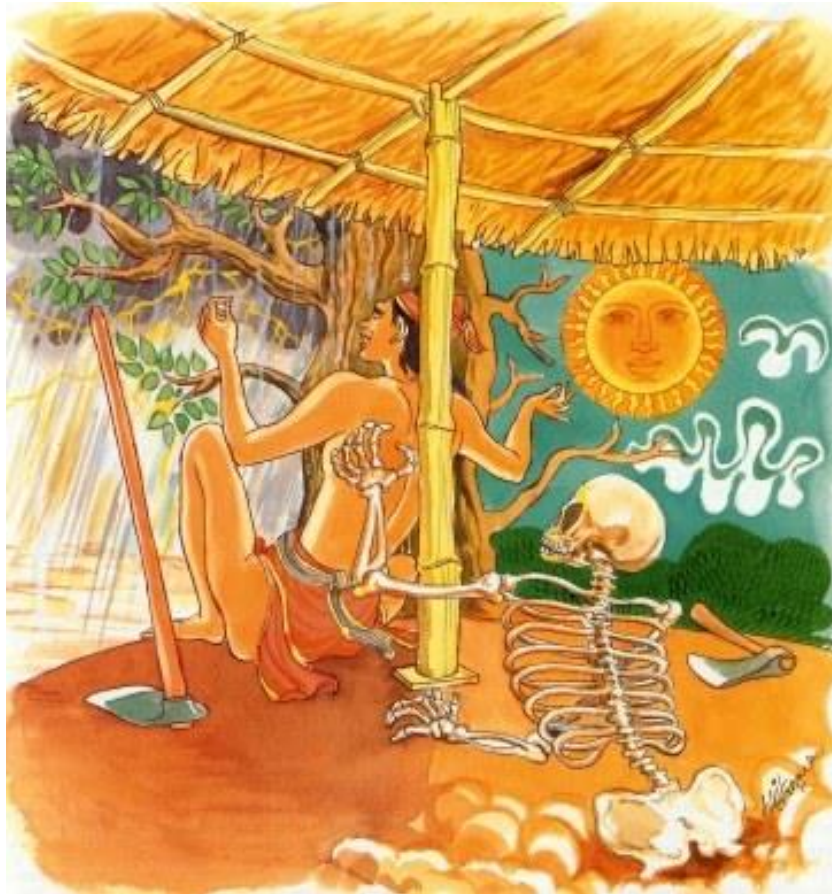
*Khi biết mình còn sống bảy ngày*

*Lật đặt cúng dường luôn một thát*

*Vãng sanh Dầu Suất cũng là may*

**DỨT TÍCH ĐẠI PHÚ THƯƠNG**





## NÀNG KISĀ GOTAMĪ (*Kisāgotamī*)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 287)

***“Tañ puttapasusammattañ “Tâm này còn bị đắm say  
Byāsattamanasañ narañ Con cái và súc vật  
Suttañ gāmañ mahogho’va Bị tử thần bắt đi  
Maccu ācāya gacchati .” Như nước trôi làng ngủ.”***

(HT Thích Minh Châu)

Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết khi ngự tại Jetavana, đề cập đến nàng Kisā Gotamī.

Sự tích nàng Kisā Gotamī nằm trong phẩm NGÀN và được nói rõ trong kệ ngôn 114.

Lúc bấy giờ Đức Bốn Sư hỏi:

- Này Kisā Gotamī! Con đã kiếm được một nhúm hạt cải chưa?

- Bạch Ngài! Con kiếm không được. Khắp cả làng số người chết nhiều hơn cả số người sống.

Nhân đó, Đức Bốn Sư dạy rằng:

- Con trai ta đã chết. Thật unction công vô ích. Đó là định luật tự nhiên đối với tất cả chúng sanh. Tử thần như luồng nước lũ cuốn tất cả chúng sanh chìm đắm xuống biển khổ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

***“Tañ puttapasusammattañ “Tâm này còn bị đắm say***

Byāsattamanasaṃ naraṃ      *Con cái và súc vật*  
 Suttaṃ gāmaṃ mahogho'va      *Bị tử thân bắt đi*  
 Maccu ācāya gacchati .”      *Như nước trôi làng ngủ.”*

(HT Thích Minh Châu)



### CHÚ GIẢI:

**Taṃ puttapaśusammattaṃ** : Người nào có con cái và súc vật, đầy đủ các hạnh phúc như sức khỏe, sống lâu... hằng tự hào rằng: Những con trai ta tuần tú không ngô, đầy đủ sức mạnh, là bậc hiền trí có khả năng làm đủ mọi công việc. Bò đực của ta hình dáng xinh đẹp, vô bệnh, có sức khỏe kéo xe nặng, bò cái của ta có nhiều sữa... Người đó là người còn say đắm con cái và súc vật vậy.

**Byāsattamanasaṃ** : Trong những tài vật như là bạc, vàng hoặc là bát y chẳng hạn. Nếu được chút ít chi, từ đó người ta lại mong ước và tâm bị dính mắc vào sự cao xa hơn nữa. Trong những đối tượng có thể nhận thức bằng nhãn quan... đã kể trên hoặc những nhu cầu phụ thuộc kiếm được món nào rồi là tâm bị dính mắc vào món đồ đó ngay, nên nói là tâm còn bị đắm say.

**Suttaṃ gāmaṃ** : Làng ngủ. Đây là chỉ những chúng sanh còn đang ngủ trong làng đó.

**Mahoghova** : Ví như nguyên cả làng như vậy, mà dòng nước lũ sâu rộng mênh mông cũng lôi đi tất cả, đâu một con chó cũng không sót lại. Như thế nào, thì Tử thân cũng lôi cuốn con người ra đi như thế ấy.

Cuối thời Pháp, nàng Kisā Gotamī đặc quả Tu Đà

Hườn. Kỳ dư thính chúng đều hưởng lợi ích.



### **Dịch Giả Cầu Đề**

*Chết đứa con so, dạ mẹ sầu,  
 Tưởng rằng: trẻ chết chẳng bao lâu.  
 Bàn tay cầu tử còn mong ước,  
 Hột cải hoàn sinh hết vọng cầu...  
 Thấy lẽ vô thường mau tỉnh giác,  
 Gặp đường diệt khổ nhẹ lo âu.  
 Kiền duyên Phật độ Kiền Đàm óm,  
 Nghe pháp vùa xong đặc quả đầu.*

DỨT TÍCH NÀNG KISĀ GOTAMĪ







287

## NÀNG PĀTĀCĀRĀ (Paṭācārā)

### KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 288-289)

288. “*Na santi puttā tñāya  
Na pitā na'pi bandhavā  
Antakenādhpannassa  
Natthi ñāṭisu tñatā .*”

“*Một khi từ thân đến  
Không có con che chở  
Không cha không bà con  
Không thân thích che chở.*”

289. “*Etam atthavaṣaṃ ñatvā  
Paṇḍito sīlasaṃvuto  
Nibbānagamaṃ maggaṃ  
Khippaṃ'eva visodhaye .*”

“*Biết rõ lý lẽ trên  
Kẻ trí siêng trì giới  
Thấu triệt đường Níp Bàn  
Sớm chứng thanh tịnh đạo.*”

(HT Thích Minh Châu)

Pháp Cú này, Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nàng Patācārā.

Sự tích nàng Patācārā cũng nằm trong phẩm NGÀN, được thuyết giảng đầy đủ ở kệ ngôn 113.

Lúc bấy giờ, Đức Bốn Sư biết rằng nàng Patācārā đã vơi bớt sâu khổ, nên dạy nàng rằng:

- Nay Patācārā! Khi con người sang thế giới khác, thì vợ chồng, con cái, cha mẹ, anh em chi cũng không thể làm chỗ nương nhờ, chỗ trú ẩn, chỗ an toàn cho mình được cả. Bởi vậy, dầu cho có họ cũng như không mà thôi. Ai là bậc hiền trí thì phải lo giữ giới cho trong sạch và phải quét sạch con đường đi đến Níp Bàn.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

288. “Na santi puttā tñāyā      *“Một khi từ thân đến*  
Na pitā na'pi bandhavā      *Không có con che chở*  
Antakenādhīpannassa      *Không cha không bà con*  
Natthi ñāṭṭisū tñāṭā .”      *Không thân thích che chở.”*

289. “Etaṃ atthavaṣaṃ ñātvā      *“Biết rõ lý lẽ trên*  
Paṇḍito silasaṃvuto      *Kẻ trí siêng trì giới*  
Nibbānagamaṇaṃ maggaṃ      *Thấu triệt đường Níp Bàn*  
Khippaṃ'eva visodhaye .”      *Sớm chứng thanh tịnh đạo.”*

(HT Thích Minh Châu)



### **CHÚ GIẢI:**

**Pāṇāya** : Để che chở giúp đỡ cho mình.

**Bandhavā** : Ngoài con cái và cha mẹ ra, còn những thân bằng quyến thuộc.

**Antakenā'dhīpannassa** : Bị Từ thân thẳng phục. Quả nhiên, dầu cho tất cả thân nhân, nhất là con cái bao vây, chăm lo cúng dường cơm nước, thuốc men... và làm hết mọi công việc để giúp đỡ, che chở, như tới giờ phút

lâm chung thì phương tiện nào cũng không thể dùng để tránh cái chết được cả. Do nơi không có sự giúp đỡ, chớ che lên nhau vì đó là việc vô ích. Bậc hiền trí ráng lo thu thúc thọ trì, gìn giữ Tứ thanh tịnh Giới và tiếp theo đó cấp tốc quét sạch phiền não theo đường Bát Chánh Đạo, là con đường đi đến Níp Bàn.

Cuối thời Pháp, nàng Patācārā đắc quả Tu Đà Hườn. Ngoài ra còn nhiều người khác cũng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



### **Dịch Giả Cầu Đề**

*Chồng con, em út, mẹ cùng cha*  
*Một lúc trùng tang hết cả nhà*  
*Mệnh bạc, nóng lòng như lửa đốt*  
*Má hồng, đổ lệ tựa mưa nhòn*  
*Thất tình, tuột áo, quên mình khóc*  
*Loạn trí, đi đường, chọc chúng la...*  
*Tình ngộ liền đắc Sơ Thánh Quả*  
*Nội gương Từ Phụ đáp cả sa...*

DỨT TÍCH NÀNG PATĀCĀRĀ



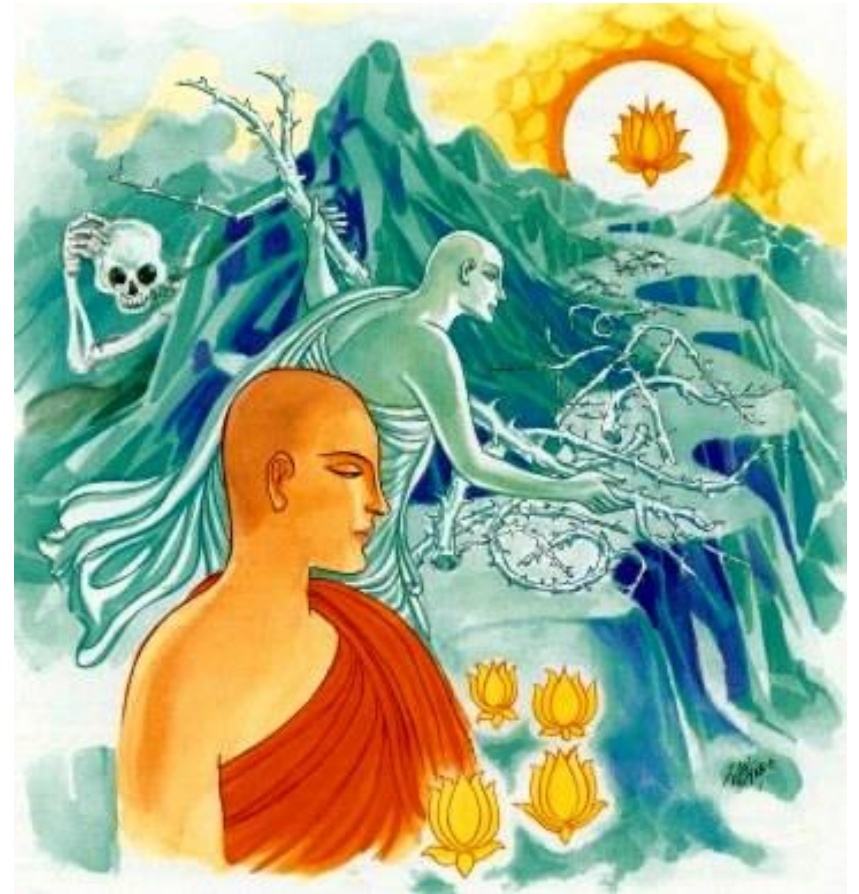
**DỨT PHẨM ĐẠO – MAGGA VAGGA**

**DỨT PHẨM 20**





288



289

*Chú giải Kinh Pháp Cú*  
(DHAMMAPADA-AṬṬHAKATHĀ)  
QUYỂN 4  
Trưởng lão PHÁP MINH dịch

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**  
Phường Yên Hòa- Quận Cầu Giấy-Hà Nội  
ĐT: 0437822845

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
**NGUYỄN CÔNG OÁNH**

Biên tập : Đỗ Thị Quỳnh  
Sửa bản in : Phước Tâm  
Trình bày : Huyền Thanh  
Bìa : Tú Anh

---

In lần thứ 1. Số lượng: 1.000 cuốn. Khổ 14cm × 20cm.  
In tại Nhà In Nguyễn Minh Hoàng, TP. Hồ Chí Minh. Giấy  
phép số: **-2012/CXB//TG**. In xong nộp lưu chiểu Quý IV-  
2012.

